

Cuộc Đời Đức Phật

Tịnh Minh

---o0o---

Nguồn

<http://www.tuvienquangduc.com.au/>

Chuyển sang ebook 08-07-2015

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao_ksd@yahoo.com.vn

Tuyết Nhung - tuyetnhungbc1617@yahoo.com.vn

Dũng Trần - dungxtr2004@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

LỜI TỰA

LỜI NÓI ĐẦU

PHẦN MỘT

I- VUA TỊNH-PHẠN VÀ HOÀNG HẬU MA-DA

II- MA-DA NĂM MỘNG

III- TẮT-ĐẠT-ĐA RA ĐỜI

IV- LỜI TIÊN TRI CỦA A-TU-ĐÀ

V- TẮT-ĐẠT-ĐA TẠI ĐỀN THẦN

VI- TẮT-ĐẠT-ĐA THIỀN ĐỊNH LẦN ĐẦU

VII- HÔN LỄ CỦA TẮT-ĐẠT-ĐA

VIII- TẮT-ĐẠT-ĐA SỐNG ĐỜI KHOÁI LẠC

IX- BA LẦN CHỨNG KIẾN

X- DA-DU NĂM MỘNG

XI - TẮT-ĐẠT-ĐA KHAO KHÁT VỀ NHỮNG SỰ THẬT CAO QUÍ

XII- TẮT-ĐẠT-ĐA GIẢ TỬ CUNG ĐIỆN CỦA PHỤ VƯƠNG

XIII- ẮN SĨ TẮT-ĐẠT-ĐA

XIV- NỖI ĐAU BUỒN CỦA DA-DU VÀ VUA TỊNH-PHẠN

XV- GIÁO THUYẾT CỦA ĐẠO SĨ A-LA-LAM

XVI- TẮT-ĐẠT-ĐA VÀ VUA TẦN-BÀ-SA-LA

XVII- CÁC ĐỆ TỬ ĐẦU TIÊN TỪ BỎ TẮT-ĐẠT-ĐA

XVIII- TẮT-ĐẠT-ĐA DƯỚI CÂY ĐẠI GIÁC

XIX- CẢNH THẤT BẠI CỦA MA-VƯƠNG

XX- TẮT-ĐẠT-ĐA THÀNH PHẬT

PHẦN HAI

- I- ĐỀ-LÊ-PHÚ-BÀ VÀ BẠT-LÊ-CA
- II- PHẬT CHUẨN BỊ THUYẾT PHÁP
- III- PHẬT ĐẾN BA-LA-NẠI
- IV- PHẬT GẶP LẠI CÁC ĐỆ TỬ TRƯỚC KIA
- V- TRUYỆN ẨM SĨ VÀ THỎ RỪNG
- VI- TRUYỆN BÁCH-MA-CA
- VII- PHẬT TẠI RỪNG TRÚC-LÂM
- VIII- XÁ-LỢI-PHẬT VÀ MỤC-KIỀM-LIÊN
- IX- PHẬT HÓA GIẢI CÁC CUỘC XUNG ĐỘT CỦA DÂN THÀNH VƯƠNG-XÁ
- X- TỊNH-PHẠN PHÁI SỨ THẦN ĐẾN GẶP CON MÌNH
- XI- TRUYỆN CÒ VÀ CÁ
- XII- TRUYỆN VÍT-VAN-TA-RA
- XIII- TRUYỆN ĐẠT-MA-BA-LA
- XIV- ĐỨC HẠNH CAO QUÍ CỦA DA-DU
- XV- NAN-ĐÀ KHƯỚC TỪ VƯƠNG VỊ
- XVI- PHẬT RỜI THÀNH CA-TỶ-LA-VÊ
- XVII- CẤP-CÔ-ĐỘC CÚNG DƯỜNG
- XVIII- NHỮNG MÔN ĐỆ MỚI
- XIX- TÍNH KIÊU MẠN CỦA NAN-ĐÀ
- XX- VUA TỊNH PHẠN THẮNG HÀ

PHẦN BA

- I- MA-HA BA-XÀ-BA-ĐỀ ĐƯỢC VÀO GIÁO HỘI
- II- PHẬT ĐIỂM MẶT BỌN GIẢ DỐI
- III- KIỀU NỮ XU-BỜ-RA-BA
- IV- CÔNG CHÚA VI-RU-BA
- V- QUỈ KẾ CỦA CHIẾN-GIÀ
- VI- PHẬT THUẦN PHỤC TRÂU ĐIÊN
- VII- SỰ RẠN NỨT GIỮA TẶNG ĐOÀN
- VIII- VŨ NỮ CU-VA-LA-ĐA
- IX- PHẬT ĐỘ HUNG THẦN A-LA-VA-CA
- X- ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA BỊ TRỤC XUẤT KHỎI GIÁO HỘI
- XI- MƯU ĐỒ CỦA A-XÀ-THẾ
- XII- CÁI CHẾT CỦA ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA
- XIII- BA-TƯ-NẶC VÀ A-XÀ-THẾ
- XIV- PHẬT TRUYỆN GIÁO PHÁP
- XV- ĐỨC PHẬT VÀ GÃ MỤC ĐỒNG
- XVI- PHẬT DẠY CÁC THẦY TỶ KHEO Ở TỶ-XÁ-LI
- XVII- BỮA NGỌ TRAI TẠI NHÀ THUẦN-ĐÀ
- XVIII- PHẬT NHẬP NIẾT-BÀN

---o0o---

LỜI TỰA

CUỘC ĐỜI ĐỨC PHẬT đây không phải là một tác phẩm hư cấu, và tôi nghĩ tốt hơn là nên đề cập đến những cuốn sách mà xưa nay tôi thường tham khảo nhất.

Tôi đã phần lớn dựa vào tác phẩm **LALITA VISTARA**. Đó là một tuyển tập ghi chép lộn xộn về những truyền thuyết và những thiên khảo luận có tính cách kinh viện; tuy nhiên, nhiều truyền thuyết quý báu nói về nguồn gốc, về tuổi thơ và tuổi xuân của Phật vẫn được duy trì trong những trang sách này, và ở đây, cũng vậy, chúng ta còn biết thêm về việc giáo dục và những việc hành xử ban đầu của Ngài.

Tôi cũng đã phần lớn sử dụng thi phẩm trác tuyệt **BUDDHACARITA** của Asvaghosa, ở một vài chương tôi đã trích lại hầu như nguyên văn từng dòng từng chữ. Thi phẩm **BUDDHACARITA** do E. B. Cowell xuất bản.

Về **CUỘC ĐỜI ĐỨC PHẬT**, tôi đã ghi thêm vài truyện bốn sanh (Jatakas). Đây là những truyện mà Phật nhớ lại những tiền kiếp xa xưa của Ngài. Một số truyện như thế cũng sẽ được tìm thấy trong tuyển tập bao quát **AVADANASATAKA**.

Hai tác phẩm hiện nay: cuốn **Đức Phật (LE BOUDDHA)** của H. Oldenberg, do A. Fourcher dịch, và cuốn **Lịch Sử Phật Giáo Ấn Độ (HISTOIRE DU BOUDDHISME DANS L'INDE)** của H. Kern, do Gédéon Huet dịch, cũng như những khảo luận khác được đăng tải trong các tạp chí khoa học đã giúp ích cho tôi rất nhiều. Vì thế, khi động đến truyện Visvantara, tôi lại nhớ đến bài Sogdian của R. Gauthiot được đăng trong tạp chí Á Châu (**JOURNAL ASIATIQUE**).

Cuối cùng, tôi thật là đặc tội vong ân bội nghĩa sâu dày nếu tôi không bày tỏ lòng biết ơn anh bạn cố tri Sylvain Lévi của tôi, người đã rộng lượng và đã tận tình khích lệ tôi rất nhiều.

Ước mong độc giả sẽ cảm thấy thích thú khi đọc tự truyện tuyệt diệu về hoàng tử Tất Đạt Đa, người, qua thiên định, có thể đạt đến trí tuệ tối thượng này.

A. F. HEROLD

---o0o---

LỜI NÓI ĐẦU

Phật tử chúng ta xưa nay thường học hỏi tu tập theo giáo pháp của Đức Thích-Ca Mâu-Ni nhưng hình như ít khi tìm hiểu cặn kẽ về quá trình tu chứng và giáo hóa của Ngài, phần lớn là vì thiếu tài liệu. Các nhà luận sư học giả hầu như chỉ chú trọng đến việc nghiên cứu và triển khai hệ thống giáo điển chứ ít khi trình bày đầy đủ cuộc đời vị tha vô ngã mà Ngài đã hiến trọn cho nhân thế. Họ thường tóm lược phần tiểu sử Ngài đại khái như:

Đức Phật Thích-Ca tên thật là Tất-đạt-đa, con vua Tịnh-Phan và hoàng hậu Ma-da, sinh ngày trăng tròn tháng vợ xấu, tức tháng 5 trước tây lịch 623 năm, tại vườn Lâm-tỳ-ni, xứ Ca-tỳ-la-vệ, thuộc miền bắc Ấn Độ. Năm 16 tuổi, Ngài kết hôn với công chúa Da-du-đà-La và sinh được một trai đặt tên là La-hâu-La. Năm 29 tuổi, sau 3 lần du ngoạn ngoài thành, chứng kiến cảnh sanh già bệnh chết, Ngài quyết định từ bỏ hoàng cung, vào núi Hy-mã-lạp-son tu tập. Suốt 6 năm dài tu hành khổ hạnh, Ngài chứng đắc vô thượng bồ đề, tức thành Phật. Sau đó Ngài hóa độ chúng sanh rông rãi trong 45 năm, cuối cùng Ngài đến xứ Câu-thi-na và nhập niết bàn tại đó. Ngài thọ 80 tuổi.

Tác phẩm CUỘC ĐỜI ĐỨC PHẬT đây được diễn đạt tương đối đầy đủ, mạch lạc, khúc chiết và đặc biệt là được trình bày dưới dạng truyện dài gồm 3 phần và 58 hồi. Độc giả nhờ thế có thể dễ dàng tìm hiểu nguồn gốc gia đình, nguyên nhân xuất gia, quá trình tu chứng và cuộc đời hóa độ chúng sanh cao quý kỳ diệu của Ngài. Ngài ra đời giữa hoa lá, lớn lên trên nhung lụa, tu hành trong núi rừng, chứng đạo dưới gốc cây, hoằng hóa từ vườn này đến đồi nọ, và rồi cuối cùng, giữa hai cây tha-la, Ngài nhập Niết bàn. Cuộc đời của Ngài là kết tinh của một quá trình thơ mộng và phấn đấu không ngừng cho hạnh nguyện tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn. Ngài dung nhiếp và cứu độ tất cả các loài hữu tình. Ngài dang tay đón nhận tất cả những tâm hồn đau thương khốn nạn. Ngài yêu quý sự sống. Ngài ca ngợi sự sống. Chính vì trái tim từ ái, bao dung, vị tha và bình đẳng của Ngài mà chế

độ phân chia giai cấp của xã hội Ấn Độ bấy giờ bị phá vỡ. Uy đức của Ngài như thế nhưng quý vị cũng sẽ thấy nghịch cảnh rợn người trên bước đường tu chứng và vân du hành hóa của Ngài. Ngài nhẫn nhục, chịu đựng và hóa giải tất cả. Đọc CUỘC ĐỜI ĐỨC PHẬT chúng ta sẽ thấy lòng dạ của chúng sanh được phơi bày ra nhiều màu nhiều vẻ: cao thượng-đê hèn, nhân từ-độc ác, chân chính-hư vọng, thật thà-man trá..., tất cả đều có đủ trong một con người muôn thuở.

Mục tiêu hóa độ của Đức Phật là Ngài chỉ cho chúng sanh thấy rõ tính giác hằng hữu của mình. Ngài trình bày cho nhân loại thấy đâu là vô minh và đâu là trí tuệ, đâu là khổ đau và đâu là giải thoát. Ngài không phải là đáng quyền năng cứu rỗi. Ngài là bậc Đạo Sư, Ngài hướng dẫn đường tốt cho người, còn đi hay không không phải là lỗi của người dẫn đường. Ngài là vị lương y, bắt bệnh và cho thuốc, còn uống hay không, không phải là lỗi của vị lương y. Giáo pháp của ngài do đó có tính cách tự do khai phóng chứ không câu thúc hẹp hòi.

Bản dịch CUỘC ĐỜI ĐỨC PHẬT đây được thành tựu phần nào là nhờ sự khuyến khích và giúp đỡ chân tình của Thầy Phước Sơn. Xin cảm ơn thiện ý và tấm lòng thiết tha vì đạo của Thầy.

Tôi cũng xin chân thành cảm ơn Thầy Nguyên Hồng, người đã dành thì giờ đọc đối chiếu bản Anh bản thảo và góp ý cho tôi.

Thật ra, bản dịch Việt ngữ này được dịch từ bản dịch Anh ngữ của Paul C. Blum chứ không phải từ nguyên tác Pháp ngữ của A. Ferdinand Herold, do đó khó mà tránh khỏi nạn "tam sao thất bản". Kính mong các bậc tôn đức cao minh, quý vị tinh tấn học đạo chỉ giáo và hỷ xả cho những chỗ còn thiếu sót, chưa chính.

Ngoài ra, người dịch cũng xin mạn phép lược bớt một vài chỗ để cho khí văn được nhẹ hơn.

Ước mong độc giả sẽ cảm nhận được ít nhiều lời hay ý đẹp trong bản dịch này.

Phật Đản 2528-1984
TỊNH MINH

PHẦN MỘT

I- VUA TỊNH-PHẠN VÀ HOÀNG HẬU MA-DA

Thành phố thanh tịnh lộng lẫy này chính là nơi mà xưa kia đại ẩn sĩ Ca-tỳ-la (Kapila) cư ngụ. Nó hình như được xây dựng bằng những mảnh trời: tường vách trông như những áng mây bạc trắng, nhà cửa vườn tược tỏa ra màu sắc rực rỡ huy hoàng. Ngọc ngà châu báu lấp lánh khắp nơi. Dân cư trong thành ít biết đến cảnh nghèo khổ tối tăm. Ban đêm, khi ánh trăng vàng vạc soi sáng trên mỗi tháp canh, thành phố nhìn như một ao huệ; ban ngày, khi những dãy nhà nối tiếp tắm mình trong ánh nắng vàng, thành phố trông như một dòng sông đầy sen.

Vua Tịnh-Phạn (Suddhodana) trị vì tại thành Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavastu); chính nhà vua là sự trang hoàng rực rỡ nhất của kinh thành. Ngài nhân từ; phúc hậu, khiêm tốn và công bình. Ngài đã truy quét những kẻ thù gan dạ nhút và họ phải quỳ ngã trước ngài giữa trận chiến như những thớt voi bị thần sấm (Indra) hạ gục. Về huy hoàng rực rỡ của ngài đã khuất phục kẻ ác như tia nắng mặt trời làm tan biến màn đêm. Ngài đã mang ánh sáng đến cho đời và vạch đường cho những ai gần gũi với ngài. Trí tuệ cao quý của ngài đã thu phục được nhiều thân hữu can trường, sáng suốt, và chính sự can trường sáng suốt của họ đã góp phần vào sự huy hoàng của ngài như ánh sao làm tăng thêm độ sáng của mặt trăng vậy.

Tịnh-Phạn, quốc vương của dòng tộc Thích-Ca (Sakya) đã kết hôn với nhiều hoàng hậu. Trong số những hoàng hậu mà ngài yêu quý nhất là Ma-da (Maya).

Bà đẹp lắm, đẹp như chính nữ thần Hạnh phúc (Laksmi) lạc vào dương thế. Mỗi khi bà nói, giọng bà ngọt ngào, dễ mến như tiếng chim hót mùa xuân. Tóc bà đen huyền như màu sắc ong bầu, trán bà trắng trong như hạt ngọc kim cương, mắt bà mát rượi như chồi sen xanh biếc, và chưa bao giờ có nếp nhăn nào làm hỏng đôi mày vòng nguyệt sắc sảo của bà.

Bà là người có đức hạnh. Bà mong cầu hạnh phúc cho thần dân. Bà rất quan tâm đến những lời huấn thị chân thành của các bậc tôn sư. Bà thật thà. Đức hạnh của bà là tấm gương sáng cho mọi người noi theo.

Vua Tịnh-Phạn và hoàng hậu Ma-da sống êm đềm hạnh phúc tại thành Ca-tỳ-la-vệ.

Một hôm, hoàng hậu tắm xong, trang điểm phấn hương, khoác lên người một chiếc áo choàng the rực rỡ, và đeo vào tay nhiều châu báu ngọc ngà; những chiếc vòng vàng chạm nhau kêu leng keng ở hai bên mắt cá, và, vừa thấy bóng quốc vương, mặt bà đã sáng lên niềm hạnh phúc.

Tịnh-Phạn ngồi trong một đại điện. Nhạc điệu du dương từ từ trôi lên, nhẹ nhàng ru người vào cảnh giới mộng ảo êm đềm. Ma-da ngồi về phía bên phải của ngài. Bà lên tiếng tâu:

"Tâu hoàng thượng, xin hoàng thượng lắng nghe, xin hoàng thượng ban cho thiếp một đặc ân, hồi đấng che chở của địa cầu!"

Tịnh-Phạn đáp: "Nói đi, hoàng hậu của trẫm. Ái khanh muốn đặc ân gì?"

"Tâu hoàng thượng, có nhiều nỗi thống khổ trên thế gian này. Với lòng từ mẫn, thiếp thấy tất cả chúng sanh đều nhận chịu khổ đau. Thiếp muốn giúp đỡ nhân loại. Thiếp muốn loại trừ những tư tưởng xấu. Vì vậy, thiếp sẽ không làm ác, thiếp sẽ không nghĩ ác. Thiếp yêu thương thân thiếp thế nào thì thiếp cũng giúp đỡ và thương yêu kẻ khác thế đó. Thiếp sẽ bỏ tính kiêu ngạo, thiếp sẽ không theo tiếng gọi của dục vọng xấu xa. Thiếp sẽ không bao giờ nói lời đê hèn vô bổ. Từ nay về sau, tâu hoàng thượng, thiếp sẽ sống một cuộc đời khổ hạnh. Thiếp sẽ chay tịnh. Thiếp sẽ không bao giờ có ý xấu hay làm ác; mang phiền não hay hận thù; biết sân hận hay tham lam. Thiếp sẽ hài lòng với số phận của thiếp. Thiếp sẽ từ bỏ tâm gian xảo đồ kỵ. Thiếp sẽ trong trắng. Thiếp sẽ đi theo chánh đạo. Thiếp sẽ tu tập đức hạnh. Chính vì thế mà giờ đây mắt thiếp rực lên ánh tươi vui, môi thiếp bùng lên niềm hoan hỷ."

Bà dừng lại giây lát. Quốc vương nhìn bà bằng ánh mắt âu yếm tán phục. Bà tiếp:

"Tâu hoàng thượng, xin hoàng thượng cho thiếp sống đời khổ hạnh. Đừng vào rừng núi âm u của dục vọng, xin cho thiếp sống theo trai giới thánh thiện. Thiếp muốn sửa lại những gian nhà trên tầng tột cùng của cung điện, nơi chim thiên nga thường làm tổ. Xin dọn cho thiếp một chiếc giường con có tấm hương lót nệm. Thị nữ sẽ giúp thiếp những gì cần yếu, và hoàng thượng có thể thả hồi các quan thái giám, những vệ binh và tất cả các nô

bộc khác. Thiếp không muốn nhìn thấy cảnh tượng xấu xa, âm thanh cuồng loạn và mùi vị của những gì khó chịu."

Bà dứt lời, quốc vương đáp:

"Được rồi! Trẫm chấp nhận hạnh nguyện của ái khanh."

Vua hạ lệnh:

"Hãy để cho hoàng hậu rực rỡ trong ánh vàng bạc ngọc ngà, an dưỡng trên một chiếc giường con có cài kết danh hoa với nhạc điệu du dương ngày đêm giao hưởng trên những tầng tột cùng của cung điện mà lúc nào cũng có tiếng chim thiên nga hòa vang theo gió. Thị nữ sẽ túc trực hầu hạ bên cạnh hoàng hậu. Bà sẽ giống như ngọc nữ của chư thiên ở một vườn địa đàng nào đó! "

Hoàng hậu đứng lên. Bà nói: "Tốt lắm! nhưng, hỡi hoàng thượng của thiếp, xin nghe thiếp thưa tiếp. Xin hoàng thượng hãy trả tự do cho tù nhân. Hãy rộng lượng cấp phát y phục vật thực cho người nghèo. Hãy mang lại hạnh phúc cho già trẻ gái trai! Tâu hoàng thượng, hãy mở rộng tình thương và đem nguồn hỷ lạc đến cho nhân thế. Xin hoàng thượng hãy là cha lành của tất cả chúng sanh!"

Bà rời khỏi đại điện và đi thẳng lên đỉnh hoàng cung.

Mùa xuân đã đến, chim chóc vui lượng quanh các tầng lầu, ca hát líu lo rộn rã cành cây. Hoa nở đầy vườn, sen vươn bùng nụ trên khắp mặt hồ. Hoàng hậu đã tìm được nơi an dưỡng với nhịp sáo cung đàn hòa điệu vang vang, một cảnh huy hoàng lộng lẫy khắp kinh thành, huy hoàng lộng lẫy đến nỗi ánh sáng mặt trời cũng phải ngả màu râm mát.

II- MA-DA NĂM MỘNG

Cùng lúc với mùa xuân năm đó bắt đầu, một giấc mộng đã đến với hoàng hậu Ma-da khi bà nằm ngủ. Bà thấy một con voi to từ trời cao đi xuống. Nó có 6 ngà lớn và trắng như tuyết pha đầu núi. Ma-da thấy nó đi vào dạ bà và hàng ngàn thiên thần đột nhiên xuất hiện trước mặt. Họ tán dương bà bằng những lời ca bất tử. Ma-da hiểu là bà sẽ không bao giờ biết phiền não, hận thù hay sân nhuế nữa.

Bà thức dậy. Bà cảm thấy sung sướng, một cảm giác sung sướng mà trước kia bà chưa bao giờ có. Đứng lên, bà mặc y phục sắc sỡ, theo sau là hầu hết những thị nữ diễm kiều nhất, bà đi qua các cổng hoàng cung, tản bộ trong các hoa viên và dừng lại tại một chỗ râm mát trong khu vườn nhỏ. Bà phái hai thị nữ đến trình vua Tịnh-Phạn một điệp văn với lời lẽ như sau: "Xin mời hoàng thượng đến khu vườn nhỏ; hoàng hậu mong gặp ngài tại đó."

Quốc vương chấp nhận ngay. Ngài rời khỏi hoàng cung, nơi quốc vương đã và đang ban bố công lý cho dân chúng khắp thành với sự trợ giúp của nhiều cận thần trung chính. Ngài đi thẳng đến khu vườn nhỏ, nhưng, khi ngài sắp bước vào, một cảm giác kỳ lạ bao trùm cả toàn thân. Chân đi lảo đảo, tay run cầm cập, nước mắt ràn rụa; ngài nghĩ:

"Ngay cả khi chiến đấu ác liệt với quân thù gan dạ nhất giữa trận tiền ta cũng chưa bao giờ cảm thấy hốt hoảng trầm trọng như lúc này. Tại sao ta không thể vào chỗ hoàng hậu đang chờ ta? Ai có thể giải thích được nỗi bàng hoàng xao xuyên của ta?"

Ngay lúc đó, ngài nghe từ trời cao vang lên một giọng nói lớn:

"Lành thay, hỡi quốc vương Tịnh-Phạn, xứng đáng thay với dòng tộc Thích-Ca! Người đi tìm tri kiến tối thượng sắp ra đời. Người đã chọn vợ của hoàng thượng, hoàng hậu Ma-da, người phụ nữ cao quý nhất làm mẹ. Người đã chọn gia đình của hoàng thượng làm gia đình của mình là vì danh tiếng và phước đức của gia đình hoàng thượng. Lành thay, hỡi quốc vương Tịnh-Phạn! Người đi tìm tri kiến tối thượng muốn làm hoàng tử của Ngài!"

Vua cho đó là lời của thiên thần, ngài phấn khởi hẳn lên. Lấy lại bình tĩnh, ngài đi thẳng vào khu vườn mà Ma-da đang chờ ngài.

Thấy bà, vua vẫn bình thản, không tỏ vẻ cao sang, ngài lên tiếng hỏi:

"Ái khanh mời trẫm có việc chi? Ái khanh cần gì?"

Hoàng hậu kể lại giấc mơ của mình cho vua nghe, rồi bà thưa tiếp:

"Tâu hoàng thượng, có nhiều giáo sĩ Bà-la-môn giỏi nghề chiêm tinh đoán mộng, hãy triệu họ đến. Họ sẽ coi xem hoàng cung của ta có điều tốt xấu thế nào, chúng ta vui buồn ra sao."

Vua chấp thuận và triệu các giáo sĩ Bà-la-môn quen nghề chiêm tinh đoán mộng đến ngay hoàng cung. Vừa nghe qua câu chuyện của Ma-da, họ liền tâu:

"Tâu quốc vương và hoàng hậu, một nguồn vui lớn sẽ đến với các ngài. Nhờ ân đức của thiên thần, các ngài sẽ hạ sanh một hoàng tử. Nếu ngày kia hoàng tử từ bỏ vương quyền, giã biệt hoàng cung, cắt đứt ái ân; nếu vì lòng xót thương nhân thế, hoàng tử phải sống cuộc đời đó đây của một sa môn, ngài sẽ được tôn vinh kỳ diệu và hưởng thọ phẩm vật cúng dường tuyệt vời. Ngài sẽ được cả thế giới tôn thờ, vì ngài sẽ mang lại cho họ những gì mà họ khao khát. Tâu quốc vương và hoàng hậu, con trai của quý ngài sẽ là một đức Phật!"

Các giáo sĩ Bà-la-môn xin cáo lui. Vua và hoàng hậu đưa mắt nhìn nhau với vẻ mặt sáng lên niềm an lành hạnh phúc. Tại thành Ca-tỳ-la-vệ, vua Tịnh-Phạn ra lệnh cấp phát phẩm vật cho người nghèo, thức ăn cho người đói, nước uống cho người khát, hương hoa cho phụ nữ. Ma-da trở thành đối tượng tôn thờ của họ. Những kẻ tật bệnh tập trung chen chúc hai bên lối đi của bà, và bà chỉ cần duỗi cánh tay phải của bà ra là họ cảm thấy hết bệnh ngay. Người mù có thể thấy, người điếc có thể nghe, người câm có thể nói, kẻ hấp hối sờ vào lá cỏ bà hái là bình phục sức lực liền. Từ trên không trời lên một điệu nhạc du dương dặt dìu theo gió, mưa hoa sắc sỡ giăng mắc khắp trời, nhạc khúc tạ từ vang khắp thành đô.

---o0o---

III- TẮT-ĐẠT-ĐA RA ĐỜI

Ngày tháng trôi qua, rồi một hôm, hoàng hậu biết sắp đến kỳ mãn nguyệt khai hoa, bà đến tâu vua Tịnh-Phạn:

"Tâu hoàng thượng, thiếp muốn du ngoạn trong vườn ngự uyển. Thiếp muốn nghe tiếng chim hót trên cây và ngắm phần hoa xõa trắng trên không. Thiếp muốn du ngoạn trong vườn ngự uyển."

Tịnh-Phạn đáp: "Nhưng ái khanh sẽ mệt; hoàng hậu, ái khanh không ngại sao?"

"Hài nhi thiếp đang ôm ấp trong lòng phải được ra đời giữa cảnh hồn nhiên của hoa thơm hé nụ. Không, thiếp sẽ đi! Tâu hoàng thượng, thiếp sẽ vào hoa viên."

Chiều lòng Ma-da, vua sai các thị vệ:

"Hoàng hậu sắp du ngoạn qua vườn ngự uyển. Các người hãy đem vàng bạc châu báu vào vườn trang hoàng, làm cho các loại cỏ cây rực rỡ thêm lên."

Ngài khuyên Ma-da:

"Này Ma-da, hôm nay ái khanh nên ăn mặc thật sang trọng. Các thị nữ điễm kiều nhất của ái khanh sẽ đưa ái khanh du ngoạn trong một chiếc kiệu lộng lẫy. Lệnh các thị nữ của ái khanh dùng toàn phấn hương kỳ diệu, bắt chúng đeo chuỗi ngọc vòng vàng, mang theo đàn trống tiêu sáo và tấu lên những khúc nhạc du dương xung tán chư thiên".

Lệnh của vua Tịnh-Phạn được mọi người kính cẩn tuân hành. Hoàng hậu vừa ra tới cổng hoàng cung, các vệ binh đều hân hoan cất tiếng chào bà. Hoa lá reo vui, công xòe lộng thắm, từng đàn chim thiên nga tung cánh hót ca vang vọng trên không.

Họ đến một vườn cây đang độ nở hoa, Ma-da bảo họ đặt kiệu xuống. Bà bước ra khỏi kiệu và bắt đầu thư thả dạo quanh. Bà cảm thấy thoải mái. Xem kìa! Bà thấy một cây hoa hy hữu, hoa trĩu đầy cành. Bà bước tới, vừa vương tay nhẹ kéo một cành thì bỗng nhiên bà đứng khựng lại. Bà im lặng, miệng mỉm cười, các thị nữ hầu quanh bà đưa tay bệ một hài nhi điễm tuyệt.

"

Lúc đó cả thế giới đều hân hoan rung động. Trái đất rung chuyển. Lời ca nhịp vũ vang dội khắp không gian. Cây cảnh bốn mùa bừng rộ nở hoa, trái chín thơm ngon đu đưa đầy cành. Cả bầu trời rực lên một màu sáng tinh khiết. Người bệnh hết khổ. Người đói được no. Người say lại tỉnh. Người khùng hồi trí. Người yếu thêm sức. Người nghèo có tiền. Ngục tù mở cửa. Người ác sạch tội.

Một trong những thị nữ của Ma-da hớn hở, vội đến tâu vua Tịnh-Phạn:

"Tâu hoàng thượng, tâu hoàng thượng. Hoàng hậu đã sanh cho hoàng thượng một hoàng tử. Hoàng tử này sẽ mang vinh quang cao quý đến cho hoàng gia!"

Quốc vương im lặng. Nhưng gương mặt của ngài rực lên niềm hoan hỷ, ngài biết rõ nguồn hạnh phúc cao quý đó.

Bấy giờ ngài triệu tập tất cả dòng tộc Thích-Ca, lệnh họ theo ngài vào vườn hoàng tử ra đời. Họ tuân lệnh; với nhiều giáo sĩ bà la môn tháp tùng, họ tạo một đoàn người quý tộc nghiêm trang theo sau quốc vương.

Khi đến gần hoàng tử, vua trịnh trọng cúi đầu và nói:

"Các khanh hãy chào hoàng tử như ta, người mà ta sẽ đặt tên là Tất-đạt-đa (Siddhartha) đó."

Tất cả đều cúi đầu. Các giáo sĩ bà la môn, như được thiên thần giúp sức, cất tiếng hát:

"Hết thảy chúng sanh đều được an vui hạnh phúc, nhân loại không còn phải đi trên những nẻo đường gồ ghề lởm chởm; vì Ngài ra đời, Ngài ban hạnh phúc: Ngài sẽ mang hạnh phúc đến cho đời. Ánh hồng quang đã rực sáng trong đêm, mặt trời mặt trăng giống như những đóm than tàn sắp tắt, Ngài ban ánh sáng: Ngài sẽ mang ánh sáng đến cho đời. Người mù có thể thấy, người điếc có thể nghe, người khùng được hồi tri; vì Ngài ra đời, Ngài phục hồi cái thấy, cái nghe, cái biết: Ngài sẽ mang cái thấy nghe hay biết đến cho đời. Những làn gió hiu hiu thơm ngát xoa được nỗi đau thương của nhân thế, vì Ngài ra đời, Ngài ban sức khỏe: Ngài sẽ mang sức khỏe đến cho đời. Lửa dữ hết bùng cháy, sông ngòi đã ngừng trôi, trái đất nhẹ rung chuyển: Ngài sẽ là người thầy được chân như.

---o0o---

IV- LỜI TIÊN TRI CỦA A-TU-ĐÀ

Đạo sĩ A-tu-đà (Asita), một ẩn sĩ khổ hạnh đến thiên thần phải cảm kích, được tin hoàng tử ra đời, người có thể cứu nhân loại thoát khỏi khổ đau sanh tử. Với lòng khát khao chánh pháp, đạo sĩ đến cung vua Tịnh-Phạn và trịnh trọng tới gần khuê phòng của các cung phi mỹ nữ. Tuổi tác và học thức của đạo sĩ đã đem lại cho ngài một nhân cách cao quý.

Vua tiếp đón đạo sĩ rất trọng hậu theo lễ nghi tập tục và thật lòng bày tỏ với ngài:

"Thật vậy, trăm sung sướng biết bao! Đúng rồi, con trăm sẽ hưởng được cái ân đức thù thắng này.

Đạo sĩ A-tur-đà đến thăm trăm hãn có mục đích. Xin báo cho trăm biết. Trăm phải làm gì? Trăm là môn đệ của đạo sĩ, là đồ chúng của đạo sĩ mà! "

Mắt sáng lên niềm hoan hỷ, đạo sĩ trình trọng tâu:

"Muôn tâu bệ hạ cao quý, độ lượng và hiếu hòa, sự thể đã đưa đến cho ngài chính vì ngài coi trọng nghĩa vụ, hậu đãi các bậc hiền tài và tôn kính các vị tôn túc. Sự thể đã đưa đến cho ngài chính vì tổ tiên ngài lặn đất nhiều vàng nhưng vẫn dư thừa đạo đức. Tâu bệ hạ, hãy biết tại sao bản đạo đến đây. Hãy vui lên! Bản đạo đã nghe trên không có tiếng thiên thần mách bảo: 'một hoàng tử đã ra đời cho dòng tộc Thích-Ca. Ngài ấy sẽ đạt thành chánh giác' Bản đạo đến đây là vì bản đạo đã nghe rõ những lời đó. Mắt bản đạo giờ đây có thể nhìn thấy ánh huy hoàng của dòng tộc Thích-Ca".

Lòng tràn ngập hân hoan, quốc vương đi bệ hoàng tử đang say sưa trên ngực nữ mẫu đem trình cho đạo sĩ A-tur-đà.

Đạo sĩ nhận thấy hoàng tử có nhiều dấu hiệu vạn năng. Ngài chăm chú nhìn hoàng tử rồi bất giác thở dài, ngược mắt nhìn trời với đôi mi chứa chan lệ thấm.

Thấy A-tur-đà khóc, quốc vương đâm ra lo ngại cho con mình. Ngài hỏi đạo sĩ:

"Bạch đạo sĩ, ngài nói hình tướng của con trăm chỉ khác nhau đôi chút với hình tướng của một thiên thần, rằng hoàng tử ra đời là việc phi thường, rằng trong tương lai hoàng tử sẽ được tôn vinh tối thượng; nhưng nhìn hoàng tử sao đạo sĩ lại khóc. Mạng sống của con trăm mong manh lắm sao? Hoàng tử ra đời chỉ để mang lại buồn khổ cho trăm sao? Cảnh non này phải héo tàn trước khi nó đơm hoa kết trái sao? Xin nói cho, hỡi thánh nhân, xin nói mau cho trăm biết. Hãn ngài đã hiểu tình thương bao la mà người cha dành trọn cho đứa con trai của mình."

Đạo sĩ đáp: "Tâu bệ hạ, xin đừng buồn. Điều bản đạo tâu với bệ hạ là sự thật. Hoàng tử sẽ thấy rõ sự vinh quang cao quý đó. Bản đạo khóc là khóc cho bản đạo. Đời bản đạo sắp tàn thì hoàng tử ra đời, ngài sẽ diệt trừ khổ đau sanh tử. Ngài sẽ chế ngự tham dục, ngài sẽ liễu ngộ chân lý, và mê vọng trên đời sẽ tan biến trước ánh sáng giác ngộ của ngài như tia nắng mặt trời làm tan biến màn đêm. Ngài sẽ cứu vớt thế giới khổ đau khỏi biển tử sinh ác trực, khỏi cảnh tật bệnh khốn cùng, khỏi cơn ba đào suy lão, khỏi đợt sóng dữ tử vong. Ngài sẽ chuyên chở tất cả trên một con tàu tri kiến vĩ đại. Ngài

sẽ biết dòng sông nghĩa vụ, từ ái, kỳ diệu và thao thao cuồn cuộn bắt nguồn từ đâu. Ngài sẽ chỉ rõ ngọn ngành của nó cho những ai bị đói khát dày vò đến đó uống nước. Ngài sẽ chỉ đường cho những ai bị sầu đau ray rức, bị dục lạc bủa vây, mãi lang thang trong núi rừng sanh diệt như khách lạc lối đi đến giải thoát. Ngài sẽ là mây lành đổ mưa trong mát cho những ai bị lửa dục đốt thiêu. Ngài sẽ vỗ trang chánh chấp, thẳng đến ngục tù dục vọng, phá vỡ công tường tội ác cho chúng sanh hết khổ. Bởi vì ai có tri kiến siêu việt, người đó sẽ giải thoát cho thế nhân. Vậy thì đừng buồn, tâu bệ hạ. Kẻ đáng thương hại chính là người không nghe được âm hưởng của con ngài. Bàn đạo khóc là vì thế. Bàn đạo dù khổ hạnh và thiền định đến đâu cũng không bao giờ ngộ đạt được giáo pháp của Ngài. Thật đáng xót thương ngay cho những ai lên đến cõi trời Đâu suất.

---o0o---

V- TẮT-ĐẠT-ĐA TẠI ĐÈN THÀN

Tịnh-Phạn trước hết rất hài lòng về những lời tiên tri của A-tu-đà. Ngài trầm ngâm suy nghĩ: "Thế là con ta sẽ sống và sống một cách vinh hiển." Nhưng ngài lại âu lo, vì người ta bảo hoàng tử sẽ từ bỏ vương quyền, sẽ sống đời ẩn sĩ, và điều đó không có nghĩa là một khi hoàng thượng thăng hà thì gia tộc của Tịnh Phạn phải tuyệt diệt sao?

Ấy thế nhưng nhà vua chỉ lo ngại trong ít lâu, vì rằng từ khi Tắt-đạt-đa ra đời, nhà vua không làm điều gì mà không thành tựu phát đạt. Cửa cải mỗi ngày rót vào kho lẫm của ngài nhiều như nước của trăm ngòi ngàn rạch đổ vào một dòng sông to. Ngựa voi người ta dâng hiến nhiều không chỗ chứa, và ban hiến lúc nào cũng sẵn sàng hỗ trợ quanh ngài. Vương quốc có nhiều ruộng đất phì nhiêu, trâu bò béo tốt gặm cỏ đầy đồng, phụ nữ sanh con không chút khổ đau, bà con láng giềng sống chung êm đẹp, một cảnh êm đềm hạnh phúc ngự trị trên mảnh đất Ca-tỳ-la-vệ.

Nhưng một niềm vui êm dịu ngọt ngào đã đến với hoàng hậu Ma-da, ngọt ngào đến độ bà không chịu nổi. Cả địa cầu đều biết bà làm mẹ chỉ được bảy ngày rồi qua đời và được chư thiên rước lên cõi trời.

Ma-da có một em gái Ma-ha-ba-xà-ba-đề (Mahaprajapati), người cũng xinh đẹp và đức hạnh như bà. Hoàng tử được giao cho Ma-ha-ba-xà-ba-đề chăm sóc. Bà thương yêu âu yếm hoàng tử như con ruột. Tắt-đạt-đa mỗi ngày một khỏe mạnh cao lớn như lửa gặp gió, như trăng sao vằng vặc trên bầu trời rực sáng, như nắng ấm ban mai sưởi khắp rừng núi đông phương.

Ai cũng hoan hỷ đem vật quý đến tặng hoàng tử. Họ đem các thứ đồ chơi mà một em bé cùng tuổi với hoàng tử sẽ lấy làm thích thú: những con vật bé tí như hươu, nai, voi, ngựa, bò, chim, cá, và cả những chiếc xe tí xíu nữa. Những thứ này không phải làm bằng gỗ hay đất sét mà bằng vàng bạc ngọc ngà. Họ mang cho hoàng tử rất nhiều kiềng vòng châu báu.

Một hôm, trong lúc hoàng tử đang nô đùa trong một khu vườn gần thành Ma-ha-ba-xà-ba-đề nghĩ: "Đây chính là lúc ta tập cho hoàng tử biết đeo kiềng vòng." Bà bảo thị nữ đem châu báu đến. Bà đeo chúng vào tay vào cổ hoàng tử nhưng hình như hoàng tử không đeo gì cả. Vàng ngọc dường như lu mờ tẻ nhạt trước ánh hào quang rực sáng của hoàng tử. Một phụ nữ diễm kiều từ hoa viên đến gặp Ma-ha-ba-xà-ba-đề, nói:

"Nếu như cả trái đất này là vàng thì chỉ một tia hào quang của cậu bé này, đấng đạo sư tương lai của nhân thế, cũng đủ làm cho ánh vàng rực rỡ lu mờ. Hào quang của hoàng tử làm mờ hẳn độ sáng của trăng sao và ngay cả độ sáng của mặt trời nữa. Người muốn cho hoàng tử đeo các thứ châu báu tầm thường do những tay thợ vàng thợ bạc đúc nặn một cách thô kệch ấy sao? Nay bà, hãy cởi hết kiềng vòng đó ra. Chúng chỉ hợp với bọn nô lệ. Cậu bé này sẽ có những ý nghĩ riêng, chúng là châu ngọc của một loại nước tinh khiết hơn"

Theo lời người phụ nữ, Ma-ha-ba-xà-ba-đề cởi hết kiềng vòng và bà ngắm mãi hoàng tử không chán.

Đã đến lúc Tất-đạt-đa đến lễ đền thần. Quốc vương ra lệnh trang hoàng đường phố công viên cực kỳ rực rỡ. Chiêng trống rền vang vui nhộn khắp nơi. Trong lúc Ma-ha-ba-xà-ba-đề mặc y phục sang trọng nhất cho hoàng tử thì cậu hỏi:

"Thưa nhũ mẫu, nhũ mẫu đưa con đi đâu?"

"Đến lễ đền thần con ạ!" bà đáp.

Hoàng tử mỉm cười và lặng lẽ theo nhũ mẫu đến gặp phụ vương.

Một quang cảnh đi lễ rất oai nghiêm, đi đầu là các giáo sĩ bà la môn ở kinh thành, kế đó là võ tướng và tất cả các bậc trưởng giả trọng yếu, sau cùng là dòng tộc Thích-ca vây quanh chiếc xe chở hoàng tử và phụ vương. Phố xá ngào ngạt hương thơm, hoa rải đầy đường, dân chúng phát cờ vây phướn chào đón đoàn lễ đi qua.

Tới nơi, quốc vương dắt tay Tất-đạt-đa đến thẳng chánh điện thờ thần. Hoàng tử vừa bước vào ngưỡng cửa thì tất cả các tượng Hủy-diệt, Công-đức, Sinh-thành, Tài-vật, Đế-thích, Phạm-thiên (Siva, Skanda, Vishnu, Kuvera, Indra, Brahma) đều cúi đầu tác bạch:

"Hỡi núi Tu-di, xin sơn vương đừng lễ hạt lúa mì; xin đại dương đừng lạy ao nước đọng; xin mặt trời đừng bái loài đom đóm: ai đạt ngộ chánh giác, người ấy khỏi lễ thiên thần. Thần nhân nào kiêu mạn ngông cuồng, kẻ ấy như hạt lúa mì, như ao nước đọng, như loài đom đóm; ai chứng đắc vô thượng bồ đề, người ấy như núi tu di, như biển cả đại dương, như hồng quang rực sáng. Thế nhân xin kính lễ Ngài. Thế nhân sẽ được giải thoát."

---o0o---

VI- TẤT-ĐẠT-ĐA THIÊN ĐỊNH LẦN ĐẦU

Hoàng tử mỗi ngày một khôn lớn và đến lúc cho hoàng tử theo học với Tỳ-xa-bà-mật-đa-la (Visvamitra), bậc tôn sư chuyên dạy nghệ thuật tác văn cho các vương tôn công tử của dòng tộc Thích-ca.

Tất-đạt-đa được giao cho thầy chăm sóc. Họ trao cho hoàng tử một miếng gỗ bạch đàn có mạ vàng và viêng ngọc chung quanh để viết. Cầm miếng gỗ trên tay, hoàng tử thưa:

"Bạch thầy, thầy định dạy con học thứ chữ nào?"

Kể qua một loạt sáu mươi tư loại chữ khác nhau, hoàng tử lại thưa:

"Bạch thầy, trong sáu mươi tư loại chữ đó, thầy định dạy con học thứ chữ nào?"

Tỳ-xa-bà-mật-đa-la không đáp được, thầy sửng sờ kinh ngạc, cuối cùng thầy nói:

"Thưa hoàng tử, ta thấy ta không có gì để dạy hoàng tử. Trong số những loại chữ mà hoàng tử vừa kể, ta chỉ biết tên một vài loại, số còn lại ta chưa hề nghe nói bao giờ. Chính ta phải ngồi học dưới chân hoàng tử. Không! thưa hoàng tử, ta không có gì để dạy hoàng tử."

Thầy mỉm cười và hoàng tử cũng đáp lễ bằng một cái nhìn triu mến.

Từ giã Tỳ-xa-bà-mật-đa-la, hoàng tử đi về miền quê và bắt đầu nhắm đến một ngôi làng. Trên đường đi, chàng dừng lại để ngắm một số nông phu đang lao động dưới ruộng; rồi, vì trời mưa và nắng gắt, chàng phải ghé vào một khóm cây hấp dẫn giữa đồng để nghỉ mát. Hoàng tử đến ngồi dưới một bóng cây; chàng bắt đầu suy tư và không mấy chốc chàng đã mất hút vào cảnh giới thiền định.

Năm du sĩ đi ngang qua cánh đồng cỏ, thấy hoàng tử đang thiền định, họ hỏi sau:

"Phải chăng ngài ngồi nghỉ kia là một thiên thần? Có thể Ngài là thần tài hay thần tình ái? Có thể Ngài là thần sấm Indra hay thần mục đồng Krishna không chừng?"

Nhưng rồi họ nghe có giọng người nói:

"Ánh rực rỡ của thiên thần cũng phải phai nhạt trước hào quang của hoàng tử Thích-Ca đang ngồi trầm tư về những sự thật cao quý dưới cội cây kia!"

Bấy giờ tất cả họ đều lên tiếng ca ngợi:

"Đúng thế, Ngài ngồi thiền định dưới cội cây kia có những dấu hiệu vạn năng, Ngài ấy chắc chắn sẽ thành Phật!"

Họ tán dương hoàng tử, người thứ nhất cất tiếng hát: "Trần gian bị lửa dữ tàn phá, Ngài đến như hồ nước trong xanh. Giáo pháp của Ngài sẽ tắm mát nhân thế."

Người thứ hai: "Trần gian bị vô minh bao phủ, Ngài đến như ngọn đuốc sáng ngời. Giáo pháp của Ngài sẽ mang ánh sáng đến cho nhân thế."

Người thứ ba: "Trên biển khổ đau, thuyền bè khó bề qua lại, Ngài đến như một con tàu. Giáo pháp của ngài sẽ đưa nhân thế vào bến an lành."

Người thứ tư: "Những ai bị khổ đau xiềng xích, Ngài đến như đấng cứu đời. Giáo pháp của Ngài sẽ giải thoát cho nhân thế."

Người thứ năm: "Những ai bị lão bệnh thúc bách, Ngài đến như vị cứu tinh. Giáo pháp của Ngài sẽ giải thoát sanh tử."

Họ đánh lễ hoàng tử ba lần rồi tiếp tục lên đường.

Trong khi đó, vua Tịnh-Phạn lo ngại không biết chuyện gì đã xảy đến cho hoàng tử, ngài phái nhiều cận thần đi tìm chàng. Thấy chàng đang nhập định, một cận thần tiến đến gần, rồi bỗng dưng đứng lại, trở mắt thán phục. Các bóng cây đã đổ dài trừ bóng cây chỗ hoàng tử ngồi. Nơi đây bóng cây đứng yên; nó vẫn che mát hoàng tử.

Cận thần chạy về hoàng cung tâu vua:

"Tâu bệ hạ, hạ thần đã thấy hoàng tử; chàng đang nhập định dưới một cội cây mà bóng mát vẫn đứng yên trong khi những bóng cây khác thì đổ dài.

Tịnh-Phạn rời hoàng cung, theo quan cận thần đến nơi hoàng tử đang nhập định. Sung sướng đến bật khóc, ngài tự nhủ:

"Con ta đẹp như một ngọn lửa trên đỉnh núi cao. Hoàng tử làm ta chói mắt. Thấy hoàng tử nhập định, tay chân ta bủn rủn. Hoàng tử sẽ là ngọn đèn sáng của thế nhân."

Cả vua quan không dám lên tiếng hay cử động. Nhưng có vài em bé đang kéo một chiếc xe nhỏ bằng ngang qua đó, chúng nói cười âm ỹ, quan thần nói nhỏ với chúng:

"Các em không được làm ồn."

"Sao vậy?" chúng hỏi.

"Thấy ai nhập định dưới cội cây kia không? Hoàng tử Tất-đạt-đa đó. Bóng cây không rời hoàng tử thấy chưa. Các em không được quấy phá hoàng tử, các em không thấy hào quang của hoàng tử sáng như mặt trời sao?"

Hoàng tử xả thiền, đứng dậy, đến gần phụ vương tâu:

"Tâu phụ vương, chúng ta nên nghỉ canh tác dưới ruộng. Chúng ta phải tìm ra những sự thật cao quý."

Hoàng tử trở về thành Ca-tỳ-la-vệ.

VII- HÔN LỄ CỦA TÁT-ĐẠT-ĐA

Tịnh-Phạn mãi suy nghĩ về những điều mà A-tu-đà đã nói với ngài. Không muốn gia đình bị tắt ngúm, ngài tự nhủ:

"Ta sẽ khơi dậy trong lòng con ta một sự ham mê dục lạc; có lẽ rồi ta sẽ có cháu nội và chúng sẽ kế thừa phát đạt."

Vì thế, quốc vương cho triệu hoàng tử đến, ngài tâm sự với chàng:

"Con ơi! con đã đến tuổi lập gia đình, nếu con thấy hài lòng với cô nào, hãy báo cho cha biết."

"Tâu phụ vương, cho phép con suy nghĩ bảy ngày. Bảy ngày nữa con sẽ tâu lại phụ vương."

Chàng suy nghĩ:

"Ta biết nỗi khổ đau bắt tận bắt nguồn từ dục vọng. Cây cối mọc trong rừng dục vọng sẽ kết rễ trong khổ đau xung đột, và cành lá của chúng là độc tố. Dục vọng cháy như lửa, tai hại như một lưới gươm. Ta không phải là hạng người kiếm tìm phụ nữ. Số kiếp của ta là sống giữa núi rừng u tịch. Ở đó, qua thiên định, tâm hồn ta sẽ yên tĩnh êm đềm, ta sẽ có hạnh phúc. Nhưng hoa sen không nảy nở và phát triển ngay giữa đám hoa đồng cỏ nội sao? không ai có vợ con mà vẫn đạt đến trí tuệ siêu việt sao? Những ngài chứng đắc vô thượng bồ đề trước ta đều trải qua nhiều năm kết duyên với phụ nữ. Và đến lúc từ già họ để được niềm an vui của thiên định thì việc ra đi là nguồn hỷ lạc to lớn hơn. Ta sẽ theo gương các ngài"

Hoàng tử chỉ nghĩ đến những phẩm hạnh mà chàng đánh giá là cao nhất ở một phụ nữ. Đến ngày thứ bảy, chàng đến gặp phụ vương và tâu rằng:

"Tâu phụ vương, người mà con sẽ kết hôn phải là một phụ nữ tài đức hiếm có. Nếu phụ vương thấy ai có tài năng thiên phú theo con kể thì phụ vương có thể cưới người ấy cho con!

Chàng tâu:

"Con sẽ kết hôn với cô nào đang độ thanh xuân và đẹp như hoa; nhưng nét trẻ đẹp của cô ấy không làm cho cô ấy vô dụng và kiêu ngạo. Con sẽ kết hôn với ai có tình thương yêu âu yếm của một người chị và một người mẹ

đổi với tất cả chúng sanh. Nàng sẽ ngọt ngào chân thật và không biết đố kỵ. Nàng sẽ không bao giờ nghĩ đến ai ngoài chồng ngay cả trong mơ. Nàng sẽ không bao giờ nói lời kiêu căng ngạo mạn. Nàng sẽ khiêm tốn. Nàng sẽ hiền hòa nhẫn nhục như một kẻ nô lệ. Nàng sẽ không tham lam tài vật của kẻ khác. Nàng sẽ không có những đòi hỏi vô ý thức. Nàng sẽ hài lòng với số phận của nàng. Nàng sẽ mặc nhiên với rượu ngon kẹo ngọt. Nàng sẽ đứng vững với âm nhạc phấn hương. Nàng sẽ lạnh nhạt với tiệc tùng ca vũ. Nàng sẽ mến thương thị vệ của con và thị nữ của nàng. Nàng sẽ đi ngủ sau cùng và dậy trước hơn ai. Con sẽ kết hôn với cô nào thanh tịnh thân khẩu ý."

Chàng tiếp:

"Tâu phụ vương, nếu phụ vương biết cô nào có đủ những đức hạnh đó, xin phụ vương cưới cô ấy cho con."

Vua triệu vị đạo sĩ hoàng gia đến và kể tất cả những đức tính của người phụ nữ mà hoàng tử muốn kết hôn, ngài phán:

"Này đạo sĩ Ba-la-môn, hãy đi đi! hãy viếng hết mọi nhà ở Ca-tỳ-la-vệ; hãy thăm dò các cô thanh nữ. Nếu ngài thấy ai có đức hạnh cần thiết như thế thì đưa đến gặp hoàng tử dù cho hắn thuộc giai cấp bần cùng. Con ta không tìm người giàu sang đẳng cấp mà tìm người đức hạnh vẹn toàn."

Đạo sĩ đi khắp kinh thành Ca-tỳ-la-vệ, nhà ai người cũng vào, gặp cô nào người cũng dò hỏi một cách khéo léo nhưng chả tìm đâu ra một người tương xứng với hoàng tử Tất-đạt-đa. Cuối cùng, người đến nhà của Thiện-giác (Dandapani) thuộc dòng tộc Thích-Ca, và thấy Da-du (Gopa), ái nữ của Thiện-giác, là đạo sĩ hoan hỷ liền. Nàng xinh xắn, thùy mị. Vừa trao đổi với nàng vài lời là đạo sĩ không còn gì phải nghi ngờ nữa.

Đạo sĩ trở về tâu vua Tịnh-Phạn:

"Tâu bệ hạ, bản đạo đã tìm được một kiều nữ rất tương xứng với hoàng tử."

Vua hỏi: "Người thấy nàng ở đâu?"

Đạo sĩ Bà-la-môn tâu: "Nàng là ái nữ dòng Thích-Ca của Thiện-giác."

Dù vua Tịnh-Phạn rất tín cẩn vị gia sư nhưng ngài vẫn cho vời Gia-du và Thiện-giác đến gặp. Ngài nghĩ: "Ngay cả những nhà thông thái nhất cũng

có thể phạm phải lỗi lầm. Biết đâu đạo sĩ chẳng vì cảm tình thái quá với nàng. Ta phải tìm hiểu thêm ái nữ của Thiên-giác và cũng để xem ý con ta.

Vua truyền làm nhiều loại trang sức bằng châu báu và phái một sứ thần đi thông báo khắp thành Ca-tỳ-la-vệ rằng:

"Trong bảy ngày nữa, hoàng tử Tất-đạt-đa, con vua Tịnh-phạn, sẽ tặng phẩm vật cho các tiểu thư ở kinh thành. Vậy mong tất cả các vị có mặt tại hoàng cung vào ngày thứ bảy!"

Đúng ngày ấn định, hoàng tử ngồi trên một ngai vàng trong đại điện của hoàng cung. Tất cả các tiểu thư ở kinh thành đều có mặt và sắp hàng trước hoàng tử. Chàng tặng mỗi cô một bảo vật, nhưng khi họ đến gần ngai vàng, vẻ đẹp kỳ diệu của chàng làm họ run sợ đến nỗi phải cúi đầu quay mặt. Họ vội đi không kịp nhận tặng phẩm. Một số cô vội quá nên vừa chạm máy đầu ngón tay vào tặng phẩm là nó rơi ngay xuống sàn.

Da-du là người đến sau cùng. Nàng thân nhiên bước tới với đôi mắt tươi tỉnh tròn xoe. Hoàng tử không còn một tặng phẩm nào. Nàng tươi cười nói với chàng:

"Thưa hoàng tử, tiểu thiếp đã làm phiền hoàng tử chăng?"

Tất-đạt-đa đáp: "Quý nương chả làm gì phiền ta cả."

"Thế sao hoàng tử xử tệ với tiểu thiếp?"

Chàng đáp: "Ta không xử tệ với quý nương. Quý nương là người đến sau cùng nên ta không còn ngọc để tặng."

Bỗng nhiên chàng nhớ trên tay đang đeo một chiếc nhẫn quý, chàng cởi ra và tặng nàng.

Không nhận nhẫn, nàng nói:

"Thưa hoàng tử, tiểu thiếp có thể nhận chiếc nhẫn này của hoàng tử sao?"

Hoàng tử đáp: "Nhẫn này của ta, quý nương hãy nhận lấy."

Nàng nói: "Không! tiểu thiếp không muốn tước đoạt bảo vật của hoàng tử. Đúng hơn là tiểu thiếp tặng hoàng tử một bảo vật."

Nàng cáo từ.

Nghe được câu chuyện bất ngờ này, quốc vương rất lấy làm hoan hỷ.

Ngài nghĩ: "Chỉ có Da-du là có thể đổi diện với con ta. Chỉ có Da-du là tương xứng với hoàng tử. Da-du không nhận chiếc nhẫn con cởi từ tay của con, hồi con yêu quý của cha, Da-du sẽ là bảo vật của con đó."

Quốc vương cho vời phụ thân của Da-du đến hoàng cung, ngài nói:

"Thưa ngài, đã đến lúc hoàng tử Tất-đạt-đa của ta phải kết hôn. Ta tin là công chúa yêu quý của ngài đã hợp với ý con ta. Ngài có bằng lòng gả công chúa cho con ta chăng?"

Thiện-giác còn do dự không trả lời ngay, quốc vương lại hỏi:

"Ngài có bằng lòng gả công chúa cho con ta chăng?"

Thiện-giác đáp: "Thưa ngài, hoàng tử của ngài chỉ được dưỡng dục trong lòng lũy cao sang; chưa bao giờ chàng ra ngoài cổng thành; khả năng vật chất và tinh thần của hoàng tử chưa được chứng tỏ. Như ngài đã biết, dòng tộc Thích-Ca chỉ gả con cho ai có đầy đủ tài năng, sức lực, dũng cảm và khôn ngoan. Làm sao ta có thể gả con cho hoàng tử, người mà cho đến giờ phút này vẫn còn tỏ ra ham mê lười biếng?"

Lời lẽ của Thiện-giác đã làm cho vua Tịnh-Phạn u uất. Ngài đòi gặp hoàng tử. Tất-đạt-đa đến ngay.

Chàng nói: "Tâu phụ vương, phụ vương trông buồn lắm! Có việc gì đã xảy ra?"

Quốc vương không làm sao kể lại cho chàng biết những điều mà Thiện-giác đã bộc lộ một cách thẳng thắn không e ngại. Ngài im lặng.

Hoàng tử lại tâu:

"Tâu phụ vương, phụ vương trông buồn lắm! Có việc gì đã xảy ra?"

"Đừng hỏi ta", Tịnh-Phạn đáp.

"Tâu phụ vương, phụ vương buồn lắm! Có việc gì đã xảy ra?"

"Một vấn đề đau buồn, ta không muốn nói ra điều đó."

"Tâu phụ vương, xin phụ vương nói cho. Sự việc rõ ràng thì lúc nào cũng tốt đẹp."

Quốc vương cuối cùng quyết định thuật lại cuộc hội kiến với Thiện-giác. Kể xong, hoàng tử phì cười, tâu rằng:

"Tâu phụ vương, xin phụ vương đừng bận tâm. Phụ vương tin là có ai ở xứ Ca-tỳ-la-vệ này mà sức lực và trí tuệ siêu hơn con? Hãy triệu tập tất cả các tay quán quân về bất cứ lãnh vực nào, cho họ so tài với con và chừng đó phụ vương sẽ thấy rõ khả năng của con."

Yên tâm, vua hạ lệnh thông báo khắp thành:

"Trong bảy ngày nữa, hoàng tử Tất-đạt-đa sẽ so tài với tất cả những ai điều luyện về bất cứ lãnh vực nào."

Đến ngày ấn định, tất cả những người tài ba lỗi lạc về các lãnh vực nghệ thuật, khoa học đều có mặt tại hoàng cung. Thiện-giác cũng có mặt tại đó và hứa gả công chúa cho ai thắng cuộc dù người đó thuộc dòng quý tộc hay thường dân.

Đầu tiên là một thanh niên nắm vững các qui luật tác văn ra thách thức với hoàng tử, nhưng đại sĩ Tỳ-xa-bà-mật-đa-la bước ra trước công chúng nói:

"Này cậu, đừng so tài vô ích. Cậu bại rồi. Hoàng tử đã được ta chăm sóc từ bé. Ta đã dạy hoàng tử nghệ thuật tác văn. Nhưng hoàng tử đã am tường 64 thể văn tự! Hoàng tử đã thấu hiểu các tự thể mà ta chưa hề nghe nói đến tên!"

Qua lời xác quyết của Tỳ-xa-bà-mật-đa-la, hoàng tử đã thắng trong cuộc so tài nghệ thuật tác văn.

Rồi để thử xem kiến thức toán học của hoàng tử, họ cho Ác-giu-na (Arjuna), dòng Thích-Ca, người đã chuẩn bị thời gian giải được những bài toán hiểm hóc nhất làm giám khảo cuộc thi.

Một thanh niên được coi là tay toán học cự phách, nhưng Tất-đạt-đa chỉ hỏi một câu là anh ta không đáp được.

Hoàng tử nói: "Đó là bài toán dễ. Đây là bài toán dễ hơn và ai có thể giải được?"

Không ai giải được bài toán thứ hai.

Hoàng tử nói: "Giờ thì đến lượt các bạn hỏi ta."

Họ hỏi chàng những bài toán xem ra khó thật nhưng hoàng tử đã giải đáp ngay trước khi họ ra xong đề.

Quần chúng la lên tứ phía: "Hãy để cho Ác-giu-na thử hoàng tử!"

Ác-giu-na ra những bài toán khó nhất nhưng không lần nào Tất-đạt-đa không đáp đúng.

Tất cả mọi người đều sững sờ ngạc nhiên về kiến thức toán học của hoàng tử và cho rằng tài trí của hoàng tử đã đạt đến ngọn nguồn của các ngành khoa học. Họ quyết định thử tài điền kinh của chàng nhưng hoàng tử chả cần phải dụng sức cũng đủ thắng cuộc đua chạy nhảy, và đến lượt đô vật thì hoàng tử chỉ để nhẹ một ngón tay là đối thủ lăn quay xuống đất.

Họ mang cung ra, những tay cũng lồi lạc đã bắn tên trúng vào các tiêu điểm xa tít. Đến lượt hoàng tử bắn, thế lực của chàng khỏe đến nỗi chàng lên giây cung nào là gãy cung đó. Rốt cuộc, vua phái vệ binh đem ra một cây cung rất xưa, rất quý được tàng trữ trong đền, và theo họ thì xưa nay chưa có ai lên giây hoặc nhắc nổi nó. Tất-đạt-đa tay trái cầm cung và lên giây chỉ bằng một ngón tay phải. Chàng nhắm đích một thân cây xa đến nỗi chỉ một mình chàng thấy. Mũi tên xuyên qua thân cây, cắm xuống đất và biến mất. Mũi tên đã đi vào lòng đất, tạo thành một cái giếng gọi là giếng tên.

Mọi việc hình như tạm kết thúc, họ dẫn đến một thớt voi trắng khổng lồ cho người thắng cuộc hãnh diện ngồi trên lưng voi diễu qua kinh thành Ca-tỳ-la-vệ. Nhưng một công tử dòng Thích-Ca, tên Đề-bà-đạt-đa (Devadatta), rất tự hào về sức lực của mình, tóm lấy thân voi, đấm chơi một cú, thế là con voi khổng lồ lăn đùng xuống đất.

Hoàng tử nhìn cậu thanh niên bằng ánh mắt khiển trách, nói:

"Đề-bà-đạt-đa, cậu đã làm một việc quái ác."

Chàng lấy chân đung con voi, nó đứng lên và sụp lạy trước chàng.

Mọi người lên tiếng hoan hô cuộc thắng vinh quang của hoàng tử. Tịnh-Phạn vương vô cùng sung sướng. Thiện-giác cũng hân hoan đến tràn nước mắt tuyên bố:

"Da-du, Da-du yêu quý của cha, hãy hãnh diện là vợ của một người như thế."

---o0o---

VIII- TẮT-ĐẠT-ĐA SỐNG ĐỜI KHOÁI LẠC

Hoàng tử Tất-đạt-đa sống êm đềm hạnh phúc với công chúa. Tình thương của vua đối với hoàng tử giờ đây gần như đến mực tôn thờ. Ngài hết lòng chăm sóc hoàng tử, không để hoàng tử trông thấy bất cứ điều gì ưu phiền. Ngài xây cho hoàng tử ba cung điện nguy nga: một cho mùa đông, một cho mùa hè và một cho mùa mưa; và cấm chàng không được rời khỏi ba cung điện này.

Bên trong cung điện trắng tinh như mây mùa thu và sáng rực như những cỗ xe trời của thiên thần thánh mẫu; hoàng tử đã tận hưởng hương vị của lạc thú trần gian. Chàng đã sống một cuộc đời khoái lạc. Chàng đã trải qua hàng giờ mê mải lắng nghe công chúa và thị nữ của nàng tấu nhạc. Chàng đã thích thú ngắm nhìn các vũ công tươi vui xinh đẹp trình diễn trống vàng, đu đưa uốn éo, duyên dáng yêu kiều mà ngay cả tiên nữ cũng khó bề diễn xuất.

Các cô lén nhìn chàng bằng ánh mắt mạnh dạn dâng hiến hoặc ranh mãnh khản cầu, những hàng mi lim dim đờ đẫn của họ là cả một sự hứa hẹn ngây ngất không tả nên lời. Các trò giải trí và sức quyến rũ của họ đã làm cho chàng say mê đắm đuối, hài lòng an hưởng trong những cung điện mà lúc nào cũng vang vọng giọng hát tiếng cười. Chàng chẳng biết gì về cảnh già nua, bệnh tật và chết chóc cả.

Tịnh-Phạn rất hoan hỷ về cuộc sống của hoàng tử mặc dù ngài rất khát khe phán xét phẩm hạnh của mình. Ngài cố giữ cho tâm hồn mình được trong sạch. Ngài tránh làm điều ác. Ngài cấp phát rộng rãi phẩm vật cho những ai có đức hạnh. Ngài không bao giờ buông xuôi lười biếng hay chạy

theo thú vui. Ngài không bao giờ bị thiêu đốt bởi độc tố tham dục. Ngài đã chế ngự lòng ham muốn như ngựa hoang bị bắt phải kéo cày. Nhờ đức hạnh mà ngài đã được lòng bà con thân hữu. Ngài đã đem kiến thức học hỏi ra phục vụ nhân dân. Ngài chỉ nghiên tầm những gì có ích cho tất cả chúng sanh. Ngài không những tìm hạnh phúc cho dòng tộc riêng tư mà còn muốn đem hạnh phúc đến cho cả thế giới. Ngài đã tắm gội thân thể bằng nước ao thiêng liêng, gạn lọc tâm tư bằng nước thánh đức hạnh. Ngài không bao giờ nói lời đùa bỡn vu khoát. Ngài luôn luôn nói thật nhưng không bao giờ gây xúc phạm đau buồn. Ngài cố tạo công bình, và chính nhờ đạo đức chứ không phải sức mạnh mà ngài đã đánh bại lòng kiêu hãnh của kẻ thù. Ngài không bao giờ đánh đập, ngay cả cái nhìn giận dữ với tù nhân đáng tội tử hình ngài cũng không bao giờ có. Ngài chỉ khuyên nhủ họ và cho họ tự do.

Hoàng thượng là tấm gương sáng cho thân dân noi theo và Ca-tỳ-la-vệ là xứ hạnh phúc và đạo đức nhất trong các vương quốc.

Da-du xinh đẹp đã sinh cho hoàng tử một trai và lấy tên là La-hầu-la (Rahula). Vua Tịnh-Phạn sung sướng thấy gia đình mình phát đạt, hãnh diện có cháu nội như đã hãnh diện thấy hoàng tử ra đời.

Quốc vương vẫn tiếp tục con đường đạo đức. Ngài sống và sinh hoạt thánh thiện như một đạo sĩ nhưng ngài vẫn đưa đẩy con trai yêu quý của mình đến những lạc thú mới lạ. Ngài rất lo sợ thấy hoàng tử từ bỏ hoàng thành để rồi tìm nơi ẩn cư kham khổ trong chốn rừng thiêng.

---o0o---

IX- BA LẦN CHÚNG KIẾN

Một hôm, có người nói trước mặt hoàng tử là cỏ xanh mơn mớn đã dàn trải khắp công viên, chim chóc đón xuân rộn rã cành cây, sen nở tung bồng khắp các mặt hồ. Thiên nhiên đã bẻ gãy những xiềng xích ảm đạm của mùa đông; và, các cô thanh nữ giở đây như thường ngoạn trong các hoa viên tươi thắm quanh thành. Thế là, như một thốt voi bị giam giữ lâu ngày trong chuồng, hoàng tử dứt khoát rời khỏi hoàng cung.

Vua biết điều ước nguyện của hoàng tử nhưng không có cách nào ngăn cản.

Ngài suy nghĩ: "Nhưng ta sẽ không cho Tất-đạt-đa nhìn thấy bất cứ điều gì có thể làm đảo lộn tâm hồn trong trắng của chàng. Con ta sẽ không

bao giờ được nghỉ ngơi là trên đời này có những điều xấu xa đau khổ. Ta sẽ truyền lệnh không cho những kẻ hành khát hay đau yếu tật nguyên lang thang khốn đốn trên đường."

Kinh thành phải được trang hoàng cờ hoa rực rỡ; một cỗ xe lộng lẫy đã được chuẩn bị để hoàng tử du ngoạn; và, không một kẻ tàn tật, già nua, hành khát nào được phép lang vãng trên phố chằng qua.

Đến giờ du ngoạn, vua cho triệu hoàng tử đến, ngài ôm hôn trán con với hai hàng nước mắt rờn rờn; ngài âu yếm nhìn con và nói: "Đi đi con!" chấp thuận cho con du ngoạn nhưng trong lòng ngài lại nghĩ khác.

Cỗ xe chở hoàng tử được làm bằng vàng do một phu xe cầm cương vàng điều khiển bốn con ngựa mặc giáp vàng kéo. Chỉ những ai đẹp đẽ, trẻ trung, sang trọng mới được phép xuất hiện trên đường phố. Họ dừng lại để ngắm chằng qua và ca ngợi chằng đủ cách. Số thì ca ngợi chằng có ánh mắt hiền hòa, số thì tán thán chằng có đường đường phong cách, số thì xưng dương chằng có vẻ đẹp tuyệt vời, số thì hét lời với chằng về sinh lực sung mãn... Họ cuối đầu thi lễ hoàng tử như những lá cờ nhấp nhô phát phới trước mặt tượng thần.

Nghe tiếng bàn tán vui vẻ ngoài phố, các cô phụ nữ trong nhà thức dậy, bỏ dỡ công việc gia đình, chạy vội đến các cửa sổ hay leo thang lên sân thượng. Họ đua nhau ngắm chằng bằng ánh mắt tôn vinh thán phục và nói nhỏ với nhau: "Làm vợ một người như thế thì hạnh phúc biết bao!"

Nhìn vẻ huy hoàng rực rỡ của kinh thành, vẻ giàu sang sung túc của dân chúng, vẻ đẹp đẽ yêu kiều của phụ nữ, hoàng tử cảm thấy một niềm vui mới lạ tràn ngập tâm hồn.

Nhưng rồi có một cụ già chống gậy xuất hiện, người ngòm rách rưới lụ khụ, gân sước bày ra cùng mình, miệng răng lấp bắp, da thịt nhăn nheo, trên đầu loe hoe vài sợi tóc bạc nhóp nhúa, hai mắt đỏ ngầu không có lông mi, đầu cổ tay chân đều bị phong giật.

Thấy lão khác với mọi người chung quanh, hoàng tử nhìn lão bằng ánh mắt đau buồn và hỏi người xà ích:

"Lão già tóc bạc, thân thể co quắp kia là ai? Sao lão lại tì hai tay xương xẩu của lão vào một khúc cây, hai mắt lão mờ đục, tay chân lão run rẩy, lão là quái vật ư? Thiên nhiên đã hủy hoại lão như thế hay đó là việc ruồi ro.!"

Người xà ích lẽ ra không được trả lời nhưng anh bỗng dung rối loạn tâm trí, không biết lỗi lầm, anh đáp:

"Cái tàn phá sắc đẹp, tiêu hao sinh lực, gây khô đau, hoại lạc thú, giảm trí nhớ, diệt cảm giác, đó là cái già. Nó đã tóm lấy lão, bẻ gãy lão. Lão cũng một thời là em bé say sưa trên vú mẹ; cũng một thời bò chơi lồm ngồm trên sàn nhà; rồi lớn lên, khỏe mạnh, trẻ đẹp; rồi đến bóng chiều xế hoàng hôn của tuổi tác; và bây giờ, hoàng tử nhìn lão xem, sức tàn hại chính là cái già."

Bị xúc động mãnh liệt, hoàng tử hỏi:

"Số phận của ta cũng sẽ như thế sao?"

Người xà ích đáp:

"Tâu hoàng tử, một ngày nào đó tuổi xuân cũng sẽ già từ hoàng tử, và cái già chắc chắn sẽ mang khổ đau đến cho hoàng tử. Thời gian sẽ làm hao mòn sinh lực và cướp mất vẻ đẹp của chúng ta."

Giật mình như con bò mộng nghe sét đánh, hoàng tử lắc đầu, thở phào. Đảo mắt nhìn từ lão già bất hạnh đến quần chúng tươi vui, chàng thốt ra những lời nghiêm trọng:

"Cái già làm hại trí nhớ, sắc đẹp và sinh lực con người như thế mà nhân loại vẫn chưa khiếp sợ! Xà ích, hãy quay ngựa, chúng ta về. Làm sao ta có thể vui thú trong hoa viên khi mắt ta chỉ nhìn thấy cái già, tâm ta chỉ nghĩ đến cái già?"

Hoàng tử trở về hoàng cung nhưng chàng không tìm đâu ra sự an lành. Chàng lang thang qua các cung điện với tâm tư khắc khoải u buồn, chàng lẩm bẩm: "Cái già! Ô, cái già!"

Tuy nhiên, hoàng tử quyết định du ngoạn một lần nữa.

Lần này, Tất-đạt-đa thấy một người bệnh góm guốc đứng lù lù giữa đường, chàng chăm chăm nhìn người bệnh và hỏi xà ích:

"Người bụng phình to kia là ai? Hai tay hấn khô đét buông thông, thân hình tái nhợt, Miệng mòm thều thào thê thảm. Hấn thoi thóp; xem kia! hấn lão đảo chen lấn với người qua đường; hấn té kia! Xà ích, xà ích, người ấy là ai?"

Người xà ích đáp:

"Tâu hoàng tử, người đó đang bị tật bệnh dày vò đau đớn. Hẳn mắc bệnh hiểm nghèo. Hẳn là hiện thân của sự suy nhược. Hẳn cũng một thời khỏe mạnh cường tráng!"

Hoàng tử nhìn hẳn với lòng thương hại, chàng hỏi người xà ích:

"Nỗi đau khổ này đặc biệt dành riêng cho người ấy hay tất cả chúng sanh đều bị bệnh tật hành hạ?"

Người xà ích đáp:

"Chúng ta cũng có thể bị khốn khổ như thế. Tật bệnh đe dọa khắp hoàn cầu."

Nghe sự thật đau đớn này, hoàng tử rung mình như ánh trăng lung linh phản chiếu trên mặt sóng đại dương. Chàng thốt lên những lời xót xa cay đắng:

"Nhân loại thấy khổ đau bệnh tật nhưng không bao giờ đánh mất lòng tự phụ! Ô, kiến thức của họ cao siêu biết bao! Họ thường xuyên bị tật bệnh không chế nhưng vẫn nói cười vui vẻ! Xà ích, hãy quay ngựa. Cuộc du ngoạn thú vị của chúng ta đã kết thúc. Chúng ta hãy về hoàng cung đi thôi. Ta đã biết lo sợ bệnh tật. Ta muốn tránh xa lạc thú, tâm hồn ta giờ đây đã khép kín như đóa hoa thiếu ánh sáng mặt trời."

Hoàng tử trở về hoàng cung với tâm tư gói niêm đau đớn.

Nhận ra vẻ u buồn của con, vua Tịnh-Phạn hỏi sao hoàng tử không du ngoạn nữa, người xà ích kể lại những gì đã xảy ra. Vua đau buồn; ngài tự thấy người con yêu quý nhất đời của ngài đã bỏ ngài. Mất hẳn tính điềm đạm sẵn có, ngài lên tiếng giận dữ trừng phạt kẻ có bổn phận làm sạch đường phố, nhưng vì bản chất hiền hòa của vua nên lệnh phạt được ân giảm. Người có trách nhiệm làm sạch đường phố cũng ngạc nhiên thấy mình bị phạt, vì anh không thấy lão già người bệnh nào cả.

Lo lắng hơn bao giờ hết, vua không biết làm sao ngăn ngừa hoàng tử khỏi từ bỏ hoàng cung. Ngài đem đến cho hoàng tử nhiều lạc thú hy hữu, nhưng hình như không có gì làm xiêu lòng Tất-đạt-đa. Vua nghĩ: "Ta sẽ đưa

hoàng tử du ngoạn một lần nữa xem sao! Có lẽ con ta sẽ lấy lại niềm vui đã mất."

Ngài nghiêm cấm tất cả những kẻ tật nguyên, đau yếu, già nua ra phố. Ngài còn thay luôn người xà ích của hoàng tử. Ngài cảm thấy chắc chắn là lần này sẽ không có gì làm đảo lộn tâm hồn của Tất-đạt-đa.

Nhưng lần này chàng lại thấy cảnh bốn người khiêng một xác chết với nhiều người khác theo sau khóc than thảm thiết. Chỉ có hoàng tử và người xà ích là thấy cảnh thê lương đó.

Hoàng tử hỏi:

"Bốn người kia đang khiêng ai lại có kẻ mặc đồ đen theo sau khóc than thê thảm thế?"

Người xà ích lẽ ra phải giữ niềm an tịnh cho hoàng tử, nhưng một sức mạnh nào đó buộc anh phải trả lời:

"Tâu hoàng tử, người ấy không còn trí khôn, cảm giác hay hơi thở nữa. Hấn ngủ vùi vô tri vô thức như cỏ cây gỗ đá. Khoái lạc và khổ đau đối với hấn giờ đây trở thành vô nghĩa. BẠN cũng như thù, tất cả đã vĩnh biệt hấn."

Hoàng tử hoảng hốt hỏi: "Đây là trường hợp đặc biệt cho người ấy hay chung cuộc như thế đang chờ đón tất cả chúng sanh?"

Người xà ích đáp: "Chung cuộc như thế đang chờ đón tất cả chúng sanh. Mọi người sống trên đời, dù sang hay hèn, tất yếu đều phải chết."

Hoàng tử Tất-đạt-đa giờ đây mới hiểu cái chết là gì. Thay vì bình tĩnh, chàng rùng mình. Chàng phải tựa vào cổ xe và thốt lên những lời u buồn chua xót:

"Vạn số đưa đẩy cái chết đến với tất cả chúng sanh như thế mà loài người vẫn không sợ, vẫn tự mua vui trong muôn ngàn cách khác nhau! Cái chết sắp đến nơi mà con người vẫn thênh thang trên đường nhân thế với lời ca khúc nhạc trên môi. Ô, ta nghĩ tâm hồn của loài người đã biến thành chai đá! Xà ích, hãy quay ngựa, đây không phải là lúc nhớn nhợ du hý qua các hoa viên. Làm sao một người nhạy cảm, biết rõ cái chết, lại có thể tìm kiếm thú vui trong giờ phút thống khổ?"

Nhưng người xà ích vẫn theo lệnh vua, tiếp tục đưa hoàng tử đến hoa viên, và cũng theo lệnh của Tịnh-Phạn, Ưu-đà-di (Udayin), con trai của vị đạo sĩ hoàng triều và là bạn thân của Tất-đạt-đa từ nhỏ, đã tập hợp nhiều mỹ nữ có tài ca múa xướng hát và nghệ thuật làm tình tại đó.

X- DA-DU NĂM MỘNG

Cỗ xe chở hoàng tử tiến vào hoa viên. Hoa nở tung bùng trên các cành lá sum suê mon mớn. Từng đàn chim tung cánh bay lượn nhón nhơ như thể say sưa ngây ngất giữa bầu trời trong sáng êm đềm. Và, những cánh hoa sen đã nở bùng trọn vẹn, đu đưa uổng trọn bầu không khí mát lành trên mặt hồ ao.

Tất-đạt-đa miễn cưỡng đến hoa viên như một đạo sĩ non trẻ mới phát lòng thệ nguyện, còn sợ sức cám dỗ lôi cuốn lên thiên cung, cảnh giới của những tiên nữ yêu kiều thường vũ ca xướng hát. Các mỹ nữ hiếu kỳ cùng nhau kéo đến như thể đón chào một tráng sĩ hôn phu. Mắt họ sáng lên niềm thán phục với những cánh tay vươn dài như bông hoa rực rỡ dâng hiến Tất-đạt-đa. Họ nghĩ: "Đây đích thị là thần Tình-ái (Kama) giáng thế." Nhưng vì e thẹn trước mặt hoàng tử nên họ chẳng dám nói cười.

Ưu-đà-di gọi những kẻ bạo dạn xinh đẹp nhất đến nói:

"Tại sao hôm nay các ngươi làm ta hồng việc? Các ngươi là những người được ta tuyển chọn để thu hút hoàng tử, bạn ta kia mà? Việc gì các ngươi phải rụt rè e thẹn như trẻ con thế? Vẻ đẹp, nét hấp dẫn và tính bạo dạn của các ngươi có thể làm xiêu lòng ngay cả một phụ nữ nữa kia, thế mà các ngươi lại run sợ trước mặt một thanh niên! Các ngươi làm ta bực mình. Đi, đứng dậy! hãy sử dụng sức quyến rũ hấp dẫn của các ngươi! Hãy làm cho hoàng tử say mê yêu mến!"

Một trong những mỹ nữ thưa lớn:

"Thưa ngài, hoàng tử làm chúng em sợ, vẻ huy hoàng đường bệ của hoàng tử làm chúng em sợ."

Ưu-đà-di đáp: "Ừ! đường bệ cao quý như thế nhưng các ngươi không có gì phải sợ; sức mạnh của phụ nữ kỳ diệu lắm! Hãy cô gọi cho hoàng tử nhớ lại hình bóng của các ngươi năm xưa đã đón chào hoàng tử bằng những ánh mắt kính yêu triều mến. Đạo sĩ Vi-a-xa (Vyasa) xưa kia đã từng được thiên thần tôn kính cũng bị Ái-mỹ (Belle), một ả làng chơi ở Ba-la-nại

(Benares) đá nhưng vẫn cảm thấy hài lòng. Man-tha-la-gô-ta-ma (Manthalagotama) nổi tiếng là một đạo sĩ khổ hạnh lâu năm cũng trở thành kẻ giúp việc cho một trưởng đoàn âm công để được lòng Lê-hà (Jangha), một thiếu phụ giang hồ thuộc giai cấp cùng đinh. Kiền-da (Santa) đã khéo léo chinh phục Ri-si-a-rin-ga (Rishyasringa) một trí giả chưa bao giờ quen biết phụ nữ. Còn Vis-va-mi-tra (Visvamitra), nhà đạo hạnh sáng chói, một hôm trong rừng, cũng bị mê mết vì sức cám dỗ của tiên nữ Gờ-ri-ta-ki (Ghritaki). Và, ta có thể kể thêm nhiều trường hợp bị điều đứng vì phụ nữ như các người. Này các mỹ nữ! hãy đi đi, không có gì phải sợ hoàng tử cả. Hãy tươi cười đon đả với chàng, và thế là chàng sẽ say mê đắm đuối các người. "

Lời lẽ của Ưu-đà-di đã khích lệ được các mỹ nữ. Chúng cười vui nhí nhảnh, liếc mắt đưa tình, dần dần tạo thành một vòng tròn vây quanh hoàng tử.

Chúng dùng đủ trò khêu gợi để gần gũi Tất-đạt-đa, để lân la va chạm hay để trộm tìm một cảm giác vượt ve. Có ả giả vờ vấp té để được bám vào giày lưng của chàng. Có ả đến gần rồi lén nói nhỏ vào tai chàng: "Tâu hoàng tử, xin lắng nghe điều bí mật của em". Có ả giả vờ chuenh choáng, từ từ cởi miếng vải xanh che ngực, đến tựa lưng chàng. Có ả từ trên một cành xoài nhảy xuống, cười ha hả, cố chặn không cho chàng qua. Nhưng có ả lại tặng chàng một hoa sen. Có ả lại cất tiếng hát:

*Xem này!
Hỡi người yêu quý của em ơi,
Từng cánh hoa xinh trải khắp cây,
Hương hoa thoang thoang quyến đầu đây,
Chim reo vui nhộn vang cành lá,
Nhu trong lòng vàng hót ngắt ngây.
Từng cánh ong vờn hoa nhón nhơ,
Đê mê hút trọn nhụy hoa mơ,
Kìa những giây leo ôm cổ thụ,
Vươn gió hờn ghen động phát phơ.
Giữa cánh rừng xanh đẹp ý thơ,
Oi hồ nước bạc lặng như tờ,
Nhu nụ cười tình duyên thiếu phụ,
Mừng đón trăng về thỏa ước mơ. "*

Nhưng hoàng tử không thể hoan hỷ vui chơi, chàng đang đau khổ. Chàng đang suy tư về cái chết.

Chàng nghĩ: "Không ai thấy tuổi trẻ của các mỹ nữ này đang trôi qua và cái già sẽ đến cướp mất vẻ đẹp thanh xuân của họ! Họ không thấy nạn đe dọa của bệnh tật dù nó đã trở thành chúa tể của trần gian! Họ không biết gì về cái chết, cái chết thúc bách, cái chết làm hủy hoại mọi thứ! Vì thế mà họ có thể vui cười thoải mái!"

Cổ ngăn chặn dòng tư tưởng của Tất-đạt-đa, Ưu-đà-di nói: "Sao hoàng tử thờ ơ lạnh nhạt với các mỹ nữ thế? Có lẽ chúng không làm vui lòng hoàng tử chăng? Lạ thật! Xin hoàng tử niềm nở với chúng dù chỉ là vài lời vu vơ giả dối. Xin hoàng tử đừng làm chúng cảm thấy xấu hổ bị cự tuyệt. Sắc đẹp của hoàng tử chả có ích gì nếu hoàng tử không từ ái hân hoan? Hoàng tử sẽ như rừng núi trợ vợ không cỏ cây hoa lá."

Hoàng tử đáp: "Giả dối có ích gì? Tâng bốc có ích gì? ta không muốn lường gạt phụ nữ. Cái già và cái chết đang nằm chờ đón ta. Ưu-đà-di, đừng có thuyết phục ta, đừng mời ta tham dự vào bất cứ một cuộc vui tầm thường nào cả. Ta đã thấy rõ cái già, cái bệnh và cái chết đang sờ sờ ra đó. Không có gì giờ đây có thể mang lại niềm an bình cho tâm trí ta. Bạn muốn ta chạy theo tình yêu ư? Con người sắt thép đã nhận diện cái chết lại còn tìm kiếm tình yêu sao? Hung thần độc ác đang đứng chờ tại cửa, hấn không còn kêu gào than khóc gì được nữa!"

Mặt trời đang từ từ khuất dạng. Các mỹ nữ cũng chấm dứt cuộc vui múa hát. Hoàng tử chả dòm ngó gì đến những vòng hoa trang sức và ngọc ngà châu báu của chúng. Cảm thấy son phấn mặ mà, vũ ca uyển chuyển của mình chả có ích gì, các ả từ từ lên đường trở về thành đô.

Về đến hoàng cung, vua Tịnh-Phạn nghe Ưu-đà-di tâu lại rằng hoàng tử đã tránh xa mọi lạc thú, và thế là quốc vương không sao ngủ được trọn đêm hôm đó.

Da-du đang chờ đợi hoàng tử. Chàng cố tình lánh nàng. Nàng cảm thấy xao xuyên trần trọc cả đêm, đến khi vừa chợp mắt thì mơ thấy:

Cả trái đất và những ngọn núi cao chót vót đều đu đưa rung chuyển, rồi một cơn gió man rợ thổi lên, làm cây cối gãy đổ tróc gốc. Mặt trời, mặt trăng và các hành tinh đã lặn hẳn về phía bên kia trái đất. Nàng, Da-du, bị lột hết y phục và đồ trang sức, mất cả vành khăn công chúa, nàng trần truồng. Tóc

nàng bị cắt sạch. Chiếc giường hôn lễ bị gãy nát. Y phục may thêu bằng ngọc ngà châu báu của hoàng tử cũng bị vung vãi tung tóe. Những vệt sáng xoẹt ngang qua bầu trời trên một kinh thành tối đen, và cả núi tu di đều chuyển động mãnh liệt.

Quá kinh hãi, Da-du thức dậy, chạy đến chông kêu lớn:

"Hoàng tử yêu quý của em, hoàng tử ơi, có việc gì sẽ xảy đến? Em vừa nằm mơ thấy khủng khiếp! Em khóc òa sợ quá!"

Hoàng tử đáp: "Mơ thế nào cho anh biết."

Da-du thuật lại rõ ràng đầu đuôi giấc mơ, hoàng tử mỉm cười nói:

"Da-du em, hãy vui lên, hãy phấn khởi lên. Em mơ thấy trái đất rung chuyển ư? Thế là một ngày nào đó thiên thần phải đích thân đánh lễ em. Em thấy mặt trăng, mặt trời lặn hẳn về phía bên kia trái đất? Vậy là chẳng bao lâu nữa em sẽ hàng phục được khổ đau tội ác, em sẽ được tán thán vô biên. Em thấy cây cối tróc gốc? Thế là em sẽ thấy đường ra khỏi núi rừng đục vọng. Tóc em bị cắt sạch? Vậy là em sẽ thoát khỏi mạng lưới tham dục, khỏi bị chúng vây bắt làm tù nhân. Y phục và châu báu của anh bị vung vãi tung tóe? Thế là anh đang trên đường đi đến giải thoát. Những vệt sáng xoẹt ngang qua bầu trời trên một kinh thành tối đen? Thế là anh sẽ mang ánh sáng trí tuệ đến cho thế giới vô minh đen tối, và ai tin theo lời anh sẽ được an vui hạnh phúc. Da-du, hãy vui lên, đừng buồn nữa; em sẽ sớm được tôn vinh hy hữu. Da-du, ngủ đi, ngủ đi em. Em đã mơ thấy một giấc mơ tuyệt diệu.

---o0o---

XI - TẮT-ĐẠT-ĐA KHAO KHÁT VỀ NHỮNG SỰ THẬT CAO QUÍ

Tắt-đạt-đa không còn tìm đâu ra cảnh êm đềm hạnh phúc. Chàng đi vội qua các lầu đài cung điện như một con sư tử bị mũi giáo độc. Chàng đau khổ vô cùng.

Một hôm, vì hết lòng mong muốn dạo ngắm những cánh đồng cỏ bao la xanh tươi mơn mớn, chàng rời khỏi hoàng cung, tản bộ qua một cánh đồng quê và trầm ngâm suy nghĩ:

"Loài người thật đáng xót thương. Suy nhược bịnh tật, già nua, chết chóc là điều hiển nhiên không thể tránh khỏi; vậy mà vẫn ôm ấp thói vô minh kiêu ngạo, khinh miệt những kẻ tật bịnh, già nua, chết chóc. Nếu như ta cũng khinh khi ruồng rẫy họ thì hóa ra ta bất công, không xứng đáng liêu ngộ giáo pháp tối thượng."

Trong khi miệt mài suy nghĩ về nỗi thống khổ của thế nhân, hoàng tử đã đánh mất cái ảo tưởng vô dụng về sinh lực, tuổi trẻ và cuộc đời. Chàng không còn hay biết gì về sự hoan lạc hay khổ đau, hoài nghi hay mệt mỏi, dục vọng hay yêu đương, hận thù hay khinh miệt.

Bỗng nhiên, chàng, và chỉ có chàng nhìn thấy một người tựa kẻ hành khất từ xa đi lại.

Hoàng tử hỏi: "Xin cho ta biết người là ai?"

Đạo sĩ đáp: "Một tráng sĩ. Vì sợ sinh tử nên ta đã trở thành một đạo sĩ khổ hạnh. Ta đang tìm sự giải thoát. Thế giới phải chịu sự hủy diệt. Ta không suy nghĩ như người khác. Ta lánh xa lạc thú. Ta không biết gì về tham dục. Ta tìm cảnh cô đơn. Có lúc ta ở dưới gốc cây, có khi ta sống trong núi sâu rừng rậm. Ta không có gì cả. Ta không mong gì cả. Ta lang thang đây đó, sống nhờ vào bá tánh thập phương, chỉ tìm ra sự an lạc tối thượng."

Tất-đạt-đa sung sướng. Thấy được vị thế của nghĩa vụ mình, chàng quyết định giã từ hoàng cung và làm một sa môn.

Trở về hoàng thành, gần đến cổng, hoàng tử đi ngang qua một thiếu nữ đang cúi đầu thi lễ chàng và thưa rằng: "Tâu hoàng tử cao quý, ai là hôn thê của hoàng tử hẳn phải biết niềm hạnh phúc tối thượng." Nghe giọng nàng nói, tâm hồn chàng tràn ngập niềm hạnh phúc êm đềm: ý nghĩ an vui hạnh phúc và cứu cánh niết bàn đã đến với chàng.

Đến gặp phụ vương, hoàng tử cúi đầu thi lễ tâu:

"Tâu phụ vương, xin phụ vương chấp thuận lời thỉnh nguyện của con, xin đừng cự tuyệt, con đã quyết định. Con muốn từ giã hoàng cung. Con muốn lên đường giải thoát. Tâu phụ vương, con phải ra đi."

Bị xúc động tê tái, quốc vương ghen ngào rơi lệ nói với con:

"Con à, hãy bỏ ý định đó đi. Con còn trẻ lắm, chưa có thể đi theo tiếng gọi của tôn giáo đâu. Những ý nghĩ trong tuổi thanh xuân của chúng ta thường bất định, thay đổi. Ngoài ra, tuổi trẻ mà tu tập khổ hạnh là một lỗi lầm nghiêm trọng. Cảm quan của chúng ta luôn luôn khao khát về những lạc thú mới lạ. Những quyết tâm kiên cố nhất cũng chẳng ăn nhằm gì nếu ta biết cái giá của sự cố gắng. Thẻ xác của chúng ta lang thang trong rừng đục vọng nhưng tư tưởng của chúng ta không vướng mắc là được. Tuổi trẻ thiếu kinh nghiệm. Để cha xuất gia tu hành thì đúng hơn. Đã đến lúc cho cha từ giả hoàng cung. Con ơi, cha thoái vị. Hãy thay thế cha mà giữ gìn xã tắc. Hãy cứng rắn, cam đảm; hoàng tộc đang cần con. Cha mong con hãy ném đủ lạc thú của tuổi xuân và khoái lạc của những năm tháng sau này trước khi con vào rừng làm ẩn sĩ."

Hoàng tử tâu:

"Tâu phụ vương, xin phụ vương hứa cho con bốn điều thì con sẽ không từ giả hoàng cung để vào rừng"

"Bốn điều gì? quốc vương hỏi.

"Hứa là mạng sống của con sẽ không kết thúc bằng cái chết, bệnh tật sẽ không tàn hại sức khỏe của con, cái già sẽ không theo sau tuổi xuân của con, và tai họa sẽ không hủy diệt sự phồn vinh của con."

Quốc vương đáp: "Con đòi hỏi nhiều quá. Hãy bỏ ý định đó đi. Hành động theo tiếng gọi ngu xuẩn chả có ích gì đâu con."

Uy nghi như núi tu di, hoàng tử tâu:

"Tâu phụ vương, nếu phụ vương không thể hứa cho con bốn điều đó thì xin phụ vương đừng giữ con lại. Khi một người đang cố thoát khỏi căn nhà hực lửa thì chúng ta không nên ngăn cản họ. Ngày ấy đến thì tất yếu chúng ta phải giã biệt trần thế thôi, nhưng ra đi trong cưỡng bức thì có giá trị gì? Thiện chí ra đi thì tốt đẹp hơn. Cái chết sẽ lôi con ra ngoài trần thế trước khi con đạt đến mục tiêu, trước khi con thỏa lòng nhiệt huyết. Thế gian là một ngục tù: làm sao con có thể giải thoát những chúng sanh tù nhân của đục vọng! Thế gian là một hố thăm đầy dẫy những kẻ vô minh mù tối thất thủ lang thang: làm sao con có thể đốt lên ngọn đèn giác ngộ, con có thể lột bỏ tấm màn che mờ ánh sáng trí tuệ! Thế gian đã giương cao ngọn cờ mê vọng, ngọn cờ kiêu mạn: làm sao con có thể hạ nó xuống và xé nát tan tành! Thế gian nằm trong trạng thái nhiễu loạn, thế gian là một vòng lửa

khổng lồ: làm sao, với chánh chấp, con có thể mang hòa bình hạnh phúc đến cho nhân loại!"

Hoàng tử trở về cung điện với hai hàng nước mắt rờn rờn. Bạn hữu của Da-du đang vui cười ca hát trong đại sảnh đường. Chàng chả ngó ngang gì đến họ. Thế rồi màn đêm buông xuống và họ cũng lặng lẽ kết thúc cuộc vui.

Họ lẫn ra ngủ. Hoàng tử đứng ngắm họ.

Vẻ duyên dáng yêu kiều đầy dụng tâm của họ đã biến mất, những đôi mắt long lanh quyến rũ của họ cũng đi luôn. Đầu tóc rối bù, miệng mồm há hốc, ngực vú lép xẹp, tay chân dang ra cứng đờ hoặc vắn vẹo thô kệch chông gác lên nhau, hoàng tử cất tiếng than:

"Chết! Họ chết rồi! ta đang đứng trong một nghĩa địa!"

Rời khỏi cung điện, hoàng tử đi thẳng đến tàu ngựa của hoàng gia.

---o0o---

XII- TẮT-ĐẠT-ĐA GIÃ TỪ CUNG ĐIỆN CỦA PHỤ VƯƠNG

Hoàng tử gọi Xa-nặc (Chandaka), người xà ích nhanh nhẹn đến.

Chàng ra lệnh! "Xa-nặc, hãy đem ngựa kiền-trắc (Kanthaka) của ta đến ngay. Ta muốn lên đường tìm nguồn hạnh phúc bất diệt. Ta cảm thấy hân hoan sung sướng và không một sức mạnh phi thường nào giờ đây có thể ngăn cản được ý chí của ta. Ta đoán chắc rằng dù sống một mình ta vẫn có người che chở. Tất cả những dự kiện đó cho ta thấy là ta sắp đạt đến mục tiêu. Giờ khởi hành đã đến, đưa ta lên đường giải thoát đi thôi."

Nhớ lệnh vua, nhưng Xa-nặc cảm thấy có một sức mạnh siêu việt nào đó đang thôi thúc anh bất tuân mệnh lệnh. Anh đi tìm ngựa quý.

Kiền trắc là một con tuấn mã kỳ diệu; nó khỏe mạnh và hiền ngoan. Tất-đạt-đa lặng lẽ vuốt ve, âu yếm nói với nó:

"Hỡi tuấn mã yêu quý, nhiều lần phụ vương ta đã cỡi ngươi đánh bại biết bao kẻ thù gan góc giữa trận tiền. Hôm nay, ta ra đi tìm nguồn hạnh phúc tối thượng, hỡi kiền trắc! hãy giúp ta lên đường. Bạn bè khổ sướng bên

nhau không phải khó tìm và chúng ta không bao giờ thiếu bạn khi chúng ta đi tìm giàu sang phú quý, nhưng một khi chúng ta dần thân theo đường hướng thánh thiện thì bạn bè thân thích lại xa lánh ta. Tuy nhiên, ta tin chắc một điều là ai giúp kẻ khác làm thiện hay làm ác, người ấy sẽ gặt hái thành quả thiện ác tương xứng. Nay kiên trắc, hãy biết rằng chính động cơ đạo hạnh thúc đẩy ta. Hãy dùng sức lực và vận tốc của người giúp ta lên đường. Sự giải thoát của thể nhân và của chính người là điều hiển nhiên chắc thật."

Hoàng tử nói với con kiên trắc như thể tâm sự với một người bạn. Chàng đứng mãi lên yên ngựa và trông chàng như vàng thái dương trên một áng mây mùa thu bạc trắng.

Bầu trời đêm trong vắt. Con tuấn mã cẩn thận không gây tiếng động. Chưa có ai thức dậy ở hoàng cung hay ở kinh thành Ca-tỳ-la-vệ. Những thanh sắt nặng nề bảo vệ cổng thành tự động lặng lẽ mở ra cho hoàng tử đi qua, những cửa sắt mà một thốt voi khó khăn lắm mới nhắc chúng lên được.

Từ giả phụ vương, hài nhi và dân chúng, Tất-đạt-đa lên đường xa hãn thành đô. Không còn gì ân hận, chàng quả quyết tuyên bố:

"Ta sẽ không trở về thành Ca-tỳ-la-vệ cho đến khi ta tìm ra cứu cánh của cuộc đời và cái chết.

---o0o---

XIII- ĂN SĨ TẤT-ĐẠT-ĐA

Con kiên-trắc dừng cảm chở hoàng tử đi được một đoạn xa. Cuối cùng, khi mặt trời sắp bắt đầu phá tan màn đêm, các vị hoàng gia tôn thất thấy chàng gần tới một cánh rừng có nhiều ẩn sĩ tâm thành cư ngụ. Hươu nai nằm ngủ êm đềm dưới những tàng cây. Chim chóc tha hồ nhớn nhơ bay lượn. Tất-đạt-đa cảm thấy tạm ổn, khỏi cần phải đi xa nữa. Chàng xuống ngựa, vuốt ve âu yếm con tuấn mã. Ánh mắt và giọng nói của chàng hiện rõ nét hân hoan sung sướng, chàng tâm sự với Xa-nặc:

"Quả thật con tuấn mã có sức lực và vận tốc của một thiên thần. Còn bạn, người bạn thâm tình quý mến đã hộ tống ta, đã cho ta thấy thiện cảm và lòng can trường của bạn cao quý biết chừng nao. Đó là một nghĩa cử cao cả. Bạn đã làm ta hài lòng. Máy ai tổng hợp được năng lực và lòng tận tụy như bạn, hiếm lắm! Bạn đã chứng tỏ là bạn quý của ta và không mong cầu ở ta một ân huệ gì. Nhưng vị tha vô ngã chính là yếu tố đưa người xích lại gần

nhau. Ta tin chắc là bạn đã mang lại cho ta rất nhiều hạnh phúc. Giờ đây, mong bạn đưa giùm con tuần mã này trở về hoàng thành. Ta đã tìm ra cánh rừng mà ta mong muốn."

Tráng sĩ Tát-đạt-đa cởi hết đồ châu báu và trao lại cho Xa-nặc.

Chàng nói: "Mong bạn cầm giùm xâu chuỗi này về trao lại cho phụ vương ta. Tâu với phụ vương ta là hãy tin tưởng vào ta và đừng buồn khổ gì cả. Ta vào rừng ẩn cư tu tập không phải vì thiếu tình cảm bạn bè hay vì kẻ thù gây hấn, cũng không phải vì ta tìm ra nơi an ổn tu hành với các chư thiên. Việc ra đi của ta có một ý nghĩa xứng đáng hơn, cao cả hơn. Ta sẽ diệt trừ cái già và cái chết. Vì thế cho nên, này Xa-nặc, đừng buồn rầu, đừng để cho phụ vương ta phải khổ đau. Ta từ giã hoàng gia là để nhỏ sạch gốc rễ đau khổ. Đau khổ bắt nguồn từ tham dục, và mỗi người là một tên nô lệ cho chính lòng tham dục của mình, thật đáng thương thay! Khi một người qua đời, những kẻ thừa kế sản nghiệp thì lúc nào cũng có, nhưng những kẻ kế thừa đức hạnh thì thật là hiếm hoi, hầu như không bao giờ có. Nếu phụ vương ta nói với bạn: "Nó vào rừng chưa đúng lúc" thì bạn sẽ đáp rằng mạng sống quả thật mong manh, còn việc tu tập đức hạnh thì không bao giờ có chuyện sớm trễ. Này bạn quý của ta, hãy tâu lại với phụ vương ta như thế. Hãy hết lòng giúp phụ vương ta chóng quên ta. Tâu giùm với phụ vương ta rằng ta chả có đức hạnh gì cả. Kẻ nào không đức hạnh, kẻ ấy không được người khác kính yêu; và ai chả bao giờ được người khác kính yêu, người ấy cũng chả bao giờ bị đau khổ. "

Nước mắt ràn rụa, Xa-nặc đáp:

"Ồ, những người yêu quý hoàng tử sẽ khóc than thương nhớ biết bao! Hoàng tử còn trẻ lắm, đẹp lắm, lâu đài cung điện của chư thiên phải là nhà cửa của hoàng tử, vậy mà hoàng tử nữ sống trong rừng sâu, nữ ngữ trên cỏ xót sao? Lão biết quyết định tàn nhẫn của hoàng tử rồi. Lão lẽ ra không tìm con tuần mã kiên trắc, nhưng một năng lực siêu nhiên nào đó đã xúi giục lão, nên lão đã đem ngựa đến cho hoàng tử. Lão biết làm thế nào bây giờ? Đau buồn giờ đây sẽ tìm đường dẫn lối vào thành Ca-tỳ-la-vệ. Tâu hoàng tử, phụ vương yêu quý hoàng tử biết bao, xin đừng bỏ phụ hoàng! Còn Ma-ha-ba-xà-ba-đề nữa? Mẫu hậu chưa có tình nghĩa gì với hoàng tử sao! Mẫu hậu là dưỡng mẫu của hoàng tử, xin đừng vô ơn bội nghĩa! Và không còn một phụ nữ nào khác vô vàn yêu quý hoàng tử à? Xin đừng bỏ Da-du trung hậu! Hãy giúp người dưỡng dục hài nhi đề rồi mai kia con hoàng tử sẽ mang vinh quang đến cho hoàng tử!

Xa-nặc khóc sụt nước mắt. Tráng sĩ Tát-đạt-đa đứng lặng yên. Xa-nặc thưa tiếp:

"Hoàng tử sẽ vĩnh viễn giã từ hoàng gia! Ô, nếu hoàng tử phải gây khổ đau cho hoàng tộc thì xin hoàng tử ít ra cũng thương tình lão, thương nỗi thống khổ của người mang tin buồn! Phụ hoàng sẽ nói gì với lão khi thấy lão trở về không thấy hoàng tử? Nhũ mẫu của hoàng tử sẽ nói gì với lão? Da-du sẽ nói gì với lão? Và khi lão đứng trước mặt phụ hoàng thì hoàng tử lại bảo lão phủ nhận đức hạnh của hoàng tử! Trời ơi! Lão biết làm sao bây giờ? Lão không thể nói láo, và dù cho lão phải nói thì ai có thể tin lão, ai là người tin rằng mặt trăng có những tia nắng gay gắt?"

Xa-nặc nắm tay tráng sĩ nói:

"Xin đừng ruồng bỏ chúng tôi! Hãy trở về! Ô, hãy trở về!"

Tát-đạt-đa vẫn đứng lặng yên. Cuối cùng, chàng nghiêm giọng nói:

"Xa-nặc, chúng ta phải tạm biệt nhau thôi. Đã đến lúc những ai bị dây yêu thương ràng buộc hẳn phải đi theo đường hướng riêng biệt của mình. Nếu vì tình yêu thương gia đình mà ta không nở ra đi thì dù gì chẳng nữa cái chết cũng sẽ chia cách chúng ta. Giờ đây, ta là gì với nhũ mẫu ta? Và nhũ mẫu ta là gì với ta? Chim chóc tá túc qua đêm trên cùng một lùm cây, nhưng bình minh vừa ló dạng thì mỗi con một hướng, tứ tán khắp bốn phương trời. Có những cơn gió làm mây hợp lại và cũng có những cơn gió làm mây tan ra. Ta không thể sống trong một thế giới hoàn toàn ảo mộng nữa. Bạn à, chúng ta phải tạm biệt nhau thôi! Nói giùm với dân thành Ca-tỳ-la- vệ là ta chưa làm gì đáng trách, bảo giùm với họ là hãy tạm quên ta, chẳng bao lâu nữa họ sẽ gặp lại ta, người chinh phục lão tử, trừ phi ta thất bại và chết thảm thương."

Con kiền-trắc le lưỡi liếm chân tráng sĩ Tát-đạt-đa. Chàng âu yếm vuốt ve con tuấn mã và nói với nó như tâm tình với một người bạn:

"Đừng đau buồn than khóc. Ngươi đã chứng tỏ là một tuấn mã trung thành. Hãy nhẫn nại. Công việc nặng nhọc của ngươi gần đến lúc được thưởng rồi."

Đoạn chàng lấy cây kiếm trên tay của Xa-nặc, cây kiếm sắc bén có cán khảm ngọc châu và cần vàng, chàng đưa một nhát cắt tiện mái tóc rồi quăng kiếm lên không trung, nó lóe sáng như một hành tinh mới lạ và biến mất.

Nhưng trên người tráng sĩ vẫn còn khoác chiếc cẩm bào sặc sỡ. Chàng đang cần một chiếc áo bình dị, phù hợp với cuộc đời ẩn sĩ hơn. Ngay lúc đó, có một thợ săn mặc chiếc áo vải thô màu ngà ngà xuất hiện, Tất-đạt-đa nói với gã:

"Chiếc áo êm đềm bình dị của bạn trông giống như y phục của các vị ẩn sĩ, nó trái hẳn với cây cung tàn bạo của bạn. Cho ta đổi chiếc áo của ta cho bạn, nó sẽ phù hợp với bạn hơn."

Gã thợ săn nói: "Xin cảm ơn bộ y phục này, ta có thể đánh lừa được dã thú trong rừng. Chúng sẽ hết sợ ta, và ta có thể hạ chúng trong gang tấc. Thưa ngài, nếu ngài cần, ta bằng lòng đổi y phục của ta cho ngài."

Tất-đạt-đa sung sướng mặc bộ y phục bằng vải thô, màu ngà ngà của gã thợ săn, và gã thợ săn kính cẩn mặc bộ y phục của tráng sĩ rồi đi mất. Tất-đạt-đa vui mừng được bộ y phục của ẩn sĩ trong khi Xa-nặc đứng ngạc nhiên sững sờ.

Khoác bộ y phục màu ngà lên người, tráng sĩ thánh thiện lầm liệt lên đường thẳng đến nơi ẩn cư. Chàng trông như núi tu di giữa những áng mây hoàng hôn phủ kín.

Và Xa-nặc, với cõi lòng đau buồn nặng trĩu, thất thểu lên đường trở lại kinh thành Ca-tỳ-la-vệ.

---o0o---

XIV- NỖI ĐAU BUỒN CỦA DA-DU VÀ VUA TỊNH-PHẠN

Da-du đã thức dậy trong đêm dày sâu thẳm. Một cảm giác bút rút khó chịu bao trùm lấy nàng. Nàng cất tiếng gọi hoàng tử Tất-đạt-đa yêu quý nhưng không ai đáp lại. Nàng đứng lên. Nàng chạy qua các cung điện của hoàng gia nhưng cũng không thấy chàng đâu cả. Hoảng hốt, nàng quay nhìn các thị nữ đang thiếp ngủ và buộc miệng than dài:

"Ồ, tàn nhẫn, tàn nhẫn! Các người đã phản bội ta! Các người đã để người yêu của ta đi mất!"

Các thị nữ thức dậy, chúng tìm khắp các phòng. Không còn gì nghi ngờ nữa: hoàng tử đã giã biệt hoàng cung rồi. Da-du lăn nhào xuống đất, đắm

đầu, bứt tóc, bao nhiêu nét đau buồn thể hiện rõ trên khuôn mặt nàng.

"Có lần hoàng tử nói với ta là hoàng tử sẽ ra đi, đi xa, hoàng tử là quốc vương của mọi người mà! Ta không bao giờ nghĩ cảnh chia ly tàn nhẫn lại xảy ra sớm thế. Ô, hoàng tử yêu quý của em ơi, anh đi đâu? Anh đi đâu? Em không thể nào quên anh được. Em khổ lắm, khổ lắm! Anh ở đâu? Anh ở đâu? Anh đẹp lắm mà! Vẻ đẹp của anh không ai sánh bằng mà! Đôi mắt của anh long lanh mà! Anh đẹp lắm mà! Anh yêu của em mà! Anh yêu quý của em mà! Anh không thấy hạnh phúc sao? Ô, anh ơi, anh yêu quý của em ơi, anh nỡ bỏ em đi đâu vậy?"

Bạn bè thân thích của nàng cô khuyên giải nàng nhưng vô ích.

"Từ nay về sau ta chỉ ăn uống để cầm hơi, để đỡ đói khát. Ta sẽ ngủ trên sàn đất, bện tóc như ả sĩ. Ta sẽ không tắm nước hoa, ta sẽ chế ngự dục lạc. Vườn tược cần cỗi, cây trái tiêu điều, hoa giăng ủa tàn, bám đầy bụi đất. Cung điện vắng vẻ u buồn, không còn giọng hát êm đềm tươi sáng như ngày hôm qua."

Ma-ha-ba-xà-ba-đề được tin Tát-đạt-đa ra đi do một thị nữ của Da-du kể lại, bà vội đến gặp Da du, cả hai ôm nhau khóc nức nở.

Hay tin đau buồn, quốc vương Tịnh-Phạn hỏi nguyên do. Một cận thần đến nơi tìm hiểu và trở về báo rằng:

"Tâu bệ hạ, hoàng tử không còn ở hoàng cung nữa."

Quốc vương quát lên: "Hãy đóng chặt các cổng hoàng thành lại. Hãy tìm khắp các phố thị, hoa viên, nhà cửa thế nào cho ra con ta."

Mọi người răm rắp tuân hành mệnh lệnh của vua nhưng không tìm đâu ra hoàng tử. Quốc vương khóc rống lên:

"Con ơi, con yêu quý nhất đời của cha ơi! Quốc vương vừa nức nở vừa lăn nhào xuống đất bất tỉnh. Lát sau, nhờ mọi người chăm sóc, ngài hồi tỉnh ra lệnh:

"Các kỵ binh hãy đi khắp mọi hướng, tìm được con ta và đưa về đây gấp!"

Ngay lúc đó, Xa-nặc và tuần mã kiên trắc đang từ rừng khỏ hạnh chậm chạp trở về hoàng thành. Gần đến hoàng cung, cả người lẫn ngựa đều ngừng đầu lộ vẻ đau buồn. Một số kỵ binh vừa trông thấy, họ reo lên:

"Xa-nặc đó! Kiên trắc đó!" họ vừa reo vừa phóng ngựa phi nước đại. Đến nơi, thấy xa nặc mang đồ châu báu hoàng tử về, họ lo ngại hỏi:

"Hoàng tử đã bị ám sát rồi chăng?"

Xa-nặc nhanh nhẩu đáp: "Không, không. Hoàng tử bắt ta mang đồ châu báu này về trả lại cho hoàng gia. Hoàng tử đã khoác áo ẩn sĩ, đã vào rừng khỏ hạnh tu tập với một số thánh nhân nào đó."

Các kỵ binh hỏi: "Ngài tin là chúng ta có thể đến gặp và thuyết phục hoàng tử trở về với chúng ta không?"

"Ta e là lời yêu cầu của các ngài chả được gì. Hoàng tử quyết liệt lắm. Chàng nói: 'Ta sẽ không trở về kinh thành Ca tỳ la vệ cho đến khi ta chế ngự được lão tử'. Chàng nói gì là làm đó. "

Xa-nặc theo các kỵ binh trở về hoàng cung. Quốc vương triệu lão đến hỏi ngay:

"Xa-nặc, con trẫm! con trẫm! con trẫm đâu rồi?"

Người xà ích già râu vua về tự sự của hoàng tử. Quốc vương vô cùng đau đớn nhưng không thể không than phục tinh thần vĩ đại của con mình.

Da-du và Ma-ha-ba-xà-ba-đề hay tin Xa nặc đã về, họ đến gặp lão, hỏi qua mọi chuyện và thấy được ý chí cao cả của Tất-đạt-đa.

Da-du nghẹn ngào nức nở: Ô, anh là nguồn vui, nguồn hạnh phúc của em. Giọng nói của anh êm dịu ngọt ngào; sức khỏe; vẻ đẹp, kiến thức và đức độ của anh kỳ diệu biết bao! Khi anh nói, em cứ tưởng là em đang nghe khúc tình ca thánh thoát êm đềm. Khi tựa vào anh, em lại được hưởng trọn hương thơm của muôn ngàn hoa lá. Giờ đây, xa anh rồi, em chỉ biết khóc thôi. Anh là đạo sư của em, nay anh đi rồi, việc gì sẽ xảy đến cho em? Em đã mất sạch kho tàng châu báu, em sẽ nếm mùi nghèo khổ. Anh là đôi mắt của em, em không còn nhìn thấy ánh sáng nữa, em mù lòa rồi. Ô, khi nào anh về hỏi anh là nguồn vui, nguồn hạnh phúc của em? "

Thấy những châu báu do Xa-nặc mang về, Ma-ha-ba-xà-ba-đề đứng nhìn chúng một hồi lâu rồi òa lên khóc. Bà lấy hết châu báu và rời khỏi hoàng cung.

Vừa đi vừa khóc, bà băng ngang qua hoa viên, đến một khu hồ, bà dừng lại ngắm các châu báu một lần nữa rồi vất hết xuống nước.

Con tuấn mã kiền trặc đã về đến tàu cũ, những con ngựa khác mừng rỡ hí vang nhưng hăn chẳng nghe thấy gì. Hăn khắc khoải đau buồn, thống thiết hí lên vài tiếng rồi lăn đùng ra chết.

---o0o---

XV- GIÁO THUYẾT CỦA ĐẠO SĨ A-LA-LAM

Tất-đạt-đa vào rừng khổ hạnh, nơi đạo sĩ A-la-lam (Arata Kalama) dạy thuyết khổ tu cho một số đông đệ tử. Ngài xuất hiện ở đâu là được mọi người tán dương ở đó, ngài đi đến đâu là hào quang rực sáng đến đó. Mỗi khi ngài nói, các đạo sĩ khác đều thích thú lắng nghe, giọng ngài ngọt ngào và đầy khí lực. Ngài thu hút tất cả mọi người. Một hôm, A-la-lam nói với ngài:

"Người đã hiểu rõ giáo pháp như ta hiểu. Tất cả những gì ta biết, người đều biết. Từ nay về sau, nếu người muốn, ta sẽ nhường việc cho người, hai ta cùng giáo hóa môn đệ."

Tráng sĩ tự hỏi: "Giáo pháp A-la-lam giảng dạy phải chăng là chánh pháp? Nó có đưa đến giải thoát không?"

Ngài suy nghĩ: "A-la-lam và đồ chúng sinh sống cực kỳ khổ hạnh. Họ từ chối thực phẩm do người làm ra. Họ chỉ ăn trái cây hoặc rễ lá. Họ chỉ uống nước lạnh. Họ ăn uống đạm bạc sơ sài hơn cả chim muông mổ vài hạt đậu li ti, hơn cả hươu nai cắn vài lá cỏ, hơn cả rắn rít hít thở khí trời. Họ ngủ dưới tàng cây, mặc cho hơi nóng mặt trời thiêu đốt. Họ phơi mình ra gió rét. Họ quì trên sỏi đá ngoài đường đến bầm cả gối chân. Họ cho đức hạnh bắt nguồn từ đau khổ. Họ nghĩ là họ sẽ được hạnh phúc. Họ tin là càng luyện tập khổ hạnh khát khe bao nhiêu, họ càng được lên thiên đàng bấy nhiêu! Vâng, họ sẽ lên thiên đàng! nhưng nhân loại vẫn tiếp tục chịu khổ đau lão tử! Tu tập khổ hạnh mà không biết gì về nỗi thống khổ thường xuyên của sanh tử thì chỉ tạo thêm khổ khổ gia tăng. Nhân loại run sợ trước cái chết nhưng vẫn nỗ lực để được ra đời. Họ càng lúc càng lao sâu xuống chính cái hố thẳm mà

họ lo sợ. Nếu hành hạ xác thân là việc dâng hiến chân thành thì ham mê dục lạc hẳn phải là điều tội ác ghê gớm, nhưng đọa đày thân xác ở kiếp này để được hưởng hoan lạc ở kiếp sau thì hóa ra thành quả của hiến dâng đích thị là tội ác. Nếu ăn uống qua loa đạm bạc để được thành thánh thì hươu nai sẽ thành thánh cả, và những kẻ khốn nạn từ bỏ giai cấp đó cũng thành thánh hết. Đối với họ, ai vướng vào dục lạc thì không thể thành thánh. Họ cho chủ tâm đọa đày thân thể là yếu tố tăng trưởng đạo hạnh. Chính chủ tâm đó! Chúng ta có thể chủ tâm hưởng thọ dục lạc cũng như chúng ta có thể có chủ tâm chấp nhận khổ đau, và nếu chủ tâm hưởng thọ dục lạc chả có ý nghĩ gì thì tại sao chủ tâm chấp nhận khổ đau phải có giá trị?"

Ngài trầm ngâm suy nghĩ như thế tại rừng khổ hạnh của A-la-lam. Thấy đạo sĩ giảng dạy giáo thuyết hão huyền, ngài đáp:

"Thưa đạo sĩ A-la-lam, ta không thể giảng dạy giáo thuyết của ngài. Ai tu tập theo đó, người ấy sẽ không thấy sự giải thoát. Ta sẽ từ giã cánh rừng khổ hạnh của ngài. Ta sẽ tìm kiếm pháp môn đích thực mà ta phải theo trước khi chúng ta có thể dẫn thân vào con đường khổ tu ép xác."

Tráng sĩ lên đường thẳng đến nước Ma-kiệt-đà (Magadha). Ngài tu tập thiền định một mình trên một triền núi gần thành Vương-xá (Rajagriha).

---o0o---

XVI- TẮT-ĐẠT-ĐA VÀ VUA TÀN-BÀ-SA-LA

Một buổi sáng nọ, tráng sĩ ôm bình vào thành Vương-xá khát thực. Dân chúng qua lại trên đường đều tấm tắc thán phục sắc diện và phong thái đẹp đẽ cao sang của ngài. Họ tự hỏi: "Người này là ai? trông như một thiên thần, giống như ngài Đế-thích (Sakva) hay đấng Phạm-thiên (Brahma) vậy." Chẳng mấy chốc họ đồn ầm lên rằng có một nhân vật kỳ diệu đang vào thành khát thực. Mọi người muốn gặp mặt tráng sĩ; họ theo ngài đi quanh cùng khắp và các cô phụ nữ đổ xô đến các cửa sổ đứng ngắm chàng qua. Ngài vẫn đi nghiêm trang từng bước dọc theo đường lộ trong khi khắp thành rực lên một ánh hào quang kỳ lạ.

Có người đến báo tin cho quốc vương hay là một đạo sĩ như thiên thần đang khát thực trên đường phố. Vội lên sân thượng của hoàng cung, quốc vương Tần-bà-sa-la (Vimbisara) nhìn thấy tráng sĩ. Nét rực rỡ của ngài làm vua chói cả mắt. Quốc vương dâng ngài phẩm vật và cho người theo dõi, tìm

hiểu tông tích của ngài. Nhờ thế mà quốc vương biết được vị khát sĩ kỳ đặc kia ẩn dật trên triền núi gần thành Vương-xá.

Ngày hôm sau. Tân-bà-sa-la xuất thành thẳng đến triền núi. Quốc vương xuống xe, một mình đi bộ đến chỗ tráng sĩ ngồi dưới một tàng cây râm mát. Gần đến cội cây, quốc vương dừng lại, yên lặng, ngạc nhiên, cung kính ngắm nhìn vị khát sĩ tự tại.

Khiêm tốn cúi đầu, quốc vương nói:

"Trẫm đã gặp ngài và rất lấy làm hoan hỷ! Đừng ẩn dật trên triền núi hiu hắt này nữa, đừng ngủ nghỉ trên mặt đất khô cằn này nữa. Ngài đẹp lắm, tuổi xuân của ngài còn huy hoàng lắm, hãy theo ta về thành. Trẫm sẽ dâng ngài một cung điện, và rồi ngài muốn gì sẽ được đó."

Tráng sĩ khiêm tốn thưa: "Tâu quốc vương, tâu quốc vương, chúc quốc vương vạn tuế! Dục lạc chẳng có nghĩa gì đối với tôi. Tôi sống đời ẩn sĩ, tôi chỉ biết an lành."

Quốc vương nói: "Ngài còn trẻ, đẹp, nhiệt huyết và phong phú lắm. Ngài sẽ được nhiều mỹ nữ diễm kiều ở nước trẫm hầu hạ. Đừng đi đâu nữa. Hãy ở lại đây và hãy là bạn tâm phúc của trẫm."

Tráng sĩ thưa: "Tôi đã từ bỏ giau sang phú quý."

"Trẫm sẽ hiến cho ngài nửa vương quốc của trẫm."

"Tôi đã từ bỏ vương quốc lộng lẫy nhất."

"Ở đây, ngài có thể thỏa mãn mọi điều mong ước."

"Tôi đã hiểu rõ giá trị trống rỗng của mọi điều mong ước. Dục vọng như thuốc độc. Người khôn ngoan trí tuệ phải biết khinh bỉ từ bỏ chúng. Tôi đã vất chúng như người ta vất một bó rạ khô. Dục vọng dễ hư như trái đậu trên cây. Chúng ngổ ngáo như mây bay trên trời, chúng gian dối đồi chiều như gió mưa bất định! Đau khổ phát sanh từ dục vọng, bởi vì không ai thỏa mãn hết dục vọng của mình. Nhưng những ai tìm kiếm trí tuệ, ôm ấp chánh pháp, người ấy sẽ thấy an lạc hạnh phúc. Kẻ nào uống nước muối, người ấy khát mãi thôi; kẻ nào bỏ dục vọng, người ấy hết khao khát. Tôi không còn biết dục vọng là gì. Tôi đang kiếm tìm chánh pháp."

Quốc vương nói:

"Bạch khát sĩ, trí tuệ của ngài cao quý thay! Cho trăm biết quê hương của ngài là gì? Phụ mẫu của ngài ở đâu? Ngài thuộc giai cấp nào?"

"Tâu quốc vương, có lẽ ngài đã nghe nói đến kinh thành Ca-tỳ-la-vệ? Đó là một hoàng thành trù phú, sầm uất. Quốc vương Tịnh-Phạn là phụ thân của tôi. Tôi đã từ giả phụ vương tôi để lên đường đó đây khát thực."

Quốc vương đáp:

"Xin chúc ngài gặp nhiều may mắn! Trăm rất sung sướng được gặp ngài. Gia đình ngài và gia đình trăm giờ đây có thêm mối tình thâm giao bền chặt. Bạch tôn giả, xin thương trăm, khi nào ngài chứng đắc vô thượng bồ đề, xin ngài thương tình mà truyền đạt cho trăm với."

Quốc vương đánh lễ tráng sĩ ba lần rồi quay về kinh thành Vương-xá.

Tráng sĩ nghe gần thành Vương-xá có một ẩn sĩ lưng danh tên là Uất-đầu-lam-phát (Rudraka), con trai của Ra-ma (Rama). Ẩn sĩ này đã trao truyền giáo pháp cho nhiều môn đệ. Tráng sĩ đến nghe giảng thuyết nhưng cũng như A-la-lam, Uất-đầu-lam-phát không biết gì về chánh pháp cả. Tráng sĩ lại lên đường, không chịu ở lại. Lát sau, ngài đến bờ sông Ni-liên-thuyền (Nairanjana). Năm môn đệ của Uất-đầu-lam-phát là Kiêu-trần-như (Kaundinya), A-xả-bà-thê, còn gọi là Át-bệ hay Mã-thắng (Asvajit), Thập-lực-ca-diếp (Vashpa), Ma-ha-nam-câu-ly (Mahanaman) và Bạt-đề (Bhadrika) đều xin theo ngài

---o0o---

XVII- CÁC ĐỆ TỬ ĐẦU TIÊN TỪ BỎ TẤT-ĐẠT-ĐA

Dòng sông Ni-liên-thuyền trong xanh chảy qua một vùng đất phì nhiêu trù mật. Làng mạc nhỏ bé ẩn hiện trong mơ màng dưới những tàng cây xanh xinh, và những cánh đồng cỏ bao la trải dài bát ngát. Tráng sĩ, ngẫm nghĩ: "Nơi đây đẹp lắm, thú vị lắm! Cảnh trí êm đềm, phù hợp cho việc tu tập thiền định biết bao! Có lẽ, ở đây, ta sẽ tìm ra con đường dẫn đến trí tuệ. Ta sẽ ở lại đây."

Ngài đã mất hút vào thiền định. Ngài nhập định đến độ ngừng thở, và rồi một hôm, ngài té nhào bất tỉnh. Bỗng dung ngài thấy các thiên thần đang theo dõi ngài từ thiên giới la lên:

"Cậu bé dòng Thích-ca kia chết rồi, hoàng tử đã vĩnh biệt trần thế khôn khổ rồi sao?"

Và Ma-da, mẫu thân của tráng sĩ, sống với thiên thần, nghe tiếng kêu la thương tiếc, bà đâm ra lo sợ cho mạng sống của con trai mình. Cùng với một số đông tiên nữ theo hầu, bà hiện xuống bờ sông Ni-liên-thuyền, nhìn Tất-đạt-đa cứng đờ, bất động, bà khóc òa, than thở:

"Con ơi! khi con ra đời ở hoa viên, mẹ quyết chắc là con thấy được sự thật. Và sau này, A-tu-đà cũng tiên đoán rằng con sẽ giải thoát cho nhân thế. Nhưng tất cả đều sai hết. Con chưa được vinh hiển bằng một cuộc chinh phục lòng lẫy nào, con chưa chứng đắc vô thượng bồ đề! Vậy mà con đành chết một cách tội nghiệp cô quạnh thế này! Con ơi, ai có thể giúp con? Ai sẽ cứu được mạng sống của con? Mẹ đã mang con mười tháng nhọc nhằn, con yêu quý của mẹ ơi, tất cả chỉ là sự đau đớn!"

Bà vừa rải hoa lên thân thể của con trai mình thì ngài liền cử động và từ tốn thưa rằng:

"Mẹ ơi, đừng sợ! Việc mang nặng đẻ đau của mẹ không vô ích đâu; A-tu-đà không nói dối mẹ đâu. Dù trái đất có tan thành tro bụi, núi tu di có chìm xuống biển sâu, trăng sao có rơi rụng như mưa tuôn trên mặt đất, con vẫn sẽ không chết. Dù cho loài người và thế giới có bị tàn rụi đi nữa! Sắp đến lúc con chứng đắc vô thượng bồ đề rồi."

Ma-da hoan hỷ vui cười theo lời con, bà ba lần vái chào Tất-đạt-đa rồi cáo biệt về trời, về với điệu thiên nhạc êm đềm, du dương bất tuyệt.

Trong sáu năm dài, tráng sĩ đã lưu lại trên bờ sông và tu tập thiền định. Ngài không hề tìm kiếm chỗ trú nắng che mưa, mặc cho gió bão gào thét, mặc cho muỗi mòng rần rít tha hồ đốt cắn. Trẻ em nam nữ, những bọn chăn cừu, những lão tiều phu, mỗi khi đi qua thường quấy phá ngài, có lúc họ ném cả đất bùn vào người ngài, ngài vẫn thản nhiên. Ngài hạn chế ăn uống đến mức tối đa: mỗi ngày chỉ ăn một trái cây hay vài ba hạt gạo hạt mè. Ngài mỗi lúc một gầy hảnh đi, bao nhiêu xương xẩu hiện rõ ra ngoài. Nhưng bên dưới vàng trán gầy gò hóc hác ấy, đôi mắt tinh anh của ngài vẫn sáng quắc như trăng sao.

Tuy thế, ngài vẫn chưa thành tựu chánh giác. Ngài cảm thấy bị suy nhược trầm trọng. Ngài ý thức rằng nếu tiếp tục phí phạm sinh lực như thế thì chắc chắn sẽ không bao giờ đạt đến mục tiêu đã đặt. Ngài quyết định ăn uống trở lại.

Gần nơi tu tập thiền định hàng giờ của Tất-đạt-đa có một ngôi làng gọi là Ưu-lâu-tần-loa (Uruvilva). Viên xóm trưởng của làng này có mười người con gái, tất cả đều quý trọng tráng sĩ. Họ mang mè gạo và trái cây đến dâng hiến ngài. Ngài ít khi động đến những phẩm vật cúng dường đó. Nhưng, một hôm, các cô thấy ngài đã dùng hết những phẩm vật mà họ hiến cúng. Ngày hôm sau, họ mang đến một đĩa cơm to đầy ắp, ngài dùng hết đĩa cơm đó. Ngày hôm sau nữa, mỗi cô mang đến một món ăn quý khác nhau và tráng sĩ cũng dùng hết. Ngài bắt đầu khỏe mạnh, có da có thịt trở lại; và ít lâu sau, ngài lại vào làng khát thực. Dân làng tranh nhau cúng dường. Không mấy chốc, ngài đã lấy lại sức lực và vẻ đẹp như xưa.

Năm vị đệ tử theo ngài thọ giáo bàn với nhau;

"Lối khổ tu của ông ấy không đưa ông ấy thực hành đúng chánh giác. Ông ấy hết giữ khổ hạnh rồi. Ông ấy ăn uống sung sướng. Ông ấy mưu cầu tiện nghi thoải mái. Ông ấy không còn nghĩ đến việc tu tập thánh thiện nữa. Làm sao ông ấy giờ đây có thể chứng thành đạo quả? Chúng ta đã coi ông ấy là một hiền giả thông thái, chúng ta lầm; hẳn là một thằng điên, một thằng khùng."

Họ bỏ ngài và đi thẳng đến thành Ba-la-nại (Benares).

---o0o---

XVIII- TẤT-ĐẠT-ĐA DƯỚI CÂY ĐẠI GIÁC

Sáu năm mặc một bộ đồ, y phục của tráng sĩ đã trở nên bạc màu sờn rách. Ngài ngẫm nghĩ:

"Nếu như ta có một bộ đồ mới thì hay hơn, bằng không thì ta sẽ phải đi đứng lỏa lồ thôi; và như thế thì bất lịch sự quá."

Bảy giờ Tu-xà-đa (Sujata), cô bé thuần thành nhất trong mười cô thiếu nữ đã mang thực phẩm dâng ngài, có một tên nô lệ vừa chết. Nàng quán thi thể bằng một tấm vải gà và sai người đưa đi tống táng. Xác nô lệ nằm chình

ình trên mặt đất. Tráng sĩ đi qua, nhìn thấy tử thi, ngài ghé đến, nhẹ nhàng cởi lấy tấm vải bọc xác đó.

Tấm vải dính đầy bụi đất và tráng sĩ lúng túng không biết tìm đâu ra nước để giặt. Một tảng đá và một hồ nước trong xanh bỗng nhiên hiện ngay trước mặt thánh nhân.

Một cụ già đầu tóc bạc phơ từ xa đi đến thưa:

"Bạch tôn giả, tôn giả đưa tấm vải đó cho ta, ta sẽ giặt nó cho tôn giả."

Tôn giả đáp: "Không, không. Ta biết công việc phải làm của một đạo sĩ. Chính ta phải giặt lấy tấm vải này."

Giặt xong ngài xuống hồ tắm, sau đó ngài ngồi dưới một tàng cây và bắt đầu khâu tấm vải thành một chiếc y mới.

Màn đêm buông xuống, ngài thiếp ngủ và mơ thấy năm điều:

Trước hết, ngài thấy mình nằm trên một chiếc giường rộng lớn bằng cả trái đất; chiếc gối dưới đầu là rặng Hy mã Lạp Sơn; tay phải gác trên biển đông, và hai chân duỗi tới biển nam hải.

Kế đó, ngài thấy một cây lau từ rốn ngài mọc ra, mọc nhanh đến nỗi chỉ trong tích tắc đã vươn tới trời xanh.

Rồi ngài thấy sáu bò phủ đầy lên hai chân ngài.

Ngài thấy chim muông từ mọi nơi ào ào bay đến và khi gần tới đầu ngài thì chúng hình như toàn vàng.

Cuối cùng, ngài thấy mình ở dưới một chân núi nhóp nhúa đầy dãy phân tro; ngài trèo lên tới đỉnh núi rồi trèo xuống lại nhưng ngài không bị phân tro nhóp nhúa làm ô uế.

Thức dậy, kiểm nghiệm lại giấc mơ, ngài biết là ngày giác ngộ đã đến, và một khi đạt đến tri kiến tối thượng thì ngài sẽ thành một đức Phật.

Tu-xà-đa vừa lấy sữa xong tám con bò sữa tuyệt diệu của riêng nàng. Sữa có nhiều dầu mỡ và hương vị rất ngọt ngào. Nàng trộn chung cả sữa, mật ong và bột gạo vào một cái nồi mới và bắt nấu trên một cái lò mới. Bột

sữa bắt đầu tạo thành những bọt bong bóng to tướng nổi lên về phía bên phải chứ không như nước dâng lên hoặc tràn ra ngoài từng giọt. Chiếc lò không có một tí khói. Tu-xà-đa ngạc nhiên, nói với tỳ nữ Buộc-na (Purna) rằng:

"Buộc-na, hôm nay thiên thần sẽ ban ơn huệ cho chúng ta, ra xem thử có vị thánh nhân nào sắp đến nhà đó."

Buộc-na, từ ngưỡng cửa, nhìn thấy tráng sĩ đang tiến bước về hướng nhà của Tu-xà-đa, khắp người tỏa ra một ánh hào quang sáng chói, Buộc-na lóa cả mắt, chạy vào báo với cô chủ:

"Thưa cô, ngài ấy sắp đến! Ngài ấy sắp đến! Ánh hào quang rực rỡ của ngài sẽ làm cô chói mắt kìa!"

Tu-xà-đa nói: "Ồ, mong ngài đến! mong ngài đến! Chính vì ngài mà ta đã sửa soạn nồi sữa tuyệt diệu này."

Nàng rót sữa khuấy với mật ong và bột gạo vào một cái bát bằng vàng rồi chờ tráng sĩ đến.

Ngài vừa bước vào, cả phòng sáng rực lên. Để tỏ lòng tôn kính, Tu-xà-đa đánh lễ ngài bảy lần. Ngài ngồi xuống. Tu-xà-đa quì rửa chân ngài bằng một loại nước hoa thơm ngát; xong, nàng dâng ngài chiếc bát vàng đựng đầy sữa pha bột gạo và mật ong đó. Ngài nghĩ:

"Người ta bảo rằng chư Phật ở quá khứ, trước khi chứng đắc vô thượng bồ đề đều được cúng dường và thọ trai lần cuối trong một cái bát bằng vàng. Nay Tu-xà-đa dâng ta sữa mật đựng trong bát bằng vàng thế này chắc là thời điểm đã đến cho ta thành Phật."

Ngài hỏi thiếu nữ:

"Cô nương, ta phải làm gì với chiếc bát bằng vàng này?"

Nàng đáp: "Nó là của ngài."

Ngài nói: "Ta không biết dùng vào việc gì với chiếc bát như thế này."

Tu-xà-đa nói: "Thế thì ngài làm gì tùy ý. Cúng dường thực phẩm mà không cúng luôn cả bát thì thật là không phải cho con."

Tay cầm bình bát, ngài cáo lui và đi thẳng đến bờ sông. Tắm xong, ngài dùng hết bát sữa, rồi ném bát xuống nước và nguyện rằng:

"Nếu ta có thể thành Phật chính ngày hôm nay thì nguyện xin chiếc bát này trôi ngược dòng nước; bằng không thì cứ tự nhiên xuôi dòng."

Chiếc bát nổi bồng bồng ra đến giữa sông rồi bắt đầu phăng phăng trôi ngược dòng nước và biến mất tại một chỗ nước xoáy.

Tráng sĩ đi bộ từ từ dọc theo bờ sông. Màn đêm dần dần buông xuống. Hoa lá xếp gọn cánh cành, một mùi hoa ngọt ngào thoang thoang tỏa khắp ruộng vườn và từng đàn chim e thẹn tấu lên những khúc nhạc đều đều theo gió vang xa.

Tráng sĩ rảo bước về hướng cây Trí giác.

Con đường phủ đầy phấn vàng với những cây thốt nốt hy hữu máng đầy ngọc thạch đứng dài ở hai bên. Ngài đi dọc theo một bờ hồ ngạt ngào hương thơm thánh thủy. Những đóa sen xanh vàng đỏ trắng bồng nở trên khắp mặt hồ như thể khoe sắc khoe màu với đàn chim thiên nga đang cất tiếng líu lo vang vọng trên không. Gần hồ, dưới bóng cây thốt nốt, các tiên nữ đang hân hoan vũ múa, trong khi từ thiên giới, chư thiên đang hét lời tán phục vị tráng sĩ anh hùng.

Ngài tiến đến gần cây Trí-giác và gặp Cát-tường (Savastika), một gã cắt cỏ bên lề đường.

"Cát-tường, cỏ bạn đang cắt mòn mòn lắm! cho ta xin một ít. Ta muốn làm một chỗ ngồi và ta sẽ ngồi lên đó cho đến khi đạt thành chánh giác. Cát-tường, cỏ bạn đang cắt xanh tươi lắm! cho ta xin một ít, rồi ngày kia bạn sẽ hiểu được chánh pháp. Ta sẽ truyền chánh pháp cho bạn, và bạn có thể truyền lại cho nhiều người khác."

Gã cắt cỏ dâng cho tôn giả tám nắm cỏ.

Cây Trí-giác đứng sừng sững. Tráng sĩ vòng sang phía đông hái cây ấy bảy lần. Ngài vừa hái cỏ lên mặt đất, một chỗ ngồi trang nghiêm đột nhiên xuất hiện. Những nắm cỏ mòn mòn mềm mại trải đều lên chỗ ngồi như một tấm thảm êm ái xinh xinh.

Tráng sĩ ngồi xuống, đầu vai thẳng đứng, mắt ngó về phương đông, rồi dững mãnh trịnh trọng phát thệ nguyện rằng:

"Dù da nám, tay khô, xương tan thành cát bụi, nếu không đạt đến chánh giác, ta quyết không rời khỏi chỗ này."

Phát nguyện xong, ngài ngồi kiết già nhập định.

---o0o---

XIX- CẢNH THẤT BẠI CỦA MA-VƯƠNG

Hào quang khắp châu thân của tráng sĩ phóng xa đến tận thành lũy của tên ác quỷ Ma vương. Hấn chói mắt. Hấn hình như đã nghe được một giọng nói văng vẳng đâu đây báo nguy;

"Tráng sĩ, hoàng tử của Tịnh-phạn, đã từ bỏ vương quyền, giờ đây ngồi yên dưới cây đại giác. Ngài đang tập trung tinh thần. Ngài đang tập trung nỗ lực. Chẳng bao lâu nữa Ngài sẽ mang đến cho tất cả chúng sanh sự giúp đỡ cần thiết. Con đường ngài đi, người khác sẽ theo. Một khi giải thoát, ngài sẽ giải thoát cho kẻ khác. Một khi tìm được thanh bình, ngài sẽ mang thanh bình đến cho mọi người. Ngài sẽ vào niết bàn. Ngài sẽ tìm ra trí tuệ hạnh phúc, và ngài sẽ mang trí tuệ hạnh phúc đến cho tất cả chúng sanh. Vì ngài, lâu đài cung điện của chư thiên sẽ mỗi ngày một gia tăng; vì ngài, thành lũy của Ma-vương sẽ dần dần bị tiêu diệt. Còn mi, này Ma vương, một tư lệnh mà không có quân, một vị vua mà không có trung thần tá sứ, rồi đây sẽ không biết tá túc vào đâu."

Ma-vương đâm ra lo sợ. Hấn cố ngủ, nhưng ác mộng cứ chập chờn quấy phá. Hấn thức dậy và triệu tập tất cả tướng sĩ đến. Vừa trông thấy hấn, các tướng sĩ đều kinh hãi. Xát-tha-va-ha (Sarthavaha), một trong những người con trai của hấn, lên tiếng thưa.

"Tâu phụ vương, trông phụ vương xanh xao khổ sở lắm! Phụ vương đã nghe thấy gì mà tim phụ vương đập mạnh, tay chân phụ vương run rẩy thế này. Xin phụ vương cho con biết."

Ma-vương đáp: "Con ơi, những ngày tháng kiêu kỳ hống hách của cha sắp tàn rồi. Có kẻ cho cha biết là hoàng tử dòng Thích-Ca đang ngồi dưới cây bồ đề. Cha đã thấy những ác mộng khủng khiếp. Một đám mây đen bụi đất tấp vào mặt cha. Vườn tược của cha hết sạch hoa quả, trơ trụi cành lá.

Ao hồ của cha khô cạn. Chim thiên nga và đàn công của cha bị cắt trụi cánh. Cha cảm thấy bơ vơ một mình giữa cảnh hoang tàn đổ nát. Tướng sĩ và các con đều từ bỏ cha. Mẫu hậu của con thì đấm ngực bứt tóc như thể bị ân hận ám ảnh dày vò. Con gái của cha thì khóc than thê thảm, còn các con, con trai của cha, thì sụp lạy trước người nhập định dưới cội bồ đề! Cha muốn chiến đấu với kẻ thù của cha, nhưng cha không thể tuốt gươm ra khỏi vỏ. Tất cả thần dân của cha đều hãi hùng trốn hết. Màn đêm dày đặc trùm phủ lên cha, và cha nghe thấy cung điện của cha sụp đổ tan tành trên mặt đất."

Xát-tha-va-ha thưa:

"Tâu phụ vương, thất trận thì nản lắm! nếu phụ vương đã thấy những điềm bất tường như thế thì xin phụ vương hãy chờ dịp thuận tiện, đừng chạy theo liều lĩnh mà thất bại ô nhục."

Nhưng Ma-vương, thấy các đoàn quân đã tập trung quanh mình, lại hăng hái bảo con:

"Con người nghị lực phải kết thúc trận chiến trong thắng lợi huy hoàng. Chúng ta có thừa dũng cảm; chúng ta chắc chắn sẽ thắng. Tên đó tài cán sức lực gì? Hấn một mình. Ta sẽ tiến đánh hấn với một đoàn quân hùng hậu, và sẽ quật cổ hấn xuống gốc cây."

Xát-tha-va-ha thưa: "Số binh sĩ đó chưa đủ để tạo thành sức mạnh của một đoàn quân. Mặt trời có thể phóng ra hàng hà sa số tia sáng. Nếu trí tuệ là nguồn năng lực của hấn thì chỉ một tráng sĩ đó thôi cũng đủ sức đánh bại muôn ngàn hùng binh."

Không nghe theo lời con, Ma-vương ra lệnh đoàn quân tiến ngay. Xát-tha-va-ha ngậm ngùi:

"Kẻ điên cuồng kiêu ngạo sẽ không bao giờ hồi tỉnh."

Đoàn quân của Ma-vương trông dễ sợ. Gươm giáo cung tên chia lên tua tủa; kẻ cặp xà mâu tổ bố, người vác côn chùy nặng nề. Binh tốt xanh vàng đen đỏ đủ loại, mặt mày trông khủng khiếp. Mắt chúng phóng lửa dữ, miệng chúng khạc máu độc. Số thì vênh tai dê, số thì bành tai voi tai lợn. Nhiều tên thân hình tròn vo như cái lu. Một tên đầu lùa, vuốt hổ, bứu lạc đà; một tên khác kỳ sư tử, sừng tê giác, đuôi khi độn. Nhiều tên có hai, bốn hay năm đầu; nhiều tên có mười, mười hai hay hai mươi tay. Chúng trang sức bằng những bộ xương hàm, xương sọ và những đốt ngón tay khô đét đeo lưng lẫn cùng

mình. Chúng vừa ồ ạt xông tới vừa lắc lư những cái đầu lâu lông lá góm guốc với giọng hò reo man rợ kinh hồn:

"Ta có thể bắn mỗi phát một trăm mũi tên, ta sẽ tóm được thân mạng của gã sa môn đó. Bàn tay ta có thể bóp nát mặt trời, mặt trăng và muôn ngàn tinh tú. Nghiền nát hấn và cây bồ-đề sẽ là chuyện dễ dàng không đáng kể. Đôi mắt ta chứa đầy độc tố: chúng có thể đốt cạn cả biển khơi. Ta chỉ nhìn hấn là hấn sẽ cháy thành tro bụi."

Xát-tha-va-ha đứng một mình. Vài ba tên bạn khác vây quanh hấn nói:

"Đồ ngu! Ngài nghĩ xem, hấn điên là vì hấn nhập định, hấn im lặng là vì hấn hèn nhát. Chính bọn bay điên, chính bọn bay là những tên hèn nhát. Bọn bay không biết năng lực của tôn giả đó. Chính vì trí tuệ cao quý của ngài mà ngài sẽ đánh bại tất cả bọn bay. Dầu chúng bay có hăng hà sa số tướng sĩ như cát trên bờ sông Hằng, chúng bay cũng không thể xúc phạm đến một sợi tóc trên đỉnh đầu ngài. Bay tin là bay có thể giết được ngài ư! Ồ, hãy về đi! đừng ra sức hăm hại người vô ích, hãy cung kính quì lễ trước mặt ngài. Thời điểm ngự trị của ngài đã đến. Chó sói tru trong rừng chỉ khi nào vắng sư tử, nhưng một khi sư tử gầm lên thì chó sói khiếp hồn trốn lẹ. Đồ ngu! đồ ngu! Bọn bay gào thét kiêu hãnh trong lúc tôn giả lặng lẽ ngồi yên, đến khi sư tử gầm lên thì bọn bay lại chạy không bèn gót."

Đoàn quân lắng nghe Xát-tha-va-ha và bạn hấn nói về trí tuệ cao quý của tôn giả, nhưng chúng vẫn khinh thị, tiến tới.

Trước khi tấn công tráng sĩ, Ma-vương tìm cách làm cho ngài kinh hoàng. Hấn khiêu khích ngài bằng những trận cuồng phong khủng khiếp. Gió dữ từ xa âm âm thổi tới, làm bật gốc cây cối, tàn phá làng mạc, rung động núi rừng, nhưng tráng sĩ không hề nao núng, không hề dao động đến cả một nếp y.

Tên ác quỷ gọi mưa. Mưa tuôn ào ào xối xả, ngập chìm thành thị, vỡ mặt địa cầu, nhưng tráng sĩ vẫn thản nhiên bất động, một đường chỉ may y cũng còn nguyên không ẩm ướt.

Tên ác quỷ lại tạo ra những khối đá cháy đỏ ném vào tráng sĩ. Đá bay vèo vèo trên không nhưng khi gần đến cây bồ đề, chúng rơi xuống và biến thành hoa tươi.

Sau đó, Ma-vương hạ lệnh binh tốt xả tên bắn vào kẻ thù, nhưng tên bắn cũng biến thành hoa tươi. Đoàn quân đánh ập đến tráng sĩ, nhưng hào quang từ thân ngài tỏa ra chính là mộc khiên giáp trụ che chở quanh ngài; gươm dáo gãy ngang, búa đao mẻ sứt, và khi một binh khí nào rơi xuống đất là nó biến thành hoa tươi liền.

Thấy những cảnh tượng huyền diệu đó, binh lính của Ma-vương đâm ra kinh hãi và đột nhiên biến mất.

Ma-vương đau đớn, vò tay đấm đầu than thở:

"Ta phải làm gì nếu như tên đó đánh bại ta? Ta đã ban phát đủ thứ cho mọi tướng sĩ chứ đâu phải riêng ai! Ta đã từng bày tỏ lòng nhân từ độ lượng với chúng biết bao! Những tên hèn nhát kia đã thấy rõ điều đó, vậy mà chúng vẫn bỏ ta chạy trốn."

Đoàn quân yên lặng, lắng nghe, rồi lên tiếng đáp rằng:

"Vâng, ngài nhân từ độ lượng lắm! Chúng tôi đã thấy rõ điều đó."

Ma vương nói tiếp: "Còn hấn, hấn đã thể hiện chút gì độ lượng? Hấn đã làm gì được gọi là hy sinh? Ai có thể thấy lòng nhân ái của hấn?"

Ngay lúc đó, một giọng nói từ dưới đất vọng lên:

"Ta có thể thấy lòng độ lượng của tôn giả."

Ma vương sững sờ, hoảng hốt. Giọng nói thuật tiếp:

"Vâng, ta là địa nương, ta là thánh mẫu của tất cả chúng sanh, ta đã thấy rõ lòng nhân từ độ lượng của tôn giả. Ở những tiền kiếp xa xưa, tôn giả đã hàng trăm ngàn lần hy sinh cả tay, mắt, đầu, mình cho kẻ khác. Và ngay ở kiếp này, ngài sẽ tận diệt lần cuối cùng sanh, già, bệnh, chết. Nay Ma-vương, ngài không những hơn hấn người về sức lực mà còn bỏ xa người về lòng nhân từ độ lượng nữa."

Tên ác quỷ thấy một phụ nữ cực kỳ diễm lệ từ dưới đất hiện lên nửa người. Nàng chấp tay quì lễ tráng sĩ và thưa rằng:

"Bạch tôn giả, thần xin làm chứng cho lòng quảng đại của ngài."

Nói xong, nàng biến mất.

Ma-vương, tên ác quỷ, khóc rống lên, hấn đã bị thảm bại cay đắng.

---o0o---

XX- TẮT-ĐẠT-ĐA THÀNH PHẬT

Đoàn quân của tên ác quỷ đã biến hết vào lúc màn đêm buông xuống. Tráng sĩ giờ đây yên tĩnh nhập định, không còn bị Ma-vương quấy phá nữa. Canh một, Ngài chứng túc mạng thông, trực nhận mọi điều xảy ra ở những tiền kiếp xa xưa. Canh hai, Ngài ngộ tha tâm thông, rõ biết trạng thái tâm ký hiện hữu của vạn loại. Canh ba, Ngài chứng lậu tận thông, thấu triệt chuỗi nhân quả rốt ráo.

Bấy giờ Ngài thấy tất cả chúng sanh đều bị luân hồi sanh tử liên tục; dù cao hay thấp, dù sang hay hèn, ở vị thế nào Ngài cũng thấy chúng quay tròn theo vòng sanh diệt. Động lòng bi悯 trước duyên nghiệp của chúng sang, tráng sĩ ngẫm nghĩ:

"Trần gian này chịu cảnh sanh già bệnh chết rồi lại sanh già bệnh chết trôi lăn miên tục thống khổ xiết bao! nhân loại chẳng biết đường nào ra khỏi:"

Trong lúc nhập đại định, Ngài tự nhủ:

"Lão tử do đâu mà có? Có lão tử là vì có sanh. Lão tử do sanh mà có. Sanh do đâu mà có? Có sanh là vì có hữu. Sanh do hữu mà có. Hữu do đâu mà có? Có hữu là vì có thủ. Hữu do thủ mà có. Thủ do đâu mà có? Có thủ là vì có ái. Thủ do ái mà có. Ái do đâu mà có? Có ái là vì có thọ. Ái do thọ mà có. Thọ do đâu mà có? Có thọ là vì có xúc. Thọ do xúc mà có. Xúc do đâu mà có? Có xúc là vì có lục nhập. Xúc do lục nhập mà có. Lục nhập do đâu mà có? Có lục nhập là vì có danh sắc. Lục nhập do danh sắc mà có. Danh sắc do đâu mà có? Có danh sắc là vì có thức. Danh sắc do thức mà có. Thức do đâu mà có? Có thức là vì có hành. Thức do hành mà có. Hành do đâu mà có? Có hành là vì có vô minh. Hành do vô minh mà có."

Ngài suy nghĩ:

"Vì thế cho nên chính vô minh là gốc rễ của ưu bi khổ não và lão tử. Diệt vô minh là diệt hành. Diệt hành là diệt thức. Diệt thức là diệt danh sắc. Diệt danh sắc là diệt lục nhập. Diệt lục nhập là diệt xúc. Diệt xúc là diệt thọ."

Diệt thọ là diệt ái. Diệt ái là diệt thủ. Diệt thủ là diệt hữu. Diệt hữu là diệt sanh. Diệt sanh là diệt lão và tử. Hiện hữu là khổ đau. Ái dẫn dắt từ sanh đến tái sanh, từ khổ đến khổ khổ. Đoạn ái, chúng ta tránh được sanh; đoạn ái, chúng ta ngăn được khổ. Sống đời thánh thiện là ái bị tiêu trừ, và thế là chúng ta hết chịu sanh diệt đau khổ."

Khi bình minh vừa ló dạng, bậc vô thượng sĩ đó đã hiển nhiên là một đức Phật. Ngài tuyên bố:

"Ta đã trải qua vô lượng kiếp luân hồi sanh tử. Ta đã hoài công tìm kiếm kẻ xây nhà. Ô, vòng tái sanh miên viễn đau thương khôn nạn biết bao! Nhưng, hồi kẻ xây nhà, rốt cuộc ta đã nhận ra người. Người không còn xây nhà được nữa. Rủi mè, tường vách đều bị sụp đổ tan tành. Núi rừng cỏ xưa tan vỡ; tâm trí đạt đến niết bàn; sanh không còn thì ái cũng diệt."

Cả trái đất rung chuyển mười hai lần, cả trần gian giống như một đóa hoa vĩ đại. Chư thiên tán thán:

"Ngài mang ánh sáng cho nhân thế đã đến; Ngài che chở cho nhân gian đã đến! Con mắt mù lòa lâu đời của thế nhân nay được khai sáng, con mắt của nhân gian nay được hào quang rọi sáng từ đây. Hồi đáng chinh phục vinh quang, Ngài đã mang lại cho vạn loại hữu tình những điều mà chúng khao khát. Nhờ ánh sáng tối thượng của chánh pháp soi đường, tất cả chúng sanh sẽ đến bờ giải thoát. Xin Ngài hãy cầm đèn trí tuệ, hãy đứng mãi lên đường xưa tan hắc ám vô minh.

---o0o---

PHẦN HAI

I- ĐỀ-LÊ-PHÚ-BÀ VÀ BẠT-LÊ-CA

Đức Phật ngồi kiết già an nhiên bất động dưới cây đại giác. Ngài tận hưởng nguồn hỷ lạc mà Ngài vừa chứng ngộ hoàn toàn. Ngài suy gẫm: "Ta đã tìm ra sự giải thoát." Suốt tuần Ngài kiết già bất động dưới cội bồ đề.

Tuần thứ hai, Ngài làm một cuộc hành trình thật xa, ngài dạo khắp tam thiên đại thiên thế giới.

Tuần thứ ba, Ngài lại an nhiên bất động dưới cội bồ đề và chưa một lần nào chớp mắt.

Tuần thứ tư, Ngài thực hiện một cuộc hành trình tương đối gần, chỉ từ biển đông sang biển tây.

Thế rồi Ma-vương, tên ác quỷ đại bại, đã tui nhục bỏ đi lại đến gặp Phật và thốt lên những lời quái đản:

"Bạch Đức Thế Tôn, Ngài ở lại đây làm gì, Ngài biết đường đến giải thoát rồi? Hãy tắt đèn, dập lửa; bạch đức Thế Tôn, hãy vào niết bàn đi, đến giờ rồi."

Đức Thế Tôn đáp:

"Không, này Ma vương, ta sẽ không dập lửa, ta sẽ không vào niết bàn. Trước hết là ta phải thâm nhập nhiều đệ tử để rồi đến lượt họ đem giáo pháp của ta ra hóa độ người khác. Bằng ngôn ngữ và hành động, ta phải khuất phục kẻ thù của ta. Không, này Ma-vương, ta sẽ không vào niết bàn cho đến khi Đức Phật được tôn vinh khắp thế giới, đến khi giáo pháp từ bi của Ngài được công nhận khắp thế giới.

Ma-vương bỏ đi, Hấn chán nản, và hình như hấn thoáng nghe trên không có tiếng thiên thần trêu tức:

"Này Ma-vương, mi đã bị thất bại rồi. Mi đứng co ro tư lự như một con cò già. Ma-vương, mi bất lực như một con voi già bị sa lầy. Mi tưởng mi là một anh hùng cái thế, mi còn hèn yếu hơn cả một binh nhân bị lạc lõng trong rừng. Lời lẽ hỗn xược của mi có ích gì chẳng? Chúng léo nhéo như tiếng quạ kêu, chả có lợi gì cả!"

Hấn nhặt một miếng gỗ khô và vẽ những hình người lên cát. Ba ái nữ: Ra-ti (Rati), A-ra-ti (Arati) và Trí-na (Trishna) của hấn nhìn thấy hấn. Chúng được triệu về để hiểu rõ nỗi khổ đau tê tái của phụ vương chúng.

Ra-ti thưa: "Tâu phụ vương, sao phụ vương trông khốn khổ thế?"

Ma-vương đáp: "Cha đã bị một thánh nhân đánh bại. Hấn đã bẻ gãy năng lực và quỷ kế của cha."

Trí-na nói: "Tâu phụ vương, chúng con đẹp lắm. Chúng con có cách quyến rũ."

A-ra-ti tiếp lời: "Chúng con sẽ đến gặp hấn; chúng con sẽ trói gọn hấn bằng những mắc xích ái ân. Chúng con sẽ mang hấn về cho phụ vương, đồ đốn mặt, hèn hạ!"

Chúng đến gặp Phật và cất tiếng hát:

"Bạn ơi, mùa xuân đến rồi, mùa của tình tự yêu đương, của phấn hương tú lệt. Thảo mộc đang bừng rộ nở hoa; chúng ta phải vui lên nào. Đôi mắt của bạn đẹp làm sao, chúng lung linh như ánh đèn huyền diệu; bạn có nhiều biểu hiện vạn năng. Hãy ngắm chúng em: chúng em được sinh ra đời để mang lại nguồn vui, nguồn hạnh phúc cho cả nhân loại và chư thiên. Bạn ơi, hãy đứng lên, hãy cùng với chúng em tô điểm tuổi xuân rực rỡ nhất cho bạn. Hãy loại hết mọi ý tưởng nghiêm nghị ra khỏi tâm tư của bạn. Hãy nhìn mái tóc của chúng em, chúng mềm mại làm sao; chúng thoang thoảng hương hoa từ những sợi đen huyền óng mượt. Hãy ngắm đôi mắt của chúng em, nơi ấp ủ nồng nàn của những giấc ngủ say ngọt ngào tình ái. Hãy ngắm làn môi ấm áp của chúng em, chúng đỏ mọng như trái chín trên cây dưới ánh mặt trời. Hãy ngắm những bộ ngực căng tròn của chúng em. Chúng em múa những vũ điệu uyển chuyển nhịp nhàng như chim thiên nga; chúng em biết hát những khúc nhạc tình mê say đắm, và khi chúng em vũ, nhịp tim và mạch máu lại đập mạnh nhanh hơn. Bạn ơi, xin đừng ruồng rẫy chúng em; chỉ có kẻ ngu si đần độn, thật vậy, mới ruồng bỏ một kho tàng hiếm có. Hỡi người yêu dấu, hãy nhìn ngắm chúng em; chúng em đều là nô lệ hầu thiếp của người."

Đức Thế Tôn chả hề xúc động theo lời hát. Ngài quắc mắt nhìn các thiếu nữ và chúng liền biến thành những mù phù thủy góm gốc.

Thất vọng ê chề, chúng quay về gặp phụ vương.

Ra-ti than khóc: "Tâu phụ vương, hấn đã mạt sát tuổi trẻ và sắc đẹp của chúng con."

Trí-na nói: "Ái ân sẽ không bao giờ làm xiêu lòng hấn, vì hấn có thể cự tuyệt hương sắc của chúng con."

A-ra-ti thờ dài: "Ồ, hấn đã hành hạ chúng con một cách tàn nhẫn."

Trí-na cầu khẩn: "Tâu phụ vương, xin phụ vương chữa cho chúng con khỏi cái vóc dáng già nua xấu xí này."

Ra-ti kêu khóc: "Trả lại tuổi xuân cho chúng con."

A-ra-ti cũng kêu khóc: "Trả lại tuổi xuân cho chúng con."

Ma-vương đáp: "Các con khốn nạn của cha, cha vô cùng đau đớn cho các con. Vâng, Người ấy đã dập tắt ái ân, Người ấy đã hàng phục uy lực của cha, cha đau buồn lắm! Các con bắt cha trả lại tuổi xuân và sắc đẹp cho các con, nhưng làm sao cha có thể trả lại điều đó? Chỉ có Phật là có thể tẩy xóa những gì mà Phật đã làm. Các con hãy quay lại gặp ngài; hãy thú nhận với Ngài là các con thật có tội đáng trách; các con hãy ăn năn sám hối người ấy, và có lẽ nhờ thế mà người ấy sẽ trả lại sắc đẹp cho các con."

Chúng đến cầu Phật:

"Bạch Đức Thế Tôn, xin tha tội cho chúng con. Chúng con có mắt mà không thấy ánh hào quang rực rỡ. Chúng con đần độn lắm, xin tha tội cho chúng con!"

Đức Thế Tôn đáp: "Vâng, các người ngu xuẩn lắm, các người dùng móng tay mà ra sức phá vỡ núi rừng, các người dùng răng mà cố cắn nát gang sắt. Nhưng các người đã nhận ra lỗi lầm, đó là biểu hiện của trí tuệ. Nay các thiếu nữ, ta hỷ xả cho các người."

Ba ái nữ của Ma-vương xin tạ Phật ra về và đẹp hơn bao giờ hết.

Tuần thứ năm, Đức Thế Tôn vẫn ngồi dưới cội bồ đề. Nhưng, bỗng nhiên, một cơn gió thổi lên và một trận mưa buốt giá đổ xuống. Thế là Mu-xi-linh-đa (Mucilinda), một mẫn xà vương, bạch Ngài: "Đức Thế Tôn không hề bị gió mưa buốt giá đâu."

Mẫn xà rời tổ ấm, bò đến quán quanh đức Phật bảy vòng rồi phùng mang che trên đầu Ngài. Đức Phật nhờ thế không bị gì cả trong suốt thời gian mưa gió to bời.

Tuần thứ sáu, Ngài đến chỗ có cây sung, nơi bọn chằn dê thường tới lui gặp gỡ. Tất cả đều cung kính cúi đầu khi Ngài đến gần. Ngài nói:

"Hỷ xả là sự tươi mát cho ai hiểu biết giáo pháp; từ bi là sự tươi mát cho ai thấy rõ giáo pháp; hỷ xả là sự tươi mát cho tất cả chúng sanh; từ bi là sự tươi mát cho tất cả chúng sanh. Ở đời ai không dục vọng là có hạnh phúc;

ai hàng phục được tội lỗi là có hạnh phúc; ai thoát khỏi sự dày vò ray rứt của cảm giác là có hạnh phúc; ai hết khao khát sinh tồn là có hạnh phúc!"

Tuần thứ bảy, Ngài lại kiết già bất động dưới cây đại giác.

Hai anh em Đề-lê-phú-bà (Trapusha) và Đạt-lê-ca (Bhalika) đang trở về các nước phương bắc. Họ là những thương gia đem theo 500 cỗ xe ngựa. Khi họ đến gần cây bồ-đê, các cỗ xe đều dừng lại. Bọn phu xe cố thúc ngựa kéo xe tiến lên, nhưng vô ích, chúng không thể tiến thêm một bước. Các bánh xe đều lún sâu đến giữa trục. Đề-lê-phú-bà và Đạt-lê-ca hoảng hốt, một lão ông từ đâu xuất hiện và ôn tồn trấn an họ:

"Này các thương gia, hãy đi tới tí nữa là các ngươi sẽ gặp một đạo sư mà các ngươi phải kính lễ, tôn thờ."

Đề-lê-phú-bà và Đạt-lê-ca nhìn thấy Đức Thế Tôn, mặt Ngài rực lên ánh hào quang sáng chói.

Họ tự hỏi: "Đó là thần sông hay thần núi? Có thể là đấng Phạm-thiên không chừng?"

Nhưng khi nhìn kỹ y phục, họ lại nghĩ:

"Ngài ấy hẳn là một đạo sĩ. Có lẽ Ngài muốn có gì để ăn."

Đề-lê-phú-bà và Đạt-lê-ca đến xe chở lương thực, họ lấy bột, mật ong và bánh đựng trong một cái bát đem dâng Phật.

Họ vừa dâng bánh vừa thưa: "Bạch thánh nhân, xin Ngài dùng bánh và độ chúng con."

Ngài nhận bánh của các thương gia cúng dường. Khi dùng xong, Ngài nói:

"Này các thương gia, nguyện cầu chư thiên gia hộ cho các ngươi được phát đạt hạnh phúc!"

Đề-lê-phú-bà và Đạt-lê-ca cúi đầu đánh lễ, và nghe trên không có tiếng thiên thần vọng xuống:

"Ngài ngồi trước mặt các người đã đạt đến tri kiến tối thượng. Đây là bữa ăn đầu tiên kể từ khi ngài mở đường đi đến giải thoát, và niềm vinh dự cúng dường đặc thù này đã dành hẳn cho các người. Giờ đây Ngài sẽ lên đường thuyết giảng chánh pháp qua khắp thế giới."

Đề-lê-phú-bà và Bạt-lê-ca cảm thấy hân hoan sung sướng, họ là những tín đồ qui y Phật qui y Pháp đầu tiên.

---o0o---

II- PHẬT CHUẨN BỊ THUYẾT PHÁP

Đức Phật bắt đầu phân vân không biết làm sao truyền bá tri kiến. Ngài tự nhủ:

"Ta đã khám phá một sự thật vô cùng thâm thâm vi diệu. Đây là một sự thật khó nhận, khó hiểu; chỉ có bậc trí giả mới lãnh hội được. Trong một thế giới tràn đầy hỗn loạn, cuộc sống con người luôn luôn bất an xao xuyến, nhưng họ lại thích sống như vậy! Làm sao họ có thể hiểu nỗi vòng xích nhân quả? Làm sao họ có thể hiểu nỗi giáo pháp? Họ sẽ không bao giờ chế ngự được dục vọng của họ; họ sẽ không bao giờ vất bỏ lạc thú trần gian; họ sẽ không bao giờ thể nhập niết bàn. Nếu ta thuyết pháp, họ sẽ không hiểu ta; có lẽ họ không thèm nghe ta nữa là khác. Công bố cho nhân loại biết sự thật mà ta phải chiến đấu mới đạt được thì có ích gì? Sự thật không đáng đến những ai bị dục vọng và hận thù sai khiến. Sự thật khó thấy lắm. Chân lý vẫn còn là một sự huyền diệu. Tâm tính phàm phu ô trược sẽ không bao giờ nắm bắt được chân lý. Kẻ nào đầu óc chìm ngập trong vô minh đen tối, kẻ nào tâm trí khổ đau ray rứt vì dục vọng trần gian, người ấy sẽ không bao giờ hiểu được sự thật."

Đức Thế Tôn không dự định truyền bá giáo pháp.

Thế rồi, nhờ thần thông diệu lực, hiểu được những hoài nghi đang vây hãm đức Thế Tôn, Phạm-thiên lo sợ tự nhủ: "Thế giới sẽ bị tiêu ma, thế giới sẽ bị hủy diệt nếu đức Phật, đấng Đại Giác Thế Tôn đứng riêng lẻ một mình, không chịu cùng giữa dòng nhân thế để thuyết giảng giáo pháp, truyền bá tri kiến."

Phạm-thiên rời khỏi cung trời, tức tốc giảng trần, xuất hiện trước mặt Thế Tôn nhanh như cánh tay co dãn của một lực sĩ. Để tỏ lòng tôn kính sâu

sắc, Phạm-thiên trích một vai áo, rồi quì gối, chắp tay, cúi đầu đánh lễ Đức Thế Tôn, bạch rằng:

"Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài thuyết minh giáo pháp; bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài truyền đạt tri kiến. Ở đời có những người rất thanh tịnh trang nghiêm, những người chưa từng bị nhiễm ô phiền não, nhưng nếu họ không được trao truyền tri kiến, làm sao họ có thể tự thấy giải thoát? Những người này phải được cứu độ; bạch Ngài, xin Ngài hãy cứu họ! Họ sẽ nghe theo Ngài; họ sẽ là môn đệ của Ngài."

Phạm-thiên tác bạch như thế nhưng Đức Thế Tôn vẫn im lặng. Phạm-thiên thưa tiếp:

"Ác pháp hiện nay đang dọc ngang thắng thế trên đời. Ác pháp đã lôi kéo nhiều người vào vòng tội lỗi. Sứ mạng của Ngài là tiêu diệt ác pháp. Bạch Đấng Đại Giác, xin Ngài hãy mở cửa bất diệt cho chúng con; xin cho chúng con biết Ngài đã tìm ra những gì, hồi Đấng cứu tinh của nhân loại! Ngài là người leo núi, Ngài đứng trên đỉnh đá tuyết vời. Ngài thấy rõ nhân loại cùng khắp. Bạch Đấng cứu độ, xin thương xót chúng con; xin nghĩ đến những kẻ bất hạnh thống khổ vì sinh tồn già lão tác hại. Hồi tráng sĩ chiến thắng, hãy lên đường, lên đường đi thôi! Hãy đi khắp thế giới, hãy là ngọn đèn sáng, hãy là đấng Đạo Sư. Hãy thuyết giảng, hãy truyền đạt; sẽ có nhiều người lãnh hội ngôn ngữ của Ngài."

Đức Thế Tôn đáp:

"Giáo pháp mà ta đạt được thì vô cùng thâm thâm hy hữu, vi diệu khó hiểu và siêu việt hẳn các luận lý thông thường. Thế gian không hiểu sẽ nhạo báng; chỉ có một vài trí giả nào đó may ra nắm được ý nghĩa và dốc lòng qui ngưỡng mà thôi. Nếu ta lên đường, nếu ta thuyết giảng và rồi không ai hiểu ta, thế là ta tự chuốc lấy sự thất bại nhục nhã. Nay Phạm-thiên, ta sẽ ở lại đây, nhân loại ham vui lười dốt lắm."

Phạm-thiên lại bạch:

"Hồi vàng thái dương lòng lộng, Ngài đã đạt đến trí tuệ siêu việt; ánh hào quang rực rỡ của Ngài tỏa sáng khắp vũ trụ, vậy mà Ngài vẫn thờ ơ lãnh đạm! Không, thái độ như thế không phù hợp với Ngài; sự im lặng của Ngài là điều thật đáng trách; Ngài phải nói lên mới được. Xin Ngài hãy đứng lên! Hãy đánh trống động chuông! hãy làm cho giáo pháp huy hoàng như ngọn đuốc sáng ngời, như cơn mưa ngọt ngào tắm gội mặt đất cần khô. Hãy cứu

độ những ai bị khổ đau hành hạ; hãy mang lại hòa bình cho những ai bị lửa dữ đốt thiêu! Ngài là vì sao giữa dòng nhân thế; Ngài, chỉ có Ngài là nhỏ sạch gốc rễ tử sinh. Ngài hãy xem, nhân danh Phạm-thiên, ta quỳ lạy dưới chân Ngài, xin nguyện cầu Ngài thương nhận lời ta!"

Đức Thế Tôn Ngẫm nghĩ:

"Giữa đám hoa sen xanh trắng bùng nở trong hồ, có số thì còn ở dưới nước, có số thì trôi hẫng lên trên mặt nước, có số thì vươn cao đến độ cành hoa không còn dính nước. Trên đời cũng thế, ta thấy có kẻ ác, người hiền; người thì tâm trí sắc sảo, kẻ thì đầu óc đần độn; người thì cao sang, kẻ thì hèn mọn; có số sẽ không hiểu; nhưng ta sẽ xót thương tất cả. Ta sẽ coi sen nở dưới nước và sen nở tươi đẹp trên cao như nhau."

Ngài nói với Phạm-thiên:

"Nguyện cầu cánh cửa bất diệt mở ra cho tất cả chúng sanh! Nguyện cầu những ai có tai nghe được âm hưởng và tín nhận. Ta đang lo ngại là sự cố gắng của ta sẽ không được gì, chỉ nhọc xác vô ích; nhưng lòng từ bi của ta có giá trị hơn những đấng đo suy tính đó. Nay Phạm-thiên, ta đứng lên đây, ta sẽ trao truyền giáo pháp cho tất cả chúng sanh."

---o0o---

III- PHẬT ĐẾN BA-LA-NẠI

Đức Thế Tôn phân vân không biết ai là người đầu tiên đáng được tiếp nhận ngôn ngữ giải thoát.

Ngài tự hỏi: "Ở đâu có người đức hạnh thông minh, nghị lực, tính tình hiền thực, dứt hẳn hận thù, tâm trí thanh tịnh, không bo bo ôm giữ tri kiến như khur khur ôm ấp một âm mưu đen tối nào đó để ta có thể trao truyền giáo pháp?"

Ngài nghĩ đến Uất-đầu-lam-phát, con trai của Ra-ma. Ngài nhớ Uất-đầu-lam-phát không còn hận thù và đã cố gắng hướng dẫn một cuộc sống đức hạnh; Uất-đầu-lam-phát không phải là hạng người vờ vơi tô điểm sự bí mật của tri kiến. Ngài định trao truyền giáo pháp cho Uất-đầu-lam-phát. Ngài tự hỏi: "Uất-đầu-lam-phát hiện giờ ở đâu?" Sau đó Ngài biết Uất-đầu-lam-phát, con trai của Ra-na, đã qua đời cách đó bảy ngày. Ngài nói:

"Thương thay! Uất-đầu-lam-phát, con trai của Ra-ma, chưa nghe được giáo pháp thì đã qua đời. Uất-đầu-lam-phát có thể lãnh hội giáo pháp và rồi có thể truyền đạt giáo pháp."

Ngài nghĩ đến A-la-lam. Ngài nhớ lại trí óc minh mẫn và cuộc sống đức hạnh của người. Ngài định ninh là A-la-lam sẽ hân hoan truyền bá giáo pháp. Ngài lại tự hỏi: "A-la-lam hiện giờ ở đâu? Sau đó Ngài biết A-la-lam đã qua đời cách đó ba ngày. Ngài nói:

"A-la-lam chưa nghe được giáo pháp thì đã qua đời; A-la-lam mất đi là một sự thiệt hại to lớn."

Ngài suy đi nghĩ lại và nhớ ra năm đệ tử của Uất-đầu-lam-phát, những vị đã một thời xin theo Ngài thọ giáo. Họ có đức hạnh; họ có nghị lực; họ chắc chắn sẽ thông hiểu giáo pháp. Đức Thế Tôn, nhờ trí tuệ, biết năm môn đệ của Uất-đầu-lam-phát đang sinh sống trong vườn lộc-uyển tại thành Ba-la-nại. Thế là Ngài lên đường thẳng đến Ba-la-nại.

Tại núi Đà-da (Gaya), Ngài gặp đạo sĩ U-ba-ca (Upaka). Vừa trông thấy Đức Thế Tôn, U-ba-ca liền tỏ lời thán phục.

U-ba-ca nói: "Ngài kỳ diệu làm sao! Khuôn mặt của Ngài ôi rạng rỡ! Trái cây đã chín mọng dưới ánh mặt trời thì hoa nụ hẳn phải thừa dần. Ngài là vẻ đẹp của cả một mùa thu trong sáng. Bạch Ngài, cho con xin hỏi đạo sư của Ngài là ai?"

Đức Thế Tôn đáp: "Ta không có đạo sư. Không ai như ta cả. Chỉ có ta là trí tuệ, tịch tịnh, bất hoại."

U-ba-ca nói: "Ngài hẳn là một đạo sư tôn quý tuyệt vời!"

"Vâng, ta là đạo sư duy nhất trên cõi đời này; không thể tìm đâu ra người như ta trên trái đất này hoặc ngay trên thiên giới."

U-ba-ca hỏi: "Ngài định đi đâu?"

Đức Thế Tôn đáp: "Đến Ba-la-nại. Ta sẽ đốt lên ngọn đèn tại đó và nó sẽ tỏa sáng khắp nhân gian, nó sẽ mang lại nguồn sáng ngay cho những ai bị mù mắt. Ta sẽ đến Ba-la-nại, tại đó, ta sẽ gióng lên những hồi trống thức tỉnh nhân loại, những hồi trống rền vang khai thông thánh giác cho cả

những người điếc tai. Ta sẽ đến Ba-la-nại, ta sẽ thuyết giảng giáo pháp tại đó."

Ngài tiếp tục lên đường và đến bờ sông Hằng (Gange). Nước sông dâng cao, Đức Thế Tôn tìm dò qua sông. Vừa thấy ông dò, Ngài nói:

"Này bạn, cho ta sang sông được chăng?"

Ông dò đáp: "Được chứ, nhưng phải trả tiền trước."

Đức Thế Tôn đáp: "Ta không có tiền." và rồi Ngài lội qua bờ bên kia như đi trên mặt đất.

Ông dò đau khổ, kêu gào: "Ta không đưa Ngài sang sông. Ngài đúng là bậc thánh mà! Ô, ta ân hận quá!" Ông dò lăn nhào xuống đất với cõi lòng ray rứt dày vò.

---o0o---

IV- PHẬT GẶP LẠI CÁC ĐỆ TỬ TRƯỚC KIA

Đức Thế Tôn vào đại thành Ba-la-nại. Ngài khát thực qua các đường phố, và sau khi thọ trai xong, Ngài thẳng đến vườn lộc-uyển. Ngài biết là Ngài sẽ tìm ra các đệ tử trước kia của Uất-đâu-lam-phát.

Năm môn đệ thấy Ngài từ xa đi lại, họ nhận ra Ngài và nói với nhau:

"Chúng ta không biết người đang đi về hướng chúng ta kia là ai sao? Người ấy không phải là vị đạo sư khổ hạnh mà xưa kia từng làm ta sững sốt đề rồi một hôm dứt khoát chống lại pháp môn cực kỳ khắc khổ ấy sao? Nếu sự khổ tu của người ấy không phải là đường hướng đích thực cho người ấy đi đến vô thượng bồ đề thì làm sao ngày nay tư tưởng của người ấy có thể giúp ích chúng ta trong khi người ấy vẫn bị tham dục, hèn nhát tác động? Chúng ta không cần phải ra đón người ấy hoặc đứng lên khi người ấy đến; chúng ta không cần phải ôm y bát cho người ấy; chúng ta không cần phải nhường chỗ cho người ấy. Chúng ta sẽ nói với người ấy: "Ở đây hết chỗ rồi". Chúng ta sẽ không mời người ấy ăn uống gì cả."

Họ quyết định như vậy. Nhưng Đức Thế Tôn mỗi lúc một tiến đến gần, Ngài đến gần bao nhiêu thì họ lại càng nao nao bấy nhiêu. Họ tự nhiên muốn đứng lên. Họ quýnh quýnh như bầy chim cố thoát khỏi lồng đang bị lửa đốt

bên dưới. Họ cảm thấy bất an; họ bồn chồn như thể họ bị ngã bệnh. Cuối cùng, họ từ bỏ ý định, họ đồng loạt đứng lên và ùa chạy đến Đức Thế Tôn. Người thì cầm bình bát, người thì ôm y phục, người thì bày chỗ ngồi. Họ đem nước đến rửa chân Ngài và đồng thanh cất tiếng chào mừng:

"Xin hân hạnh chào bạn. Xin mời bạn ngồi giữa anh em chúng tôi."

Đức Thế Tôn ngồi xuống rửa chân. Sau đó Ngài ngỏ lời với năm ả sĩ:

"Này các đạo sĩ, đừng gọi ta bằng bạn. Ta là Thánh Nhân, là Đấng Toàn Giác, là Phật Đà vô thượng. Này các đạo sĩ, hãy lắng nghe, ta đã tìm ra đường dẫn đến giải thoát. Ta sẽ chỉ đường cho các ngươi. Hãy lắng nghe, các ngươi sẽ giác ngộ sự thật cao quý."

Họ đáp:"

"Xưa kia dù tu khổ hạnh đến đâu Ngài cũng không đạt đến quả vị toàn giác, nay sống buông lung phóng dật, làm sao Ngài có thể chứng đắc vô thượng bồ đề?"

Đức Thế Tôn đáp: "Này các đạo sĩ, ta không sống buông lung phóng dật; ta chưa hề từ bỏ một công đức nào mà ta khao khát. Ta là Thánh Nhân, là Đấng Toàn Giác, là Phật Đà vô thượng. Này các đạo sĩ, hãy lắng nghe, ta đã tìm ra đường dẫn đến giải thoát. Ta sẽ chỉ đường cho các ngươi; ta sẽ truyền đạt giáo pháp cho các ngươi. Hãy lắng nghe, các ngươi sẽ giác ngộ sự thật cao quý."

Ngài dạy tiếp: "Này các đạo sĩ, các ngươi có nhận thấy là trước đây ta chưa bao giờ nói với các ngươi như vậy phải không?"

"Bạch đạo sư, chúng tôi nhận thấy điều đó."

"Ta nói với các ngươi: ta là Thánh Nhân là Đấng Toàn Giác, là Phật Đà vô thượng. Này các đạo sĩ, hãy lắng nghe, ta đã tìm ra đường dẫn đến giải thoát. Hãy lắng nghe."

Năm đạo sĩ lắng nghe, Ngài dạy:

"Có hai thái cực mà người khôn ngoan trí tuệ phải tránh. Một hạng người đắm say dục lạc; cuộc sống của họ là cả một vòng tròn say sưa phóng dăng; họ chỉ tìm thú vui để thỏa mãn cảm giác. Hạng người đó bản tiện lắm;

phẩm hạnh của họ đê hèn, lếu láo; người như thế không làm sao có được khôn ngoan trí tuệ. Hạng người khác thì dấn thân vào khổ hạnh, họ từ bỏ các thứ; phẩm hạnh của họ ưu sâu, vô dụng; người như thế cũng không làm sao có được khôn ngoan trí tuệ. Nay các đạo sĩ, Đấng Toàn Giác vượt ngoài hai thái cực đó. Ngài đã khám phá ra con đường Trung Đạo, con đường khai tâm mở mắt, con đường dẫn đến tịch tịnh, giác ngộ, niết bàn. Nay các đạo sĩ, con đường cao quý này có tám nhánh: Chánh Tín, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định. Nay các đạo sĩ, đây là con đường Trung Đạo. Con đường mà ta, Đấng Toàn Giác, đã khám phá; con đường dẫn đến tịch tịnh, giác ngộ, Niết bàn."

Năm môn đệ như nín thở hân hoan theo dõi Ngài. Ngài dừng lại giầy lát rồi giảng tiếp:

"Này các đạo sĩ, ta sẽ truyền đạt cho các người sự thật về khổ. Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, tử là khổ, bị ràng buộc vào những gì các người không ưa là khổ, bị tách biệt với những gì các người yêu quý là khổ, không đạt được điều các người mong ước là khổ, bám trụ vào sắc, thọ, tưởng, hành thức là khổ khổ."

Này các đạo sĩ, ta sẽ truyền đạt cho các người sự thật về nguồn gốc của khổ. Khao khát sinh tồn là mãi mãi luân hồi sanh tử; dục vọng, lạc thú cũng theo đó mà ra. Chỉ có uy quyền là thỏa mãn dục vọng. Khao khát uy quyền, khao khát lạc thú, khao khát sinh tồn; này các đạo sĩ, đó là nguồn gốc của khổ."

Này các đạo sĩ, ta sẽ truyền đạt cho các người sự thật về sự diệt khổ. Hãy dập tắt tham dục bằng cách tiêu trừ dục vọng. Hãy loại bỏ dục vọng. Hãy triệt tiêu dục vọng. Hãy hủy diệt dục vọng. Hãy giết sạch dục vọng."

Này các đạo sĩ, ta sẽ truyền đạt cho các người sự thật về con đường dẫn đến sự diệt khổ. Đó là Thánh Đạo, là Bát Chánh Đạo: Chánh Tín, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định."

Này các đạo sĩ, các người đã biết sự thật cao quý về khổ. Chưa có ai trước ta khám phá ra nó; mắt ta mở ra là thấy khổ liên. Ta đã hiểu rõ sự thật về khổ; này các đạo sĩ, các người giờ đây phải nhận ra nó."

Này các đạo sĩ, các người đã biết sự thật cao quý về nguồn gốc của khổ; chưa có ai trước ta khám phá ra nó; mắt ta mở ra là thấy ngay nguồn gốc của khổ."

khổ. Ta đã hiểu rõ sự thật về nguồn gốc của khổ; này các đạo sĩ, các người giờ đây phải nhận ra nó.

Này các đạo sĩ, các người đã biết sự thật cao quý về sự diệt khổ; chưa có ai trước ta khám phá ra nó; mắt ta mở ra là thấy ngay sự diệt khổ. Ta đã hiểu rõ sự thật về sự diệt khổ; này các đạo sĩ, các người giờ đây phải nhận ra nó.

Này các đạo sĩ, các người đã hiểu sự thật cao quý về con đường dẫn đến sự diệt khổ; chưa có ai trước ta khám phá ra nó; mắt ta mở ra là thấy ngay con đường dẫn đến sự diệt khổ. Ta đã hiểu rõ sự thật về con đường dẫn đến sự diệt khổ; này các đạo sĩ, các người giờ đây phải nhận ra nó.

Năm đệ tử hân hoan lắng nghe lời dạy của Đức Thế Tôn. Ngài tiếp:

"Này các đạo sĩ, trong khi ta chưa giác ngộ hoàn toàn về bốn sự thật này, ta biết rằng không phải ở tại nhân gian hay ở thế giới của chư thiên, thế giới của Ma-vương, thế giới của Phạm-thiên; ta biết rằng giữa chúng sanh, nhân loại, thiên thần, ân sĩ hay bà-la-môn, ta chưa đạt đến quả vị vô thượng Phật Đà. Nhưng, này các đạo sĩ, giờ thì ta có được sự giác ngộ hoàn toàn về bốn sự thật này, ta biết rằng trên cõi đời này cũng như ở thế giới của chư thiên, thế giới của ma-vương, thế giới của phạm-thiên; ta biết rằng giữa chúng sanh, nhân loại, thiên thần, ân sĩ hay bà-la-môn, ta đã đạt đến quả vị vô thượng Phật Đà. Ta vĩnh viễn giải thoát: ta không còn sinh tử luân hồi nữa."

Đức Thế Tôn thuyết giảng như thế và năm đạo sĩ hoan hỷ tín nhận, tôn vinh kính lễ Ngài.

---o0o---

V- TRUYỆN AN SĨ VÀ THỎ RỪNG

Kiều-trần-như (Kaundinya) là một trong năm vị đạo sĩ đầu tiên đến gần Đức Thế Tôn và bạch rằng:

"Bạch Đức Thế Tôn, con xin lắng nghe, nếu Ngài thấy con có ít nhiều duyên phước, con xin làm đệ tử Ngài."

Đức thế Tôn hỏi: "Kiều-trần-như, người đã hiểu ta chưa?"

Kiều-trần-như đáp: "Con xin qui y Phật, con xin nương theo Phật. Con xin nương theo Đức Thánh, Ngài đã giác ngộ hoàn toàn, đã quán triệt tam thiên đại thiên thế giới; con xin nương theo Ngài có khả năng giáo hóa chúng sanh như người ta giáo hóa bò mộng ở rừng hoang, ngôn ngữ của Ngài được cả chư thiên và loài người tiếp nhận; con xin nương theo Ngài vì Ngài là Đấng Phật Đà vô thượng. Con xin qui y pháp, con xin nương theo giáo pháp. Đức Thế Tôn đã truyền đạt giáo pháp, đã thuyết giảng giáo pháp một cách rõ ràng; chánh pháp dẫn đến giải thoát, bậc hiền trí phải nhận ra năng lực từ bi hỷ xả của giáo pháp. Con sẽ sống theo giáo pháp của Ngài, giáo pháp tôn quý mà các bậc hiền trí phải theo đó tu tập."

Đức Thế Tôn nói: "Người đã thông đạt rồi đó; Kiều-trần-như, hãy đến gần ta thêm tí nữa. Ta đã thuyết giảng giáo pháp rõ ràng. Hãy sống đời thánh thiện và chịu đựng khổ đau."

Sau đó, Thập-lực-ca-diếp, Bát-đề, Ma-ha-nam-câu-ly, và Át-bệ cùng đến bày tỏ đức tin và xin qui y theo Phật. Thế là bấy giờ có sáu thánh giả trên đời.

Trong khi Đức Thế Tôn ở an tịnh tại vườn lộc-uyên thì một thanh niên tên Da-xá (Yasas) đến. Da-xá là con trai của một thương gia giàu có tại thành Ba-la-nại. Anh đã sống một cuộc sống trần tục, nhưng anh cũng đã ý thức được sự trống rỗng vô vị của các lạc thú trần gian, anh đang tìm kiếm sự an tịnh thiêng liêng giữa cảnh núi rừng u tịch. Gặp Da-xá, Đức Thế Tôn thuyết giảng giáo pháp cho anh nghe và anh tuyên bố là anh quyết định đi theo đường hướng thánh thiện.

Phụ thân của Da-xá đến vườn lộc-uyên để tìm con. Ông muốn làm con xiêu lòng, muốn bắt con từ bỏ đường hướng thánh thiện. Nhưng khi nghe Phật giảng giải, ngôn từ của Ngài đã làm ông cảm kích và xin qui y theo Ngài. Mẹ và vợ của Da-xá cũng xin tỏ lòng thâm tín sự thật của giáo pháp, nhưng khi Da-xá xin xuất gia với các sa môn thì phụ thân, mẫu thân và vợ của anh lại trở về nhà ở Ba-la-nại.

Bốn người bạn của Da-xá là Tỳ-ma-la (Vimala), Tu-bà-hầu (Subahu), Phù-lan-na ca (Purnajit) và Già-bà-bạt-đế (Gavampati) đều lấy làm buồn cười cho bước chân lên đường của anh. Họ nói:

"Chúng ta hãy đến vườn lộc-uyên tìm Da-xá. Chúng ta sẽ vạch trần lỗi lầm cho cậu ấy thấy và cậu ấy sẽ về lại với chúng ta."

Vào đến tận rừng, họ thấy Phật đang thuyết giảng cho các đệ tử. Ngài kể:

"Ngày xưa, có một ẩn sĩ lưu trú tại một thung lũng bé nhỏ hẻo lánh trong rừng. Ngài sống kham khổ một mình. Y phục của ngài làm bằng vỏ cây, ngài chỉ uống nước lã, ăn toàn rễ cây và trái rừng. Người bạn tâm phúc của ngài là một chú thỏ. Chú thỏ này có thể nói được tiếng người và thích trò chuyện với ngài ẩn sĩ lắm. Chú học hỏi được nhiều điều lợi ích ở những lời huấn thị của ngài, chú tích cực phấn đấu để đạt đến trí tuệ. Rồi, vào một năm nọ, đại hạn khủng khiếp xảy ra; các dòng suối ở rừng đều khô cạn, cây cảnh chẳng còn hoa trái gì cả.

Vị ẩn sĩ không thể tìm đâu ra thức ăn nước uống; ngài đâm ra chán ngán cho cảnh ẩn dật núi rừng, và, một hôm, ngài đành vất bỏ y phục ẩn sĩ. Chú thỏ thấy thế hỏi: "Này bạn, bạn đang làm gì vậy?" vị ẩn sĩ đáp: "Bạn thấy đó, ta không còn dùng y phục này nữa". Chú thỏ nói: "Ồ kia! bạn sắp rời khỏi thung lũng này sao?" "Vâng, ta sẽ đi giữa dòng nhân thế. Ta sẽ khát thực và họ sẽ cho ta thức ăn chứ không phải rễ cây và trái rừng như thế này nữa".

Nghe qua, chú thỏ giật mình hoảng hốt như thể một em bé bị cha mẹ bỏ rơi, chú kêu khóc: "Bạn ơi, đừng đi đâu nữa! Đừng bỏ ta một mình! Hơn nữa, biết bao người phải tan hoang khi đến sinh sống ở thị thành! Chỉ có cuộc sống u tịch ở núi rừng là đáng quý." Nhưng vị ẩn sĩ đã dứt khoát, ngài quyết tâm ra đi, ngài muốn đi. Chú thỏ van xin: "Ngài từ bỏ núi rừng thật sao? Thế thì đi! Nhưng xin ngài ban cho ta một ân huệ: hãy nán lại đây một ngày nữa, chỉ một ngày nữa thôi. Hãy ở lại đây hôm nay, ngày mai bạn có thể tha hồ lên đường." Vị ẩn sĩ suy nghĩ: "Thỏ là loài giỏi tìm kiếm thức ăn; chúng có kho lương thực giấu kín đâu đây. Ngày mai có lẽ thỏ mang cho ta chút gì để ăn." Thế là vị ẩn sĩ hứa ở lại cho đến ngày hôm sau, chú thỏ sung sướng vọt chạy mất. Vị ẩn sĩ là một trong những tín đồ thờ lửa (Agni), ngài cẩn thận, luôn luôn giữ lửa cháy đều trong thung lũng. Ngài tự nhủ: "ta không có gì để ăn, nhưng ít ra ta có thể sưởi ấm cho đến khi bạn thỏ trở về."

Táng sáng hôm sau, chú thỏ lại về với hai bàn tay trắng. Khuôn mặt của vị ẩn sĩ lộ hẳn vẻ thất vọng chán nản. Chú thỏ cúi đầu lạy tạ thưa rằng: "Súc vật chúng tôi không có tri thức hay khả năng nhận định gì cả; bạch ẩn sĩ tôn quý, nếu ta có gì lỗi lầm, xin ngài hỷ xả cho." Chú thỏ nói xong đột nhiên nhảy bổ vào lửa. Vị ẩn sĩ thét lên: "Bạn làm gì thế?" Ngài cũng nhảy đại vào lửa để cứu thỏ. Sau đó chú thỏ tâm sự với ngài: "Ta không muốn

ngài từ bỏ nghĩa vụ; ta không muốn ngài rời khỏi nơi đây. Không còn gì để ăn cả. Ta nguyện hiến thân vào lửa; bạn ơi, hãy ăn ta, hãy dùng tạm thịt ta và ở lại nơi thung lũng này'. Vị ẩn sĩ vô cùng xúc động. Ngài đáp: "Ta sẽ không lên đường trở về phố thị; ta sẽ ở lại đây dù ta phải chết đói!". Chú tỏ sung sướng, ngược mắt nhìn trời, miệng lâm râm cầu nguyện: "Hỡi thần sấm, ta luôn luôn yêu quý cuộc sống cô tịch. Xin tưởng đến ta mà mưa đổ xuống'. Thế là mưa tuôn ào ào, không mấy chốc, vị ẩn sĩ và ông bạn của ngài thấy đầy đủ thức ăn cần thiết cho họ ở thung lũng.

Sau giây phút yên lặng, đức Thế tôn tiếp:

"Này các thầy tỳ kheo, chú tỏ lúc đó chính là ta đây. Còn vị ẩn sĩ chính là một trong những thanh niên ác ý vừa vào vườn lộc uyển. Vâng, người ấy chính là Tỳ-ma-la đó!"

Ngài từ chỗ ngồi đứng lên.

"Này Tỳ-ma-la, ngay khi còn là một chú thỏ rừng trong thung lũng, ta đã ngăn chặn người chạy theo ác đạo, ta còn chỉ đường cho người đi đến thánh thiện huống hồ là nay ta đã đạt đến quả vị vô thượng Phật Đà, tai mắt của người đều nghe thấy điều đó. Vậy mà người vẫn nở ra sức ngăn cản người bạn tâm phúc của người đi tìm giải thoát!"

Tỳ-ma-la sụp lại dưới chân Đức Thế Tôn, anh xin qui y theo Ngài và được Ngài chấp thuận xuất gia tu tập với các đệ tử. Sau đó, Tu-bà-hầu, Phù-lan-na-ca và Già-bà-bạt-đế cũng quyết tâm noi theo thánh giáo của Ngài.

Số đệ tử mỗi ngày một gia tăng, chẳng mấy chốc Đức Thế Tôn đã có sáu mươi vị sa môn sẵn sàng truyền bá giáo pháp. Ngài khuyên các đệ tử:

"Này các đệ tử, ta đã giải thoát hết mọi ràng buộc nhơn thiên. Các người ngày nay cũng thế. Này các đệ tử, các người hãy khởi sự lên đường, hãy đi đi, hãy vì lòng xót thương nhân thế, hãy vì nguồn hạnh phúc của nhân gian, hãy đi đi! Chính nhờ các người mà nhân loại và chư thiên sẽ được an vui hạnh phúc. Hãy đơn độc lên đường. Này các đệ tử, hãy thuyết giảng, hãy truyền bá giáo pháp rạch rỡ huy hoàng: giáo pháp huy hoàng khi bắt đầu, huy hoàng ngay ở giữa, huy hoàng lúc sau cùng. Hãy truyền đạt tinh thần của giáo pháp; hãy thuyết giảng văn tự của giáo pháp; hãy phổ biến nếp sống hoàn hảo, thanh tịnh, thánh thiện cho những ai muốn nghe. Có những người không bị bụi phấn trần gian làm mù quáng, nhưng họ sẽ không thấy giải

thoát nếu họ không được nghe giáo pháp. Vì thế, này các đệ tử, hãy lên đường, hãy truyền đạt giáo pháp cho họ."

Các đệ tử lên đường du hóa mỗi người một phương, Đức Thế Tôn một mình thẳng đến Ưu-lâu-tần-loa (Uruvilva).

---o0o---

VI- TRUYỆN BÁCH-MA-CA

Đức Thế Tôn đi được một hồi lâu thì mệt mỏi.

Ngài vào một cánh rừng nhỏ và ngồi nghỉ dưới một gốc cây. Ngài vừa thiu thiu ngủ thì thấy một đám ba mươi thanh niên vào rừng Ngài chăm chú quan sát họ.

Theo ngôn ngữ và cử chỉ của họ thì rõ ràng là họ đang tìm một người nào. Cuối cùng họ hỏi Phật:

"Ngài có thấy một phụ nữ đi qua đây không?"

"Không, các anh là ai?"

"Chúng tôi là những nhạc công. Chúng tôi lưu diễn từ thành phố này đến thành phố khác. Chúng tôi thường trình tấu trước sự hiện diện của các quốc vương, tài nghệ của chúng tôi được nhiều người hâm mộ lắm. Hôm nay chúng tôi có đem theo một thanh nữ để giúp vui, nhưng trong lúc chúng tôi ngủ say ở bên kia vệ đường thì hấn vợ hết đồ đạc của chúng tôi và trốn mất. Chúng tôi đang truy tìm con nhỏ đó.

Đức Phật hỏi: "Việc làm nào tốt đẹp hơn, các anh đi tìm cô phụ nữ đó hay các anh đi tìm chính các anh?"

Các nhạc công cười ngoặt ngoẹo, ra vẻ châm biếm Đức Thế Tôn.

Ngài nói với người cười to nhất: "Anh chơi đàn của anh xem nào."

Nhạc công khoe tài ngay. Anh chơi hay thật; thảo nào anh dễ dàng tin tưởng là các vua chúa đều say mê lời ca điệu nhạc của anh. Khi anh diễn xong, Đức Thế Tôn nói:

"Cho ta mượn cây đàn của anh."

Ngài dạo qua một bản, các nhạc công lắng nghe sững sốt. Họ chưa bao giờ nghe thấy âm điệu ngọt ngào từ cung đàn của họ phát ra như vậy. Ngay cả gió cũng im lặng phăng phắc, mọi người dường như nín thở lắng nghe tiếng đàn kỳ diệu của Ngài.

Đức Thế Tôn ngừng dạo đàn.

Nhạc công thưa: "Bạch Đức Thế Tôn, chúng con nghĩ là chúng con đã điều luyện về nghệ thuật, nhưng thật ra chúng con chưa hiểu tí gì về nguyên tắc căn bản của nó. Xin Ngài thương tình dạy cho chúng con những điều mà Ngài đã quán triệt."

Đức Thế Tôn đáp: "Đến giờ phút này các anh mới thấy kiến thức âm nhạc của các anh còn nông cạn, nhưng trước đây các anh cho là các anh đã bắt lăm về nghệ thuật. Vì thế cho nên các anh tưởng là các anh hiểu được các anh, thật ra sự hiểu biết của các anh còn hời hợt lắm. Các anh cầu ta dạy cho các anh nhưng các anh lại cười đùa ngạo nghễ khi ta khuyên các anh đi tìm lại chính các anh!"

Các nhạc công hết dám cười đùa nữa.

Họ thưa: "Bạch Đức Thế Tôn, chúng con hiểu Ngài, chúng con hiểu Ngài! Chúng con sẽ đi tìm lại chính chúng con."

Đức Phật nói: "Tốt lắm, các người sẽ thông đạt giáo pháp của ta. Rồi đây, như quốc vương Bách-ma-ca (Padmaka), người đã hy sinh thân mạng để cứu sống quốc dân, các người cũng sẽ truyền đạt trí tuệ các người để cứu vớt nhân loại."

Ngài kể lại câu chuyện về vua Bách-ma-ca và các nhạc công chăm chú lắng nghe.

"Xưa kia có một quốc vương công minh, uy dũng, tên là Bách-ma-ca, trị vì tại thành Ba-la-nại. Bấy giờ có một bệnh dịch kỳ dị bỗng nhiên lan tràn khắp thành phố. Những ai nhiễm bệnh đều vàng cả người, và, dù phơi dưới ánh mặt trời, họ vẫn bị sốt run cầm cập. Quốc vương vô cùng xót thương dân chúng, ngài cố tìm phương cách để cứu chữa họ. Ngài hội ý với các y sĩ lừng danh nhất, ngài phân phát thuốc men và đích thân giúp đỡ, chăm sóc người bệnh. Nhưng hết hy vọng, bệnh dịch cứ tiếp tục hoành hành. Bách-ma-ca vô cùng đau đớn.

Một hôm, có một trưởng lão y sĩ đến tâu vua: "Tâu quốc vương, hạ thần biết một thứ thuốc có thể cứu chữa dân Ba-la-nại!" Quốc vương hỏi: "Thuốc gì thế?" "Đó là con cá mập Rô-hy-ta (Rohita). Hãy cho người bắt nó và phát cho bệnh nhân mỗi người một miếng, dù nhỏ thế nào chẳng nữa, thì bệnh dịch tan biến ngay." Quốc vương cũng quí cảm ơn vị trưởng lão y sĩ đó; ngài ra lệnh cho mọi người giăng sông chài biển để bắt cá Rô-hy-ta, nhưng họ không tìm đâu ra nó. Quốc vương đau buồn chán nản. Sáng hoặc tối, thỉnh thoảng ngài nghe có tiếng khóc than ai oán bên ngoài hoàng cung: "Quốc vương ơi, chúng tôi khôn khổ lắm. Xin cứu vớt chúng tôi với!" Ngài khóc nức nở.

Cuối cùng, ngài suy nghĩ: "Giàu sang quyền thế để mà chi, cuộc sống có ích gì nếu ta không cứu giúp những ai bị khổ đau hành hạ?" Ngài cho gọi người con trưởng nam của ngài đến, ngài nói: "Con ơi, cha để lại cho con tài sản và vương quốc này." Đoạn ngài đi thẳng lên sân thượng hoàng cung, ngài dâng cúng hương hoa đến chư vị thiên thân và khẩn nguyện: "Ta hân hạnh hy sinh mạng sống mà ta cho là vô dụng này. Nguyện cầu sự hy sinh này mang lại lợi ích cho những ai bị khổ đau vây hãm! Ta xin nguyện làm cá Rô-hy-ta theo sông trôi qua thành này!" Ngài từ sân thượng gieo mình xuống đất và biến ngay thành cá Rô-hy-ta bơi theo dòng sông. Cá bị bắt, nó vẫn còn sống khi họ cắt nó thành những mảnh nhỏ để phân phát cho người bệnh, nó chẳng thấy bị dao búa cắt xẻ gì cả, nó run run cử động với lòng thương yêu tất cả chúng sanh.

Chẳng mấy chốc bệnh dịch biến mất, khắp thành Ba-la-nại, đâu đâu cũng vang lên lời ca tiếng nhạc: "Chính nhờ Bách-ma-ca, đáng minh quân thánh đức cứu vớt các người! Hãy vui lên nào!" hầu hết dân cư trong thành đều tôn kính, tưởng nhớ đến Bách-ma-ca."

Các nhạc công lắng nghe Đức Thế Tôn, họ hứa qui y theo Ngài để thọ trì giáo pháp.

Tại Ưu-lâu-tần-loa, Đức Thế Tôn gặp ba anh em của Ca-diếp (Kasyapa). Ba đạo sĩ bà-la-môn đức hạnh này có một ngàn đệ tử. Họ thường bị một con rắn độc nhiều hại, quấy phá các cuộc tế lễ của họ, họ đem sự phiền toái đó đến trình Phật. Đức Phật mỉm cười; Ngài đón gặp rắn độc và bảo nó từ đó về sau hãy để cho họ an ổn tu hành. Rắn độc vâng lời, thế là các cuộc tế lễ của họ không bị gián đoạn nữa.

Ba anh em Ca-diếp mời Phật ở lại với họ vài hôm. Ngài nhận lời. Ngài muốn tạo sự ngạc nhiên cho các chủ nhân bằng cách phóng ra vô số phép màu kỳ diệu, bấy giờ hết thấy mọi người đều xin nương theo giáo pháp của Ngài. Chỉ có người anh cả của ba anh em Ca-diếp là không chịu theo Phật. Người ấy suy nghĩ:

"Đúng, đạo sĩ có nhiều thần lực, Ngài phóng ra vô số thần thông diệu dụng, nhưng ngài chưa thánh thiện bằng ta."

Đọc được tư tưởng của Ca-diếp, Đức Thế Tôn nói:

"Này Ca-diếp, người cho người là người thánh thiện, nhưng người chưa ở trên đường dẫn đến thánh thiện."

Thấy Phật đoán được ý nghĩ thầm kín của mình, Ca-diếp vô cùng kinh ngạc. Đức Thế Tôn nói tiếp:

"Người không biết làm sao tìm ra đường hướng dẫn đến thánh thiện. Này Ca-diếp, hãy nghe theo lời ta nếu người muốn xua tan màn đêm vây hãm cuộc sống của người."

Ca-diếp suy nghĩ trong giây lát rồi sụp lạy dưới chân Đức Thế Tôn và bạch rằng:

"Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài truyền thọ giáo pháp cho con! Xin cứu con ra khỏi màn đêm tăm tối."

Sau đó Đức Thế Tôn lên núi thuyết giảng giáo pháp cho ba anh em Ca-diếp và môn đệ của họ

Ngài dạy: "Này các thầy tỳ kheo, các pháp ở thế gian đều đang bùng cháy, nhãn quan đang bùng cháy, tất cả những gì chúng ta nhìn thấy trên đời đều đang bùng cháy. Vì sao thế? vì ngọn lửa yêu ghét chưa được dập tắt. Các người si mê mù quáng là vì thứ lửa này, các người chịu khổ đau, sanh già bệnh chết cũng vì thứ lửa này. Này các thầy tỳ kheo, mọi vật ở thế gian đều đang bùng cháy! Hiểu ta thì ngọn lửa đó sẽ được dập tắt cho các người; mắt các người sẽ hết bị thứ lửa đó làm mù quáng, và các người sẽ hết ham thích cảnh tượng bùng cháy mà các người đang say đắm hiện nay. Hiểu ta, các người sẽ thấy hết luân hồi sanh tử, các người sẽ thấy chúng ta không bao giờ trở lại trên trái đất này."

---o0o---

VII- PHẬT TẠI RỪNG TRÚC-LÂM

Đức Thế Tôn nhớ rằng quốc vương Tần-bà-sa-la xưa kia đã bày tỏ ý định học hỏi giáo pháp, Ngài quyết định đến thành Vương-xá (Rajagriha). Ngài lên đường với trưởng tử Ca-diếp và một vài môn đệ mới khác. Ngài đến trú tại một khu rừng gần thành.

Chẳng mấy chốc, quốc vương Tần-bà-sa-la hay tin các thầy tỳ kheo đã đến. Vua quyết định đến viếng các ngài. Cùng với đoàn cận vệ theo sau hộ tống, quốc vương đi thẳng đến cánh rừng. Nhận ra Đức Thế Tôn, quốc vương thưa:

"Bạch Đức Thế Tôn, Ngài không quên ước nguyện của con chứ; con xin vô vàn biết ơn và kính lễ Ngài."

Quốc vương sụp lạy, Đức Thế Tôn đỡ vua đứng lên và người đứng cách một khoảng để tỏ lòng tôn kính của mình.

Nhưng trong đám tùy tùng có người nhận ra Ca-diếp và coi ngài là bậc thánh đức tuyệt vời. Họ chưa bao giờ thấy Phật nên họ rất đỗi ngạc nhiên thấy quốc vương trọng vọng Ngài đến thế.

Một người bà-la-môn nói: "Quốc vương lạy như vậy hẳn là có lỗi; lẽ ra kính lễ Ca-diếp mới phải."

Một người khác nói: "Đúng, Ca-diếp là bậc đạo sư vĩ đại."

Người thứ ba tiếp: "Quốc vương đã phạm phải một lỗi lầm kỳ dị, đã nhầm môn đệ là đạo sư."

Họ thì thầm với nhau như thế nhưng Đức Thế Tôn đã nghe hết, bởi vì có gì qua nổi sự nhận xét của Ngài? Ngài hỏi Ca-diếp:

"Này người xứ Ưu-lâu-tần-loa, ai xúi giục người từ giã nơi ẩn cư của người? Ai bắt người phải chấp nhận sự nhu nhược của người? Này Ca-diếp, trả lời xem, làm sao người từ giã được nơi ẩn cư quen thuộc của người?"

Hiểu Đức Thế Tôn muốn nói gì, Ca-diếp đáp:

"Ngày nay con mới biết các pháp môn khổ hạnh của con xưa kia đi đến đâu; con nhận thấy tất cả những gì con truyền đạt đều rỗng tuếch. Lời giảng của con là ác pháp, con bắt đầu chán ghét lời sống trước kia của con."

Đáp xong, Ca-diếp sụp lạy dưới chân Đức Thế Tôn, ngài bạch tiếp:

"Con là đệ tử thuần thành của Ngài. Cho con được phép quỳ lạy dưới chân Ngài! Ngài là Đấng Thế Tôn, là đạo sư hướng dẫn chúng con. Con là môn đệ của Ngài, là thị giả của Ngài. Con sẽ nhứt tâm vâng phục theo Ngài."

Ca-diếp đánh lễ Đức Thế Tôn bảy lần, cả đám tùy tùng đều lên tiếng tán phục:

"Phi thường thay, đáng đã giáo hóa Ca-diếp thấy rõ vô minh! Ca-diếp coi Ngài là một trong những đạo sư tôn quý nhất, xem Ca-diếp quỳ lễ trước mặt người khác kia! Ô, phi thường thay, đáng đạo sư của Ca-diếp."

Sau đó Đức Thế Tôn thuyết giảng cho họ về bốn sự thật cao quý. Khi Ngài thuyết xong, quốc vương Tần-bà-sa-la tiến đến gần Ngài, và, trước mặt mọi người, dũng mãnh tuyên thệ:

"Con xin qui y Phật, con xin qui y Pháp, con xin qui y Tăng."

Đức Thế Tôn cho phép quốc vương ngồi bên cạnh Ngài, vua lại tác bạch:

"Trong đời con, con có năm ước vọng to lớn: ước rằng một ngày nào đó con sẽ là quốc vương; ước rằng một ngày nào đó Phật sẽ quang lâm đến đất nước con; ước rằng một ngày nào đó Ngài sẽ truyền thọ giáo pháp cho con; ước rằng một ngày nào đó con sẽ dốc lòng tín cẩn theo Ngài. Ngày nay, tất cả những ước vọng đó đều được thành tựu. Bạch Đức Thế Tôn, con xin qui y Phật, con xin qui y Pháp, con xin qui y Tăng."

Quốc vương đứng lên.

"Bạch Đức Thế Tôn, ngày mai, xin mời Ngài hoan hỷ đến hoàng cung của con thọ trai."

Đức Thế Tôn nhận lời. Quốc vương xin ra về với cõi lòng hoan vô bờ bến.

Nhiều người trong đám tùy tùng theo gương quốc vương, họ cũng xin phát tâm qui y Phật, qui y Pháp, qui y Tăng.

Ngày hôm sau, tất cả dân cư tại thành Vương-xá đều bỏ nhà đi đến rừng, họ trông mong thấy được dung nhan của Đức Thế Tôn. Tất cả đều thán phục, ca ngợi vẻ huy hoàng uy lực của Ngài.

Đã đến giờ Đức Thế Tôn đến vương cung, đường xá đông nghẹt người xem đến độ không thể nhích thêm một bước. Bỗng nhiên, một thanh niên bà-la-môn xuất hiện trước Đức Thế Tôn. Không ai biết anh từ đâu đến. Anh nói:

"Đức Thế Tôn cao cả giữa đoàn người quý tộc, Ngài đem đến sự giải thoát. Ngài tỏa hào quang sáng ngời như vàng ròng đã đến thành Vương-xá."

Với giọng nói vui vẻ, anh kêu gọi đám đông tránh đường, họ nhất tề vâng phục. Anh cất tiếng hát:

"Đức thế Tôn đã xua tan bóng tối; màn đêm sẽ không bao giờ trở lại; Ngài chứng đắc vô thượng bồ đề đã đến thành Vương-xá."

Dân chúng tự hỏi: "Anh thanh niên bà-la-môn có giọng nói ngọt ngào trong sáng kia từ đâu tới?"

Anh tiếp tục cất tiếng hát:

"Ngài đã đến rồi, Ngài là Đức Thế Tôn toàn năng cao cả, là Phật Đà vô thượng. Ngài là đấng toàn giác siêu việt trên đời; ta sung sướng được hầu hạ Ngài. Không phải hầu hạ kẻ thất phu ngu muội mà là cung kính hầu hạ bậc hiền giả thánh trí, là kính lễ các bậc tôn túc đức hạnh: có nguồn vui nào trên đời thánh thiện hơn thế? Có tài nghệ kiến thức, quý nghĩa cử bao dung, bước trên đường công lý: có nguồn vui nào trên đời thánh thiện hơn thế?"

Anh thanh niên bà-la-môn tìm cách chen qua đám đông, đưa Đức Thế Tôn đến tận cung vua Tần-bà-sa-la rồi đi mất. Dân chúng tại thành Vương-xá tin đó là một thiên thần hân hạnh hầu Phật và tán dương đức hạnh cao cả của Ngài.

Vua Tần-ba-sa-la tiếp đón Đức Thế Tôn rất trọng hậu. Sau bữa tiệc, quốc vương tâm sự với Ngài:

"Bạch Đức Thế Tôn, con vô cùng sung sướng trước sự hiện diện của Ngài. Con phải thường hầu thăm Ngài, thường lắng nghe những lời cao quý từ kim khẩu Ngài. Giờ đây, xin Ngài nhận cho một phẩm vật cúng dường. Gần thành Vương-xá hơn cánh rừng Ngài ở, có một khu rừng mệnh danh là rừng Trúc-lâm. Nó rộng lắm, Ngài và đồ chúng có thể trụ xứ ở đó thoải mái. Bạch Đức Thế Tôn, con xin dâng Ngài khu rừng Trúc-lâm đó; nếu Ngài nhận lời thế là Ngài sẽ ban cho con một ân huệ cao cả."

Đức Phật vui cười hoan hỷ. Một chiếc thau vàng đựng đầy nước hoa thơm ngát được bê tới. Quốc vương bê thau nước hoa rót lên tay Đức Thế Tôn. Ngài nói:

"Bạch Đức Thế Tôn, khi nước từ tay con đổ qua tay Ngài, tương tự như thế, bạch Đức Thế Tôn, nguyện cho khu rừng Trúc-lâm này cũng từ tay con chuyển qua tay Ngài."

Cả trái đất rung chuyển: giáo pháp ngày nay đã có đất cắm rễ. Cùng ngày hôm đó, Đức Thế Tôn và cả đồ chúng đến trụ tại rừng Trúc-lâm.

---o0o---

VIII- XÁ-LỢI-PHÁT VÀ MỤC-KIÊN-LIÊN

Hai thanh niên bà-la-môn, Xá-lợi-phát và Mục-kiên-liên (Sariputra, Maudgalyayana) bấy giờ cũng đang cư ngụ tại thành Vương-xá. Họ là bạn tâm giao và cũng là đồ đệ của ả sĩ San-xa-dạ (Sanjaya). Họ đã hứa với nhau: "Ai đắc đạo trước thì thông báo ngay cho người kia cùng biết."

Một hôm, Xá-lợi-phát thấy Át-bệ đang khát thực trong thành Vương-xá. Ông rất đỗi ngạc nhiên về vẻ mặt phúc hậu hoan hỷ, phong thái cao quý hiền hòa, cốt cách điềm tĩnh uy nghiêm của Át-bệ. Ông tự nhủ:

"Đúng rồi, có một đạo sĩ đã xuất hiện trên đời và đã tìm ra chánh đạo dẫn đến thánh quả. Ta phải đến gặp ngài ấy, ta phải hỏi xem đạo sư của ngài ấy là ai và ngài ấy qui ngưỡng theo giáo pháp nào"

Nhưng rồi ông ngẫm nghĩ:

"Giờ này chưa phải lúc để hỏi ngài. Ngài đang khát thực; ta không nên làm phiền ngài. Ta sẽ theo ngài, đợi ngài khát thực xong, ta sẽ đến hầu chuyện với ngài."

Tôn giả Át-bệ bấy giờ nghỉ khát thực. Xá-lợi-phất đến gặp ngài và chào hỏi ngài rất thân mật. Át-bệ cũng khiêm tốn đáp lại lời chào hỏi của Xá-lợi-phất.

Xá-lợi-phất hỏi: "Này bạn, dung mạo của bạn trầm tĩnh làm sao! Ánh mắt của bạn sao mà trong sáng thế! Ai đã thuyết phục bạn xuất gia? Bồn sư của bạn là ai? Bạn qui phục theo giáo pháp nào?"

Át-bệ đáp: "Thưa bạn, đức Đại sa môn, con trai của dòng tộc Thích-ca, là bồn sư của tôi"

"Này bạn, bồn sư của bạn nói gì, Ngài dạy những gì?"

"Thưa bạn, tôi mới xuất gia học đạo, tôi mới lãnh hội giáo pháp chỉ trong một thời gian ngắn; tôi chưa thể luận giải dài dòng, nhưng tôi có thể cho bạn biết tóm lược tinh thần của giáo pháp."

Xá-lợi-phất nói: "Này bạn, xin bạn nói ít nhiều gì cũng được, miễn là bạn cho tôi biết tinh thần của giáo pháp. Đối với tôi, chỉ có tinh thần của giáo pháp là quan trọng."

Tôn giả Át-bệ đọc câu:

"Đấng Toàn Giác thuyết giảng nguyên nhân, Đấng Toàn Giác thuyết giảng cứu cánh."

Xá-lợi-phất vô cùng hoan hỷ. Hình như sự thật đã hiển lộ trọn vẹn trước mắt người. Người suy nghĩ: "Các pháp do duyên sanh ắt phải do duyên diệt." Người cảm ơn Át-bệ, và, với niềm hy vọng tràn đầy, người đi tìm Mục-kiền-Liên.

Trông thấy Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên hỏi: "Này bạn, dung mạo của bạn trầm tĩnh làm sao! Ánh mắt của bạn sao mà trong sáng thế! Bạn đắc đạo rồi chăng?"

"Vâng, thưa bạn. Gần thành Vương-xá có một đạo sĩ thuyết giảng về sự giải thoát sanh tử."

Xá-lợi-phất tường thuật lại cuộc hội ngộ của mình và cả hai đều quyết tâm đến gặp Đức Thế Tôn. San-xa-dạ, vị đạo sư của họ, hết lòng khuyên can họ.

Ông nói: "Hãy ở lại đây với ta, ta sẽ ban cho các ngươi một địa vị cao sang giữa hàng môn đệ. Các ngươi sẽ là đạo sư như ta."

"Tại sao anh em chúng tôi cần phải ngang hàng với ngài? Tại sao chúng tôi phải gieo rắc vô minh? Chúng tôi hiểu giá trị của giáo pháp ngài. Nó chỉ biến chúng tôi thành những đạo sư ngu muội."

San-xa-dạ tiếp tục khuyên nhủ họ; bỗng nhiên, máu nóng từ trong miệng ông vọt ra, Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên hoảng sợ, rút lui.

Họ cùng nhau lên đường đến gặp Phật.

"Đây rồi, Đức Thế Tôn nói khi Ngài thấy họ tiến đến gần, đây là hai vị kiệt xuất nhất trong hàng đệ tử của ta."

Ngài hoan hỷ đón nhận họ vào Tăng đoàn.

---o0o---

IX- PHẬT HÓA GIẢI CÁC CUỘC XUNG ĐỘT CỦA DÂN THÀNH VƯƠNG-XÁ

Tín đồ mỗi lúc một gia tăng, quốc vương Tần-bà-sa-la lại bày tỏ đức tin và tình bạn sâu sắc của mình với Đức Thế Tôn. Vua thường thỉnh Phật đến hoàng cung và mời Ngài ngự tại ngai vàng. Mỗi lần thỉnh Phật như thế, vua lại hạ lệnh trang hoàng kinh thành sao cho ra vẻ vui tươi. Hoa giăng khắp phố, cờ bay rợp nhà, hương thơm ngào ngạt, ai ai cũng chung diện y phục sắc sỡ. Quốc vương đích thân cầm lọng vàng đi đầu nghênh đón và che nắng Đức Thế Tôn.

Nhiều thanh niên quý tộc nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp và nguyện xin qui y. Họ muốn làm thánh, họ từ bỏ gia đình tài sản, và chẳng mấy chốc, khu rừng Trúc-lâm đầy ắp những môn đệ thuần thành.

Nhưng cũng có nhiều người tại thành Vương-xá bực tức thấy Phật hóa độ số người xuất gia quá đông, họ lên tiếng phẫn uất khắp kinh thành.

Họ tra hỏi: "Tại sao hoàng tử dòng Thích-ca lại có mặt trên đất nước chúng ta? Chưa đủ đạo sĩ thuyết giảng đạo đức cho chúng ta sao? Họ không quyên rũ thanh niên chúng ta bỏ nhà bỏ cửa như vị đạo sư đó. Ừa, ngay cả con cái chúng ta cũng đang từ bỏ chúng ta. Vì hoàng tử dòng Thích-ca mà

biết bao phụ nữ phải lâm cảnh góa bụa! Vì hoàng tử dòng Thích-ca mà biết bao gia đình phải mất con mất cháu! Chỉ vì đạo sư đó có mặt trên đất nước chúng ta mà đau khổ sẽ xảy đến cho vương quốc này!"

Đức Thế Tôn sau đó gặp rất nhiều kẻ thù trong số dân cư trong thành. Mỗi khi gặp môn đệ của Ngài, họ tấn công hoặc hủy báng thậm tệ.

Một người đi qua nói: "Vị đại sa môn đó đến thành Vương-xá và chiếm trọn khu rừng Trúc-lâm; vị ấy sẽ chiếm cả vương quốc Ma-kiệt-đà (Magada) này không chừng?"

Một người khác nói: "Vị đại sa môn đó đến thành Vương-xá và đoạt cả môn đệ của Sa-xa-dạ; ngày nay vị ấy sẽ còn quyến rũ ai nữa đây?"

Người thứ ba nói: "Một tai họa dịch hạch còn ít nguy hại hơn là vị đại sa môn đó, bệnh dịch hạch sát hại trẻ em ít hơn."

Một phụ nữ thở dài nói: "Bệnh dịch hạch gây cảnh góa phụ là bao!"

Các môn đệ im lặng. Họ cảm thấy lòng phần uất của quần chúng đang dâng cao, họ thuật lại những lời thóa mạ mà họ đã nghe thấy cho Đức Thế Tôn rõ. Đức Thế Tôn đáp: "Này các đệ tử, đừng bận tâm về điều đó. Họ sẽ sớm chấm dứt thôi. Đối với những ai theo hủy báng lăng nhục các người, các người hãy nhẹ nhàng từ tốn nói với họ: "Bởi vì họ hiểu biết sự thật, sự thật chân chính mà các tráng sĩ tin theo, sự thật chân chính mà các đáng toàn thiện giáo hóa. Ai dám xúc phạm đến Phật, bậc thánh giả hóa độ bằng uy lực của sự thật?" Thế là họ sẽ in ngay, và chỉ vài ngày sau đó, khi dạo qua kinh thành, các người sẽ thấy được tán dương cung kính."

Đúng như lời Phật dạy. Lời lẽ hủy báng không còn nữa, mọi người ở thành Vương-xá đều tôn vinh môn đệ của Đức Thế Tôn.

---o0o---

X- TỊNH-PHẠN PHÁI SỨ THẦN ĐẾN GẶP CON MÌNH

Vua Tịnh-Phạn hay tin con mình đã chứng đắc vô thượng bồ đề và ở trong rừng Trúc-lâm, tại thành Vương-xá. Quốc vương mong gặp lại Ngài. Vua phái một sứ giả đến bạch Phật như vậy: "Bạch Đức Thế Tôn, phụ vương của Ngài, vua Tịnh-Phạn, mong gặp Ngài."

Khi đến rừng Trúc-lâm, sứ giả thấy Đức Thế Tôn đang giảng dạy các môn đệ:

"Có một cánh rừng nối liền với một sườn núi và dưới chân núi là một khu hồ rộng, sâu. Dã thú sinh sống trên bờ hồ đó. Có một kẻ từ đâu xuất hiện, hắn muốn hãm hại các loài dã thú đó, muốn làm cho chúng đau khổ, muốn làm hại chúng. Hắn rào bít con đường thông thương ra khỏi hồ, con đường lui tới an toàn, và hắn mở ra một đoạn đường nguy tạo dẫn vào một cánh đầm lầy khủng khiếp. Dã thú gặp nạn; chúng sẽ chết từng con một. Trái lại, có một người nào đó xuất hiện để tìm ra sự an lạc, hạnh phúc, phồn vinh cho dã thú đó. Người ấy sẽ hủy bỏ lối đi nguy tạo dẫn vào đầm lầy và mở ra một lộ trình an toàn dẫn tới đỉnh núi êm đềm. Thế là dã thú sẽ thoát khỏi nguy khốn, chúng sẽ được phồn vinh phát đạt. Này các đệ tử, hãy nhận ra những gì ta muốn nói với các ngươi. Ai sống gần lạc thú trần gian, người ấy như dã thú sống trên bờ hồ sâu rộng đó. Kẻ hãm hại ta, bức bách ta, tiêu diệt ta, ấy chính là tên ác quỷ Ma-vương. Cánh đầm lầy mà tất cả chúng sanh tự trảm mình trong đó là ái dục, là vô minh. Người mưu cầu hạnh phúc, an lạc và thịnh vượng cho chúng sanh là Đấng Toàn giác, là Bạc Thánh Giả, là Đức Phật từ bi. Này các đệ tử, Người ấy là ta vậy. Ta mở đường an lành; chính ta phá hủy lộ trình nguy tạo. Các ngươi sẽ không vào đầm lầy; các ngươi sẽ lên núi, các ngươi sẽ đạt đến đỉnh cao rực rỡ tuyệt vời. Tất cả những gì Đức Thế Tôn làm đều là thể hiện lòng từ bi và mưu tìm hạnh phúc cho môn đệ. Này các đệ tử, ta đã tìm kiếm sự an lạc cho các ngươi.

Sứ giả sung sướng lắng nghe và rồi sụp lạy dưới chân Đức Thế Tôn, bạch rằng!

"Bạch Đức Thế Tôn, xin nhận con vào hàng đệ tử của Ngài."

Đức Thế Tôn dang tay nói:

"Này sa môn, hãy đến đây."

Sứ giả đứng lên, và, bỗng nhiên, y phục cá nhân biến thành hình dạng và màu sắc y phục của một sa môn. Sứ giả quên hết mọi việc, quên cả thư tín của Tịnh-Phạn truyền đi.

Quốc vương mệt mỏi đợi chờ sứ giả trở về. Mỗi ngày, lòng mong mỏi gặp con lại gia tăng. Vua phái một sứ thần khác đến rừng Trúc-lâm. Nhưng rồi quốc vương cũng hoài công chờ đợi người ấy trở về. Quốc vương chín

lần phái sứ thần đến gặp Đức Thế Tôn, chín lần được nghe thánh ngôn của Phật, các sứ thần quyết tâm ở lại và xin xuất gia làm sa môn.

Vua Tịnh-Phạn cuối cùng gọi Ưu-đà-di (Udayin) đến.

Quốc vương nói: "Này Ưu-đà-di, như khanh biết, chín sứ giả lên đường đến rừng Trúc-lâm không một ai trở về, không ai cho trẫm biết thư tín của trẫm được đón nhận thế nào. Trẫm chả biết họ có tiếp xúc được với con trẫm không, họ có gặp con trẫm không. Ưu-đà-di, trẫm sốt ruột lắm! Trẫm già rồi, cái chết đang mai phục trẫm đó. Trẫm có lẽ chỉ sống đến ngày mai, nhưng khó mà lường được những ngày sau đó. Này Ưu-đà-di, trước khi nhắm mắt buông tay, trẫm muốn gặp mặt con trẫm. Khanh xưa kia là bạn tâm giao của con trẫm; Giờ đây, mong khanh hãy đến gặp mặt con trẫm. Trẫm nghĩ không ai có thể được tiếp đón trọng vọng như khanh. Hãy nói cho con trẫm biết nỗi khổ đau của trẫm; hãy nói cho con trẫm biết niềm ước vọng của trẫm, nguyện cầu sao con trẫm đừng thờ ơ lạnh nhạt!"

Ưu-đà-di đáp: "Tâu bệ hạ, hạ thần sẽ đi."

Ưu-đà-di lên đường. Vừa đến rừng Trúc-lâm, Ưu-đà-di đã quyết tâm làm sa môn, nhưng lời lẽ tâm sự của vua Tịnh-Phạn quá khắc sâu vào tâm khảm, Ưu-đà-di suy nghĩ: "Ta sẽ báo cho Đức Thế Tôn biết nỗi đau khổ của phụ vương Ngài. Ngài sẽ xúc động thương cảm mà về thăm phụ vương."

Đức Thế Tôn sung sướng thấy Ưu-đà-di thành một trong những đệ tử của Ngài.

Mùa đông hầu như đã qua. Một hôm, thấy thời tiết thuận tiện, Ưu-đà-di bạch Phật:

"Cỏ cây đang bùng rộ nở hoa, mai đây chúng sẽ đâm chồi nảy lộc. Hãy xem những tia nắng mặt trời lung linh qua các cành lá. Bạch Đức Thế Tôn, đây là lúc thời tiết thuận tiện để lên đường. Khí hậu không lạnh, không nóng; và khắp mặt đất bao phủ một màu xanh mơn mớn. Chúng ta sẽ khỏi bận tâm khát thực dọc đường. Bạch Đức Thế Tôn, đây là lúc thời tiết thuận tiện để lên đường."

Đức Thế Tôn mỉm cười hỏi Ưu-đà-di:

"Tại sao ngươi giục ta lên đường, Ưu-đà-di?"

"Bạch Đúc Thế Tôn, phụ vương Ngài, vua Tịnh-Phạn, sẽ sung sướng gặp lại Ngài."

Đức Phật suy nghĩ trong giây lát rồi nói:

"Ta sẽ đến thành Ca-tỳ-la-vệ, ta sẽ về thăm phụ vương ta."

---o0o---

XI- TRUYỆN CÒ VÀ CÁ

Khi vua Tần-bà-sa-la hay tin Đức Thế Tôn sắp rời rừng Trúc-lâm để lên đường vào dịp nào đó, quốc vương cùng con trai của mình là hoàng tử A-xà-thế (Ajatasatru) đến viếng Ngài.

Đức thế Tôn nhìn hoàng tử trẻ tuổi, rồi quay sang quốc vương nói:

"Thưa quốc vương, nguyện cầu A-xà-thế xứng hợp với lòng tin yêu của ngài."

Đức Thế Tôn lại chăm chú nhìn hoàng tử, Ngài nói:

"Này A-xà-thế, hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ những lời ta nói. Mưu mẹo không bao giờ thành công, độc ác không bao giờ thắng thế. Có một câu chuyện sẽ chứng minh điều đó, một câu chuyện đã xảy ra cách đây rất lâu, một câu chuyện mà chính ta tai nghe mắt thấy."

Thuở nọ, ta đang cư ngụ trong một khu rừng; ta là một thần. Cây đó mọc giữa hai hồ nước, một hồ nhỏ bé, tầm thường; hồ kia rộng lớn, xinh đẹp. Hồ nhỏ có nhiều cá; hồ lớn sen mọc đầy. Suốt cả mùa hè oai bức năm đó, hồ nhỏ hầu như bị khô cạn hoàn toàn, còn hồ lớn, nhờ bóng sen che nắng, luôn luôn đầy nước và mát mẻ êm đềm. Một con cò băng ngang giữa hai hồ, thấy cá và dừng lại. Đứng một chân, hấn bắt đầu suy nghĩ: "Bọn cá này là một phần thưởng hợp pháp. Nhưng chúng lạnh lắm; nếu ta tấn công ồ ạt, chúng sẽ trốn hết. Ta phải dùng mưu. Bọn cá khôn nạn thật! Chúng bị khủng hoảng trầm trọng trong khu hồ cạn nước này! Đằng kia có một khu hồ khác, nước sâu và mát, chúng có thể nhón như bơi lội, mặc sức vẫy vùng!".

Một cậu cá thấy cò đứng tư lự, trông nghiêm trang như một ẩn sĩ, cá hỏi: "Bác đang làm gì đó, thưa bác cò? Dường như bác đang suy nghĩ gì thì phải." Cò đáp: "Này cá, ta đang suy nghĩ, vâng, thật vậy, ta đang suy nghĩ."

Ta đang tự hỏi làm sao các cậu và bạn bè các cậu có thể thoát khỏi phận số đau buồn.' "Bác nói sao? Phận số đau buồn của chúng cháu ư?" "Này cậu cá khôn nạn! Các cậu đành chịu chết thê thảm trong hồ nước cạn này. Mỗi ngày, độ nóng càng tăng bao nhiêu thì mực nước lại càng giảm bấy nhiêu, và rồi việc gì sẽ xảy đến cho các cậu? Bởi vì rồi đây nước hồ sẽ khô hết, các cậu sẽ chết sạch! Bọn các cậu khôn nạn khôn nạn lắm! Ta khóc giùm cho các cậu đó.'

Nghe cò nói như vậy, bọn cá thất kinh, chúng than: "Việc gì sẽ xảy đến cho chúng cháu? Khi nào hơi nóng sẽ bốc cạn hồ nước?" Chúng quay sang cò: "Bác cò, bác cò, bác không thể cứu chúng cháu sao?" Cò lại giả vờ tư lự; cuối cùng, cò đáp: "Ta tin là ta có cách giải cứu khôn khổ cho các cậu.' Bọn cá chăm chú lắng nghe. Cò tiếp: "Gần đây có một khu hồ tuyệt diệu. Nó lớn hơn nhiều so với khu hồ mà các cậu đang sống, lá sen phủ kín mặt hồ, làm cho nước hồ mùa hè không bao giờ cạn. Hãy theo lời ta, hãy sang sống ở hồ đó. Ta có thể cặp các ngưoi trong mỏ của ta, mỗi lần cặp một cậu, và rồi mang hết đến đó. Thế là tất cả các cậu sẽ được cứu thoát.'

Bọn cá sung sướng. Chúng sắp thuận theo lời đề nghị của cò thì tôm càng lên tiếng: "Ta không bao giờ nghe theo điều gì quái lạ.' Cá hỏi tôm: "Có gì làm cậu kinh ngạc thế?" Tôm nói: "Kể từ lúc khai thiên lập địa, ta biết không bao giờ cò quan tâm đến cá trừ phi hẳn định xoi thịt.' Cò tỏ vẻ bất bình nói: "Cái gì! Mày là loài tôm càng ác độc, mày nghi tao cố tình đánh lừa bọn cá khôn nạn sắp lâm vào cõi chết này sao! Này cá, ta muốn cứu các cậu; ta muốn tìm hạnh phúc cho các cậu. Hãy xem lòng chân thật của ta, nếu các cậu muốn. Hãy chọn đại một cậu cá nào đó, ta sẽ dùng mỏ cặp nó đến hồ sen. Hẳn sẽ thấy mọi việc; hẳn sẽ nhớn như bơi lội một lát rồi ta sẽ đưa nó về đây.' Cá nói: "Được thế thì hay quá!" Và để thực hiện cuộc hành trình sang hồ sen, chúng chọn một cậu cá lớn tuổi, dù mờ mắt nhưng được coi là khôn ngoan hơn cả. Cò mang cá đến hồ, thả cá xuống nước, và để cho cá tha hồ bơi lội. Cá già khoái lắm, khi về gặp lại bạn bè, cá hết lời ca ngợi cò.

Bọn cá giờ đây hoàn toàn tin tưởng và dâng cả mạng sống cho cò. Chúng nói: "Xin bác cứu chúng cháu, xin đưa chúng cháu đến hồ sen'. "Chiều ý các cậu' cò nói. Thế là cò liền dùng mỏ gấp lại cậu cá già mờ mắt; lần này thay vì mang cá đến hồ, cò lại thả cá trên mặt đất và dùng mỏ xé xác nó ra; sau đó cò ăn hết thịt cá, bỏ lại bộ xương tại một gốc cây, gốc cây mà ta là một thần trên đó. Làm xong công việc, cò trở lại hồ nhỏ nói: "Bây giờ cậu nào sẽ đi với ta?" Bọn cá nóng lòng muốn thấy căn nhà mới, và thế là cò ta tha hồ chọn cá ngon miệng. Sau đó, từng con từng con cò xoi sạch hồ cá,

chỉ còn lại tôm càng. Tôm càng đã bày tỏ thái độ không tin cò, giờ đây tôm tự nhủ: "Ta không tin là các bạn cá có thể sống được ở hồ sen đó. Ta e rằng cò đã lợi dụng lòng tin của cá. Nhưng, điều may mắn cho ta là ta sẽ già biệt khu hồ khôn khổ này để đến một khu hồ khác rộng rãi hơn, thoải mái hơn. Cò phải chờ ta, nhưng ta không được liều lĩnh. Nếu cò lừa đảo kẻ khác thì ta phải trả thù cho chúng! Cò đến gần tôm nói: "Nào, đến lượt cậu." Tôm nói: "Bác sẽ chờ cháu bằng cách nào?" "Trong miệng bác, như các cậu khác." Cò đáp. Tôm nói: "Không, không; vỏ cháu trơn lấm; cháu rất có thể tuột khỏi miệng bác. Tốt hơn hết là cháu bám chặt chân cháu vào cổ bác; cháu sẽ cẩn thận, không làm đau bác đâu." Cò chấp thuận.

Cò đáp xuống một gốc cây. Tôm hỏi: "Bác định làm gì thế? Chúng ta mới đi được nửa đường. Bác mệt rồi sao? Khoảng cách giữa hai hồ đâu có rộng lắm!" Cò lúng túng không đáp được. Hơn nữa, tôm bắt đầu siết chặt cổ cò và gần giọng nói: "Thứ gì đây! Đổng xương cá tại gốc cây này là bằng chứng hiển nhiên lòng dạ phản phúc của mi. Mi sẽ không gạt được ta như đã từng gạt nhiều kẻ khác. Ta sẽ giết mi, dù ta phải chết trong cuộc đọ sức này." Tôm siết chặt râu càng. Cò đau quá; nước mắt ràn rụa; cò van xin: "Cậu tôm ơi, xin đừng siết cổ tôi nữa. Tôi sẽ không ăn thịt cậu. Tôi sẽ chờ cậu đến hồ!" "Thế thì đi" Tôm nói. Cò đi đến bờ hồ và vương cổ dài trên mặt nước. Thay vì rơi tòm xuống hồ, tôm siết chặt cổ cò, râu càng siết mạnh đến độ cổ cò phải đứt ra. Mộc thần không thể không lên tiếng: "Hay thay, tôm càng!". Đức Thế Tôn tiếp: "Mưu mẹo không bao giờ thành công. Độc ác không bao giờ thắng thế. Không sớm thì chầy, cò gian phải gặp tôm càng. Hoàng tử A-xà-thế, hãy luôn luôn ghi nhớ điều đó!"

Cảm hơn Đức Thế Tôn đã dạy cho con mình một bài học quý giá, vua Tần bà sa la nói:

"Bạch Đức Thế Tôn, con xin nguyện một điều.

"Cho biết xem" Đức Thế Tôn nói.

"Bạch Đức Thế Tôn, khi Ngài đi rồi, con sẽ không thể nào kính lễ Ngài, con sẽ không thể nào thường xuyên cúng dường Ngài, và điều đó làm con buồn lắm. Xin Ngài cho con một lọn tóc, xin Ngài cho con vài cọng móng tay, con sẽ tôn trí tất cả trong tháp giữa hoàng cung của con. Thế là con sẽ giữ được chút gì gọi là một phần thân thể của Ngài, và mỗi ngày, con sẽ kết hoa tươi, đốt hương quý để trang hoàng lễ bái trong tháp."

Đức Thế Tôn biểu tất cả những gì mà Tần-bà-sa-la cầu xin, Ngài nói:

"Hãy tôn trí tóc và móng tay này trong tháp, nhưng trông tâm con, hãy ghi nhớ những gì thầy dạy."

Vua Tần-bà-sa-la hoan hỷ trở lại hoàng cung, Đức Thế Tôn lên đường sang thành Ca-tỳ-la-vệ.

---o0o---

XII- TRUYỆN VÍT-VAN-TA-RA

Đức Thế Tôn chậm rãi tiến bước trên đoạn đường dài từ thành Vương-xá đến thành Ca-tỳ-la-vệ. Ưu-đà-di đi trước để báo tin cho vua Tịnh-Phan biết là con trai của ngài đang trên đường về thăm ngài, như vậy quốc vương sẽ an tâm và hết đau buồn.

Về đến hoàng cung, thấy quốc vương đang vô vàn buồn khổ, Ưu-đà-di nói:

"Tâu bệ hạ, xin bệ hạ hãy lau sạch nước mắt. Lát nữa đây con trai của bệ hạ sẽ có mặt tại kinh thành Ca-tỳ-la-vệ."

Quốc vương kêu lên: "Ồ, Ưu-đà-di đó à! Trẫm tưởng là khanh cũng quên đệ trình thư tín của trẫm nên trẫm cũng hết hy vọng gặp lại người con yêu quý của trẫm. Nay khanh lại mang tin vui về, trẫm sẽ không khóc nữa; trẫm sẽ vững tâm chờ đợi phút giây hạnh phúc mà chính mắt này gặp lại con trẫm."

Quốc vương ra lệnh cúng dường Ưu-đà-di một bữa cỗ trai thịnh soạn.

Ưu-đà-di nói: "Tâu bệ hạ, bản đạo sẽ không thọ trai ở đây. Trước khi thọ dụng bất cứ một thực phẩm nào, bản đạo phải biết là Thầy của bản đạo đã được cúng dường đúng pháp chưa. Bản đạo sẽ trở lại gặp Bổn Sư của bản đạo."

Quốc vương cả quyết:

"Này Ưu-đà-di, chính lòng trẫm muốn cùng dường vật thực cho khanh mỗi ngày; và cũng chính lòng trẫm muốn cùng dường vật thực cho con trẫm mỗi ngày trong suốt cuộc hành trình mà con trẫm phải trải qua để làm vui lòng trẫm. Xin thỉnh ngài thọ trai, và trẫm sẽ dâng thực phẩm cho ngài mang đến cúng dường Đức Thế Tôn."

Ưu-đà-di thọ trai xong, ngài nhận một bát cơm hảo hạng đem cúng dường con trai của quốc vương. Ưu-đà-di ôm bát, phóng người lên như bay, và chỉ trong chốc lát ngài đã đến gặp đức Bồ Sĩ. Mỗi ngài sau đó, Ưu-đà-di lại đến hoàng cung của vua Tịnh-Phạn để nhận thức ăn cho Đức Thế Tôn, Ngài rất lấy làm hoan hỷ cho tấm lòng hậu hạ chân thành của đệ tử Ngài.

Cuối cùng, Ngài đến thành Ca-tỳ-la-vệ. Để đón rước Ngài, cả dòng tộc Thích-ca tập trung đông đủ tại một hoa viên rực rỡ. Nhiều người có mặt hôm đó lại tỏ vẻ hui hui tự đắc. Họ nghĩ: "Ở đây có nhiều người lớn tuổi hơn Tất-đạt-đa! Tại sao họ phải đánh lễ Ngài? Trẻ em và nam nữ thanh niên lễ Ngài được rồi; người lớn khỏi phải lễ!"

Đức Thế Tôn vào công viên. Hào quang rực rỡ từ thân Ngài tỏa ra làm cho mọi người chói lòa cả mắt. Vô cùng xúc động, vua Tịnh-Phạn bước tới vài bước, kêu lớn: "Con ơi!" Giọng vua run run; những giọt nước mắt sung sướng chảy dài xuống hai gò má, quốc vương từ từ cúi đầu đánh lễ.

Thấy phụ vương đánh lễ con mình, cả dòng tộc Thích-ca cũng tự động cung kính hạ mình thi lễ.

Một chỗ ngồi lộng lẫy đã được chuẩn bị sẵn cho Đức Thế Tôn. Ngài ngồi xuống. Bầu trời quang đãng mở ra, những cánh hoa hồng từ trên không lừng lờ rơi xuống khắp cả hoa viên. Hương thơm ngào ngạt theo gió vờn xa, vờn khắp cả sơn hà đại địa. Quốc vương và cả dòng Thích-ca đều trở mắt ngạc nhiên. Đức Thế Tôn nói:

"Trong một kiếp xa xưa nào đó, ta đã chứng kiến cảnh gia đình quay quần chung quanh ta và đồng thanh lên tiếng ca ngợi. Lúc đó, quốc vương Xan-gia-da (Sanjaya) đang trị vì tại thành Gia-da-tua-ra (Jayatura). Phu nhân của ngài là Phu-Xa-ti (Phusati). Họ sanh được một trai tên là Vít-van-ta-ra (visvantara). Khi lớn lên, Vít-vanta-ra kết hôn với Mát-ri (Madri), một công chúa cực kỳ kiêu diễm. Nàng sanh cho Vít-van-ta-ra hai người con: một trai là Gia-linh (Jalin) và một gái là Cờ-rít-na-gia-na (Kishnajana). Vít-van-ta-ra có một con voi trắng đầy đủ phép màu kêu mưa gọi gió theo ý muốn.

Bây giờ, vương quốc Ca-linh-ga (Kalinga) xa xôi kia đang gặp nạn hạn hán khủng khiếp. Cỏ khô, cây héo; người vật chết đói chết khát. Quốc vương Ca-linh-ga nghe tin con voi của Vít-van-ta-ra có phép màu kỳ lạ. Vua phái tám đạo sĩ Bà-la-môn đến Gia-da-tua-ra thỉnh voi về xứ hoạn nạn của họ. Các đạo sĩ Bà-la-môn đến nhằm dịp lễ. Ngồi trên lưng voi, hoàng tử đang trên đường đến đền thần để phát phẩm vật bố thí. Thấy sứ giả của nước

ngoài, hoàng tử hỏi: "Các ngươi đến đây có việc gì?" Các đạo sĩ Bà-la-môn đáp: "Kính thưa hoàng tử, quê hương của chúng tôi, vương quốc Ca-linh-ga, đang bị hạn hán đói khát. Con voi của hoàng tử có thể mang nước mưa đến cứu sống chúng tôi; chúng tôi xin mượn voi của hoàng tử ít hôm được chăng?" Vít-van-ta-ra nói: "Chuyện nhỏ mọn đáng gì, các ngươi có thể mượn cả mắt lẫn thịt của ta nữa kìa! Vâng, các ngươi cứ tự nhiên dẫn voi đi, cầu nguyện mưa lành sẽ tưới khắp vườn ruộng các ngươi!" Hoàng tử trao voi cho các đạo sĩ bà-la-môn, họ hoan hỷ đưa voi về Ca-linh-ga.

Nhưng dân cư Gia-da-tua-ra lại lo lắng đau buồn; họ sợ hạn hán xảy ra trên chính quê hương của họ. Họ than phiền với quốc vương Xan-gia-da: "Tâu bệ hạ, việc làm của con ngài đáng trách lắm. Con voi của hoàng tử che chở thân dân khỏi chết đói. Nếu trời không mưa thì giờ đây việc gì sẽ xảy đến cho dân chúng? Tâu bệ hạ, hãy mặc xác hoàng tử; hãy để Vít-van-ta-ra đem cả thân mạng ra đền đáp sự ngu xuẩn này." Quốc vương khóc rống lên. Vua cố né tránh họ bằng những lời hứa hẹn; lúc đầu họ không nghe, nhưng rồi họ cũng nguôi dần và buộc đày hoàng tử đến một sa mạc sỏi đá xa xôi nào đó. Quốc vương ép phải nhận lợi. Xan-gia-da nghĩ: "Khi hay tin bị lưu đày, con ta sẽ đau khổ biết chừng nào." Nhưng đây không phải là trường hợp đáng kể. Vít-van-ta-ra khiêm tốn nói: "Tâu phụ vương, con sẽ ra đi ngày mai, con sẽ không mang theo một bảo vật nào cả." Sau đó, hoàng tử đi tìm Mát-ri, vợ chàng. Chàng nói: "Mát-ri, anh phải rời khỏi kinh thành này; phụ vương đã đày anh đến một sa mạc độc địa nào đó, một sa mạc khó bề sống được. Em yêu quý của anh, đừng theo anh làm gì; em sẽ phải gánh chịu nhọc nhằn thâm; em sẽ phải bỏ lại con thơ; em sẽ phải chết mòn vì cô đơn hiu hắt. Hãy ở lại đây với các con; hãy ngự trên ngai vàng của em; phụ vương đày anh chứ đâu phải đày em." Công chúa đáp: "Hoàng tử, nếu hoàng tử bỏ em lại đây, em sẽ tự sát, và tội ác sẽ nằm tại ngưỡng cửa ra vào của hoàng tử." Vít-van-ta-ra không biết nói sao. Đưa mắt nhìn Mát-ri, chàng ôm chặt lấy nàng, nói: "Vậy thì chúng ta cùng đi" Mát-ri cảm ơn hoàng tử, nàng tiếp: "Em sẽ đưa các con theo em; em không thể bỏ các con lại đây để chết dần trong hiu quạnh."

Ngày hôm sau, Vít-van-ta-ra đưa Mát-ri, Gia-linh và Cờ-rít-na-gia-na lên một chiếc xe ngựa dọn sẵn, họ gióng xe ra khỏi thành, quốc vương Xan-gia-da và hoàng hậu Phu-xa-ti khóc than thống thiết. Hoàng tử, vợ và các con đi cách kinh thành rất xa thì gặp một đạo sĩ bà-la-môn đến gần nói: "Thưa du khách, đây là đường đi Gia-da-tua-ra?" Vít-van-ta-ra đáp: "Vâng, thế ngài đến Gia-da-tua-ra để làm gì?" Đạo sĩ bà-la-môn nói: "Ta từ một nước xa xôi đến đây, ta nghe tại Gia-da-tua-ra có một hoàng tử độ lượng tên

là Vít-van-ta-ra. Hoàng tử trước kia có một con voi kỳ diệu mà chàng đã tặng cho quốc vương Ca-linh-ga. Người ta bảo hoàng tử từ ái lắm. Ta muốn viếng thăm con người nhân từ độ lượng đó; ta muốn hỏi xin hoàng tử một điều. Ta biết không ai kêu cầu hoàng tử trong vô vọng". Vít-van-ta-ra nói với Đạo sĩ bà-la-môn : "Ta là người mà ngài muốn đi tìm; ta là Vít-van-ta-ra, con trai của vua Xan-gia-da-đây. Vì ta tặng con voi của ta cho quốc vương Ca-linh-ga nên phụ vương ta lưu đày ta. Nay đạo sĩ bà-la-môn, ta có thể giúp ngài được gì?" Nghe qua mọi việc , đạo sĩ bà-la-môn than phiền cay đắng. Đạo sĩ ghen ngào nói: "Thế là họ đánh lừa ta! Ta đã từ nhà ra đi, mang theo biết bao hy vọng, giờ đây chẳng được gì, ta phải trở về chứ biết làm sao!" Vít-van-ta-ra ngắt lời đạo sĩ: "Này đạo sĩ bà-la-môn, hãy bình tĩnh, ngài không bao giờ kêu cầu hoàng tử Vít-van-ta-ra trong vô vọng đâu". Hoàng tử mở ngựa trao cho đạo sĩ. Đạo sĩ bà-la-môn cảm ơn vị ân nhân và ra đi.

Vít-van-ta-ra tiếp tục lên đường. Bảy giờ hoàng tử đích thân kéo xe. Sau đó chàng thấy một đạo sĩ bà-la-môn khác từ xa đi tới, trông người nhỏ bé, lụ khụ, đầu tóc bạc phơ, miệng răng vàng khè. Đạo sĩ hỏi hoàng tử: "Thưa du khách, đây là đường đi Gia-da-tua-ra?" Hoàng tử đáp: "Vâng, thế ngài đến Gia-da-tua-ra để làm gì?" Đạo sĩ Bà-la-môn nói: "Ta nghe nói quốc vương của thành đó có một hoàng tử tên là Vít-van-ta-ra, chàng nhân từ lắm; chàng đã cứu vương quốc Ca-linh-ga khỏi chết đói, và bất cứ ai cầu xin chàng điều gì, chàng cũng không bao giờ từ chối. Ta sẽ đến gặp Vít-van-ta-ra, và ta tin là chàng sẽ không từ chối lời thỉnh nguyện của ta." Hoàng tử nói: "Nếu ngài đến Gia-da-tua-ra, ngài sẽ không gặp Vít-van-ta-ra; phụ vương chàng đã đày chàng ra sa mạc." Đạo sĩ bà-la-môn rú lên: "Đau buồn cho ta rồi! Ai sẽ giúp ta trong tuổi già sức yếu này? vậy là bao nhiêu hy vọng đều tan biến cả, ta sẽ về lại căn nhà nghèo khổ như khi cất bước ra đi!" Đạo sĩ khóc sụt sùi. Vít-van-ta-ra nói: "Đừng khóc nữa, ta là người mà ngài muốn tìm. Ngài không gặp ta trong vô vọng. Mát-ri, Gia-linh, Cờ-rít-na-gia-na, hãy xuống xe! Nó không phải là của ta nữa. ta đã biếu nó cho cụ ông này." Đạo sĩ bà-la-môn vô cùng sung sướng.

Bốn người lưu đày lại tiếp tục cuộc hành trình. Giờ đây họ phải đi bộ, và khi các con thắm mệt, Vít-van-ta-na công Gia-linh. Mát-ri bế Cờ-rít-na-gia-na. Một vài ngày sau, họ lại gặp một đạo sĩ bà-la-môn thứ ba. Đạo sĩ cũng đang trên đường đến Gia-da-tua-ra để gặp hoàng tử Vít-van-ta-ra và xin của bố thí. Hoàng tử cởi hết y phục biếu đạo sĩ để đạo sĩ khỏi phải ra về với hai bàn tay trắng. Hoàng tử lại tiếp tục đi. Một đạo sĩ bà-la-môn thứ tư đến, người ngòm đen nám, gương mặt trông hách dịch, dữ tợn. Hắn gất gỏng nói: "Đây là đường đến Gia-da-tua-ra phải không?" Hoàng tử đáp: "Vâng,

thế ngài đến Gia-da-tua-ra để làm gì?" Vị đạo sĩ bà-la-môn muốn gặp Vít-van-ta-ra, chàng chắc chắn sẽ bố thí cho đạo sĩ một phẩm vật tuyệt diệu. Khi biết là mình đang đứng trước mặt hoàng tử bị lưu đày khốn khổ, chàng khóc than kể lể, đạo sĩ cất giọng giận dữ nói: "Ta từ xa lặn lội đến đây, điều đó hẳn không phải là vô ích. Người hẳn đã mang theo nhiều châu báu, hãy đưa hết cho ta." Mát-ri đang đeo một chiếc vòng vàng, Vít-van-ta-ra hỏi xin nàng chiếc vòng; nàng tươi cười đưa chàng chiếc vòng, tên đạo sĩ bà-la-môn chụp lấy và đi mất.

Vít-van-ta-ra, Mát-ri, Gia-linh và Cờ-rít-na-gia-na tiếp tục lên đường. Họ vượt qua biết bao ghềnh thác tuôn tràn khủng khiếp; họ bám xuống những vực sâu phủ đầy bụi gai chằng chịt; họ băng qua những gò hoang sỏi đá nắng cháy chang chang. Đôi chân của Mát-ri bị đá sỏi cắt xẻ tan tành; hai gót của Vít-van-ta-ra mòn loét tới xương, họ đi đến đâu là để lại một lần máu đến đó. Một hôm, Vít-van-ta-ra đi đầu, nghe tiếng người sụt sùi nức nở; chàng quay lại và thấy Mát-ri đang ngồi bệt xuống đất, khóc than thương tủi cho thân phận nàng. Bất gặp cảnh thống khổ, chàng nói: "Em yêu quý của anh, anh đã van xin em đừng theo anh đi đày, nhưng em không nghe. Đi, đứng dậy; dù mệt mỏi đến đâu chúng mình cũng đừng để cho các con phải khổ; đừng bận tâm đến những vết thương của chúng mình làm gì". Mát-ri thấy chân của chàng chảy máu, nàng rú lên: "Ồ, anh đau đớn hơn em nhiều! Em sẽ khắc phục đau khổ. Nàng cố đứng lên nhưng tay chân nàng bủn rủn, một lần nữa, nàng lại bật khóc trong nghẹn ngào ai oán." Tất cả sức lực trong ta đã hao mòn hết rồi, ngay cả tình thương ấp ủ của chồng con ta cũng không đủ giúp ta can đảm. Ta sẽ chết đói chết khát trên mảnh đất khủng khiếp này; con ta sẽ chết, và có lẽ chồng ta cũng sẽ chết.

Từ thiên giới, Đế-thích luôn luôn theo dõi Vít-van-ta-ra và gia đình chàng. Vô cùng xúc động trước cảnh khốn khổ của Mát-ri, Đế-thích quyết định giáng trần, cải dạng thành một ông lão vui tính và ngồi trên lưng con tuấn mã phi như bay đến gặp hoàng tử. Ông lão tới gần Vít-van-ta-ra và ôn tồn nói: "Kính thưa hoàng tử, theo vóc dáng của ngài thì rõ ràng là ngài đã trải qua nhiều gian khổ. Cách đây không xa có một thành phố. Lão sẽ chỉ đường cho hoàng tử. Gia đình hoàng tử phải đến trọ nhà lão và có thể ở lại bao lâu cũng được." Ông lão hoan hỷ giục bốn kẻ lưu đày lên ngựa. Vít-van-ta-ra tỏ vẻ do dự, ông lão nói: "Ngựa này khỏe lắm, quý vị nặng là bao! Phần lão, lão sẽ đi bộ chả hề gì, chúng ta đâu phải đi xa." Vít-van-ta-ra ngạc nhiên nghe nói thành phố được xây dựng trên sa mạc tàn nhẫn này; hơn nữa, chàng chưa bao giờ nghe nói đến thành phố. Nhưng giọng nói của cụ ngọc ngà và

Mát-ri yếu đến nỗi chàng phải quyết định đưa cả vợ con lên ngựa theo lời cụ.

Họ đi khoảng ba trăm bước thì thấy một thành phố huy hoàng xuất hiện trước mặt. Thành phố rộng bao la. Một con sông lớn chảy qua thành phố với nhiều vườn hoa xinh đẹp và nhiều vườn cây trái chín đầy cành. Ông lão đưa du khách đến các cổng chính của một tòa lâu đài lộng lẫy và nói: "Đây là nhà lão; ở đây, nếu quý vị muốn, quý vị có thể lưu lại suốt đời. Xin mời vào." Trong một căn phòng nguy nga rộng lớn. Vít-van-ta-ra và Mát-ri ngồi trên ngai vàng; dưới chân, các con đang nô đùa trên những tấm thảm dày sặc sỡ, ông lão biếu họ rất nhiều xiêm y xinh đẹp. Sau đó, những thức ăn thịnh soạn được dọn lên, con đoi của họ nhờ thế mà dịu dần. Nhưng Vít-van-ta-ra cứ trầm tư suy nghĩ mãi. Bỗng nhiên, chàng đứng phắt dậy, ngỗ lời với ông lão: "Thưa cụ, thế này là cháu bất tuân mệnh lệnh của phụ vương cháu. Phụ vương trục xuất cháu ra khỏi vương quốc Gia-da-tua-ra, bắt cháu sống trọn đời trên sa mạc, không được thọ dụng những tiện nghi thoải mái này, cháu không được phép. Thưa cụ, cho phép cháu rời khỏi nhà cụ." Ông lão có thuyết phục chàng, nhưng vô ích; Vít-van-ta-ra, theo sau là Mát-ri và các con lên đường giã từ thành phố.

Ra ngoài cổng thành, chàng quay lại nhìn thành phố lần cuối, nhưng thành phố đã biến mất; nơi đó bây giờ chỉ còn là bãi sa mạc nóng cháy. Vít-van-ta-ra sung sướng thấy mình không còn ở lại lâu hơn nữa. Chàng đến một ngọn núi, chung quanh toàn là rừng đồi bao la, chàng bắt gặp một túp lều của một ẩn sĩ nào đó xưa kia cư ngụ. Bằng lá cây, chàng làm một chiếc giường con nhỏ nhỏ cho cả gia đình; sau cùng, không còn gì ân hận dằn vò, chàng đã tìm thấy cảnh an lạc tại đó. Hằng ngày, Mát-ri vào rừng hái trái, họ ăn toàn trái rừng, họ uống toàn nước suối, một con suối tuôn chảy trong veo mà họ đã khám phá bên cạnh túp lều của họ.

Bảy tháng trôi qua, họ chả gặp một người nào; rồi một hôm, một đạo sĩ bà-la-môn đi ngang qua. Mát-ri đã vào rừng hái trái, Vít-van-ta-ra ở nhà chăm sóc các con đang đùa nghịch trước lều. Vị đạo sĩ bà-la-môn dừng lại quan sát họ rất kỹ. Đạo sĩ nói với người cha: "Thưa bạn, bạn vui lòng cho ta xin các cháu được chăng?" Vít van-ta-ra kinh ngạc đến nỗi không nói nên lời. Chàng lo sợ, đưa mắt nhìn đạo sĩ và rồi tiếp chuyện với người: "Vâng, bạn vui lòng cho ta xin các cháu được chứ? Ta có một cô vợ trẻ hơn ta nhiều, đúng ra nàng là một người đàn bà hách dịch. Nàng lười làm công việc gia đình, nàng bắt ta tìm cho nàng hai em nhỏ có thể làm nô lệ cho nàng. Bạn không cho ta xin các cháu thì để làm gì? Hình như bạn nghèo khổ lắm;

bạn phải vất vả lắm mới nuôi nổi chúng. Ở nhà ta, chúng sẽ có nhiều thức ăn, và ta sẽ cố thuyết phục vợ ta đối xử tử tế với chúng được chừng nào hay chừng đó." Vít-van-ta-ra ngẫm nghĩ: "Ta đang bị đòi hỏi một sự hy sinh vô cùng đau đớn. Ta biết làm sao bây giờ? Dù vị đạo sĩ có nói gì đi nữa thì con mình cũng sẽ chịu nhiều đau khổ ở nhà họ; vợ của hắn độc ác lắm, mục ấy sẽ đánh đập con mình, mục sẽ thí cho con mình những thức ăn thừa thãi. Nhưng vì ngài đã hỏi xin con mình, ta có quyền từ chối không?" Suy nghĩ kỹ trong giây lát, cuối cùng chàng nói: "Này đạo sĩ bà-la-môn, hãy đem các cháu đi; hãy đưa các cháu đi; hãy đưa các cháu về làm nô lệ cho vợ ngài." Gia-linh và Cờ-rít-na-gia-na òa lên khóc, máu theo vị bà-la-môn ra đi.

Mát-ri trong lúc đó đang hái lựu, nhưng cứ mỗi lần hái được một trái thì nó lại tuột khỏi tay nàng. Điều này làm nàng lo sợ, nàng hồi hải trở về. Nàng thương nhớ các con; nàng quay sang chồng hỏi: "Các con đâu?" Vít-van-ta-ra đang nhen ngào nức nở. "Các con đâu?" Vẫn không trả lời. Nàng hỏi lại lần thứ ba: "Các con đâu?" Nàng nói tiếp: "Trả lời, trả lời mau. Sự im lặng của anh là giết chết em đó." Bằng một giọng đau thương, Vít-van-ta-ra nói: "Có một đạo sĩ bà-la-môn đến, ngài muốn xin các con về làm nô lệ! Anh đã cho các con theo ngài rồi!" Mát-ri kêu lên: "Em có thể từ chối được không?" Mát-ri té xỉu, nàng bất tỉnh. Một hồi lâu, sau khi tỉnh lại, nàng kêu khóc nghe ão ão vô vàn. Nàng nhớ thương kẻ lẽ: "Con ơi, con sẽ làm mẹ đêm đêm giật mình thức giấc; mẹ đã chọn hái cho con những trái ngon đặc biệt, tên ác độc đó đã đem con đi rồi! Con vừa lững chững biết đi thì mẹ thấy họ bắt con phải chạy. Ở nhà họ, các con sẽ đói khát, các con sẽ bị đánh đập tàn nhẫn. Các con sẽ phục dịch trong nhà của một kẻ xa lạ. Các con sẽ lén nhìn ra đường nhưng không bao giờ gặp lại mẹ cha. Mọi các con sẽ bị khô héo, chân các con sẽ bị đau tê vì đá nhọn cắt xé; sức nóng của mặt trời sẽ làm nám cả mặt mũi các con. Con ơi, mẹ cha lúc nào cũng chịu đựng gian khổ cho con. Cha mẹ đã mang con qua vùng sa mạc hải hùng này, lúc đó các con đâu có khổ đau, nhưng giờ đây, việc gì sẽ làm cho các con đau khổ?"

Trong khi nàng đang vật vã than khóc thì có một đạo sĩ bà-la-môn khác ngang qua rừng, một cụ ông đi đứng quờ quạng. Đạo sĩ giương đôi mắt lèm nhèm nhìn công chúa rồi quay sang bắt chuyện với hoàng tử Vít-van-ta-ra; "Thưa hoàng tử, như ngài thấy, lão già nua yếu đuối; lão không có ai ở nhà để sớm hôm giúp lão; lão thức ngủ một mình; lão chả có con trai con gái gì chăm sóc lão. Nào, cô này còn trẻ, nàng trông khỏe mạnh lắm, cho lão xin cô này về làm nàng hầu. Nàng sẽ đỡ lão thức dậy; nàng sẽ dìu lão đi ngủ; nàng sẽ canh chừng giấc ngủ cho lão. Thưa hoàng tử, cho lão xin cô này, và như vậy là hoàng tử sẽ làm được một việc từ thiện, một việc thánh thiện, một

nghĩa cử sẽ được mọi người ca ngợi khắp thế giới". Vít-van-ta-ra chăm chú lắng nghe; chàng dẫn đo suy nghĩ. Chàng nhìn sang Mát-ri: "Em yêu quý, em nghe đạo sĩ bà-la-môn nói chú? Em tính sao?" Nàng đáp: "Anh đã cho đứt hai con Gia-linh và Cờ-rít-na-gia-na yêu quý rồi, anh có thể bố thí nốt em cho vị đạo sĩ này; em sẽ không than phiền gì cả."

Vít-van-ta-ra cầm tay Mát-ri đặt vào tay của vị đạo sĩ bà-la-môn. Chàng không thấy một chút gì ân hận. Chàng chỉ khẽ rơi một giọt nước mắt. Đưa tay đón nhận người phụ nữ, đạo sĩ bà-la-môn cảm ơn hoàng tử và nói: "Này Vít-van-ta-ra, nguyện cầu ngài sớm tỏ ngộ sự huy hoàng cao quý; nguyện cầu ngày kia ngài sẽ thành Phật!" Đạo sĩ bà-la-môn ra đi, nhưng đột nhiên ngài quay trở lại nói: "Ta sẽ tìm nàng hầu ở một xứ khác; ta sẽ gởi cô này ở lại đây với các thiên thần thánh nữ của núi rừng sông suối; từ nay về sau, ngài không được biếu nàng cho ai nhé!" Trong khi ông lão bà-la-môn nói như vậy thì sắc diện dần dần biến đổi và đẹp hẳn ra, khuôn mặt của ông lão giờ đây hiện rõ nét hân hoan rạng rỡ.

Vít-van-ta-ra và Mát-ri nhận ra thiên chủ Đế-thích. Họ sụp lạy dưới chân ngài; Thiên-chủ nói với họ: "Các người có thể cầu xin ta mỗi người một điều, ta sẽ ban ân huệ cho các người". Vít-van-ta-ra nói: "Ồ, nguyện cầu ngày kia con có thể thành Phật để mang sự giải thoát đến cho những ai bị tử sinh thống khổ trong chốn núi rừng!" Thiên-chủ đáp: "Nguyện cầu người sớm được huy hoàng, nguyện cầu ngày kia người sẽ thành Phật!" Mát-ri tiếp lời: "Bạch ngài, xin ban cho con ân huệ này: Nguyện cầu đạo sĩ bà-la-môn, người đã xin con chúng con, quyết định bán chúng thay vì giữ chúng trong nhà, nguyện cầu đạo sĩ tìm được người mua ở xứ Gia-da-tua-ra, và nguyện cầu người mua chính là Xan-gia-da." Thiên-chủ đáp: "Được rồi!" Thiên-chủ thăng thiên. Mát-ri thì thầm: "Ồ, nguyện cầu quốc vương Xan-gia-da ân xá cho con trai ngài!" Nàng nghe thiên thần nói: "Được rồi!"

Ngay lúc đó. Gia-linh và Cờ-rít-na-gia-na về đến căn nhà mới của chúng. Vợ của đạo sĩ bà-la-môn rất hài lòng với hai em bé nô lệ này. Mẹ bắt chúng làm việc ngay. Mẹ hí hửng ra lệnh. Các em phải vâng theo tính khí bất thường không đâu vào đâu của mẹ, nhưng mẹ là mẹ chủ khát nghiệt đến nỗi mới đó mà chúng chẳng còn một chút thiện chí nào làm hài lòng mẹ. Mẹ thường xuyên chửi mắng đánh đập chúng. Mẹ càng đối xử chúng tàn tệ bao nhiêu thì chúng càng cảm thấy chán nản vô vọng bấy nhiêu, cuối cùng mẹ nói với đạo sĩ: "Tôi không cần hai đứa nhỏ này nữa. Hãy bán chúng đi và kiếm cho tôi vài đứa khác, những tên nô lệ biết cách làm việc và vâng lời

kìa". Đạo sĩ bà-la-môn dẫn hai đứa nhỏ đi lang thang từ thành phố này đến thành phố khác, cố bán cho được chúng, nhưng chẳng ai chịu mua: giá cao quá.

Sau cùng, vị ấy đến Gia-da-tua-ra. Một trong các quan ngự sử của quốc vương thấy họ lang thang trên đường phố, ông chăm chú nhìn hai em bé, nhìn thân hình tiều tụy và mặt mày rám nắng của chúng, bỗng nhiên, nhờ hai đôi mắt mà ông nhận ra chúng. Ông chặn vị đạo sĩ bà-la-môn lại hỏi: "Ngài được hai em bé này ở đâu?" Đạo sĩ đáp: "Thưa ngài, tôi được chúng trong một khu rừng. Người ta biểu chúng cho tôi đem về làm nô lệ; chúng ngộ ngáo lắm, tôi đang đem bán chúng đó." Quan ngự sử đâm ra lo nghĩ, quay nhìn hai em bé, quan hỏi: "Cha các cháu mất rồi sao mà các cháu phải chịu cảnh nô lệ thế này?" Gia-linh đáp: "Thưa không ạ! Cha mẹ chúng cháu còn sống, nhưng cha bố thí chúng cháu cho đạo sĩ bà-la-môn này." Quan ngự sử kêu to lên: "Quốc vương ơi, Vít-van-ta-ra đã cho đứt cháu nội của ngài, Gia-linh và Cờ-rít-na-gia-na, cho một đạo sĩ bà-la-môn rồi. Chúng làm nô lệ cho y. Y không hài lòng với công việc hầu hạ của chúng nên đem chúng dạo bán từ thành phố này đến thành phố khác." Quốc vương Xan-gia-da-ra lệnh đưa đạo sĩ bà-la-môn và hai em nhỏ đến gặp ngài ngay. Chúng được nhận diện liền.

Thấy cảnh khốn khổ của hai em bé thuộc dòng tộc mình, quốc vương khóc than thê thảm. Gia-linh ngỡ lời van xin: "Tâu quốc vương, xin mua giùm chúng cháu, chúng cháu vô vàn cực khổ trong nhà của đạo sĩ bà-la-môn, chúng cháu muốn ở với ngài, ngài sẽ thương yêu chúng cháu. Nhưng xin đừng bắt chúng cháu bằng quyền lực; cha cháu biểu chúng cháu cho đạo sĩ bà-la-môn và mong rằng nhờ sự hy sinh đó mà cha chúng cháu sẽ được nhiều phước đức cho bản thân và cho cả chúng sanh." Quốc vương hỏi đạo sĩ bà-la-môn: "Người muốn bán hai em bé này bao nhiêu?" Đạo sĩ bà-la-môn đáp: "Với chúng thì xin quốc vương cho một ngàn đầu bò". "Tốt lắm". Quốc vương quay sang quan ngự sử nói: "Giờ đây khanh sẽ là người đứng sau trẫm ở vương quốc này, hãy biểu đạo sĩ bà-la-môn này một ngàn đầu bò và trả thêm cho y một ngàn nén vàng." Sau đó quốc vương, theo sau là Gia-linh và Cờ-rít-na-gia-na, đến gặp hoàng hậu Phu-xa-ti. Vừa trông thấy cháu nội, bà sung sướng đến khóc cười lẫn lộn. Bà mặc y phục sang trọng cho chúng và đeo cho chúng nhiều vòng nhẫn xinh đẹp. Bà hỏi cha mẹ chúng. Gia-linh đáp: "Cha mẹ chúng cháu sống trong rừng, ở trong một túp lều sơ sài trên một sườn núi. Cha mẹ chúng cháu bố thí hết sạch tài sản rồi. Cha mẹ chúng cháu sống nhờ trái cây và nước suối, bạn bè thân thích toàn là dã thú trong rừng." Phu-xa-ti kêu lên: "Hoàng thượng ơi, sao hoàng thượng không gọi con của hoàng thượng bị lưu đày về!" Vua Xan-gia-da phái một sứ thần đến

gặp hoàng tử Vít-van-ta-ra; quốc vương xin lỗi hoàng tử và lệnh cho hoàng tử về Gia-da-tua-ra gấp.

Khi về gần đến thành, hoàng tử nhìn thấy phụ vương, mẫu hậu và các con ra đón chàng; theo sau là một đám đông dân chúng đã nghe nói đến cảnh khốn khổ tột cùng và đức hạnh kỳ diệu của Vít-van-ta-ra, họ hỷ xả tất cả và ca ngợi chàng hết lời. Quốc vương nói với hoàng tử: "Con yêu quý của cha, cha đã làm một việc bất công nghiêm trọng với con; mong con hiểu cho cha sự ân hận này; mong con thương cha: hãy quên đi lỗi lầm nông nổi của cha; mong con cảm thương dân chúng kinh thành: hãy quên đi lối cư xử tệ bạc của họ với con. Những nghĩa cử từ ái của con sẽ không bao giờ làm phiền lòng cha và dân chúng nữa." Vít-van-ta-ra sung sướng ôm lấy phụ vương, trong khi Mát ri ôm chặt lấy Gia Linh và cờ-rít-na-gia-na, còn Phu-xa-ti vui mừng đến bật khóc. Khi hoàng tử ngang qua các cổng hoàng thành, chàng được mọi người đồng thanh ca ngợi. Này bà con dòng tộc Thích-ca, ta là Vít-van-ta-ra đây! Quý vị vẫn tán thán ta như ngày nào. Hãy lên đường đi đến giải thoát."

Đức Thế Tôn im lặng. Cả dòng tộc Thích-ca chăm chú lắng nghe. Họ đánh lễ Ngài và xin cáo lui. Nhưng chả ai nghĩ đến việc cúng dường ngọc trai ngày mai cho Ngài.

---o0o---

XIII- TRUYỆN ĐẠT-MA-BA-LA

Ngày hôm sau, Đức Thế Tôn vào thành khát thực từng nhà. Dân chúng kinh thành Ca-tỳ-la-vệ nhận ra Ngài và cùng nhau ca ngợi:

"Lạ thay! Hoàng tử Tất-đạt-đa xưa kia ăn mặc sang trọng, dong xe qua kinh thành này, nay lại quần y sa môn bình dị, đó đây khát thực từng nhà."

Họ đổ xô đến các cửa sổ, leo lên các sân thượng, trầm trồ thán phục người khát sĩ.

Một trong những thị nữ của Da-du vừa ra khỏi hoàng cung thì nghe lời tán thán xôn xao. Nàng hỏi nguyên do và được mọi người cho biết. Nàng tức tốc trở về báo tin cho công chúa.

Nàng nói: "Tâu công nương, phu quân của công nương, hoàng tử Tất-đạt-da, đang ung dung đây đó trong thành như một sa môn khát thực!"

Giật mình, Da-du suy nghĩ: "Xưa kia chàng lộng lẫy trong ánh châu báu ngọc ngà, nay chàng lại khiêm tốn trong bộ y phục bình dị, nay chàng lại rực rỡ trong ánh hào quang thiêng liêng." Nàng thì thầm: "Chàng tuyệt diệu quá!"

Nàng leo lên sân thượng hoàng cung. Với nhiều người vây quanh, Đức Thế Tôn đang từ từ tiến đến gần. Nét uy nghi đường bệ từ thân Ngài tỏa ra, Da-du sung sướng đến run người, nàng cất lời nồng nàn ca ngợi:

"Ôi mái tóc bóng ngời mềm mại,
Vàng trán kia rực ánh mặt trời,
Đôi mắt người rạng rỡ tươi vui,
Chân nhẹ bước như sư tử giữa nắng vàng êm dịu!"

Nàng đến gần phụ vương tâu:

"Tâu phụ vương, con trai của phụ vương đang khát thực trong thành Ca-tỳ-la-vệ. Có một đám đông người thán phục đang lần theo Ngài, Ngài đẹp hơn bao giờ hết."

Tịnh-Phạn sửng sốt. Quốc vương rời khỏi hoàng cung, đến gần con nói:

"Ngài đang làm gì vậy? Tại sao Ngài phải khát thực? Hẳn Ngài phải biết là trăm đang mong Ngài tại hoàng cung, Ngài và cả đệ tử của Ngài."

Đức Thế Tôn đáp: "Ta phải khát thực; ta phải vâng theo giáo pháp."

Quốc vương nói: "Ta là dòng Sát-đế-lợi; chưa bao giờ dòng tộc Thích-ca lại có người khát thực?"

"Phụ vương thuộc dòng họ Thích-ca; còn ta, trong những tiền kiếp xa xưa, ta đã chứng đắc vô thượng bồ đề; ta đã nhận ra vẻ đẹp của tâm từ bi; ta đã hiểu rõ nguồn vui cả lòng tự dâng hiến. Khi ta là đứa bé Đạt-ma-ba-la (Dharmapala), hoàng hậu mẹ ta, một hôm đang cùng ta chơi đùa, quên chào phụ vương, quốc vương Bra-ma-đát-ta (Brahmadatta) khi ngài đi qua. Để trừng phạt hoàng hậu, ngài ra lệnh cho một trong các vệ binh chặt đứt hai tay ta, ngài nghĩ làm thế mẹ ta sẽ đau đớn thấy ta đau khổ còn hơn chính bà chịu đau khổ. Mẹ ta van xin quốc vương, bà nguyện hiến hai tay bà để thay ta, nhưng ngài vẫn khăng khăng tàn nhẫn, ngài vẫn ban lệnh thi hành. Ta vui vẻ như thường, mẹ ta thấy thế cũng hoan hỷ theo. Thế là phụ vương ta ra lệnh vệ binh chặt đứt hai chân ta. Chặt xong, ta vẫn tươi cười. Quốc vương nổi

giận hét lên: "Hãy cắt đầu nó ra!" Thất kinh, mẹ ta quì mọp trước mặt phụ vương, bà van xin: "Tâu hoàng thượng, xin cắt đầu thiếp, xin tha mạng cho con ngài!" Quốc vương sắp bác lời thì bằng giọng nói thơ ngây, ta lên tiếng: "Mẹ ơi, chính vì sự giải thoát của mẹ mà con dâng trọn cả đầu này. Khi con chết rồi, hãy vát xác con trên đường; hãy phơi nó trần trần ra đó; hãy để nó làm môi cho chim trời." Và khi tên đao phủ tóm lấy tóc ta, ta nói tiếp: "Ồ, thế là con có thể thành Phật, con có thể giải thoát cho tất cả những ai bị sanh tử trên đời! Và giờ đây, hồi quốc vương Tịnh-Phạn, rốt cuộc ta đã đạt đến trí tuệ; ta là Phật; ta biết đường dẫn đến giải thoát. Đừng than phiền việc làm của ta. Hãy tỉnh giác; hãy sáng suốt; hãy noi theo con đường đức hạnh cao quý. Ai sống đời thánh thiện, người ấy có giấc ngủ an lành, dù ngủ trên mặt đất hay ngủ ở những thế giới đâu đâu. "

Quốc vương Tịnh-Phạn thán phục đến rơi lệ. Đức Phật tiếp:

"Hãy biết phân biệt đâu là đức hạnh chân chính và đâu là đức hạnh hư ngụy. Hãy biết đâu là chánh đạo và đâu là tà đạo. Ai sống đời thánh thiện, người ấy có giấc ngủ an lành, dù ngủ trên mặt đất hay ngủ ở những thế giới đâu đâu!"

Sụp lạy dưới chân Phật, quốc vương xin hết lòng tín ngưỡng theo Ngài. Đức Thế Tôn hoan hỷ trở về hoàng cung và ngồi vào bàn của phụ vương mình.

---o0o---

XIV- ĐỨC HẠNH CAO QUÍ CỦA DA-DU

Bấy giờ tất cả phụ nữ ở hoàng cung đều đến đánh lễ Đức Thế Tôn. Chỉ có Da-du là vắng mặt. Quốc vương tỏ vẻ ngạc nhiên. Ma-ha-ba-xà-ba-đề hỏi: "Thiếp đã bảo nàng cùng đi", nàng đáp: "Con sẽ không đi với mẹ, con thiếu duyên thiếu đức; con không xứng đáng gặp mặt chồng con. Nếu con không làm gì làm lỗi, chồng con sẽ đích thân đến gặp con, và rồi con sẽ kính lễ chồng con đúng phép. "

Đức Thế Tôn rời khỏi chỗ ngồi, đi thẳng đến phòng Da-du. Nàng đã vát hết y phục sang trọng, cởi bỏ các tấm màn the, ném cả kiềng vòng châu báu; nàng khoác một chiếc áo choàng màu ngà may bằng vải thô. Thấy nàng trang phục như vậy, Đức Thế Tôn vui cười hoan hỷ. Nàng sụp lễ dưới chân Ngài.

Nàng nói: "Ngài thấy đó, thiếp muốn mặc y phục như Ngài mặc, thiếp muốn sống như Ngài sống. Ngài ăn một bữa một ngày, thiếp dùng mỗi ngày một bữa. Ngài không ngủ trên giường; nhìn quanh xem: chả có giường chiếu gì cả, thiếp ngủ trên chiếc băng này. Từ đây, thiếp sẽ không cần hương thơm, thiếp sẽ không cài hoa lên mái tóc thiếp nữa."

Đức Thế Tôn đáp: "Da-du, ta đã thấy đức hạnh cao quý của nàng, nàng không thiệt đâu, ta tán thán đức hạnh của nàng lắm. Có bao nhiêu phụ nữ trên thế gian này đã dững mãi như nàng?"

Đức Thế Tôn ngồi xuống, nói:

"Phụ nữ khó tin lắm. Trong số hơn cả ngàn người ngu si ác độc thì may ra mới có một người thông minh đức hạnh. Phụ nữ bí hiểm hơn cả lộ trình của cá lội dưới nước; họ tàn nhẫn như kẻ cướp, họ lường gạt như kẻ cướp; họ ít khi nói thật, vì đối với họ, láo là thật, và thật là láo. Ta thường khuyên đệ tử ta hãy tránh xa phụ nữ. Thấy họ tiếp chuyện với phụ nữ là ta khó chịu rồi. Còn nàng, này Da-du, nàng không giả dối; ta tin tưởng đức hạnh của nàng. Đức hạnh là hoa hương không phải dễ tìm; phụ nữ phải có đôi tay sạch để nắm giữ đức hạnh. Ma-vương che giấu tên nhọn dưới hoa; ồ, biết bao phụ nữ yêu hoa bạc ác, hoa gây thương tích không bao giờ lành! Phụ nữ khôn nạn thay! Hình hài chỉ là bọt bèo, họ đâu nhận ra điều đó. Họ bám chặt vào cõi đời này, rồi ngày ấy đến thì tử thần kéo họ ra đi. Hình hài mong manh hơn cả ảo vọng. Ai nhận ra điều đó, người ấy sẽ bẻ gãy những mũi tên hoa của Ma-vương; ai nhận ra điều đó, người ấy sẽ không bao giờ gặp mặt tử thần. Thần chết sẽ lôi người phụ nữ vô ý hái hoa như con nước lũ, do bão tố dâng lên, cuốn phăng cả ngôi làng đang mê ngủ. Này cô, hãy hái hoa, hãy thưởng thức màu sắc của chúng, hãy ngửi trọn hương vị của chúng; thần chết đang rình rập cô đó; trước khi cô được thỏa mãn thì thần chết đã mang cô đi rồi. Hãy như con ong kia; nó bay từ hoa này đến hoa khác, chỉ lấy mật ngọt chứ không làm tổn thương hương sắc của một hoa nào.

---o0o---

XV- NAN-ĐÀ KHƯỚC TỪ VƯƠNG VỊ

Từ khi Tất-đạt-đa ra đi xuất gia, vua Tịnh-Phạn đã chọn Nan-đà (Nanda), một trong những người con trai khác, kế vị vua lên ngôi. Nan-đà sung sướng nghĩ rằng một ngày kia chàng sẽ là quốc vương, sung sướng hơn nữa là chàng nghĩ đến cuộc hôn lễ sắp tới với công chúa Tôn-đà-lị (Sundarika), một Tôn-đà-lị xinh đẹp mà chàng thiết tha yêu quý.

Đức Thế Tôn lo sợ cho em mình; Ngài sợ cho Nan-đà sẽ lạc vào ác đạo. Một hôm, Ngài đến gặp Nan-đà và nói:

"Này Nan-đà, ta đến với ngươi vì ta biết ngươi đang sung sướng lắm. Ta muốn nghe chính miệng ngươi trình bày nguyên do của sự sung sướng đó. Này Nan-đà, nói đi, hãy bộc lộ hết tâm tình cho ta biết."

Nan-đà đáp: "Thưa tôn huynh, em nói ra không biết tôn huynh có hiểu cho chăng, tôn huynh đã từ bỏ vương vị, tôn huynh đã cắt đứt ái ân với Da-du!"

"Này Nan-đà, ngươi mong ngày kia ngươi sẽ là quốc vương, thì ra nguyên do sung sướng là thế!"

"Vâng, điều sung sướng hơn nữa là em yêu Tôn-đà-li, Tôn-đà-li mai đây sẽ là hôn thê của em."

Đức Thế Tôn kêu lên: "Khốn nạn thay! sống trong đen tối mà ngươi có thể sung sướng được sao? Ngươi sẽ thấy được ánh sáng sao? Trước hết ngươi hãy loại bỏ niềm hạnh phúc đó đi: Lo sợ phát sanh từ hạnh phúc, kinh hãi và đau khổ. Ai hết lo sợ, hết đau khổ; người ấy không còn biết đến hạnh phúc. Hãy loại bỏ tình yêu đó đi: Lo sợ phát sanh từ tình yêu, kinh hãi và đau khổ. Ai hết lo sợ, hết đau khổ; người ấy không còn biết đến tình yêu. Nếu như ngươi tìm kiếm hạnh phúc trên cõi đời này thì những nỗ lực của ngươi sẽ trở thành vô ích, lạc thú của ngươi sẽ biến thành đau khổ, cái chết luôn luôn có mặt, sẵn sàng vồ lấy những kẻ khốn cùng bất hạnh mà khúc hát nụ cười vẫn còn bùng nổ trên môi. Thế gian toàn là lửa khói, mọi việc trên đời phải chịu cảnh sanh lão tử vong. Kể từ lúc ngươi mới bắt đầu lang thang thê thảm trong kiếp luân hồi, nước mắt của ngươi đã đổ nhiều còn hơn là nước của sông biển đại dương. Ngươi đã gánh chịu khổ đau, ngươi đã tiếc thương cho những ước vọng không thành, ngươi đã oán than đau đớn khi thấy điều kinh hãi xảy ra. Cái chết của một người mẹ, cái chết của một người cha, cái chết của một người anh, cái chết của người chị, cái chết của một đứa con trai, cái chết của một người con gái; ồ, qua biết bao lần, trải bao thời đại, những cảnh tượng đó chưa làm ngươi đau lòng sao? Biết bao lần ngươi chưa tốn hao tài vật? Và mỗi lần đối diện với đau khổ thì ngươi lại khóc, khóc và khóc; ngươi đã đổ nhiều nước mắt còn hơn là nước của sông biển đại dương!"

Nan-đà, lúc đầu, ít chú tâm đến những gì Đức Phật dạy, nhưng khi bắt đầu lắng nghe, lời lẽ của Ngài đã làm cho chàng xúc động, sâu sắc. Đức Thế Tôn tiếp:

"Hãy coi thế gian như bọt bèo; thế gian là mộng huyền, tử thần rồi sẽ bóc người đi."

Ngài dừng lại.

Nan-đà thưa: "Bạch Đức Thế Tôn, bạch Đức Thế Tôn, con xin nguyện làm đệ tử Ngài! Xin cho con theo Ngài."

Đức Thế Tôn dặt tay Nan-đà rời khỏi hoàng cung. Nhưng Nan-đà lộ vẻ đăm chiêu suy nghĩ; chàng e rằng mình hấp tấp quá. Có lẽ chàng đau đớn ân hận điều chàng đã làm. Vì có nói gì đi nữa thì nắm giữ vương quyền vẫn là điều thú vị, cao quý. Còn Tôn-đà-lị? chàng nghĩ: "Nàng đẹp biết bao" Chàng thở dài, nói: "Ta sẽ bao giờ gặp lại nàng?"

Nhưng rồi chàng vẫn theo sau Đức Thế Tôn. Chàng không dám tâm sự với Ngài. Chàng sợ ngài khiển trách, chàng sợ Ngài khinh miệt.

Bỗng nhiên, khi Đức Thế Tôn và Nan-đà quẹo qua một góc đường, chàng bắt gặp một thiếu nữ đi tới. Nàng tươi cười. Nhận ra Tôn-đà-lị, chàng cúi mặt không dám nhìn.

Nàng nói: "Anh đi đâu thế?"

Nan-đà không trả lời. Nàng quay sang Đức Thế Tôn.

"Ngài dẫn Nan-đà theo Ngài sao?"

"Vâng", Đức Thế Tôn đáp.

"Ngày mai chàng sẽ về chứ?"

Nan-đà muốn đáp lại: "Vâng, anh sẽ về sớm, Tôn-đà-lị! Nhưng chàng lại e ngại, không nói nên lời; mắt nhìn xuống, chàng lặng lẽ theo sau Đức Thế Tôn.

Vậy là Tôn-đà-lị biết Nan-đà không còn của nàng nữa, nàng nức nở khóc.

---o0o---

XVI- PHẬT RỜI THÀNH CA-TỠ-LA-VÊ

Một hôm, Da-du đôn hậu đứng nhìn con trai La-hầu-la (Rahula) của nàng.

Nàng ca ngợi: "Con trai của mẹ đẹp làm sao! Đôi mắt của con long lanh quá! Cha của con còn nợ con một di sản hiếu đạo; con phải đi đòi nó lại."

Mẹ con dắt nhau lên sân thượng của hoàng cung. Đức Thế Tôn từ hòa nhẹ bước trên đường phố bên dưới. Da-du nói với La-hầu-la:

"La-hầu-la, con thấy vị sa môn kia không?" Cậu bé đáp: "Vâng, thưa mẹ, thân Ngài đầy cả vàng."

"Ngài đẹp như thiên thần! Chính hào quang thánh thiện từ trong da thịt Ngài tỏa ra như vàng. Con ơi, hãy quý Ngài, hãy yêu quý Ngài, vì Ngài là cha của con. Xưa kia Ngài có những bảo vật quý giá. Ngài có nhiều vàng bạc ngọc ngà rực rỡ; giờ đây, Ngài lại đi khát thực từng nhà. Nhưng Ngài đã có được một kho tàng tuyệt diệu: Ngài đã chứng đắc vô thượng bồ đề. Con ơi, hãy đến gặp Ngài; hãy nói cho Ngài biết con là ai, và đòi lại di sản của con."

La-hầu-la vâng lời mẹ. Cậu đến đứng ngay trước mặt Phật. Cảm thấy một niềm sung sướng kỳ lạ, cậu nói:

"Bạch Ngài sa môn, thật là hân hạnh cho con được đứng đây, đứng trong bóng mát của Ngài."

Đức Thế Tôn ngắm cậu bằng ánh mắt yêu thương, từ ái; La-hầu-la bạo dạn chạy đến bên Ngài. Nhớ lời mẹ dặn, cậu nói:

"Thưa cha, con là con của cha. Con biết cha có nhiều bảo vật quý giá nhất đời. Xin cha trả lại di sản đó cho con."

Đức Thế Tôn mỉm cười. Ngài không trả lời. Ngài tiếp tục khát thực. La-hầu-la lẻo đẻo theo sau Ngài, cậu lập lại:

"Thưa cha, xin cha trả lại di sản đó cho con."

Cuối cùng đức Thế Tôn nói;

"Này con, con chưa biết gì về cái kho tàng mà con đã nghe nhiều người ca ngợi. Khi con đòi lại di sản của con, con nghĩ là con đang đòi hỏi những đồ vật mang tính chất suy hoại. Những bảo vật duy nhất theo con là những bảo vật thân thiết với sự trống không hư ảo của loài người, những bảo vật mà cái chết tham tàn cướp đoạt của những người giàu có giả tạm. Này La-hầu-la, con có quyền đòi hỏi di sản của con. Con sẽ được chia phần châu báu; con sẽ thấy bảy loại đức hạnh, con sẽ biết giá trị đích thực của đức tin và thanh khiết, khiêm tốn và cần trọng, vâng phục, hy sinh và trí tuệ. Đi, cha sẽ giao con cho tôn giả Xá-lợi-phất; tôn giả sẽ giáo dục con."

La-hầu-la lặng lẽ theo cha, Da-du cảm thấy lâng lâng sung sướng. Chỉ có quốc vương Tịnh-Phạn là đau buồn; gia đình quốc vương đang từ biệt quốc vương! Ngài không thể không bộc lộ tâm tình với Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn đáp: "Đừng đau buồn gì cả, những ai nghe theo ta sẽ có được kho tàng cao quý! Không có gì phải đau buồn; hãy như thốt voi lâm trận bị trúng tên độc của kẻ thù: không ai nghe voi than phiền bao giờ. Quốc vương khéo điều voi ra trận thế nào thì bậc vĩ nhân trên đời cũng khéo tự điều phục mình thế đó, người ấy dần được đau khổ. Ai thật tình khiêm tốn, ai chế ngự tham dục như chúng ta điều khiển ngựa hoang, người ấy sẽ bị thiên thần đổ kỵ. Người ấy không bao giờ làm ác. Không phải trong hang động của núi rừng, không phải dưới vực sâu của biển cả, quốc vương không thể trốn đâu được những hậu quả tai hại của một ác nghiệp; chúng theo Ngài mãi mãi; chúng in vết trong ngài; chúng bắt ngài điên loạn; chúng cho ngài hưởng được một chút thanh bình! Nhưng nếu ngài làm việc thiện, khi ngài già biệt trần gian, ngài sẽ được thiện nghiệp của ngài đón chào, giống như những người bạn thân đón ngài từ xa về. Chúng ta sống trong hoàn toàn hạnh phúc, chúng ta không hận thù giữa một thế giới tràn ngập hận thù. Chúng ta sống trong hoàn toàn hạnh phúc, chúng ta không tật bệnh giữa một thế giới đầy đầy tật bệnh. Chúng ta sống trong hoàn toàn hạnh phúc, chúng ta không lao nhọc giữa một thế giới đầy đầy lao nhọc. Chúng ta sống trong hoàn toàn hạnh phúc, chúng ta không có gì cả. Nguồn vui là lương thực của chúng ta, chúng ta như những thiên thần rạng rỡ. Vị sa môn nào sống trong cô đơn, thầy ấy sẽ duy trì được một tâm hồn tròn đầy an tịnh, thầy ấy sẽ thấy rõ sự thật bằng một cái nhìn sáng suốt vững vàng, thầy ấy sẽ hưởng được một nguồn hạnh phúc mà thế nhân không sao hiểu nổi."

An ủi quốc vương Tịnh-Phạn được đôi lời, Đức Thế Tôn rời thành Ca-tỳ-la-vệ, Ngài lên đường trở lại thành Vương-xá.

---o0o---

XVII- CẤP-CÔ-ĐỘC CÚNG DƯỜNG

Trong khi Đức Thế Tôn ở tại thành Vương-xá thì Cấp-cô-độc (Anathapindika), một trưởng giả giàu có, từ Xá-vệ (Cravasti) đến. Cấp-cô-độc là một tín đồ sùng đạo. Khi được tin Đức Thế Tôn trú tại rừng Trúc-lâm, ông nóng lòng muốn gặp Ngài.

Cấp-cô-độc lên đường vào một buổi sáng, và khi ông vào rừng Trúc-lâm, một giọng nói thiêng liêng đã đưa ông đến gặp Đức Thế Tôn. Ông được đón chào niềm nở; ông cúng dường đại chúng một phẩm vật tuyệt vời, và Đức Thế Tôn hứa đến gặp ông tại thành Xá-vệ.

Khi về đến thành, Cấp-cô-độc bắt đầu phân vân không biết tiếp đón Đức Thế Tôn tại đâu. Vườn tược của ông hình như không tương xứng cho việc đón tiếp một thượng khách như vậy. Vườn cây đẹp nhất trong thành là của thái tử Kỳ-đà (Jeta), Cấp-cô-độc quyết định mua đứt khu vườn đó.

Kỳ-đà nói với ông: "Ta sẽ bán vườn cây nếu ngươi trả vàng khắp mặt đất."

Cấp-cô-độc chấp nhận điều kiện giao ước. Ông cho xe chở vàng đến vườn, và bây giờ chỉ còn một dãy đất nhỏ còn trống. Kỳ-đà hoan hỷ ca ngợi:

"Này trưởng giả, vườn cây là của ngươi: Phần ta, ta xin hân hạnh biếu ngươi dãy đất còn lại đó."

Cấp-cô-độc cho trang hoàng vườn cây, chuẩn bị đón tiếp Đức Thế Tôn. Ông phái một gia nhân trung tín nhất đến rừng Trúc-lâm báo tin cho Đức Thế Tôn biết là ông sẵn sàng đón tiếp Ngài tại thành Xá-vệ.

Sứ giả nói: "Bạch Đức Thế Tôn, chủ nhân con xin đánh lễ Ngài. Người hy vọng Ngài đã thoát khỏi khổ đau, bệnh tật; người hy vọng Ngài không quên ước hẹn với người. Bạch Đức Thế Tôn, họ đang chờ đón Ngài tại thành Xá-vệ."

Đức Thế Tôn không quên lời hứa với trưởng giả Cấp-cô-độc; Ngài muốn giữ hẹn, Ngài nói với sứ giả: "Ta sẽ đi."

Ngài hoãn lại một vài hôm; rồi Ngài khoác áo, ôm bình, theo sau là một số đệ tử, Ngài lên đường đi Xá-vệ. Vị sứ giả đi trước để báo cho trưởng giả biết là Đức Thế Tôn sắp tới.

Cấp-cô-độc quyết định đi đón Đức Thế Tôn, vợ con ông xin cùng đi, những người giàu có nhất thành thấy thế cũng xin tháp tùng theo họ. Và khi họ nhìn thấy Đức Thế Tôn, hào quang rực rỡ của Ngài làm họ chói lòa cả mắt; Ngài hình như đi trên một đoạn đường toàn vàng.

Họ theo hầu Ngài đến vườn cây của thái tử Kỳ-đà, Cấp-cô-độc thưa với Ngài:

"Bạch Đức Thế Tôn, con sẽ làm gì với vườn cây này?"

Đức Thế Tôn đáp: "Hãy cúng dường cho đại chúng, từ nay và mãi mãi về sau."

Cấp-cô-độc sai gia nhân bê đến một bát vàng đầy nước. Ông rửa tay Đức Thế Tôn và Bạch rằng:

"Từ nay mãi mãi về sau, con xin cúng dường vườn cây này cho đại chúng, những vị sa môn tu tập dưới sự hóa độ của Đức Thế Tôn."

Đức Thế Tôn nói: "Lành thay! Ta ghi nhận lễ vật. Vườn cây này sẽ là nơi an trú tuyệt vời; tại đây, chúng ta sẽ sống êm đềm, chúng ta sẽ tránh được cảnh oai bức, buốt giá. Không có ác thú vào đây: không có cả một cánh muỗi vo ve quấy rầy sự yên tịnh; ở đây tránh được mưa dầm gió rét hay nắng hạn kinh hồn. Vườn cây này thơ mộng lắm. Tại đây ta sẽ thiền định hằng giờ. Cúng dường đại chúng những lễ vật như thế thật là đúng pháp. Người thông minh trí tuệ không nên thờ ơ lạnh nhạt, hãy nên cúng dường nhà cửa, thức ăn, nước uống, y phục cho các thầy sa môn. Trái lại, các thầy sa môn sẽ giáo hóa chánh pháp cho họ. Ai giác ngộ chánh pháp, người ấy sẽ giải thoát khổ đau và đạt đến niết bàn."

Đức Phật và đồ chúng của Ngài tự ra sức xây dựng nền tảng tại vườn Kỳ-viên.

Cấp-cô-độc rất lấy làm sung sướng; nhưng, một hôm, một ý nghĩ nghiêm trọng lại hiện ra trong đầu óc ông.

Ông tự nhủ: "Ta đang được mọi người hết lời ca ngợi, nhưng đối với những việc làm của ta, việc nào đáng được khâm phục như thế? Ta dâng lễ vật, cúng dường Phật và cúng dường các thầy sa môn, điều đó, trong tương lai, ta sẽ được quả phúc; nhưng đức hạnh của ta chỉ có lợi cho ta! Ta phải giúp người khác cùng chia xẻ cái đặc quyền đó. Ta sẽ đi khắp kinh thành, ta sẽ quyên góp lễ vật của những ai ta gặp đem cúng dường Phật và các thầy sa môn. Thế là nhiều người sẽ tham gia vào công việc phước đức mà ta sắp làm."

Ông đến yết kiến Ba-tư-nặc (Prasenajit), vua nước Xá-vệ, một quốc vương cương trực, sáng suốt. Ông tâu với quốc vương về những điều mà ông đã quyết định làm, quốc vương hoan hỷ chấp thuận. Một phái viên được lệnh đi khắp kinh thành để phổ biến thông báo của hoàng triều:

"Đồng bào Xá-vệ nghe rõ! bảy ngày nữa, trưởng giả Cấp-cô-độc sẽ cỡi voi qua khắp kinh thành. Ông sẽ quyên góp lễ vật của tất cả mọi người, sau đó ông đem cúng dường Phật và đồ chúng của Ngài. Vậy mong các người hãy dâng những gì mà ông có thể chấp nhận."

Đúng ngày ấn định, Cấp-cô-độc ngồi trên lưng voi đẹp nhất qua khắp kinh thành, ông quyên góp lễ vật từng người để cúng dường Đức Thế Tôn và đại chúng. Dân chúng vây quanh ông: người thì dâng vàng, kẻ thì biếu bạc; cô này cỡi kiềng, o kia cỡi xuyên, chị nọ cỡi còng; ngay cả những phẩm vật tầm thường nhất cũng được thu nhận.

Bấy giờ, tại thành Xá-vệ có một thiếu nữ quá nghèo. Nàng phải mất ba tháng trời dành dụm mới đủ tiền mua được một mảnh vải thô mà nàng vừa may xong cho nàng một tấm áo. Thấy đám người vây quanh Cấp-cô-độc, nàng nói với một người đứng xem:

"Trưởng giả Cấp-cô-độc hình như đi xin thì phải."

"Vâng, ông đang đi xin," có giọng đáp.

"Nhưng người ta bảo ông là một trưởng giả giàu nhất thành Xá-vệ. Tại sao ông phải đi xin thế này?"

"Cô không nghe thông báo của hoàng triều được phổ biến khắp thành cách đây bảy ngày sao?"

"Chả nghe gì cả."

"Cấp-cô-độc không phải quyên góp phẩm vật cho chính ông. Ông muốn mọi người cùng tham gia vào công việc phước đức mà ông đang làm, ông đang quyên góp phẩm vật để cúng dường Phật và đồ chúng của Ngài. Tất cả những ai cúng dường đều sẽ được quả phúc mai hậu."

Thiếu nữ tự nhủ: "Mình chưa bao giờ làm được điều gì đáng khen. Điều hay nhất là sắm một lễ vật để cúng dường Phật. Nhưng mình nghèo quá. Mình phải làm gì bây giờ?" Nàng bỏ đi, chán nản. Nàng nhìn xuống chiếc áo mới may: "Mình chỉ cúng dường Ngài được chiếc áo này. Nhưng mình không thể lỡ lộ ra đường."

Nàng về nhà cởi áo. Nàng ngồi tại cửa sổ đợi Cấp-cô-độc đến, và khi ông đi qua trước nhà, nàng ném chiếc áo cho ông. Ông cầm lấy và đưa nó cho những người giúp việc.

Ông nói: "Người phụ nữ ném chiếc áo này cho ta có lẽ không còn gì khác để cúng dường. Nàng phải chịu lỗ ló thôi nếu nàng ở nhà và cúng dường lễ vật theo kiểu này. Đi, hãy cố tìm cho ra nàng và xem nàng là ai?"

Bọn gia nhân phải gặp rất nhiều khó khăn trong lúc tìm kiếm cô thiếu nữ. Cuối cùng họ tìm ra nàng và thấy rằng chủ nhân của họ đã đoán đúng: Chiếc áo vắt ra ngoài cửa sổ là toàn bộ tài sản của một cô bé nghèo. Cấp-cô-độc vô cùng xúc động; ông bảo gia nhân đem những bộ y phục sang trọng, xinh đẹp tặng cho cô thiếu nữ thuần thành đã hiến ông chiếc áo giản dị của nàng.

---o0o---

XVIII- NHỮNG MÔN ĐỆ MỚI

Đức Thế Tôn lưu lại ở Xá-vệ ít lâu rồi Ngài lên đường đến thành Vương-xá, nơi mà Tần-bà-sa-la đang đợi Ngài.

Đi được nửa đường, Ngài dừng lại để nghỉ tại một ngôi làng, lúc đó có bảy người đến. Ngài nhận ra họ. Sáu người là bà con, họ là những người giàu có và quyền lực nhứt dòng Thích-ca. Đó là A-nậu-lâu-đà (Anuruddha),

Bạt-đề (Bhadrika), Bờ-ri-gu (Bhrigu), Kim-tỳ-la (Kimbala), Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) và A-nan (Ananda). Người thứ bảy là Ưu-ba-ly (Upali), một gã hớt tóc.

Một hôm, A-nậu-lâu-đà tự nhủ rằng mình là dòng họ Thích-ca mà không ý thức theo Phật thì thật là điều xấu hổ. Chàng quyết định làm gương, và vì không một nguyên do nào ngăn cách được ý định của chàng nên chàng bày tỏ tâm sự trước tiên với người bạn chí cốt của chàng là Bạt-đề. Bạt-đề suy nghĩ trong giây lát rồi tán đồng ý kiến và quyết tâm noi theo. Sau đó, cả hai thuyết phục A-nan, Bờ-ri-gu, Kim-tỳ-la và Đề-bà-đạt-đa thấy rằng không có tiếng gọi nào cao hơn tiếng gọi xuất gia làm sa môn.

Thế là sáu hoàng tử lên đường theo Phật. Họ khó mà từ già thành Ca-tỳ-la-vệ khi A-nan, liếc nhìn Bạt-đề, than:

"Bạt đề, anh sống đời thánh thiện mà còn giữ châu báu làm gì?"

Bạt đề e thẹn, nhưng thấy A-nan cũng đeo châu báu, chàng cười đáp:

"A-nan, anh nhìn lại anh xem".

A-nan bẽn lễn, đỏ cả mặt.

Bấy giờ họ nhìn nhau, thấy ai cũng đeo châu báu. Họ cả thẹn; họ đang lặng lẽ cúi mặt đi thì gặp ngay gã hớt tóc Ưu-ba-ly.

A-nan nói: "Này anh hớt tóc, lấy đồ châu báu của ta không, ta biếu hết cho anh đó".

Bạt-đề nói: "Lấy đồ của ta luôn".

Những vị khác cũng trao hết châu báu cho Ưu-ba-ly. Anh sừng sốt không biết trả lời thế nào. Tại sao những vị hoàng tử này chưa bao giờ gặp anh lại biếu hết bảo vật cho anh thế? Anh phải làm sao đây, chấp nhận hay từ chối?

Hiểu được lòng do dự của gã hớt tóc, A-nậu-lâu-đà nói:

"Đừng ngại nhận những châu báu này. Chúng tôi đang trên đường theo bậc đại sĩ dòng thích ca. Chúng tôi đang trên đường theo Tất-đạt-đa, người

đã thành Phật. Ngài sẽ thuyết giảng giáo pháp cho chúng tôi, chúng tôi sẽ qui y theo giáo pháp của Ngài".

Gã hót tóc hỏi: "Thưa các hoàng tử, các ngài sẽ làm sa môn?"

"Vâng," họ đáp.

Anh lấy hết đồ châu báu và bắt đầu tiến về thành phố. Nhưng, bỗng nhiên, anh suy nghĩ: "Ta đang làm công việc như một thằng khùng. Ai sẽ tin là các hoàng tử ép ta nhận những châu báu này? Ta sẽ bị bắt vì tội trộm cướp hay tội giết người không chừng. Tội nhỏ nhất có thể xảy ra cho ta là ta sẽ gánh chịu sự phẫn uất sâu đậm của dòng tộc Thích-ca. Ta sẽ không giữ những châu báu này. Anh máng chúng trên một cành cây bên vệ đường. Anh suy nghĩ: "Các hoàng tử đó đang nêu gương cao thượng. Họ can đảm vất bỏ hoàng cung, còn ta, chả có gì, ta không dám vất bỏ quán hót tóc của ta sao? Không. Ta sẽ theo họ. Ta sẽ gặp Phật, và biết đâu Ngài lại nhận ta vào đại chúng! "

Ưu-ba-ly theo sau các hoàng tử cách một khoảng xa. Anh xấu hổ không dám tháp tùng theo họ. Bạt-đề chợt quay lại, thấy Ưu-ba-ly, chàng gọi lớn:

"Anh thợ cạo kia, sao anh vất hết đồ châu báu của chúng tôi?"

Gã thợ cạo đáp: "Tôi cũng muốn làm sa môn".

"Thế thì cùng đi với anh em chúng tôi", Bạt-đề nói.

Ưu-ba-ly vẫn lúc thúc theo sau. A-nậu-lâu-đà tiếp lời:

"Anh thợ cạo, hãy đi cạnh chúng tôi. Là sa môn thì đâu còn phân biệt, trừ tuổi tác và đức hạnh. Khi chúng ta đứng trước mặt Phật, anh phải là người đầu tiên bạch Ngài, anh phải là người đầu tiên xin Ngài nhận anh vào đại chúng. Vì anh, các hoàng tử sẽ chứng tỏ cho mọi người thấy rằng họ bỏ hết tính kiêu mạn về dòng tộc Thích-ca của họ".

Họ tiếp tục lên đường, bỗng nhiên, một con điều hâu từ đâu đáp xuống đầu của Đề-bà-đạt-đa và tha đi viên ngọc kim cương mà chàng đã giấu kín trong búi tóc của chàng. Nó đã vạch trần tính giả dối của chàng và làm cho các hoàng tử cười òa. Đề-bà-đạt-đa bấy giờ không còn một bảo vật nào khác nhưng bạn đồng hành của chàng, trong thâm tâm, vẫn còn hoài nghi về lòng chân thành trung tín của chàng.

XIX- TÍNH KIÊU MẠN CỦA NAN-ĐÀ

Đức Thế Tôn hoan hỷ thấy một số bà con thân thích cùng ở trong hàng môn đệ, Ngài đưa hết đến Trúc-Lâm.

Tại đó, chỉ có Nan-đà đáng thương là đau khổ. Chàng lúc nào cũng nghĩ đến Tôn-đà-ly; nàng lúc nào cũng vẫn vương trong tâm tư mộng tưởng của chàng, chàng ân hận là đã từ giã nàng. Đức Phật hiểu được nỗi khổ đau dằng vặt của Nan-đà, Ngài quyết định chữa trị cho chàng.

Một hôm, ngài dắt tay chàng đến một gốc cây có một con khỉ góm guốc ngồi trên đó.

Ngài nói: "Hãy nhìn con khỉ kia, nó chả đẹp gì cả phải không?"

Nan-đà đáp: "Con ít khi thấy con khỉ nào xấu xí như thế."

Đức Thế Tôn nói: "Thật sao? Nhưng nó giống hệt Tôn-đà-ly, vị hôn thê trước kia của ngươi".

Nan-đà thét lên: "Ngài nói sao? Ngài muốn nói con khỉ này giống Tôn-đà-ly, một công chúa duyên dáng, xinh đẹp sao?"

"Chứ khác gì, Tôn-đà-ly khác gì? Cả hai không phải là giống cái? Cả hai không phải là khơi dậy lòng dục vọng của giống đực? Ta tin là ngươi sẽ sẵn sàng từ bỏ con đường thánh thiện để chạy vào vòng tay siết chặt của Tôn-đà-ly, cũng như trong khu rừng này, tại một nơi nào đó, có một con khỉ đực bị dục tình mãnh liệt của con khỉ cái này khêu gợi đến độ mê mẩn điên cuồng. Cả hai rồi sẽ già nua, lụ khụ; còn ngươi cũng như con khỉ đực nào đó, sẽ tự thắc mắc không biết điều gì đã làm mình điên rồ ngu dại như thế. Cả hai rồi sẽ chết, riêng ngươi và con khỉ đực nào đó có lẽ rồi sẽ nhận ra sự trống rỗng vô vị của lòng ái dục. Tôn-đà-ly chả khác gì con khỉ cái này".

Nhưng Nan-đà không nghe. Chàng thờ dài. Chàng mơ thấy Tôn-đà-ly mảnh mai, duyên dáng đang thướt tha dạo quanh trong một khu vườn đầy hoa rực rỡ.

Đức thế tôn lên giọng sai khiến: "Hãy cầm lấy chéo y của ta!".

Nan-đà vâng lời. Chàng cảm thấy mặt đất ở dưới chàng bỗng nhiên sụp xuống, một trận cuồng phong quét chàng lên tận trời xanh. Khi rút chân lên, chàng thấy mình đang ở trong một công viên tuyệt diệu. Chàng đang dạo bước trên một con đường vàng ròng, hoa lá toàn là các thứ châu báu làm bằng hồng ngọc và bích ngọc thơm ngát.

Đức Thế Tôn nói: "Người đang ở trên cung trời Đao-lợi, hãy mở mắt u tối ra mà xem".

Nan-đà thấy một căn nhà bằng bạc sáng choang được vây quanh bởi một cánh đồng lưu ly rực rỡ. Một tiên nữ kiều diễm hơn Tôn-đà-ly đang đứng tại cửa. Nàng mỉm cười. Ngây ngất vì dục vọng, Nan-đà chạy bỏ đến nàng, nhưng nàng bất thần hoa tay chặn chàng lại.

Nàng nói: "Nan-đà, hãy thanh tịnh trên cõi đời này, hãy giữ lời thệ nguyện. Sau khi qua đời, người sẽ được tái sinh tại đây, rồi người sẽ đến trong vòng tay ân ái của ta".

Tiên nữ biến mất, Nan-đà và đức Thế Tôn trở lại trần gian.

Nan-đà quên hẳn Tôn-đà-ly. Chàng bị ám ảnh bởi một cảnh trí thơ mộng mà chàng đã nhìn thấy trên vườn thiên đàng, và cũng chính vì yêu thương tiên nữ mà giờ đây chàng quyết tâm sống đời phạm hạnh".

Tuy thế, các thầy sa môn vẫn nhìn chàng bằng cái nhìn rẻ rúng. Họ mặc tẩn chàng; nhưng mỗi khi gặp chàng trong rừng Trúc-lâm, họ thường biểu môi khinh bỉ chàng. Chàng cảm thấy đau buồn. Chàng nghĩ: "Các thầy hình như có ác cảm với ta; ta thử hỏi tại sao?" Một hôm, thấy A-nan đi ngang qua, chàng lại hỏi:

"Tại sao các thầy sa môn lẩn tránh ta? Tại sao người không hỏi han trò chuyện gì với ta nữa? Trước kia, tại thành Ca-tỳ-la-vệ, chúng mình là bạn và cũng là bà con thân thích. Ta đã làm gì xúc phạm đến các người?"

A-nan đáp: "Anh tộ lắm! Chúng tôi luôn luôn trầm tư về những sự thật cao quý, còn anh lúc nào cũng tư tưởng đến vẻ đẹp của một tiên nữ, Đức Thế Tôn không cho chúng tôi tiếp xúc với anh".

A-nan bỏ đi.

Nan-đà vô cùng ân hận. Chàng chạy đến Đức Thế Tôn, quì mọp dưới chân Ngài khóc nức nở. Đức Thế Tôn nói:

"Này Nan-đà, những ý nghĩ của con tồi tệ lắm. Con là kẻ nô lệ của tình cảm con. Trước kia là nô lệ cho Tôn-đà-ly, bây giờ là nô lệ cho một tiên nữ, kẻ đã làm cho đầu óc con xoay chiều. Con sẽ bị luân hồi. Con muốn tái sinh giữa cảnh chư thiên sao? Ngu xuẩn lắm! Phù phiếm lắm! Này Nan-đà, hãy nỗ lực đạt đến trí tuệ; hãy nghe theo lời dạy của thầy, hãy diệt trừ những đam mê cuồng loạn đó đi".

Suy tư nghiền ngẫm về những lời dạy của Phật, Nan-đà trở thành một đệ tử thuần phác nhất, dần dần chàng thanh tẩy được tâm hồn. Tôn-đà-ly không còn lảng vảng trong tâm tưởng của chàng nữa, và giờ đây, mỗi khi nghĩ đến tiên nữ, chàng lại buồn cười cho cái ý niệm muốn làm thần thánh chỉ vì nàng. Một hôm, chàng thấy trên ngọn cây có một con khỉ góm guốc đang nhìn chàng, chàng lên giọng hãnh diện nói:

"Ê, Tôn-đà-ly không duyên dáng bằng người; ê, so với tiên nữ kiêu diễm nhất thì người còn xinh hơn nữa kìa!".

Chàng tự hào là đã chế ngự được lòng ái dục của mình. Chàng tự nhủ: "Ta là thánh thật rồi, về đức hạnh, ta sẽ không còn thua kém gì với sư huynh của ta nữa".

Chàng tự may cho chàng một chiếc y cùng kích thước như y của Đức Thế Tôn. Thấy chàng đi từ xa, các thầy sa môn nói:

"Đức Thế Tôn đến kìa, chúng ta đứng lên chào Ngài".

Nhưng khi Nan-đà đến gần, họ thấy là họ lầm. Họ ngượng ngùng ngồi xuống và nói:

"Trong khi chúng ta ở đây thì cậu ấy đâu có ở trong hàng đại chúng; tại sao chúng ta phải đứng lên chào cậu ấy?"

Nan-đà hý hứng thấy các sa môn đứng lên khi mình đến gần; nhưng chàng chùng hứng thấy họ ngồi xuống lại. Chàng không dám than phiền; chàng sợ các thầy khiển trách. Và lại đó chưa phải là bài học cho chàng, chàng tiếp tục rảo qua rừng Trúc-lâm, trên mình khoác chiếc y giống như y Phật. Từ xa, lầm chàng là Đức Thế Tôn, các thầy sa môn từ chỗ ngồi đứng dậy, nhưng khi chàng đến gần, các thầy cười òa và ngồi xuống lại.

Cuối cùng, một sa môn đến bạch Phật. Ngài than phiền lắm. Ngài họp các thầy sa môn lại, và trước mặt mọi người, Ngài hỏi Nan-đà:

"Này Nan-đà, con đã thật sự được đáp y cùng kích thước như y của Phật chưa?"

Nan-đà đáp: "Dạ được, bạch Đức Thế Tôn, con được đáp y cùng kích thước như y của Ngài".

Đức Thế Tôn nói: "Lạ nhỉ! Một đệ tử dám đáp y cùng kích thước như y Phật! Con nghĩ gì với việc làm táo bạo như thế? Hành động đó không thể khơi dậy đức tin của người ngoại đạo, cũng không thể củng cố đức tin của hàng tín đồ. Nan-đà, con phải thu ngắn y của con lại và trong tương lai, bất cứ thầy sa môn nào may y cho mình cùng kích thước như y Phật, hoặc rộng hơn y Phật, đều phạm phải trọng tội, thầy ấy sẽ bị nghiêm phạt".

Nan-đà tự nhận thấy lỗi lầm, chàng ý thức rằng đã là một thánh giả chân chính thì phải hàng phục được tính kiêu mạn của mình.

---o0o---

XX- VUA TỊNH PHẠM THĂNG HÀ

Gần thành Tỳ-xá-ly (Vaisali) có một khu rừng rộng bao la mà người ta đã cúng dường cho Đức Thế Tôn. Trong khi Ngài lưu ngụ tại đó thì có tin báo là phụ hoàng của Ngài, quốc vương Tịnh Phạm, ngã bệnh. Quốc vương già lắm, bệnh tình nguy ngập, rằng quốc vương sắp qua đời. Đức Thế Tôn quyết định về thăm phụ hoàng. Ngài lên đường về thành Ca-tỳ-la-vệ.

Quốc vương nằm buồn hiu trên giường bệnh. Ngài thở thoi thóp, cái chết sắp cận kề. Nhưng khi nhìn thấy con mình, ngài hoan hỷ vui cười. Đức Thế Tôn nói:

"Tâu hoàng thượng, hoàng thượng đã đi được một đoạn đường dài, hoàng thượng lúc nào cũng nỗ lực làm việc thiện. Hoàng thượng chưa từng để tâm đến những ham muốn đê hèn, lòng dạ của hoàng thượng không bao giờ mưu mang thù hận và sân nhuế cũng không bao giờ làm đen tối được đầu óc của ngài. Hạnh phúc thay cho ai ra đời để làm việc thiện! Hạnh phúc thay cho ai nhìn xuống hồ nước trong xanh và thấy được dung nhan tinh khiết của mình. Nhưng hạnh phúc hơn nữa là ai tự quán sát tâm trí và thấy nó thanh tịnh hoàn toàn! Tâu hoàng thượng, tâm trí của hoàng thượng thanh tịnh lắm,

việc ra đi của hoàng thượng cũng bình thản êm đềm như buổi chiều tàn của một ngày nắng đẹp".

Quốc vương nói: "Bạch Đức Thế Tôn, ta đã nhận ra lẽ vô thường của thế gian. Ta đã quét sạch mọi dục vọng, ta đã giải thoát hết mọi xiềng xích của cuộc đời".

Một lần nữa, quốc vương đánh lễ Phật. Rồi ngài quay sang đám trung thần đã có mặt đầy đủ trong điện, ngài nói:

"Các bạn, hẳn ta đã nhiều lần làm phiền các bạn, nhưng các bạn chưa bao giờ tỏ vẻ ác cảm với ta. Các bạn nhân từ tốt bụng lắm. Trước khi ta vĩnh biệt các bạn, mong các bạn hãy tha thứ cho ta. Những gì ta hành xử sai lầm, mong các bạn bỏ qua cho; hỷ xả cho ta nghe các bạn!".

Đám quần thần khóc rống lên, họ thì thào:

"Không, tâu bệ hạ, bệ hạ không bao giờ làm phiền lòng hạ thần!".

Tịnh Phạn vương nói tiếp:

"Còn khanh, hồi Ma-ha-ba-xà-ba-đề, ái khanh đã là bạn hiền trăm năm của ta, ta đã thấy ái khanh khổ lụy nhiều rồi, ái khanh hãy trấn tĩnh đau buồn. Việc ra đi của ta là một sự giã biệt hạnh phúc. Hãy nghĩ đến sự vinh quang cao quý của người con mà ái khanh đã dày công nuôi nấng này; hãy sung sướng ngắm nhìn ánh hào quang rực rỡ của Ngài".

Quốc vương thẳng hà, Mặt trời tắt hẳn.

Đức Thế Tôn nói:

"Hãy nhìn thi thể của phụ hoàng ta xem. Ngài không còn là ngài nữa. Chưa có ai chinh phục được cái chết. Có sinh ắt có tử, hãy đem hết tâm tư tình cảm ra làm việc thiện; hãy đi trên lộ trình dẫn đến trí tuệ. Hãy làm một ngọn đèn trí tuệ, và bóng tối sẽ tan biến vào ánh sáng của nó. Đừng chạy theo ác pháp, đừng vun trồng gốc rễ độc hại; đừng tạo thêm ác trược trên cõi đời này. Kẻ ngu muội lẫn tránh giáo pháp, một khi rời vào hang động của tử thần thì kêu gào than khóc; cũng như phu xe từ bỏ đường quang, chạy vào hiểm lộ gồ ghề, thấy trục gãy bánh rơi mà đâm đầu máu me. Người trí là ngọn đuốc soi sáng cho người ngu; người trí dẫn đường cho nhân loại, bởi vì người trí có mắt thấy xa, người khác chẳng thấy gì cả".

Thi thể của quốc vương được đưa đến một đồng củi hỏa táng khổng lồ. Đức Thế Tôn châm lửa, và trong lúc những ngọn lửa hồng phủ kín lên thi thể của phụ hoàng, trong lúc thân dân ở Ca-tỳ-la-vệ đang khóc than thương tiếc, thì Ngài lập lại những sự thật cao quý này:

"Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ. Ô, khát vọng là mãi mãi sanh tử luân hồi! Khát vọng quyền lực, khát vọng lạc thú, khát vọng sinh tồn, khát vọng là nguồn gốc của mọi đau khổ! Ô, mọi khát vọng ác trước thánh nhân thấy rõ, các người chưa thấy, thánh nhân dập tắt hết mọi dục vọng, thánh nhân chỉ biết có con đường Bát Chánh".

---o0o---

PHẦN BA

I- MA-HA BA-XÀ-BA-ĐỀ ĐƯỢC VÀO GIÁO HỘI

Ma-ha Ba-xà-ba-đề mãi trầm tư suy nghĩ. Bà nhận thấy sự vô vị trống rỗng của cõi đời này. Bà muốn thoát khỏi hoàng cung, thoát khỏi kinh thành Ca-tỳ-la-vệ, và sống một cuộc đời thánh thiện.

Bà nghĩ: "Đức Thế Tôn hạnh phúc biết bao! Đò chúng của Ngài hạnh phúc biết bao! Tại sao không thể làm như họ? Tại sao ta không thể sống như họ? Nhưng họ lại khước từ phụ nữ. Chúng ta không được chấp nhận vào giáo hội, ta phải lưu lại kinh thành âm đạm này, ta phải lưu lại hoàng cung thể lương này; ta bơ vơ lạc lõng, dưới mắt ta, tất cả đều trống rỗng!".

Bà đau khổ. Bà vắt hết xiêm y sang trọng; bà phân phát châu báu ngọc ngà cho các thị nữ, bà khiêm tốn giản dị trước mặt mọi loài.

Một hôm, bà tự nhủ:

"Đức Thế Tôn từ bi lắm, Ngài sẽ thương xót ta. Ta sẽ đến gặp Ngài, và biết đâu Ngài sẽ tiếp nhận ta vào giáo hội".

Đức Thế Tôn đang trú tại một cánh rừng gần thành Ca-tỳ-la-vệ. Ma-ha-ba-xà-ba-đề đến gặp Ngài, bà rụt rè thưa:

"Bạch Đức Thế Tôn, chỉ có Ngài và môn đệ của Ngài là thật sự hạnh phúc. Còn con, giống như Ngài và mọi người theo Ngài, con muốn đi trên

con đường giải thoát. Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài hoan hỷ cho con được vào giáo hội."

Đức Thế Tôn im lặng. Bà tiếp:

"Làm sao con có thể an vui hạnh phúc trong một thế giới mà con ngao ngán ê chề? Con đã thấy rõ những hoan lạc hào nhoáng của nó. Con muốn đi trên con đường giải thoát. Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài hoan hỷ cho con được vào giáo hội. Con biết có nhiều phụ nữ cũng muốn theo gương con. Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài hoan hỷ cho chúng con được vào giáo hội."

Đức Thế Tôn vẫn im lặng. Bà tiếp:

"Hoàng cung của con nay tẻ nhạt u buồn lắm. Kinh thành bị bao trùm trong một màn đen tối. Những tấm vải thêu sặc sỡ chỉ đè nặng lên vàng trán con; vương miện, vòng kiềng chỉ làm con thêm đau nhói. Con phải đi trên con đường giải thoát. Biết bao phụ nữ nhiệt tình, biết bao phụ nữ thuần thành đang sẵn sàng nối gót con. Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài hoan hỷ cho phụ nữ được vào giáo hội."

Đến lần thứ ba, Đức Thế Tôn vẫn im lặng.

Ma-ha-ba-xà-ba-đề trở về hoàng cung u tối với hai hàng nước mắt rờn rờn.

Nhưng bà không bỏ cuộc. Bà quyết tâm đến gặp Đức Thế Tôn một lần nữa để van xin Ngài.

Bấy giờ Ngài an trú trong một khu rừng rộng bao la gần thành Tỳ-xá-ly. Ma-ha-ba-xà-ba-đề tự cắt tóc, khoác lên mình một chiếc y thô sơ màu ngà, bà lên đường đến thành Tỳ-xá-ly.

Bà làm cuộc hành trình bằng chân không; bà không hề than phiền mỗi mệt. Bụi bám đầy người, cuối cùng bà đến ngay tịnh xá Đức Thế Tôn đang nhập định. Bà không dám vào; bà đứng khóc sụt muốt ngoài ngõ. A-nan chợt đi ngang qua, nhìn thấy bà và hỏi:

"Thưa hoàng hậu, vì sao hoàng hậu đến đây; lại ăn mặc như thế này? Tại sao hoàng hậu lại đứng trước cửa tịnh xá của Đức Thế Tôn?"

"Ta không dám vào diện kiến Ngài. Đã ba lần Ngài từ chối lời thỉnh nguyện của ta, hôm nay ta đến cầu xin Ngài một lần nữa: Xin Ngài hoan hỷ cho ta, cho giới phụ nữ được vào giáo hội."

A-nan vào tịnh xá, gặp Đức Thế Tôn, bạch rằng:

"Bạch Đức Thế Tôn, Ma-ha-ba-xà-ba-đề, hoàng hậu kính yêu của chúng ta, đang đứng trước cổng tịnh xá của Ngài. Bà không dám gặp Ngài, bà sợ Ngài sẽ khước từ lời thỉnh nguyện của bà một lần nữa. Bạch Đức Thế Tôn, đó đâu phải là lời thỉnh nguyện của một phụ nữ điên rồ, bà không đáng cho Ngài ban ân huệ sao? Hoàng hậu đã một thời là di mẫu của Ngài; lúc nào bà cũng thương yêu chăm sóc Ngài; bà thật xứng đáng được Ngài chiếu cố. Vì sao Ngài dứt khoát không chấp nhận phụ nữ vào giáo hội? Có nhiều phụ nữ rất mực thuần thành, có nhiều phụ nữ can đảm nghiêm trì đường hướng thánh thiện lắm chứ."

Đức Thế Tôn nói: "Này A-nan, đừng cầu xin ta cho phép phụ nữ vào giáo hội."

A-nan cáo lui. Hoàng hậu đang mong gặp A-nan.

Bà lo lắng hỏi: "Đức Thế Tôn nói sao?"

"Ngài khước từ lời thỉnh nguyện của hoàng hậu. Nhưng đừng thất vọng."

Ngày hôm sau, đến gặp Đức Thế Tôn, A-nan thưa:

"Ma-ha-ba-xà-ba-đề không chịu ra về. Bà đang nghĩ đến những ngày dài hạnh phúc của thời bà còn son trẻ. Lúc đó Ma-da còn sống; Ma-da, người phụ nữ diễm kiều nhất; Ma-da, người đã hạ sanh một bé trai. Em gái của Ma-da là người rất cao thượng; bà không hề ganh tị; bà yêu thương ngay cả trước khi bé mở mắt chào đời. Đến khi bé ra đời, mang nguồn vui đến cho tất cả chúng sanh thì hoàng hậu khuất núi. Ma-ha-ba-xà-ba-đề đã sớm hôm chăm sóc đứa bé mồ côi mẹ đó: bé hình như non nớt lắm. Bà đùm bọc che chở bé; bà tận tụy nuôi dưỡng bé, bà bồng bế bảo hộ bé khỏi bị ảnh hưởng của bọn tỳ nữ ác tâm; bà hết lòng trông nom chiều chuộng bé. Đến khi bé lớn lên, bà vẫn không rời bé. Bà đoán biết những sở thích vụn vặt nhất của bé; bà tôn thờ bé, người đã đạt đến nguồn hạnh phúc tối thượng. Người là cây đại thọ che mát các bậc hiền đức cao minh; và giờ đây, khi bà muốn tìm một nơi an trú khiêm tốn dưới bóng cây đại thọ của người thì ước vọng bình

dị an lành đó lại bị từ chối. Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài độ lượng, xin Ngài hoan hỷ thân nhận Ma-ha-ba-xà-ba-đề vào giáo hội."

Đức Thế Tôn dẫn đo suy nghĩ, rồi trình trọng phán rằng:

"Này A-nan, hãy lắng nghe. Hãy đi gặp Ma-ha-ba-xà-ba-đề và nói với bà rằng ta sẵn lòng đón nhận bà vào giáo hội, nhưng với điều kiện là bà phải chấp nhận một số giới luật nghiêm khắc. Đây là giới luật mà ta buộc giới phụ nữ phải vâng giữ khi vào giáo hội; một tỳ kheo ni, dù đã trải qua trăm hạ, cũng phải đứng dậy cung kính trước sự hiện diện của một tỳ kheo tăng, dù cho vị ấy mới vào đạo được một ngày; tỳ kheo ni phải đến gặp tỳ kheo tăng để phát lồ sám hối những điều lỗi lầm và đề cầu xin giáo thọ; tỳ kheo ni phạm trọng tội, trước mặt đại chúng tỳ kheo tăng và tỳ kheo ni, phải được xử phạt thích đáng trong vòng mười lăm ngày; trước khi tỳ kheo ni được nhận vào giáo hội, đức hạnh và chí hướng của họ phải được thử thách trong một giai đoạn là hai năm; tỳ kheo ni không được khích động tỳ kheo tăng. Đây là giới luật buộc tỳ kheo ni phải giữ cùng với những giới luật đã được áp dụng cho tỳ kheo tăng."

Ma-ha-ba-xà-ba-đề sung sướng tuyên hứa nghiêm giữ giới luật. Bà gia nhập giáo hội, và chỉ trong vài tháng sau, nhiều phụ nữ đã nối tiếp theo gương bà.

Nhưng rồi, một hôm, Đức Thế Tôn nói với A-nan:

"Này A-nan, nếu không chấp nhận phụ nữ vào giáo hội, chúng ta có thể duy trì sự tinh khiết trong một thời gian dài, và chánh tín có thể tồn tại, vững mạnh, thanh tịnh cả ngàn năm. Nhưng, này A-nan, nay chấp nhận phụ nữ vào giáo hội, sự tinh khiết đó rồi sẽ bị hoen ố và chánh tín, dù vững mạnh tới đâu, cũng sẽ chỉ tồn tại trong khoảng 500 năm."

---o0o---

II- PHẬT ĐIỂM MẶT BỌN GIẢ DỐI

Từ Tỳ-xá-li, Đức Thế Tôn đến Xá-vệ, rồi Ngài đến Kỳ-viên. Một hôm, vua Ba-tư-nặc đến hầu thăm Ngài.

Quốc vương nói: "Bạch Đức Thế Tôn, mới đây có sáu ân sĩ đến Xá-vệ. Họ không tin giáo pháp của Ngài. Họ cho rằng tri kiến của Ngài không bằng họ, và họ ra sức làm con ngạc nhiên bằng những phép màu kỳ lạ. Con nghĩ

là lời lẽ của họ không đúng, nhưng, bạch Đức Thế Tôn, nếu như Ngài đẹp được tính tảo bạo liêu lĩnh của họ thì hay lắm. Việc giải thoát thế nhân tùy thuộc vào ánh vinh quang rực rỡ của Ngài. Xin Ngài hãy đối diện với bọn gian manh lường gạt đó và bắt chúng phải im ngay."

Đức Phật đáp: "Này quốc vương, hãy cho xây một tòa đại sảnh gần kinh thành. Hãy hoàn tất trong bảy ngày. Ta sẽ đến. Hãy triệu tập đông đủ các ả sĩ bịp bợm đó lại, và rồi quốc vương sẽ chứng kiến ai là người làm được những phép màu cao quý nhất, họ hay ta."

Quốc vương Ba-tư-nặc hạ lệnh xây gấp một đại sảnh đường.

Trong khi đợi đến ngày so tài, bọn ả sĩ láo khoét tìm cách đánh lừa các Phật tử thuần thành của Đức Thế Tôn, và những ai không nghe theo lời lẽ quái đản của chúng thì phải chuốc lấy những hận thù cay nghiệt. Bảy giờ, Đức Thế Tôn không có người bạn thân nào ở Tỳ-xá-li hơn là hoàng tử Ca-la (Kala), em ruột của vua Ba-tư-nặc. Ca-la ra mặt khinh hãn bọn ả sĩ, và chúng quyết định phục thù.

Ca-la là một hoàng tử hào hoa phong nhã. Một hôm, khi dạo qua vườn ngự uyển, chàng gặp một trong những vương phi của vua Ba-tư-nặc, nàng tinh nghịch ném vào người chàng một tràng hoa. Bọn ả sĩ hay tin đó, chúng báo với quốc vương là em trai của quốc vương đã cố tình quyến rũ một trong những vương phi của ngài. Quốc vương đùng đùng nổi giận, không để cho Ca-la có dịp phân bua, quốc vương hạ lệnh chặt hết tay chân của Ca-la.

Ca-la khốn nạn đau đớn vô vàn. Bọn bè thân thích vây quanh giường của chàng khóc than thê thảm. Một trong những tên ả sĩ quái ác chọt đi ngang qua.

Họ gọi hần nói: "Mời ngài đến đây, xin ngài phóng rọi quyền năng. Ngài biết Ca-la vô tội chứ. Xin ngài cứu Ca-la với!"

Tên ả sĩ đáp: "Hẩn tin tưởng thằng con của dòng Thích-ca thì bảo thằng con của dòng Thích-ca cứu nó."

Thế là Ca-la cất tiếng hát:

"Sao Đức Thế Tôn của nhân thế không thấy nỗi đau khổ của con? Chúng con xin kính lễ Ngài, người đoạn trừ hết mọi dục vọng: Chúng con xin tôn thờ Ngài, người xót thương vạn loại hữu tình."

A-nan bỗng nhiên hiện ra trước mặt chàng.

Tôn giả nói: "Này Ca-la, Đức Thế Tôn đã dạy ta những lời có thể hàn gắn vết thương của người".

Tôn giả đọc vài câu kệ, tay chân của hoàng tử hoạt động lại như thường.

Chàng tán thán: "Từ nay về sau, ta sẽ hầu hạ Đức Thế Tôn! Dầu Ngài sai ta làm những việc hèn hạ đến đâu, ta cũng sẽ hoan hỷ làm đẹp lòng Ngài."

Chàng theo A-nan đến Kỳ-viên.

Đức Thế Tôn niềm nở đón nhận chàng vào giáo hội.

Đã đến ngày Đức Thế Tôn định so tài với các ẩn sĩ. Từ sáng sớm, quốc vương Ba-tư-nặc đã đến đại sảnh đường. Sáu ẩn sĩ đều có mặt tại đó. Họ trao đổi cho nhau bằng những ánh mắt và nụ cười hý hửng.

Một ẩn sĩ nói: "Tâu quốc vương, chúng tôi là những người đầu tiên đến nơi dự hội."

Một tên khác nói: "Ngài thiết tưởng kẻ mà chúng tôi đang mong đợi có thật sự đến không?"

Quốc vương nói: "Này các ẩn sĩ, không nên khinh suất người ấy. Quý vị biết là Ngài đã phá một trong các môn đệ của Ngài đến chữa cho em ta như thế nào, người mà ta đã trừng phạt bất công đó. Ngài sẽ đến. Có lẽ Ngài đến đây rồi, trước mặt mọi người mà chẳng ai hay biết."

Quốc vương vừa nói xong, một vầng mây trắng bao phủ cả nhà. Đám mây càng lúc càng trắng, và dần dần tan biến thành ánh sáng ban ngày, Đức Phật xuất hiện trong ánh hào quang rực rỡ; phía sau Ngài là A-nan và Ca-la. A-nan trên tay cầm một hoa hồng, Ca-la cầm một hoa vàng, và trong khắp các hoa viên ở Tỳ-xá-li, chưa ai thấy hai đóa hoa kỳ diệu như thế bao giờ.

Vua Ba-tư-nặc thán phục vô vàn. Bọn ẩn sĩ lều láo không dám cười đùa nữa.

Đức Thế Tôn nói:

"Đom đóm tỏa ánh sáng cho mọi người thấy chỉ khi nào mặt trời lặn, nhưng khi ánh sao vắng vặc xuất hiện thì đom đóm khôn nạn kia liền dập tắt ánh sáng hiu hắt của nó ngay. Bọn giả dối chỉ ồn ào trong lúc Phật im lặng, nhưng khi Phật lên tiếng thì chúng lại sợ khóc và im ngay."

Bọn ẩn sĩ bị báo động. Thấy quốc vương nhìn chúng bằng ánh mắt khinh bỉ, chúng cả thẹn cúi đầu.

Bỗng nhiên, mái tòa đại sảnh biến mất, trên vòm trời cao, Đức Thế Tôn vạch một đường dài từ đông sang tây, Ngài đi trên đó. Thấy pháp màu huyền diệu này, tên đối thủ hỗn láo nhất của Ngài sợ hãi trốn mất. Hắn tưởng tượng một bầy chó săn đang gào thét đuổi theo hắn, hắn cắm đầu chạy riết đến một bờ hồ. Tại đó, hắn cột một hòn đá vào cổ và gieo mình xuống nước. Một ngư phủ thấy xác hắn ngày hôm sau.

Trong lúc đó, Đức Thế Tôn tự phân thân ra hai hình ảnh giống nhau và cùng đi song song với nhau trên đoạn đường thiên giới. Người ta nghe thấy âm vang của Ngài vọng xuống.

"Hỡi các đệ tử của ta, ta sắp lên đến quốc độ của chư thiên. Ma-da, mẫu hậu của ta đã gọi ta; ta phải thuyết giảng giáo pháp cho người. Ta sẽ ở lại với người trong ba tháng. Nhưng, ngày ngày, ta sẽ xuống lại trần gian, và chỉ có Xá-lợi-phất là biết ta ở đâu. Xá-lợi-phất sẽ hướng dẫn đại chúng tu tập theo giáo pháp của ta. Trong khi ta vắng bóng ở bầu trời, tức là ta sẽ đi với mẫu thân ta, ta sẽ thuyết giảng giáo pháp cho người; đây là hình ảnh phân thân của ta."

---o0o---

III- KIỀU NỮ XU-BỜ-RA-BA

Ba tháng trôi qua, Đức Thế Tôn xuống trần gian và đi thẳng đến thành Tỳ-xá-li. Khi gần đến Kỳ-viên, Ngài gặp một thiếu nữ. Nàng là tỳ nữ của một phú hộ trong thành, hôm đó ông làm việc ở ngoài đồng. Nàng đang bê một thố cơm cho ông dùng bữa. Thấy Phật, nàng cảm thấy sung sướng lạ lùng.

Nàng nghĩ: "Đức Thế Tôn, đúng Đức Thế Tôn rồi. Ta được ngắm Ngài tận mắt; có lẽ ta được sờ Ngài tận tay, Ngài đến gần lắm rồi. Ô, cúng dường lễ vật cho Ngài là nguồn vui thánh thiện biết bao! Nhưng ta chả có gì là của ta cả."

Nàng thở dài. Nàng đưa mắt nhìn xuống thố com:

"Com này. Phần ăn của chủ ta... Không một người chủ nào có thể bắt làm nô lệ kẻ đã là nô lệ. Ông có thể đánh đập ta, không hề gì! Ông có thể xiềng xích ta, cũng chả sao! ta sẽ nhẹ nhàng mang chịu tất cả. Ta sẽ cúng dường phần com này cho Đức Thế Tôn."

Nàng dâng thố com cho Phật. Ngài nhận com và tiếp tục lên đường đến Kỳ-viên. Thiếu nữ, mắt long lanh niềm sung sướng, đến gặp chủ của nàng.

Vừa thấy nàng, người chủ hỏi: "Com ông đâu?"

"Con cúng dường cho Phật rồi. Hãy phạt con nếu ông muốn, con sẽ không khóc; con rất sung sướng về điều mà con đã làm."

Ông không phạt nàng, ông cúi đầu nói:

"Không, ông sẽ không phạt con. Ông còn ngủ mê thì mắt con đã mở. Hãy đi đi! Con không còn là con bé nô lệ nữa."

Thiếu nữ cúi đầu thi lễ.

Nàng nói: "Ông đã cho phép, con sẽ đến Kỳ-viên, con sẽ xin Đức Thế Tôn thuyết giảng giáo pháp cho con."

Ông nói: "Hãy đi đi!"

Đến Kỳ-viên, nàng ngồi dưới chân Phật, và nàng đã trở thành một trong những nữ tu thánh thiện nhất trong hàng đại chúng.

Trong số những người cầu Phật thuyết pháp cùng lúc với thiếu nữ nô lệ này có Xu-bờ-ra-ba (Suprabha), ái nữ của một danh gia vọng tộc trong thành Tỳ-xá-li. Xu-bờ-ra-ba đẹp lắm. Thấy nàng là mê ngay, bao nhiêu thanh niên hào hoa phong nhã trong thành đều đeo đuổi nàng. Cha nàng thấy thế không ít lo ngại. Ông tự hỏi đi hỏi lại: "Ta sẽ gả ái nữ của ta cho ai? Kẻ nào ta từ chối, người ấy sẽ là kẻ thù cay nghiệt của ta."

Và mỗi lần tự hỏi như thế, ông lại trầm tư suy nghĩ hằng giờ.

Một hôm, Xu-bờ-ra-ba nói với ông:

"Thưa cha, hình như cha đang bức tâm bức trí điều gì. Có chuyện gì vậy thưa cha?"

Ông đáp: "Con à, chính con là mối lo ngại của cha. Có quá nhiều người ở thành Tỳ-xá-li muốn hỏi cưới con:"

Xu-bờ-ra-ba nói: "Cha đang lo chọn người cầu hôn cho con. Họ đáng thương lắm! Nếu họ biết rõ tâm tư của con! Thưa cha, đừng lo nữa. Cha bảo họ họp lại và cứ theo tập tục cổ truyền, con sẽ đi giữa họ, con sẽ tự chọn lấy một người chồng cho con."

"Con à, cha sẽ làm theo ý con."

Cha của Xu-bờ-ra-ba đến gặp quốc vương Ba-tư-nặc và được phép bảo sứ giả đi thông báo khắp thành.

"Trong bảy ngày nữa, sẽ tổ chức một cuộc họp mặt các thanh niên muốn cưới Xu-bờ-ra-ba. Thiếu nữ sẽ đích thân chọn chồng trong số thanh niên đó."

Đến ngày thứ bảy, nhiều kẻ cầu hôn tập trung trong một khu vườn lộng lẫy của phụ thân Xu-bờ-ra-ba. Nàng xuất hiện trong một cỗ xe, trên tay cầm một lá cờ màu vàng có vẽ chân dung Đức Thế Tôn. Nàng đang cất tiếng hát ca ngợi Ngài. Họ ngạc nhiên nhìn nàng và tự hỏi:

"Nàng sẽ nói gì với chúng ta?"

Cuối cùng nàng bộc lộ tâm tình với các thanh niên:

"Ta không thể yêu ai trong các người, nhưng đừng cho rằng ta cự tuyệt các người. Ái ân không phải là mục tiêu trong lẽ sống của ta; ta muốn quý y Phật. Ta sẽ đến vườn Ngài cư ngụ, và Ngài sẽ thuyết giảng giáo pháp cho ta."

Đau buồn, các thanh niên lặng lẽ ra về, Xu-bờ-ra-ba đến kỳ viên. Nàng nghe Đức Thế Tôn giảng dạy, nàng được nhận vào giáo hội, và nàng trở thành một tỳ kheo ni tâm thành nhất.

---o0o---

IV- CÔNG CHÚA VI-RU-BA

Quốc vương Ba-tư-nặc có một ái nữ tên là Vi-ru-ba (Virupa). Nàng đã đến tuổi kết hôn. Không may, nàng xấu tệ; không một hoàng tử võ tướng nào chịu hỏi nàng làm vợ, ngay cả bọn thương gia cũng khinh rẻ nàng.

Bấy giờ có một khách lạ giàu có đến ngụ tại Tỳ-xá-li. Tên hấn là Găng-ga (Ganga). Quốc vương nghĩ: "Găng-ga chưa bao giờ thấy con gái ta. Có lẽ hấn sẽ không từ chối kết hôn với nàng". Vua triệu hấn đến hoàng cung.

Găng-ga được Ba-tư-nặc khen ngợi, ban tặng đủ thứ. Hấn thuộc dòng thứ dân, và tuy hấn là thương gia, hấn đã tích lũy được một tài sản kết sù, nhưng hấn chưa bao giờ mơ đến việc kết hôn với một công chúa. Vì thế, hấn sung sướng nhận lời.

Quốc vương nói: "Thế thì ngay tối nay, khanh hãy đến hoàng cung đưa ái nữ ta về nhà khanh".

Hấn vâng lời. Đêm tối như mực, hôn lễ diễn ra mà Găng-ga chẳng nhìn thấy dung nhan của vị hôn thê mình. Vi-ru-ba theo chồng về nhà.

Ngày hôm sau, Găng-ga nhìn vợ, vóc dáng xấu xí của nàng làm hấn giật mình. Hấn muốn tống cổ nàng ra khỏi nhà, nhưng hấn không dám, hấn sợ quốc vương trả thù. Hấn giữ nàng trong nhà, nhưng thật sự nàng là một tù nhân không hơn không kém; nàng không được phép ra ngoài dù bất cứ lý do gì.

Nàng đau khổ lắm. Nàng luôn luôn bày tỏ lòng thương yêu chân thành của nàng với chồng, nhưng vô ích; hấn ra mặt gớm guốc khinh bỉ nàng. Hấn không bao giờ nhìn nàng. Hấn không bao giờ động đến nàng nửa lời. Vi-ru-ba cảm thấy cô đơn lạc lõng.

Một hôm, Găng-ga được một số bạn bè mời dự tiệc. Hấn được báo là: "Ai đến mà không đưa vợ theo đều sẽ bị phạt 500 nén vàng."

Găng-ga quyết định tham dự; bữa tiệc sẽ làm dịu bớt phần nào cuộc sống tẻ nhạt buồn chán của hấn. Nhưng hấn không muốn trình diện Vi-ru-Ba với bạn bè; hấn sợ bị chế nhạo. Hấn nghĩ: "Thà trả 500 nén vàng còn hơn là chúng chế riễu ta."

Ngày hôm đó, Vi-ru-ba âu sầu hơn thường lệ. Nàng khóc, nàng biết chồng nàng đã đi đâu. Nàng tự nhủ:

"Tốt đẹp gì một cuộc sống ê chề như ta? Ta chưa bao giờ có được một niềm an ủi. Chồng ta ruồng rẫy ta. Ta nào có than phiền gì được chàng; ta xấu xí mà, ai ai cũng bảo ta xấu xí mà! Ta chả mang được niềm an vui gì đến cho ai. Ô, ta tự hận lắm! chết còn sướng hơn là sống như thế này; chết được ngọt ngào hơn. Ta sẽ tự vận. "

Nàng lấy một sợi dây và tự treo cổ.

Ngay lúc đó, tại Kỳ-viên, Đức Thế Tôn thắc mắc: "Trong thành Tỳ-xá-li hôm nay có ai đau khổ thế? Ta có thể cứu khổ cho ai? Ta có thể giúp một tay cho kẻ nào bất hạnh?"

Nhờ oai lực nhiệm màu của Ngài, Ngài biết Vi-ru-ba đang đau khổ. Ngài đến nhà Găng-ga và vào nhà. Vi-ru-ba còn sống. Đức Thế Tôn mở sợi dây mà nàng đã tự buộc chặt vào cổ. Nàng thở mạnh và nhìn quanh. Nhận ra Đức Thế Tôn, nàng gieo mình đánh lễ dưới chân Ngài. Ngài dạy:

"Này Vi-ru-ba, hãy nhìn vào gương xem."

Vâng lời, nàng nhìn vào gương. Nàng ngạc nhiên và sung sướng reo lên. Nàng đẹp như ngọc nữ của thiên thần. Nàng muốn đánh lễ Phật một lần nữa, nhưng Ngài đã ra đi.

Trong lúc đó, Găng-ga đã sai lời giao hẹn khôi hài của bạn.

Họ hỏi hấn: "Tại sao cậu đến mà không đưa vợ theo? Bộ cậu sợ bọn này biết mặt vợ cậu sao? Nàng hấn là đẹp lắm. Mà là thằng chồng ghen đão đê!"

Găng-ga lúng túng không biết trả lời thế nào. Bữa tiệc đã làm hấn phiền muộn. Một trong những người bạn đưa cho hấn một cốc rượu mạnh và nói:

"Găng-ga, uống đi mà! Bọn tao thì vui cười ha hả, còn mày thì lệ tuôn tầm tã. Đến đây mà! Hãy cười với bọn tao. Dzô! Rượu này sẽ dạy mày biết cười."

Đưa tay nâng cốc rượu, Găng-ga cạn chén. Hấn trở nên tươi vui linh hoạt hấn ra. Hấn uống nữa. Bây giờ hơi chiuến choáng, hấn tiếp tục nâng cốc cho đến lúc ngủ vùi.

Bạn hẳn bàn: "Trong khi nó đang ngủ, chúng ta hãy vội sang nhà nó. Chúng ta sẽ gặp vợ nó, chúng ta sẽ khám phá lý do tại sao nó không dám cho ai nhìn thấy mặt nàng."

Chúng vào nhà Găng-ga. Vi-ru-ba trên tay còn cầm chiếc gương; nàng đang say sưa ngắm nghía dung nhan của nàng. Mắt nàng sáng lên niềm hạnh phúc. Bọn khách tán phục nàng; chúng lặng lẽ trở ra; giờ thì chúng mình biết rõ máu ghen của Găng-ga rồi "

Găng-ga vẫn còn ngủ. Chúng đánh thức dậy và nói:

"Bạn ơi, bạn có phúc nhỉ! Bạn đã làm gì mà chư vị thiên thần hoan hỷ ban cho bạn một cô vợ xinh đẹp hy hữu thế?"

Găng-ga thét lên: "Quá lắm rồi nghe! Ông đã làm gì chúng bay mà chúng bay nhục mạ ông ác thế?"

Hắn nổi giận bỏ đi ngay. Hắn tức chúng càn hông. Về đến nhà, hắn đập tung cửa; hắn vừa đi vừa nguyên rửa ôm sòm qua các phòng; nhưng, đôi môi đang văng tục chửi thề của hắn bỗng nhiên khép lại. Hắn kinh ngạc, tái mét. Trước mặt hắn là một phụ nữ xinh đẹp tuyệt vời. Nàng đang đơn đả tươi cười. Hắn từ từ hoàn hồn; rồi hắn cũng tươi cười hỏi:

"Ồ, em đứng trước mặt anh mà anh cứ tưởng là một nữ thần rực rỡ nào đó vừa từ hoa viên hiện đến, hỡi em yêu quý, ai đã làm em xinh đẹp như thế?"

Vi-ru-ba kể lại sự tình cho chồng nghe. Từ đó, nàng và chồng nàng nhận ra niềm hạnh phúc thật sự, họ tìm mọi cơ duyên để xin qui y Phật và bày tỏ lòng biết ơn của họ đối với Ngài.

---o0o---

V- QUỈ KẾ CỦA CHIẾN-GIÀ

Trong lúc đó, quần chúng ra mặt khinh bỉ hẳn bọn ẩn sĩ gian ác mà Đức Phật đã vạch trần âm mưu lường gạt của chúng, ý định báo thù của chúng do đó mỗi ngày một thêm căng thẳng. Chúng cùng nhau xây dựng cơ sở gần Kỳ-viên, chúng ra sức ngày đêm rình rập, theo dõi các hoạt động của Phật và đồ chúng của Ngài. Nhưng tất cả đều vô ích; chúng không tìm đâu ra một kẻ hở tâm thường nhất để bôi nhọ giáo hội.

Cuối cùng, một ẩn sĩ nói với đồng bọn hắn:

"Chúng ta đã từ lâu quan sát hành vi của các sa môn này. Đạo hạnh của họ không thể phủ nhận được. Tuy nhiên, chúng ta phải xúi giục quần chúng chống lại họ, ta đã có cách. Ta quen Chiến-già (Sinca), một thiếu nữ hấp dẫn lắm. Nàng rất có tài thực hiện quỷ kế. Nàng sẽ không từ chối giúp ta, uy danh Thích-Ca nay mai sẽ bị tan biến.

Bọn ẩn sĩ cho mời Chiến-Già đến.

Nàng hỏi: "Các Thầy gọi con có việc chi?"

"Con biết tên sa môn ở Ca-tỳ-la-vệ chứ, người được quần chúng Tôn thờ là Phật đó?"

"Chưa biết, nhưng con nghe nói tiếng tăm Ngài lừng lẫy lắm. Người ta bảo Ngài làm được vô số phép màu huyền diệu."

"Chiến-già, hắn là kẻ thù cay nghiệt nhất của các thầy. Hắn hạ nhục các thầy, hắn muốn tiêu diệt quyền năng của các thầy. Nào, con tin các thầy; hãy đến đây, hãy đứng về phía các thầy. Cô nào hàng phục được người chinh phục, cô ấy sẽ được vô vàn hãnh diện; cô ấy sẽ được vang danh trong giới nữ nhi, cô ấy sẽ được cả thế giới lên tiếng ca ngợi."

Chiến-già bị lời lẽ đường mật của bọn ẩn sĩ lôi cuốn. Nàng tin chắc là mai đây Đức Phật sẽ bị ô nhục, tên tuổi của Ngài sẽ bị nghiền rửa khắp mặt địa cầu.

Bấy giờ, ngày ngày nàng đến Kỳ viên, mỗi khi thấy tín đồ nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp sắp ra về, nàng diện một bộ đồ màu hồng rực rỡ, hai tay ôm một bó hoa. Và nếu có ai tình cờ hỏi nàng: "Cô đi đâu đó!" nàng đáp: "Việc gì đến người mà người hỏi?" Khi đến Kỳ viên, nàng chờ tới lúc vắng vẻ, chỉ còn một mình nàng; rồi thay vì vào trú xứ của Phật, nàng lại thẳng đến nơi cư ngụ của bọn ẩn sĩ gian ác. Nàng ngủ đêm tại đó, nhưng tảng sáng là nàng quay lại cổng Kỳ viên, đến khi gặp mặt tín đồ dậy sớm đi lễ Phật cúng dường thì nàng mới đứng đĩnh ra về. Và có ai hỏi: "Cô đi đâu về sớm thế?" nàng đáp: "Việc gì đến người mà người hỏi?"

Cuối tháng, nàng đổi cách trả lời. Chiều đến, nàng nói: "Tôi đến Kỳ-viên, nơi Đức Thế Tôn đang chờ tôi". Sáng ra, nàng nói: "Tôi vừa từ Kỳ-

viên về, nơi tôi đã ngủ đêm với Đức Thế Tôn". Thế là một số người khờ khạo, nhẹ dạ tin nằng, nghi ngờ Đức Thế Tôn bất tịnh.

Sáu tháng sau, nàng lấy một khối vải quấn quanh bụng. Người ta nghĩ: "Nàng có thai". Và bọn người nông cạn đần độn kia khăng khăng cho rằng đạo hạnh của Đức Thế Tôn chỉ là sự giả vờ.

Chín tháng trôi qua, nàng nịt một trái banh gổ ngay trước bụng, nàng đi đứng ra vẻ ưỡ ả nặng nề. Cuối cùng, một hôm nọ, nàng vào thẳng giảng đường Đức Thế Tôn đang thuyết pháp. Nàng bạo dạn ngồi đối diện và cất tiếng sang sảng cắt ngang lời Ngài:

"Ngài thuyết giảng giáo pháp cho quần chúng lời lẽ ngọt như đường mật. Còn em, mang thai với Ngài, sắp làm mẹ trong nay mai, thì không có đến một nơi nằm chỗ! Ngay cả dầu mỡ em cần Ngài cũng lờ luôn. Nếu Ngài sợ xấu hổ không lo cho em thì ít ra Ngài cũng có thể gọi em cho một đệ tử nào của Ngài chứ; quốc vương Ba-tư-nặc, hay trưởng giả Cấp-cô-độc chẳng hạn. Nhưng không! Ngài chả đếm xỉa gì đến em, và cũng chả lo lắng gì cho đứa con sắp ra đời! Ngài chỉ biết vui hưởng ái tình mà cóc cần cru mang trách nhiệm!"

Đức Thế Tôn thản nhiên hỏi: "Này Chiến-già, người nói thật hay vu khống đó? Chỉ có ta và người biết thôi."

Chiến-già gào lên: "Ngài biết rõ quá mà, em đâu có nói láo".

Đức Thế Tôn vẫn bình tĩnh. Chiến-già hằm hằm đứng phắt dậy và định xông đến Ngài, nhưng vì thờ mạnh quá nên làm đứt sợi dây buộc trái banh gổ. Trái banh rơi đập xuống đất.

Đức Thế Tôn cười, nói: "Đó, con của người sanh rồi đó!".

Đồ chúng giận dữ ủa đến Chiến-già. Họ nguyên rửa và định khạt nhỏ nước bọt vào mặt nàng thì nàng cảm đầu chạy mất. Nàng vừa khóc, vừa đau, vừa nhục, vừa hận. Nàng cảm đầu chạy mà không biết chạy về đâu. Bỗng nhiên, lửa dữ bùng cháy hừng hực phủ trùm lấy thân nàng, và nàng, kẻ vu khống Phật, đã bị tàn rụi trong ngọn lửa ác nghiệt khủng khiếp.

---o0o---

VI- PHẬT THUẦN PHỤC TRÂU ĐIÊN

Đức Thế Tôn rời Kỳ-viên. Ngài dừng chân tại các thành thị, thôn quê để thuyết giảng giáo pháp, nhiều người đã bày tỏ lòng tin ngưỡng chân thành và xin qui y Ngài.

Một hôm, có một cặp vợ chồng già thỉnh Đức Thế Tôn thọ trai với họ.

Cụ ông nói: "Bạch Đức Thế Tôn, chúng con đã từ lâu ước mong nghe được lời Ngài. Giờ đây chúng con sung sướng lắm, chúng con sẽ hiểu rõ những sự thật cao quý, và trong số thân hữu của Ngài, Ngài sẽ thấy mấy ai thuần thành hơn chúng con."

Đức Phật đáp: "Ta không lấy gì làm ngạc nhiên, người và ta đã là bà con thân thích ở nhiều đời nhiều kiếp."

Cụ bà nói: "Bạch Đức Thế Tôn, chồng con và con đã sống với nhau từ thuở còn xuân; nay thì chúng con đã đến tuổi chín mùi. Cuộc sống đã thất chặt tình yêu nồng thắm của chúng con. Chưa bao giờ chúng con có đến một lời to tiếng. Chúng con vẫn yêu nhau như ngày còn son trẻ, và bóng chiều tàn của đời chúng con vẫn ngọt ngào như ánh bình minh vừa ló dạng. Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài cứu độ chúng con ở kiếp sau cũng yêu nhau tha thiết như ở kiếp này."

Đức Thế Tôn nói: "Được rồi; chư thiên đã che chở các người!"

Ngài tiếp tục lên đường. Ngài thấy một cụ bà đang xách nước ở một cái giếng bên lề đường. Ngài đến gần bà và nói:

"Ta khát lắm, cụ vui lòng cho ta uống một ít nước được không?"

Cụ bà trở mắt nhìn Ngài. Bà xúc động vô vàn. Bà rung rung muốn khóc. Bà muốn ôm hôn Đức Thế Tôn, nhưng bà sợ. Nước mắt chảy dài trên hai gò má nhăn nheo của bà.

Đức Thế Tôn nói: "Hãy ôm hôn ta đi!"

Cụ bà chạy ôm choàng vào hai cánh tay của Ngài. Bà thều thào nói:

"Nay thì con có thể chết một cách sung sướng. Con đã gặp Đức Thế Tôn. Con đã được ôm hôn Ngài."

Ngài lại đi. Ngài đến một cánh rừng rộng bao la, tại đó có một bầy trâu sinh sống với bọn mục đồng. Trong số đó có một con lực lưỡng và hung hăng lắm. Nó chỉ chịu kẻ chăn nó, người lạ đến là nó tấn công ngay. Mỗi khi người lạ đến gần, nó gầm sừng xóc tới và thường gây thương tích trầm trọng cho người. Đôi lúc nó còn giết chết người ấy nữa.

Bọn mục đồng thấy Đức Thế Tôn đang bình thân đi tới, chúng la lên:

"Ai đi đó, hãy coi chừng! Đừng đến gần chúng tôi, ở đây có trâu dữ".

Thình lình, con trâu ngược đầu, khịt mũi khi khi; rồi nó gầm sừng nhào đến Đức Thế Tôn. Bọn mục đồng run cầm cập. Chúng kêu lên: "Bọn mình quát thế mà người ấy không nghe". Nhưng, bỗng nhiên, con vật đứng khựng lại; nó quì mọp trước mặt Đức Thế Tôn và le lưỡi liếm chân Ngài, đôi mắt nó hiện rõ nét van xin cầu khẩn.

Đức Thế Tôn âu yếm vuốt ve con trâu, Ngài nhỏ nhẹ nói với nó:

"Con hãy tự nhủ rằng mọi vật trên đời đều phù du ngắn ngủi, rằng an lạc êm đềm chỉ được thấy ở niết bàn. Đừng khóc. Hãy tin ta, hãy tin vào lòng từ bi lân mẫn của ta, rồi con sẽ hóa kiếp. Con sẽ không còn đầu thai giữa loài súc sanh, con sẽ được sanh lên cõi trời với các chư thiên."

Từ hôm đó, con trâu rất mực hiền ngoan. Còn bọn mục đồng thì hết lòng tán phục, cung kính cúng dường lễ vật Đức Thế Tôn. Chúng được Ngài trao truyền giáo pháp và trở thành những môn đệ trung kiên trong giới môn đệ trung kiên nhất của Ngài.

---o0o---

VII- SỰ RẠN NÚT GIỮA TĂNG ĐOÀN

Đức Thế Tôn đến thành Kiêu-thương-di (Kausambi). Ở đó, lúc đầu, ngài rất lấy làm hoan hỷ. Dân chúng nhiệt tình nghe theo lời Ngài, nhiều người đã trở thành sa môn. Quốc vương Ưu-đà-diên (Udayana) là một trong số những tín đồ thuần thành, Ngài cho phép con trai Rát-tra-ba-la (Rashtrapala) xuất gia theo đại chúng.

Tuy nhiên, cũng ngay tại thành Kiêu-thương-di này mà Đức Thế Tôn đã gặp phải một trong những nỗi buồn da diết. Ngày nọ, một sa môn bị khiển trách về tội vi phạm một lỗi lầm nhỏ. Thầy không tự nhận lỗi nên

bị phạt. Thầy lại không chấp nhận sự xử phạt, và vì thầy là người vui tính, thông minh lanh lợi, học rộng nhớ nhiều, nên có nhiều người theo phe thầy. Các thầy khác đã hoài công van xin thầy trở về chánh đạo.

Họ nói với thầy: "Đừng tỏ vẻ kiêu ngạo, đừng tự cho mình không vấp phải lỗi lầm. Hãy nghe lời chúng tôi. Hãy bày tỏ tâm tình với các thầy khác, vì họ cùng chung chí hướng thầy; họ cũng sẽ bộc lộ tâm tình với thầy, vì thầy cũng cùng một tín ngưỡng như họ. Nếu như các thầy nghe lời nhau, giáo hội sẽ lớn mạnh, giáo hội sẽ hưng thịnh."

Thầy ấy đáp: "Tôi không cần thầy dạy tôi những điều phải trái. Xin đừng trách tôi".

"Đừng nói thế. Ngôn ngữ của thầy không hợp với giáo pháp. Thầy đi ngược với giới luật; thầy đang gieo cây mầm mống bất hòa trong giáo hội. Đi thầy, hãy sửa lại phong cách ăn ở. Hãy sống an hòa với đại chúng. Hãy tránh cãi vã, hãy thành tín với giáo pháp".

Vô ích! Đại chúng quyết định trục xuất kẻ ương ngạnh, nhưng, một lần nữa, thầy ấy vẫn không nghe. Thầy ấy vẫn còn trong giáo hội: thầy ấy ngu muội quá, khỏi cần phải xử phạt gì nữa.

Cuối cùng, Đức Thế Tôn đã đứng ra thu xếp. Ngài cố gắng khuyên giải các thầy sa môn; Ngài cầu mong các thầy hãy quên đi bao nỗi bất hòa, hãy cùng nhau tu tập êm đềm như xưa, nhưng chẳng ai để ý đến Ngài. Rồi một hôm, một sa môn còn bạo dạn đến bạch Phật:

"Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài hãy để yên, xin đừng nói gì cả. Ngài đã giác ngộ chánh pháp, xin Ngài hãy định tâm vào chánh pháp. Ngài sẽ an vui trong cảnh định. Còn chúng tôi, chúng tôi sẽ biết hướng đi của chúng tôi; chúng tôi tranh cãi nhưng không phải không tìm ra phương hướng. Ngài hãy thiên định và xin đừng nói gì cả".

Đức Thế-Tôn không hề nổi giận. Ngài cố khuyên giải nhưng không được. Ngài thấy là Ngài không thể thuyết phục được các sa môn ở Kiều thương di; họ hình như bị một vài cơn điên đột khởi nào đó dẫn dắt. Đức Thế Tôn quyết định từ giã họ, nhưng trước tiên Ngài nói với họ:

"Hạnh phúc thay cho ai có được người bạn chân tình; hạnh phúc thay cho ai có được người bạn sáng suốt. Chưống ngại nào mà hai bạn tài đức không thể vượt qua? Người không có bạn tâm giao khác nào vua không có

đất nước: phải lang thang phiêu bạt trong cô đơn hiu hắt như thót voi già trong cánh rừng hoang. Nhưng thà đi một mình còn hơn là chung sống với kẻ ngu muội. Người trí phải một đường một bóng; người trí phải tránh xa ác đạo; người trí phải giữ gìn thanh tịnh như thót voi già trong cánh rừng hoang."

Ngài ra đi. Không ai cố gắng giữ Ngài lại. Ngài đến một ngôi làng mà Ngài biết là Ngài sẽ tìm ra Bờ-ri-gu, một môn đệ của Ngài, Bờ -ri-gu rất sung sướng gặp lại Ngài và Đức Thế Tôn cũng được an ủi bội phần. Sau đó, A-nậu-lâu-đà, Nan-đà và Kim-tỳ-la cùng theo Ngài. Họ hết lòng cung kính và an ủi Ngài, họ cùng nhau chung sống êm đềm. Đức Thế Tôn nghĩ: "Trong giới đệ tử của ta, ít ra cũng có một số yêu quý ta và thuận hòa như thế."

Một hôm, nhân lúc ngồi nghỉ mát dưới một tàng cây, Ngài chợt nhớ lại những phút giây xáo trộn ở Kiều-thường-di thì có một đàn voi dừng chân để nghỉ gân đó. Voi chúa xuống sông lấy nước mang về cho những voi khác. Chúng uống no nê; rồi thay vì cảm ơn voi chúa đã lấy nước cho uống, chúng lại ngược đãi nó, chúng vung vòi đánh đập nó, và cuối cùng, chúng đuổi nó đi. Đức Thế Tôn thấy tình cảnh của Ngài chẳng khác gì tình cảnh của voi chúa kia: cả hai đều là nạn nhân của sự vô ơn bạc nghĩa thô bạo. Voi chúa nhận thấy nét buồn hiện rõ trên khuôn mặt Ngài, nó đến gần, nhìn Ngài một cách triu mến; rồi nó lặng lẽ bỏ đi, đi tìm thức ăn nước uống cho Ngài.

Đức Thế Tôn sau cùng trở về Xá-vệ và an trú tại Kỳ-viên.

Nhưng Ngài vẫn đau buồn nghĩ đến các sa môn thô ác ở Kiều-thường-di. Rồi, bỗng dưng, một hôm nọ, Ngài thấy họ vào Kỳ-viên. Trông họ âu sầu thâm trầm: họ không được mọi người cúng dường, ai ai cũng phẫn uất về sự ngược đãi Đức Thế Tôn của họ. Họ đến để xin Ngài tha lỗi. Vị sa môn phạm tội cũng tự sám hối lỗi lầm của mình, và hình phạt của thầy cũng nhẹ nhàng thôi. Các bạn thân sơ của thầy đều nhận khuyết điểm. Mọi người tuyên hứa nghiêm trì giới luật. Đức Thế Tôn hoan hỷ lắm: giáo hội không còn ồn ào rạn nứt nữa.

---o0o---

VIII- VŨ NỮ CU-VA-LA-DA

Một hôm, Đức Thế Tôn về nước Xá-vệ.

Ngài nhắm đến một người Bà-la-môn tên Ba-rát-va-gia (Bharadvaja) ở trên một cánh đồng cách thành không xa. Nhắm mùa gặt hái, người Bà-la-môn và những kẻ giúp việc của ông đang tổ chức ăn mừng linh đình. Họ vui cười ca hát khi thấy Đức Thế Tôn đi qua. Ngài đưa bát khát thực, những ai nhận ra Ngài đều cung kính đón chào và cúng dường Ngài nhiều lễ vật. Ba-rát-va-gia thấy vậy không hài lòng. Ông đi thẳng đến Đức Thế Tôn và lớn tiếng nói:

"Ông đạo, mời ông đi ngay cho; ông làm gương xấu cho mọi người. Ở đây chúng tôi đang làm việc, chúng tôi đang theo dõi, quan sát những chuyển biến của mùa màng. Đến lúc cày, người nhà của tôi cày; đến lúc gieo, người nhà chúng tôi gieo; tôi cùng cày gieo với họ. Rồi đến mùa, chúng tôi thu hoạch thành quả lao động của chúng tôi. Chúng tôi tự cung cấp lương thực cho chúng tôi; đến khi mọi việc xong xuôi, chúng tôi tha hồ nghỉ ngơi, vui vẻ. Trong khi ông, ông lang thang khắp nẻo phố phường, ông lê la cùng đường cùng xóm, ông chỉ mệt một chút là gặp ai ông cũng chia bình bát ra. Tốt hơn là ông nên lao động; ông nên cày bừa gieo hạt mà ăn".

Đức Thế Tôn mỉm cười đáp:

"Này bạn, ta cũng cày bừa gieo hạt như bạn, khi công việc làm xong, ta dùng bữa".

Ba-rát-va-gia nói: "Ông mà cày bừa gieo hạt à? Làm sao ta có thể tin được chuyện đó? Trâu bò của ông đâu? Hạt giống của ông đâu? Cày bừa của ông đâu?"

Đức Thế Tôn đáp:

"Hiểu biết trong sạch là hạt giống tuyệt vời mà ta gieo trĩa. Tu tập thánh thiện là mưa lành tưới trên mặt đất phì nhiêu, hạt giống sẽ đâm chồi nảy lộc, đơm hoa kết trái và già chín trên đó. Ta cày kiên cố: lưỡi cày là trí tuệ, chuôi cày là giáo pháp, thành tín là con bò thiển khỏe mạnh kéo cày. Ta cày đến đâu là ái dục tróc gốc như cỏ phơi trên đồng đến đó, và sản phẩm vụ mùa ta thu hoạch chính là niết bàn".

Ngài tiếp tục lên đường. Nhưng người Bà-la-môn Ba-rát-va-gia cứ lững thững theo sau Ngài; ông muốn nghe được lời cao quý.

Vào thành, Đức Thế Tôn và ông thấy quần chúng đang chăm chú thưởng thức các tiết mục trình diễn của đoàn vũ công tại một công viên. Ái

nữ của trưởng đoàn là người hấp dẫn đặc biệt. Họ ít khi thấy một vũ nữ nào duyên dáng xinh đẹp như thế; mỗi khi nàng xuất hiện, những ai không dần được lòng ham muốn dễ nổi máu chiếm đoạt nàng. Tên nàng là Cu-va-la-da (Kupalada).

Nàng vừa vũ xong, bao ánh mắt nóng bỏng còn dính chặt vào người nàng. Nàng biết tài năng của nàng, nàng bạo dạn và cao ngạo lắm, nàng lớn tiếng gọi đám ông:

"Khâm phục ta chứ, quý vị! Trong cả thành Vương-xá, còn ai đẹp hơn ta, thậm chí có ai bằng ta?"

Người bà-la-môn Ba-rát-va-gia đáp: "Vâng, thưa cô nương. So với vẻ đẹp của Đức Thế Tôn thì sắc diện của cô nương đã thấm vào đâu?"

Cu-va-la-da nói: "Ta muốn xem vẻ đẹp của Đức Thế Tôn mà người ca ngợi, làm ơn đưa ta đến gặp Ngài."

Đức Thế Tôn nói: "Đây, Ngài ấy đây."

Đức Thế Tôn bước tới trước.

Vũ nữ trở mắt nhìn Ngài.

Sau cùng nàng nói: "Ngài đẹp quá, con sẽ vũ cho Ngài xem."

Cu-va-la-da bắt đầu vũ, điệu vũ khởi đầu từ từ. Nàng choàng quanh người và phủ lên mặt nàng những tấm vải the rực rỡ, vẻ đẹp của nàng trước kia sắc sảo kiêu kỳ bấy nhiêu thì giờ đây chỉ còn là một hứa hẹn lơ mờ. Nàng trông như mặt trăng ẩn hiện trong những ánh mây bàng bạc trong đêm. Một áng mây trôi qua, hiện ra một tia sáng yết ớt. Điệu vũ mỗi lúc một dồn dập nhanh hơn; từng tấm vải the rơi dần, hăng nga xuất hiện trong ánh trong ngần rực rỡ của nàng. Nàng đang xoay vũ tới người thì, bỗng dung một tia sáng chói lòa đập vào mắt nàng, nàng dừng lại. Nàng thoát y trọn vẹn. Đám đông ngệt thở, ùa tới trước.

Đức Phật nói: "Cô ấy khôn khổ thay!"

Ngài chăm chăm nhìn nàng. Bấy giờ đôi má của Cu-va-la-da sệ xuống, vàng trán của nàng nhăn nheo và đôi mắt của nàng mờ đục hẳn. Trong miệng chỉ còn lại một vài cái răng xấu xí, trên đầu còn một vài loạn tóc lơ

phơ bạc trắng, nàng già nua lụ khụ. Đức Thế Tôn quở nàng như xưa kia Ngài đã quở đám con gái của Ma-vương khi chúng cố quyến rũ Ngài. Ngài đã biến ả vũ nữ diễm kiều thành một cụ già hóm hém.

Nàng thờ dài:

"Bạch Đức Thế Tôn, con đã nhận ra những lỗi lầm nghiêm trọng của con. Sắc đẹp phù du chẳng giúp con được gì. Ngài đã dạy con một bài học cay đắng, nhưng con nghĩ là ngày kia con sẽ sung sướng đón nhận nó. Xin Ngài thuyết giảng cho con những sự thật cao quý; con nguyện vĩnh viễn giải thoát thân này, dù nó mua vui thiên hạ đến đâu, nó cũng chỉ là một xác thân góm guốc".

Đức Thế Tôn nhận lời thỉnh nguyện của Cu-va-la-da, nàng trở thành một trong những đệ tử thuần thành nhất trong giới môn đệ thuần thành của Phật.

---o0o---

IX- PHẬT ĐỘ HUNG THẦN A-LA-VA-CA

Tại thành A-ta-vi (Atavi) có một vị vua rất ham mê săn bắn. Một hôm, vừa thấy một con nai to, ngài đuổi theo ngay. Con nai chạy lẹ quá, và vì quyết đuổi theo con nai, nhà vua lạc xa các tay săn khác. Cuối cùng, con nai chạy mất. Mệt mỏi, chán nản, nhà vua ngồi tựa vào một gốc cây, thiếp ngủ lúc nào không biết.

Bấy giờ hung thần A-la-va-ca (Alavaka) ở trên cây hiện xuống. Hắn thích ăn thịt người, hắn sát hại và ngấu nghiến tất cả những ai đến gần hắn. Thấy nhà vua, hắn ra mặt hơn hở; vì vua ham mê săn bắn khôn nạn kia sắp bị một quả đấm ác liệt thì, may thay, một tiếng động làm ngài thức dậy. Thấy mạng sống của mình bị đe dọa, nhà vua gượng đứng lên, nhưng hung thần đã tóm cổ ngài quật xuống. Nhà vua hết lòng van xin:

"Thưa ngài, xin ngài tha mạng cho con. Nhìn vóc dáng dễ sợ của ngài, con biết ngài là một hung thần ăn thịt người. Thưa ngài, xin ngài thương con. Con sẽ không bao giờ quên ơn ngài. Con sẽ dâng ngài những lễ vật tuyệt diệu".

A-la-va ca đáp: "Ta không cần lễ vật! Ta muốn ăn thịt người; ta đói lắm rồi".

Nhà vua đáp: "Thưa ngài, cho con về A-ta-vi, con sẽ dâng ngài mỗi ngày một người để ngài xoi thịt".

"Khi người về nhà, người sẽ quên lời hứa".

Nhà vua đáp: "Không, con không bao giờ quên lời. Hơn nữa, nếu như con không dâng ngài lễ vật hàng ngày, ngài cứ đến thẳng hoàng cung của con mà nguyên rửa, con sẽ theo ngài, ngài sẽ ăn tươi nuốt sống con".

Hung thần tha cho, nhà vua trở về thành A-ta-vi. Nhưng ngài mãi lo nghĩ về lời hứa ác nghiệt của mình; không có cách nào để tránh, ngài buộc phải mang danh là một vị vua hung tàn bạo ngược.

Ngài triệu quan tể tướng và trình bày sự việc đã xảy ra. Suy nghĩ trong giây lát, quan tể tướng tâu vua:

"Tâu bệ hạ, trong ngục A-ta-vi có nhiều tội nhân bị kết án tử hình. Chúng ta có thể nộp chúng cho hung thần. Khi thấy bệ hạ giữ lời hứa với hắn, biết đâu hắn sẽ miễn giảm cho ngài."

Vua chấp thuận lời đề nghị. Ngài ra lệnh cho vệ binh đến khám đường nói với các tên tử tù đã được ấn định từng ngày rằng:

"Cách thành không xa, trên cây đại thọ có một thiên thần rất thích com gạo. Ai đến dâng ngài một đĩa com dưới gốc cây thì sẽ được ân xá".

Sau đó, mỗi ngày, lần lượt từng người hân hoan bê một đĩa com đến đặt dưới cây và không bao giờ trở lại.

Bấy giờ, không còn một tên tử tù nào trong ngục. Quan tể tướng ra lệnh cho các biện lý án sát triệt để khiêm khắc, không tha bất cứ một tên tù nào bị truy tố là sát nhân, trừ phi có bằng chứng hiển nhiên là vô tội, nhưng cũng vô ích thôi; họ phải tìm ra biện pháp khác để thỏa mãn hung thần. Họ bắt đầu hy sinh những tên trộm cướp.

Dù họ ra sức kết tội thế nào thì ngục tù cũng lại trống rỗng, nhà vua và quan tể tướng buộc phải tìm các nạn nhân trong đám dân cư lương thiện trong thành. Các cụ già bị tóm cổ đưa tới gốc cây trước, và nếu các vệ binh không nhanh chân thì hung thần có lúc cũng ngẫu nhiên họ như các nạn nhân.

Tình cảnh đen tối âu lo bao trùm cả thành A-ta-vi. Các cụ già biến dần đầu hết; không ai hay biết việc gì đã xảy đến cho họ. Và, mỗi ngày, nỗi ân hận của vua lại càng tăng thêm chua xót. Nhưng ngài không đủ can đảm hy sinh đời mình cho quốc dân hạnh phúc. Ngài nghĩ:

"Sẽ không ai đến giúp ta sao? Ta nghe nói, khi thì ở Xá-vê, khi thì ở Vương-xá, có một người quyền năng cao siêu, đó là Đức Phật mà thần thông diệu dụng của Ngài đã được mọi người Tôn vinh ca ngợi. Họ bảo Ngài thích vân du đây đó. Vậy sao Ngài không đến vương quốc của ta?"

Nhờ uy lực nhiệm màu của Ngài, Đức Phật biết rõ nguyện vọng của nhà vua. Ngài đến thẳng cây đại thọ của A-la-va-ca. Ngài ngồi yên tại đó.

Vừa thấy Ngài, hung thần tức tốc hầm hầm đi tới, nhưng, bỗng nhiên, hấn mất hết nghị lực, hai đầu gối của hấn run cầm cập. Hấn lên cơn thịnh nộ.

Hấn giận dữ hỏi: "Người là ai?"

Đức Phật đáp: "Người có quyền năng vượt hấn người."

A-la-va-ca giận tím mặt. Hấn muốn xé người đang ngồi trên đất trước mặt hấn, người mà hấn không thể nào xúc phạm; hấn muốn hành hạ Ngài cho đến chết. Đức Phật vẫn ngồi an nhiên tự tại.

A-la-va-ca cuối cùng tìm cách tự trấn tĩnh. Hấn nghĩ bạo lực không thắng nổi, quỉ kế có lẽ thành công hơn, hấn lên giọng vui vẻ nói:

"Thưa Ngài, ta thấy Ngài là một nhà thông thái; hân hạnh cho ta là luôn luôn được hầu chuyện với các nhà thông thái. Ta hỏi họ bốn điều. Nếu đáp được, họ tự do ra về; nếu không đáp được, họ phải ở lại trong ngục tù ta, và ta sẽ ngẫu nhiên họ khi nào cần".

Đức Phật nói: "Thử hỏi ta bốn điều xem."

A-la-va-ca nói: "Ta phải báo cho người biết là chưa có ai đáp được bốn điều đó. Người sẽ thấy rải rác quanh đây những mảnh xương người mà ta đã hỏi họ trong quá khứ".

Đức Phật lập lại: "Hãy thử hỏi bốn điều gì xem."

A-la-va-ca nói: "Thế thì, làm sao nhân loại có thể tránh khỏi dòng sông ái dục? Làm sao nhân loại có thể vượt qua biển cả sanh tử, tìm thấy bến bờ an lành? Làm sao nhân loại có thể thoát khỏi bão tố ác trược? Làm sao nhân loại có thể không bị giông gió tham nhiễm?"

Đức Phật ôn tồn đáp:

"Nếu qui y Phật, qui y Pháp, qui y Tăng thì nhân loại tránh khỏi dòng sông ái dục; nếu hiểu được việc thiện thì nhân loại vượt qua biển cả sanh tử, tìm thấy bến bờ an lành; nếu làm được việc thiện thì nhân loại thoát khỏi bão tố ác trược; nếu biết thánh đạo dẫn đến giải thoát thì nhân loại không bị giông gió tham nhiễm."

Nghe lời đáp của Đức Thế Tôn, A-la-va-ca hết lòng Tôn kính, cuối đầu đánh lễ dưới chân Ngài và tuyên hứa thay đổi cách sống man rợ của y. Sau đó, Đức Thế Tôn và A-la-va-ca cùng đến thành A-ta-vi, đến thẳng cung điện của nhà vua.

Hung thần nói: "tâu bệ hạ, nay ta hủy bỏ lời giao ước với ngài."

Nhà vua sung sướng hơn bao giờ hết. Đến lúc biết được người cứu mình, nhà vua reo lên:

"Bạch Đức Thế Tôn, con xin qui y Ngài, Ngài đã cứu con và cứu cả quốc dân con; con xin qui y Ngài, con sẽ dâng hiến đời con cho việc xiển dương Tam bảo, xiển dương ánh sáng huy hoàng rực rỡ của Phật và Thánh tăng."

---o0o---

X- ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA BỊ TRỤC XUẤT KHỎI GIÁO HỘI

Sa môn Đề-bà-đạt-đa là người tính khí rất kiêu mạn. Y không chịu ai chi phối. Y có tham vọng thay thế Phật, nhưng y biết các sa môn không ai muốn theo y nổi loạn. Vì thế, y cần đến sự hậu thuẫn của vua chúa hay hoàng tử.

Một hôm, y tự bảo lòng: "Quốc vương Tần-bà-sa-la già rồi; hoàng tử A-xà-thế trẻ trung, dũng cảm, hằng mong thay cha lên ngôi. Ta có thể khuyên hoàng tử chiếm lấy ưu thế, và rồi chàng có thể đến giúp ta thống lãnh giáo hội."

Y đến gặp A-xà-thế. Y dâng bốc chàng đủ điều; y ca ngợi chàng nào là khỏe mạnh, can trường, hào hoa phong nhã!...

Y nói: "Ồ, nếu hoàng tử là vua, ánh vinh quang rực rỡ sẽ đến cho Vương-xá này biết bao! Hoàng tử sẽ chinh phục các nước lân cận; tất cả vua chúa trên thế giới sẽ thần phục ngài: ngài sẽ là đương kim hoàng đế, ngài sẽ được tôn thờ như một thiên thần."

Bằng lời lẽ đường mật, Đề-bà-đạt-đa đã chiếm trọn lòng tin yêu của A-xà-thế. Y nhận được nhiều bảo vật và lên mặt kênh kiệu hẳn ra.

Mục-kiền-liên thấy Đề-bà-đạt-đa thường lui tới với hoàng tử. Thấy quyết định báo cho Đức Thế Tôn biết.

Tôn giả thưa: "Bạch Đức Thế Tôn, Đề-bà-đạt-đa rất thân thiện với hoàng tử A-xà-thế".

Đức Thế Tôn ngắt lời thầy:

"Hãy mặc cho Đề-bà-đạt-đa làm gì tùy ý; rồi đây chúng ta sẽ biết sự thật. Ta biết A-xà-thế quý trọng Đề-bà-đạt-đa lắm; điều đó không giúp cho y tiến thêm bước nào trên đường đạo hạnh. Hãy mặc cho Đề-bà-đạt-đa tha hồ kiêu mạn! Nó sẽ đốt cháy y lúc nào không chừng. Một khi chuối ra trái, tre lên măng, thế là chúng sắp tàn; những vinh dự mà Đề-bà-đạt-đa đang thọ hưởng cũng sẽ chóng tàn như thế đó."

Tính kiêu mạn của Đề-bà-đạt-đa không mấy chốc đã lên đến tột đỉnh. Y không thể chịu nổi sự tôn kính dành cho Đức Phật, và một hôm, y đánh bạo thưa Ngài.

"Bạch Đức Thế Tôn, ngài nay tuổi tác khá cao, khó khăn lắm Ngài mới điều khiển nổi tăng đoàn; Ngài nên nghỉ đi thôi. Hãy an tâm quán tưởng giáo pháp tối thượng mà Ngài đã khám phá, còn giáo hội xin để tôi gánh vác."

Đức Thế Tôn mỉm cười:

"Này Đề-bà-đạt-đa, đừng bận tâm đến ta làm gì; ngươi tử tế quá. Ta sẽ biết lúc nào ta nghỉ. Hiện nay, ta còn điều khiển được giáo hội. Hơn nữa, khi thời điểm đến, ta còn không giáo quyền thống lĩnh tăng đoàn cho Xá-lợi-Phất hay Mục-kiền-liên, những bậc trí tuệ minh mẫn như ngọn đuốc sáng

ngồi, còn người, này Đê-bà-đạt-đa, sự hiểu biết của người tầm thường quá, trí tuệ của người không sánh bằng ánh đèn leo lét trong đêm!"

Đê-bà-đạt-đa cung kính đánh lễ Đức Thế Tôn nhưng y không thể dấu được ánh lửa sân hận đang bùng cháy trong đôi mắt y.

Đức Thế Tôn sau đó mời tôn giả Xá-lợi-Phất đến.

Ngài nói: "Này Xá-lợi-Phất, hãy đi khắp thành Vương-xá và lớn tiếng thông báo rằng: "Hãy coi chừng Đê-bà-đạt-đa! Y đã ra ngoài chánh đạo. Đức Phật không chịu trách nhiệm về ngôn ngữ và hành động của y; giáo pháp không còn nhằm nhò gì với y, giáo hội không còn dính dáng gì với y nữa. Vì thế, Đê-bà-đạt-đa muốn nói gì tùy ý".

Thật là khổ cho Xá-lợi-phất phải làm một việc đau buồn; nhưng, hiểu ý Đức Thế Tôn, tôn giả đi khắp thành công bố điều ô nhục của Đê-bà-đạt-đa. Dân chúng dừng lại để lắng nghe, một số suy nghĩ: "tăng đoàn đồ kỵ Đê-bà-đạt-đa kết thân với hoàng tử A-xà-thế." Nhưng số khác nói:

"Đê-bà-đạt-đa đã phạm phải một lỗi lầm nghiêm trọng nên Đức Thế Tôn mới công khai tấn xuất y như vậy."

---o0o---

XI- MUU ĐỒ CỦA A-XÀ-THẾ

Đê-bà-đạt-đa đang trầm tư suy nghĩ:

"Tất-đạt-đa muốn hạ nhục ta bằng cách xem thường trí tuệ của ta. Ta sẽ vạch trần lỗi lầm của hắn cho hắn thấy. Uy danh của ta rồi đây sẽ làm lu mờ ánh huy hoàng của hắn; ngọn đèn đêm sẽ thành ánh mặt trời. Nhưng vua Tần-bà-sa-la là bạn thân của hắn; vua sẽ bao bọc che chở hắn. Bao lâu nhà vua còn sống là ta chả làm ăn được gì. Trái lại, hoàng tử A-xà-thế là người tôn vinh kính trọng ta, chàng đặt hết tin tưởng vào ta, nếu chàng lên ngôi, ta sẽ muốn gì được nấy."

Y đến cung điện của A-xà-thế.

Y nói: "Thưa thái tử, chúng ta đang sống trong một thời đại nhiễu nhương! Những bậc hiền tài đáng ngôi thiên tử thì hình như phải sống dờ

chết mòn chứ không bao giờ được lên ngôi để cứu nước. Đòi người quả thật mong manh! Thọ mạng của phụ vương ngài làm tôi lo cho ngài không ít."

Y nói thao thao, y khuyên thái tử làm những điều vô cùng ác độc. Thái tử nhẹ dạ nghe theo. Và không mấy chốc, chàng đã quyết định hạ sát phụ vương chàng."

Bấy giờ, A-xà-thế ngày đêm thường xuyên qua lại hoàng cung, chờ dịp thuận tiện để lên vào ám sát phụ vương. Nhưng chàng không thể qua mặt vệ binh. Sự bồn chồn xao xuyên của chàng làm họ nghi ngờ, họ tâu vua Tần-bà-sa-la:

"Tâu bệ hạ, thái tử A-xà-thế của ngài mới đây có những cử chỉ kỳ lạ. Có thể thái tử đang dự tính làm một điều gì ác độc?"

Nhà vua đáp: "Im đi! Con ta là người tính tình cao thượng. Thái tử sẽ không bao giờ làm điều tồi bại".

"Tâu bệ hạ, nên triệu thái tử hỏi xem".

"Này quân sĩ, hãy im đi. Đừng vu khống con ta."

Vệ binh tiếp tục canh phòng nghiêm mật, và sau vài ngày, họ lại tâu vua. Để họ thấy rõ lỗi lầm, nhà vua triệu A-xà-thế đến.

Thái tử đứng trước phụ vương, run sợ cầm cập thưa:

"Tâu phụ vương, phụ vương đòi con có việc chi?"

Tần-bà-sa-la nói: "Này con, quân sĩ nói mới đây con có những cử chỉ kỳ lạ. Chúng tâu với phụ vương là con đang thực hiện điều gì bí mật; chúng bảo rằng con hay tránh né ánh mắt của mọi người. Con à, chúng vu khống sao?"

A-xà-thế đáp: "Tâu phụ vương, họ không vu khống đâu."

Lòng ân hận bỗng dưng dâng nghẹn cả người chàng. Chàng sụp lạy dưới chân phụ vương, và vì quá tủi nhục, chàng nức nở khóc.

"Tâu phụ vương, con muốn giết phụ vương"

Tần-bà-sa-la giật mình. Ngài lên giọng thống thiết hỏi:

"Tại sao con muốn giết cha?"

"Đề lên ngôi."

"Thế thì lên ngôi, vương vị đáng gì để con phải hận thù" nhà vua kêu lên.

Ngày hôm sau, A-xà-thế được công bố lên ngôi vua.

Việc làm đầu tiên của chàng là hết lòng tôn vinh phụ hoàng. Nhưng Đề-bà-đạt-đa vẫn lo sợ quyền lực của phụ vương, y quyết định dùng ảnh hưởng của mình để triệt hạ ngài.

Y kích động A-xà-thế: "Bao lâu phụ vương ngài còn tự do thì ngài vẫn còn có nguy cơ mất ngôi. Cựu hoàng còn nhiều túc vệ lắm; ngài phải ra oai để dẫn mặt bọn chúng."

Đề-bà-đạt-đa khuyến dụ A-xà-thế thực hiện ý đồ của mình, thế là Tần-bà-sa-la khốn nạn kia bị tống giam. Bảy giờ A-xà-thế quyết định bỏ đói cựu hoàng cho đến chết, chàng không cho phép ai mang thực phẩm đến ngài.

Tuy nhiên, hoàng hậu Vi-đê-hi (Vaidehi) thỉnh thoảng được phép đến ngục thăm Tần-bà-sa-la. Bà lén đem cơm đến và ngài dùng ngon lành. Nhưng chẳng bao lâu, A-xà-thế chặn đứng việc làm đó; chàng hạ lệnh cho vệ binh khám xét bà mỗi khi bà đến thăm tù nhân. Sau đó bà giấu cơm trong búi tóc, đến khi sự việc vỡ lở, bà phải dùng mọi thiện xảo để cứu cựu hoàng khỏi chết đói. Nhưng rồi bà cũng bị phát hiện, và A-xà-thế, cuối cùng, không cho bà vào khám đường nữa.

Trong khi đó, chàng lại ngược đãi môn đệ của Phật. Họ không được phép trông coi ngôi chùa mà xưa kia Tần-bà-sa-la đã tôn trí vài lọn tóc và một ít móng tay của Đức Thế tôn. Hương hoa lễ vật chẳng còn, trong điện ngoài chùa chả ai lau chùi quét dọn.

Tại cung điện của A-xà-thế, có một phụ nữ tên là Xờ-ri-ma-ti (Srimati). Nàng thuần thành lắm. Nàng thấy đau lòng vì không làm được việc thiện. Trong những lúc đau buồn đó, nàng thắc mắc là không biết làm sao bày tỏ tín tâm của nàng cho Đức Thế Tôn thấy. Mỗi khi nàng ngang qua chùa, thấy cảnh điêu hiu vắng vẻ, thấy cảnh bụi đất bám đầy, nàng ngậm ngùi than khóc.

Xờ-ri-ma-ti nghĩ: "Rồi Đức Thế Tôn sẽ biết rằng trong căn nhà này vẫn còn có một tín nữ tôn kính Ngài. Đánh liều, nàng vào chùa quét dọn và chung cúng một tràng hoa tươi.

Nhìn thấy tràng hoa, A-xà-thế tức lắm, chàng muốn biết ai dám cả gan vi phạm lệnh chàng. Không cần phải che dấu, Xờ-ri-ma-ti đích thân ra trước vua nhận tội.

A-xà-thế hỏi:

"Tại sao ngươi dám ngang nhiên cãi lệnh ta?"

Nàng đáp: "Nếu như thần thiếp cãi lệnh bệ hạ ấy là thần thiếp vâng lệnh phụ hoàng Tần-bà-sa-la của bệ hạ."

A-xà-thế khỏi cần nghe thêm nữa lời. Giận tái mặt, chàng nhào đến đâm Xờ-ri-ma-ti một dao. Bị thương nặng, nàng ngã nhào xuống đất; nhưng mắt nàng vẫn sáng lên niềm hoan hỷ, nàng sung sướng cất tiếng hát:

"Mắt ta đã nhìn thấy đấng cứu tinh của nhân thế; mắt ta đã nhìn thấy ánh hào quang của nhân thế; và để cúng dường Ngài, trong màn đêm, ta đã thấp lên vô vàn ngọn đèn. Để cúng dường Ngài phá tan đêm tối, ta đã diệt trừ hắc ám vô minh. Hào quang của Ngài rực rỡ hơn ánh sáng của mặt trời, tia sáng của Ngài tinh khiết hơn tia sáng của mặt trời, ta mê mê nhìn ngắm hào quang rực rỡ của Ngài. Để cúng dường Ngài phá tan đêm tối, ta đã diệt trừ hắc ám vô minh."

Nàng qua đời, toàn thân nàng rực lên một màu sáng thánh thiện.

---o0o---

XII- CÁI CHẾT CỦA ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA

Đề-bà-đạt-đa nóng lòng muốn thay Phật cầm đầu giáo hội. Một hôm, y nói với A-xà-thế:

"Tâu bệ hạ, Đức Phật khinh miệt bệ hạ lắm. Hấn oán ghét bệ hạ lắm. Vì tiền đồ xán lạn của bệ hạ, bệ hạ hãy trừ hấn đi. Bệ hạ hãy lệnh cho một số vệ binh đến Trúc-lâm giết quách hấn; bản đạo sẽ dẫn đường."

A-xà-thế bị thuyết phục dễ dàng. Những tay sát nhân đến Trúc-lâm, nhưng khi thấy Đức Thế Tôn, chúng sụp lạy tôn thờ dưới chân Ngài. Sự kiện đó làm cho Đề-bà-đạt-đa càng giận thêm. Y thẳng đến tâu voi của hoàng gia, tìm một con voi hung bạo nhất, rồi mua chuộc đám vệ binh thả voi khi Phật đi qua để nó vung vòi quật Ngài hoặc dùng chân chà đạp Ngài. Nhưng khi nhìn thấy Đức Thế Tôn, con voi trở nên ngoan ngoãn, nó đi đến trước Ngài, đưa vòi phui những vết bụi bám trên vạt áo cà sa của Ngài. Đức Thế Tôn vui cười hoan hỷ nói:

"Đây là lần thứ hai, nhờ Đề-bà-đạt-đa, mà một con voi đã biết kính lễ ta."

Sau đó, chính Đề-bà-đạt-đa quyết tâm hãm hại Đức Thế Tôn. Thấy Ngài đang nhập định dưới bóng cây, y bạo gan ném Ngài một cục đá nhọn, cục đá va vào chân Ngài; vết thương từ từ rỉ máu. Đức Thế Tôn nói:

"Đề bà-đạt-đa, ngươi đã phạm một trọng tội; nghiệp báo rồi đây sẽ ghê gớm lắm. Những nỗ lực hãm hại thân mạng Đức Thế Tôn đầy tội ác của ngươi đều vô ích; Ngài sẽ không qua đời non yếu đâu. Ngài sẽ ra đi theo hạnh nguyện của Ngài, Ngài sẽ viên tịch theo giờ giấc Ngài chọn."

Đề-bà-đạt-đa bỏ đi. Y dứt khoát không theo qui luật của giáo hội nữa, y dốc lòng tìm kiếm môn đệ riêng của y.

Trong khi đó, vua Tần-bà-sa-la đang chết dần chết mòn vì đói khát. Nhưng ngài không chết hẳn. Một năng lực huyền nhiệm nào đó đã duy trì mạng sống của ngài. Cuối cùng, con của Ngài quyết định hạ thủ ngài, chàng ra lệnh đốt hai lòng bàn chân của ngài, rạch hai chân ngài rồi đổ dầu muối lên trên vết thương. Tên đao phủ y lệnh, nhưng hắn cũng rơi lệ khi thấy cụ già bị hành hạ như vậy.

Ngày A-xà-thế hạ lệnh giết phụ hoàng cũng là ngày chàng có một bé trai ra đời. Nhìn con, chàng cảm thấy vô vàn sung sướng; bớt đi tính khắc nghiệt phần nào, chàng vội phái vệ binh đến ngục ngăn cuộc hành hình. Nhưng họ đến trễ quá; vua Tần-bà-sa-la đã chết trong cảnh thống khổ kinh hồn.

A-xà-thế bắt đầu ân hận. Một hôm, chàng nghe hoàng hậu Vi-đề-hi bé hoàng tử tí hon tí tê:

"Nguyện cầu cha cháu thương cháu như cha của cha cháu thương cha cháu. Xưa kia, khi cha cháu còn bé, cha cháu bị một cái nhọt trên đầu ngón tay, nó hành hạ cha cháu đau đớn khóc hoài; không có một loại thuốc nào chữa khỏi; vì thế, hoàng thượng Tần-bà-sa-la phải dùng môi ngậm đầu ngón tay mà hút mủ ra, A-xà-thế nhờ vậy mà ăn chơi vui đùa trở lại. Ô, cháu ơi, hãy yêu quý cha cháu; đừng đem lòng độc ác hành hạ cha cháu như cha cháu đã đem lòng độc ác hành hạ cựu hoàng Tần-bà-sa-la."

A-xà-thế xót xa rơi lệ. Chàng hỏi hận vô vàn. Đêm đêm, trong giấc ngủ, chàng thường thấy phụ hoàng bị thương đổ máu, và nghe tiếng ngài than oán rợn người. Chàng bị sốt nặng, ngự y Kỳ-bà (Jivaka) được triệu đến hoàng cung để chữa trị chàng.

Kỳ-bà nói: "Hạ thần không thể làm gì được cho bệ hạ. Thân bệ hạ không bệnh. Hãy đến gặp Đấng Đại Giác, Đức Thế Tôn, Đức Phật; chỉ có Phật mới an ủi và hồi phục sức khỏe cho ngài."

A-xà-thế theo lời khuyên của Kỳ-bà. Chàng đến gặp Đức Thế Tôn; chàng bộc lộ hết mọi hành vi thâm độc của chàng, chàng thấy an tâm trở lại.

Đức Phật nói: "Phụ hoàng của bệ hạ đã được sanh lên cõi trời Đạo-lợi, người đã hiểu lòng ân hận của bệ hạ và đã tha thứ cho bệ hạ tất cả. Hỡi vua A-xà-thế, hãy nghe ta; hãy đạt ngộ giáo pháp và đoạn diệt khổ đau."

A-xà-thế ban hành một quyết định trục xuất Đề-bà-đạt-đa ra khỏi nước, lệnh dân chúng đóng cửa tổng khư y nếu thấy y đến xin tá túc.

Bấy giờ Đề-bà-đạt-đa ở gần thành Xá-vệ, y hy vọng được vua Ba-tu-nặc đón tiếp, nhưng y cũng bị khinh miệt khước từ và buộc phải rời khỏi nước. Không thể khuyên dụ tín đồ, y cuối cùng phải trở về thành Ca-tỳ-la-vệ.

Y vào thành lúc màn đêm buông xuống. Đường phố tối nhem, kinh thành vắng ngắt; hầu như không ai nhận ra y khi y đi qua, vì làm sao người ta có thể nhận ra một sa môn gầy gò khốn khổ, men men theo bóng vách tường, với Đề-bà-đạt-đa huênh hoang kiêu mạn? Y đi thẳng đến cung điện của công chúa Da-du, nơi bà sống một mình trong cô đơn hiu quạnh.

Y được mời vào.

Da-du nói: "Thưa thầy, thầy muốn gặp tôi có chuyện chi? Thầy mang tin vui đến cho tôi phải không? Thầy vâng lệnh chồng tôi sai đến phải không?"

"Chồng của công chúa à! Ngài ít khi lo cho công chúa! Hãy nghĩ lại lúc Ngài tàn nhẫn bỏ công chúa!".

"Ngài đã bỏ tôi để giải thoát cho nhân thế".

"Công chúa còn yêu Ngài chứ?"

"Tình yêu của tôi sẽ làm hoen ố sự trong sạch của đời Ngài."

"Thế thì hận Ngài muôn đời là phải."

"Tôi hết lòng tôn kính Ngài."

"Này bà, Ngài đã khinh bỉ ruồng bỏ bà, bà phải báo thù Ngài mới được."

"Này sa môn, hãy im đi! Lời lẽ của ngươi thô ác quá"

"Em không nhận ra anh sao? Anh là Đề-bà-đạt-đa, người yêu em tha thiết đó!"

"Đề-bà-đạt-đa, Đề-bà-đạt-đa, ta biết ngươi là người điêu ngoa độc ác; ta biết ngươi là một sa môn bất tín lọc lừa, nhưng ta không bao giờ nghi ngờ những mưu sâu hèn hạ của ngươi".

"Da-du, Da-du, anh yêu em! Chồng em khinh miệt em; hấn tàn nhẫn lắm! Hãy thù hấn. Hãy yêu anh!"

Da-du giận đỏ mặt. Đôi mắt dịu hiền của bà bỗng dung tràn ra những giọt lệ ô nhục.

"Chính ngươi khinh miệt ta! Tình yêu của ngươi sẽ là một sỉ nhục nếu nó chân tình, nhưng ngươi lại láo khoét bảo rằng ngươi yêu ta. Ngươi ít khi để ý đến ta trong những ngày ta còn son trẻ, trong những ngày ta còn xinh đẹp nõn nà! Nay ngươi gặp ta, một cụ bà héo gầy chuyên tu khổ hạnh thì ngươi lại bày chuyện yêu đương, lại tỏ tình ái ân tội lỗi! Đề-bà-đạt-đa, ngươi là người đáng nguyền rủa nhất! Hãy cút đi! Cút đi!"

Đề-bà-đạt-đa nổi giận nhào đến bà. Bà đưa tay ra đỡ, y ngã nhào xuống đất, lăn tròn mấy vòng, máu trong miệng y vọt ra xối xả.

Y lặng lẽ bỏ đi. Cả dòng tộc Thích-ca nghe y về thành Ca-tỳ-la-vệ, họ ra lệnh vệ binh tổng khứ y ra khỏi thành, đưa y đến yết kiến Phật để Ngài quyết định số phận của y. Y giả vờ hối hận, nhưng y đã tẩm thuốc độc vào móng tay, và khi y sụp lạy dưới chân Đức Thế Tôn, y cố tình cào vào mắt cá của Ngài. Đức Thế Tôn đưa ngón chân cái đẩy nhẹ y, mặt đất như nứt ra; lửa dữ vọt lên, phủ kín tên Đề-bà-đạt-đa hèn hạ.

---o0o---

XIII- BA-TU-NẶC VÀ A-XÀ-THẾ

Mặc dù Phật đã uốn nắn tính tình của A-xà-thế nhưng có lúc vua vẫn còn sân hận. Một hôm, vì sự xích mích giữa một người ở Vương-xá và một người ở Xá-vệ mà vua tuyên chiến với quốc vương Ba-tu-nặc.

Vua huy động một binh lực khổng lồ: gồm bộ binh, kỵ binh, chiến xa, tượng xa, và cung tên giáo mác lấp lánh dưới ánh mặt trời khi họ tiến quân ra trận.

Quốc vương Ba-tu-nặc cũng tập hợp quân đội với nhiều chiến xa, tượng xa và kỵ binh hùng hậu, ngài tiến tới trước để đối mặt với vua A-xà-thế.

Đó là một chiến trận ác liệt kéo dài trong bốn ngày. Ngày thứ nhất, Ba-tu-nặc mất hết voi; ngày thứ hai, mất hết ngựa; ngày thứ ba, mất hết chiến xa; ngày thứ tư, bộ binh bị giết và bị bắt toàn bộ; Ba-tu-nặc bị đại bại kinh hoàng, chui vào chiếc xe duy nhất được giải cứu trong cơn ác chiến và trốn về Xá-vệ.

Tại đó, trong một căn phòng nhỏ bé, tối om, nhà vua ném mình trên một chiếc giường con ẩm thấp. Ngài im lặng, nghĩ đến cảnh chiến bại khốc liệt mà đau đớn ê chề, mặc cho nước mắt tuôn chảy đầm đìa xuống hai gò má.

Một người bước vào; đó là trưởng giả Cấp-cô-độc.

Người nói: "Tâu bệ hạ, chúc bệ hạ vạn tuế, nguyện phen này thắng trận!"

Nhà vua than: "Quân sĩ của ta chết hết rồi, tất cả quân sĩ của ta đều thiệt mạng hết rồi! Quân sĩ ơi! Quân sĩ ơi!"

"Tâu bệ hạ! Đừng đau khổ nữa. Hãy gây dựng đoàn quân khác".

"Ta mất quân sĩ là mất cả sơn hà xã tắc"

Cấp-cô-độc thưa: "Tâu bệ hạ! Hạ thần sẽ cấp vàng cho bệ hạ, bệ hạ sẽ tất thắng phen này".

Ba-tur-nặc nhảy vọt xuống giường nói:

"Cấp-cô-độc! Khanh đã cứu trẫm, trẫm xin cảm ơn khanh".

Nhờ vàng của Cấp-cô-độc, Ba-tur-nặc thành lập được một binh đoàn vững mạnh. Ngài ra quân chinh phạt A-xà-thế.

Khi hai đoàn quân giáp mặt, tiếng hò reo vang dội kinh hồn, ma quỷ thánh thần cũng phải vỡ gan tím mật. Ba-tur-nặc dàn binh theo thế trận của người xứ khác truyền đạt. Ngài tấn công chớp nhoáng; không kịp phòng thủ, A-xà-thế phải thất bại và bị tóm gọn.

A-xà-thế nói với Ba-tur-nặc: "Hãy giết ta đi!"

Ba-tur-nặc đáp: "Ta sẽ tha mạng cho ngươi. Ta sẽ đưa ngươi đến gặp Đức Thế Tôn, Ngài sẽ quyết định phận số của ngươi."

Đức Thế Tôn vừa đến Kỳ-viên được ít lâu. Ba-tur-nặc đến bạch:

"Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài nghĩ xem! Vua A-xà-thế là tù binh của con. Con không có ác tâm ác ý gì với hắn mà hắn vẫn oán thù con. Vì một vài nguyên do vặt vãnh, hắn cất binh tấn công và đánh bại con lần đầu, nhưng nay con hỷ xả cho hắn. Bạch Đức Thế Tôn, con không muốn giết hắn. Vì phụ hoàng của hắn, quốc vương Tần-bà-sa-la, là bạn thân của con, con muốn trả tự do cho hắn".

Đức-Thế-Tôn nói: "Thế thì hãy trả tự do cho A-xà-thế. Thắng thì gây hận thù; bại thì chuốc đau khổ. Những bậc hiền giả sáng suốt không còn ôm lòng thắng bại. Hủy báng sanh hủy báng, hận thù sanh hận thù. Những bậc hiền giả sáng suốt không còn ôm lòng thắng bại. Hại người thì người hại.

Đoạt người thì người đoạt. Những bậc hiền giả sáng suốt không còn ôm lòng thắng bại."

Trước sự hiện diện của Đức Thế Tôn, A-xà-thế nguyện hứa là bạn trung thành với Ba-tư-nặc.

"Và, chúng ta hãy còn hơn là bạn tâm phúc nữa" người nói tiếp. "Ta có một hoàng tử như ngài biết, ngài có một công chúa Cờ-sê-na (Kshena) chưa lấy chồng. Ngài vui lòng gả công chúa của ngài cho hoàng tử của ta được chứ?"

Ba-tư-nặc nói: "Thế thì tốt quá. Mong rằng cuộc tác hợp đậm đà này sẽ thắt chặt thêm tình bằng hữu thắm thiết của chúng ta."

Đức Thế Tôn hài lòng. Hai vị quốc vương từ đó chung sống hòa bình với nhau. A-xà-thế về sau nổi danh là một vị vua nhân ái.

---o0o---

XIV- PHẬT TRUYỀN GIÁO PHÁP

Đức Thế Tôn mỗi lúc một già yếu dần. Khi Ngài ở tại Vương-xá, Ngài tập họp tăng đoàn và thuyết giảng cho họ rất lâu.

"Này các thầy tỳ kheo, đừng quên giáo pháp mà ta đã trao truyền cho các thầy. Hãy cẩn thận giữ gìn chúng. Các thầy hãy nhóm họp mỗi tháng hai lần, các thầy sẽ chỉ vẽ lỗi lầm cho nhau. Nếu thầy nào thấy mình có lỗi mà không phát lồ sám hối, thầy ấy sẽ phạm tội vọng ngữ. Hãy sám hối: sám hối tất an lạc. Như các thầy biết đó, bốn trọng tội mà một thầy tỳ kheo có thể phạm phải là: tác hợp với phụ nữ; trộm lấy bất cứ vật gì; giết người hay xúi người giết; giả có năng lực siêu nhân mà thật ra vốn mình không có. Tỳ kheo nào phạm một trong bốn tội đó là phải trục xuất ra khỏi giáo hội. Tỳ kheo không được dùng lời hoa mỹ hoặc làm hồng đời phụ nữ. Không được vu oan cho huynh đệ. Không được gieo mối bất hòa trong hàng tăng chúng. Không được cố tình tránh né thiện ý phê bình. Không được vọng ngữ hoặc nhục mạ ai. Này các thầy tỳ kheo, hãy giữ gìn cẩn thận tất cả những giáo pháp mà ta đã truyền đạt cho các thầy."

Ngài dạy tiếp:

"Oai nghi tế hạnh là lãnh địa của bất tử trường tồn; cầu thả buông lung là cứ điểm của vong thân hoại thể. Oai nghi tế hạnh thì sống; cầu thả buông lung thì chết. Thế nên, các bậc hiền trí lúc nào cũng điềm đạm uy nghi. Các bậc hiền trí đều đạt đến niết bàn vô thượng. Thầy nào có nghị lực và nhớ nhiều, suy nghĩ thật thà, hành động cẩn trọng, tiết dục tri túc, sống hợp giáo pháp, đứng đắn trang nghiêm; thầy ấy sẽ thấy đạo hạnh của mình tăng trưởng rực rỡ. Cầu thả buông lung là ngu ngơ đần độn; bậc hiền trí giữ uy nghi như người hà tiện giữ vàng. Thầy nào đứng đắn trang nghiêm, thầy ấy sẽ thấy rõ mọi nguy hại của tính buông lung cầu thả; thầy ấy sẽ đoạn trừ ác pháp như gió thổi lá rơi; thầy ấy sẽ bẻ nát xích xiềng buộc vào trần thế; thầy ấy sẽ gần gũi với niết bàn. Đứng trên lầu cao trí tuệ, giải thoát hết mọi khổ đau, bậc nghiêm túc uy nghi, người đã hàng phục thói quen phóng dật, sẽ thấy chúng sanh khốn khổ như kẻ đứng trên núi cao nhìn xuống đám người lố nhố dưới ruộng.

---o0o---

XV- ĐỨC PHẬT VÀ GÃ MỤC ĐỒNG

Trước khi Đức Thế Tôn tịch diệt, Ngài quyết định làm một cuộc hành trình thật xa. Ngài muốn viếng thăm một số môn đệ và khuyên nhủ họ cẩn thận, giữ gìn giáo pháp của Ngài. Với một mình A-nan theo hầu, Ngài lên đường rời thành Vương-xá.

Một hôm, nhân khi ngồi nghỉ trên một bờ ruộng, Ngài nói với A-nan:

"Đây rồi có lúc người đời sẽ tự hỏi tại sao ta còn phải đầu thai vào dạ đàn bà. Họ sẽ thắc mắc về chuyện đản sanh thanh tịnh tuyệt đối của ta, họ sẽ hoài nghi uy lực tối thượng nhiệm màu của ta. Những kẻ phàm phu kém cỏi đó sẽ không bao giờ hiểu rằng ai cống hiến đời mình cho sự nghiệp thánh thiện thì hình hài đâu còn vướng vào chu trình cấu uế của việc hạ sanh. Ai muốn chứng đắc vô thượng bồ đề, người ấy phải vào dạ đàn bà; vì lòng xót thương nhân thế, người ấy phải nguyện sanh vào cõi nhân gian. Vì nếu người ấy là thiên thần, làm sao người ấy có thể chuyển vận bánh xe chánh pháp? Nay A-nan, nếu Phật là một thiên thần, loài người e không mấy chốc sẽ nản lòng thôi chí. Họ sẽ nói: "Đức Phật là vị thiên thần, Ngài vốn có hạnh phúc, thánh đức và hoàn hảo tuyệt vời; còn chúng ta, làm sao chúng ta có hy vọng đạt đến ngàn ấy thứ? Họ sẽ đâm ra chán nản đau buồn. Ô, đừng động đến hạng người kém cỏi ấy: Đừng để chúng trộm cắp giáo pháp của ta, chúng sẽ làm bệnh hoạn giáo pháp đó. Hơn nữa, đừng để chúng nhận định

Phật tánh là khó hiểu, chúng sẽ không bao giờ đo lường được sự cao cả siêu việt của ta đâu!"

Một gã chần cừ đang băng ngang qua ruộng. Y có sắc thái thanh tịnh của một người đang âm thầm làm việc hoan hỷ.

Đức Thế Tôn hỏi: "Người là ai, mục tử?"

"Tôi là Đa-ni-da (Dhaniya)" Mục tử đáp.

"Người đi đâu?" Đức Thế Tôn hỏi.

"Tôi về nhà với vợ con tôi."

"Mục tử, hình như người có được niềm hạnh phúc trong sạch".

"Com tôi đã nấu chín,
Sữa tôi đã vắt xong,
Trên bờ sông tôi ở,
Cùng với vợ con tôi,
Mái nhà lợp kỹ rồi,
Trong nhà đèn sáng rõ,
Mưa rơi mặc mưa rơi".

Đức Thế Tôn nói:

"Ta đoạ trừ sân hận,
Ta đốn phá mê lầm,
Một đêm ta chờ đợi,
Trên bờ sông mênh mông,
Nhà ta không có mái,
Lửa dục ta tắt rồi,
Mưa rơi mặc mưa rơi."

Mục tử nói:

"Dê tôi không bị muỗi mòng,
Cừu tôi mặc sức thong dong,
Bò tôi đầy đồng gặm cỏ,
Mặc cho mưa gió phủ phàng."

Đức Thế Tôn nói:

"Ta đã làm bè kiên cố,
Chống chèo đến cảnh niết bàn,
Băng qua thác ghềnh tham dục,
Đến được bến bờ thanh tịnh,
Thuyền bè ta không cần nữa,
Mặc cho mưa gió phủ phàng."

Mục tử nói:

"Vợ tôi ngoan ngoãn vâng lời,
Tiết trinh đức hạnh mấy đời phôi pha,
Bao năm chung sống hài hòa,
Nhân từ vui tính ấy là vợ tôi,
Gần xa ai cũng mến người,
Mưa rơi thì mặc mưa rơi sá gì."

Đức Thế Tôn nói:

"Tâm ta ngoan ngoãn vâng lời,
Si mê ràng buộc nhiều đời gỡ xong,
Bao năm tu tập tinh ròng,
Hiền hòa nhu nhuyễn tâm ta sáng ngời,
Khổ đau ác trược đoạn rồi,
Mưa rơi thì mặc mưa rơi sá gì."

Mục tử nói:

"Tôi tự trả lương người giúp việc,
Khẩu phần con cháu nhận nơi tôi,
Không ai lên tiếng than hơn kém,
Mặc sức mưa giăng ngập cả trời."

Đức Thế Tôn nói:

"Ta không nô lệ cho ai cả,
Đất trời lỏng lẻo ta thanh tịnh,
Vớ ta không cần người nô lệ,
Mặc sức mưa giăng trải hàng hàng."

Mục tử nói:

"Tôi có bò sữa, ghé tơ và bê con,
Lại thêm một chó theo chăn chúng,
Mưa gió hề chi mưa cứ mưa."

Đức Thế Tôn nói:

"Ta không bò sữa, ghé tơ và bê con,
Cũng không có chó theo chăn chúng,
Mưa gió hề chi mưa cứ mưa."

Mục tử nói:

"Cọc nhọn đóng xuống đất,
Mây ai nhỏ xem nào,
Giây mới bện có chắc,
Trâu bò phá được sao,
Mưa sa mặc mưa sa."

Đức Thế Tôn nói:

"Như chó bứt xiềng xích,
Như voi phá xích xiềng,
Vĩnh viễn ta đoạn tuyệt,
Vào ra cõi ta bà,
Mưa sa mặc mưa sa."

Mục tử Đa-ni-da đánh lễ Đức Thế Tôn và bạch:

"Bạch Đức Thế Tôn, con biết Ngài là ai rồi; xin mời Ngài ghé đến nhà con."

Vừa mới vô nhà, trời đổ mưa tầm tã, nước mưa tạo thành những dòng suối nhỏ chảy dài trên mặt đất. Đa-ni-da nghe mưa rơi mà thốt lên những lời cảm thán:

"Thật vậy, từ khi gặp Phật, chúng con được nhiều của quý. Bạch Đức Thế Tôn, Ngài là nơi nương tựa của chúng con, Ngài đã nhìn chúng con bằng ánh mắt trí tuệ. Hỡi thánh nhân, xin Ngài mãi mãi là đấng cứu độ của

chúng con! Con và vợ con xin qui y Ngài; nếu chúng con sống đời thánh thiện, chúng con sẽ đoạn trừ sanh tử, chúng con sẽ chấm dứt khổ đau."

Ma-vương, tên ác quỷ, chẳng ai hay biết hẩn từ đâu xuất hiện trước mặt Đức Thế Tôn và Đa ni da, nói:

"Có con sung sướng vì con,
Có bò sung sướng vì bò;
Sung sướng cho ai lắm của tiền,
Người không tiền của khổ triền miên."

Đức Thế Tôn nói:

"Có con khôn khổ vì con,
Có bò khôn khổ vì bò,
Khôn khổ cho ai lắm của tiền,
Người không tiền của sướng vô biên".

Ma-vương tròn mắt. Đa-ni-da và vợ lắng nghe Đức Thế Tôn trao truyền giáo pháp.

---o0o---

XVI- PHẬT DẠY CÁC THẦY TỖ KHEO Ở TỖ-XÁ-LI

Đức Thế Tôn đến thành Ba-liên-phát (Pataliputra) đang được xây cất trên bờ sông Hằng (Gange). Ngài cúi đầu thi lễ những bức tường vừa nhô lên khỏi mặt đất và tán thán:

"Ngày kia thành này sẽ là nơi lừng danh cao quý; một quốc vương kiệt xuất sẽ cai trị thành này và nhiều vị anh hùng cái thế sẽ ra đời tại đây. Hỡi Ba-liên-phát, ngươi sẽ là kinh thành trù mật phú cường, thế nhân sẽ ca tụng tên ngươi qua bao thời đại."

Ngài băng qua sông. Ngài nhắm đến thành Tỳ-xá-li, nhưng mới đến thành Bai-va (Bailva) thì Ngài lâm trọng bệnh. Ngài đau ê ẩm cả người. A-nan khóc sụt sùi, thầy nghĩ là Ngài sắp tịch diệt. Nhưng Đức Thế Tôn nhớ đến nhiều môn đệ mà Ngài phải viếng thăm; Ngài chưa muốn vào niết bàn, Ngài muốn trao truyền giáo pháp cho họ lần cuối. Nhờ ý chí vững mạnh, Ngài đã khắc phục được cơn bệnh, sự sống chưa từ bỏ Ngài. Ngài bình phục trở lại.

Đến lúc khỏe hẳn, Ngài ra khỏi nhà và ngồi cạnh cửa ra vào. A-nan đến ngồi bên Ngài và bạch rằng:

"Bạch Đức Thế Tôn, con thấy Ngài đã hồi phục sức khỏe. Hôm Ngài bệnh nặng, con mất cả nghị lực; con cũng bệnh theo Ngài. Có lúc con nhận thấy Đức Thế Tôn không thể nào bệnh được. Con vững tin là Ngài còn nhớ đến giáo hội. Con biết Ngài không thể vào niết bàn mà trước tiên không bày tỏ ý định với giáo hội."

Đức Thế Tôn nói:

"Này A-nan, giáo hội còn đòi hỏi ở ta điều gì?" Ta đã khai thị chánh pháp, ta đã truyền đạt chánh pháp; không còn một điểm nhỏ nào ta chưa giảng giải! Ai nghĩ rằng: "Ta muốn lãnh đạo giáo hội" thì hãy bày tỏ ý định với giáo hội. Này A-nan, Đức Thế Tôn không bao giờ nghĩ "Ta muốn lãnh đạo giáo hội" thì tại sao Ngài phải bày tỏ ý định với giáo hội? Này A-nan, ta già rồi; tóc ta bạc, thân ta yếu. Ta đã tám mươi tuổi, ta đã đi đến cuối đoạn đường. Bây giờ mỗi thầy hãy tự mình là một ngọn đuốc soi đường; không ai có thể mang ánh sáng đến cho các thầy. Sau khi ta già từ dương thế, thầy nào tự mình thắp lên ngọn đuốc cho chính mình thì rõ ràng là thầy ấy đã hiểu được ý nghĩa lời dạy của ta; này A-nan, thầy ấy sẽ là đệ tử chân chính của ta; thầy ấy sẽ biết sống theo chánh nghiệp."

Ngài lại lên đường, sau đó Ngài đến Tỳ-xá-li. Ngài khát thực từng nhà qua kinh thành. Bỗng nhiên Ngài thấy Ma-vương đứng trước Ngài.

Tên ác quỷ nói: "Bạch Đức Thế Tôn, đã đến giờ rồi; người hãy vào niết bàn!"

Đức Thế Tôn nói: "Không! ta biết khi nào ta phải vào niết bàn; này ác quỷ, ta biết rõ hơn ngươi. Còn một vài tháng nữa. Ba tháng nữa Đức Thế Tôn sẽ vào niết bàn."

Đức Thế Tôn nói xong, cả trái đất rung chuyển, sấm rền vang bầu trời: Đức Thế Tôn đã từ bỏ ý chí lưu lại trần thế; Ngài đã ấn định thời hạn vào niết bàn. Cả trái đất rung chuyển, sấm rền vang bầu trời.

Đêm đó, Ngài tập họp tăng đoàn ở Tỳ-xá-li lại. Ngài dạy:

"Này các thầy tỳ kheo, hãy cẩn thận giữ gìn tri kiến mà ta đã chứng đắc và trao truyền cho các thầy, hãy theo chánh đạo cho nếp sống thánh thiện

được trường tồn, vì sự an lạc và giải thoát cho đời, vì sự an lạc và giải thoát cho chư thiên, vì sự an lạc và giải thoát cho nhân thế: một vài tháng nữa ta sẽ vào niết bàn. Ta ra đi và các thầy ở lại. Nhưng, này các thầy tỳ kheo, đừng bao giờ ngừng tinh tiến. Thầy nào vững bước trên đường chân chính, thầy ấy sẽ thoát khỏi sanh tử, thầy ấy sẽ vĩnh viễn giải thoát khổ đau."

Ngày hôm sau, Ngài lại vào thành khát thực; rồi cùng với một vài đệ tử, Ngài lên đường đến Câu-thi-na (Kusinagara), Ngài quyết định nhập niết bàn tại đó.

---o0o---

XVII- BỮA NGỌ TRAI TẠI NHÀ THUẦN-ĐÀ

Đức Thế Tôn và môn đệ của Ngài dừng tại Ba-va (Pava), trong vườn cây của gã thợ rèn Thuần-đà (Cunda). Thuần-đà đến đánh lễ Đức Thế Tôn và bạch:

"Bạch Đức Thế Tôn, ngày mai, xin mời Ngài hoan hỷ đến nhà con thợ trai."

Đức Thế Tôn nhận lời. Ngày hôm sau, Thuần-đà dọn thịt heo và các món cao lương khác để đãi khách quý. Đức Thế Tôn và đồ chúng ngồi vào bàn. Nhìn thấy thịt heo, Ngài chỉ tay nói:

"Thuần-đà, chỉ có ta là dùng được món này; người phải dành nó cho ta. Đệ tử của ta sẽ dùng các thứ khác.

Khi dùng bữa, Ngài nói:

"Hãy chôn sâu xuống đất những gì ta còn chừa lại; chỉ có ta là dùng được món này."

Ngài từ giã lên đường. Đồ chúng lại theo Ngài. Đức Thế Tôn và đồ chúng đi cách Ba-va được một đoạn ngắn thì Ngài cảm thấy mệt và nhuốm bệnh. A-nan đau buồn, thầy nặng lời than trách Thuần-đà, chú thợ rèn đã cúng dường Đức Thế Tôn một ngọ trai khốn nạn.

Đức Thế Tôn nói: "Này A-nan, đừng giận chú thợ rèn Thuần-đà. Nhờ cúng dường ta thức ăn mà chú ấy sẽ được nhiều phúc báo to lớn. Trong tất

cả các bữa cúng dường ngọc trai cho ta, có hai bữa đáng được ca ngợi nhất: một là của Tu-xà-đa (Sujata) và hai là của chú thợ rèn Thuận-đà".

Ngài khắc phục mệt mỏi và đi đến bờ sông Ca-cút-tha (Kakutstha). Nước sông chảy êm đềm trong mát. Đức Thế Tôn xuống sông tắm mình trong làn nước trong veo. Tắm xong, Ngài uống nước, rồi đi đến một vườn xoài. Tại đây, Ngài bảo sa môn Cun-đa-ca (Kundaka):

"Hãy xếp hộ y ta làm tư đê ta nằm nghỉ"

Cun-đa-ca sung sướng vâng lời: Thầy vội xếp y làm tư và trải trên mặt đất. Đức Thế Tôn nằm xuống, Cun-đa-ca ngồi bên cạnh Ngài.

Đức Thế Tôn nghỉ được vài giờ, rồi Ngài tiếp tục lên đường, cuối cùng Ngài đến Câu-thi-na. Tại đó, trên bờ sông Hi-ran-da-va-ti (Hiranyavati), có một khu vườn nhỏ xinh xắn êm đềm.

Đức Thế Tôn nói:

"A-nan, đi sửa cho thầy một chỗ nằm giữa hai cây song thọ. Hãy quay đầu về phương bắc. A-nan, Thầy bệnh lắm rồi."

A-nan sửa xong giường, Đức Thế Tôn đến nằm trên đó.

---o0o---

XVIII- PHẬT NHẬP NIẾT-BÀN

Lúc ấy không phải là mùa cây nở hoa, nhưng hai cây che mát Đức Thế Tôn lại bùng hoa rực rỡ. Hoa xinh nhẹ trĩu trên chiếc giường Ngài, và âm điệu ngọt ngào từ trời cao vọng xuống.

Đức Thế Tôn nói với A-nan trung tín:

"Xem kìa: Không phải mùa cây nở hoa, vậy mà hoa nở tung bùng, mưa hoa phủ kín cả hình hài ta. Nghe kìa! Không gian vang khúc hoan ca, thiên thần tán thán Phật Đà Như Lai. Nhưng Đức Phật còn được tán thán hơn thế nữa. Các tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tấ, ưu bà di; tất cả những ai thấy được sự thật, tất cả những ai sống hợp giáo pháp, họ là những người hết lòng tôn kính Phật vậy. Thế nên, A-nan, con phải sống hợp với giáo pháp; và ngay trong những vấn đề tế toái nhất, con cũng phải noi theo chánh đạo cao quý."

A-nan khóc ròng. Thầy lảng ra chỗ khác để dấu đi những giọt nước mắt chân tình.

Thầy nghĩ: "Ta còn mang nhiều nghiệp chướng, tội lỗi hãy còn chất đầy. Ta chưa đạt đến thánh quả thì Đức Thế Tôn, đấng Đạo sư thương yêu ta, sắp vào niết bàn."

Đức Thế Tôn gọi Thầy lại nói:

"A-nan, không nên đau buồn, không nên thất vọng! Hãy nhớ lời huấn thị của Thầy: những gì ta thích, những gì ta quý, ngày kia cũng phải chia lìa. Có gì sanh ra mà không bị biến thiên hủy hoại? Có gì sinh ra mà được mãi mãi trường tồn? A-nan, con theo hầu Thầy đã lâu, con là bạn hiền tâm phúc của Thầy. Thầy ghi nhận thâm tình của con. Con trung hậu cả ý nghĩ, lời nói lẫn việc làm. A-nan, con đã tạo được một thiện nghiệp cao quý; hãy tiếp tục trên đường chánh Đạo, con sẽ giải thoát hết mọi vọng nghiệp lâu đời."

Màn đêm buông xuống. Dân chúng Câu-thi-na nghe tin Đức Thế Tôn đang nằm dưới hai cây song thọ, họ lũ lượt kéo nhau đến đánh lễ Ngài. Một ẩn sĩ cao niên tên là Tu-bạt-đa-la (Subhadra) cũng đến đánh lễ Đức Thế Tôn và nguyện xin qui y Phật, qui y Pháp, qui y Tăng; Tu-bạt-đa-la là đệ tử sau cùng và được hân hạnh gặp Phật lần cuối.

Trời đêm hôm đó đẹp lắm. A-nan ngồi cạnh Đức Thế Tôn, Ngài nói:

"A-nan, có lẽ con sẽ nghĩ: "Chúng ta không còn Thầy nữa". Nhưng con không được nghĩ thế. Giáo pháp vẫn còn, giáo pháp mà thầy đã truyền đạt cho các con đó; A-nan, khi Thầy nhập diệt, các con hãy lấy giáo pháp làm Thầy."

Ngài dạy tiếp:

"Thật vậy, này các thầy tỳ kheo, các pháp đã có sanh, tất yếu phải có diệt. Đừng bao giờ quên siêng năng tinh tiến."

Đức Thế Tôn không còn hiện hữu trên thế gian này. Khuôn mặt Ngài tỏa ra ánh hào quang rực rỡ. Giác tánh Ngài đã về cõi chân như, Ngài đã nhập Niết-bàn. Cả trái đất rung chuyển, sấm rền vang bầu trời.

Tảng sáng, gần thành Câu-thi-na, dân chúng chắt một đồng củi hỏa táng
khổng lồ như thể hỏa táng một đương kim hoàng đế, họ ngậm ngùi thiêu xác
Đức Thế Tôn tại đó.

---o0o---

HẾT